

TRUYỆN NGẮN HAY 1998



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



TRUYỆN NGẮN HAY

1998



NHA XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
1998

Người tuyển chọn :
PHẠM NGỌC LUẬT
PHẠM MINH THẢO

HÀ NỘI LÚC KHÔNG GIỜ

BẢO NINH

Năm rồi trong cơ quan nhiều người xây nhà riêng và đều dốc lực hoàn thành để kịp nhập trạch trước tết nguyên đán. Chuyển vào nhà mới tầng cao phòng rộng lại có tường bao cách biệt với đời y như thể chuyển sang một thời đại khác. Thế nhưng, như tôi, tuổi đã chừng này còn thời nào nữa ngoài thời đã qua.

Mà run rủi làm sao nhà mới lại về cùng phố với ngôi nhà thơ ấu. Xưa nhà số *bốn*, giờ *trăm lẻ hai*, hai đầu phố. Tết đầu tiên nhà mới thời tiết lại cũng hết tiết trời cái tết cuối cùng ngôi nhà xưa. Cùng là một tháng chạp chỉ hăm chín ngày, và cũng gần suốt cả tháng nắng nôi tựa như mùa hạ, đào Nhật Tân nở tung hết cả, rồi cũng gió bắc lùa về đến trước ngày cúng ông Táo. Trời rét đậm, một đợt giá rét dài đến thâu Rằm. Theo trí nhớ nhiều người thì hình như trong vài chục năm qua chẳng có một đầu xuân năm mới nào rét ngang Giáp Thìn tết ấy, cho

tối Mậu Dần này. Có lẽ vì xịch gần qua khứ nên nhà thì mới mà người như cũ hẵn. Mất ngủ, uống nhiều. Giở giấc rồi rạc. Tám trí thương lảng đi những đâu đâu. Ban ngày dă ít có mặt ở nhà, canh khuya còn đẩy cửa ra phố.

Phố dài, nhiều cây, nhưng ngày trước từ cuối phố vẫn có thể nghe thấy tiếng leng keng và thấy được thoảng bóng tàu điện chạy ngang qua ngã tư đầu phố. Bây giờ, đứng trên *tum* nhà ba tầng mà chịu không thể nhìn với qua được tường nhà bên cạnh. Ngày trước, đoạn cuối phố này chẳng nhà cửa gì, đất rộng phỏ mặc cho cỏ dại và ma trời. Nay đất chẳng còn, chỉ những nhà lầu là nhà lầu, bê bê bê tông, tôn, thép, nhôm, kính. Cũng là tất nhiên thôi, đã ba mươi tư năm rồi còn gì, ngày ấy với bây giờ. Mà nói gì tới chừng bấy thời gian. Mới đây, để dựng một phim nhiều tập về Hà Nội buổi đầu Đổi Mới, nhà đạo diễn, một nghệ sĩ ưu tú, đã phải kéo bầu đoàn sang thị xã Bắc Ninh mượn cảnh, nhưng mà rồi Hà Nội trong phim tuy đã được hóa trang khéo vẫn chẳng na na nổi Hà Nội, dù là Hà Nội của những năm chỉ vừa mới đó. Huống hồ Hà Nội tết Giáp Thìn. Cái mùa xuân năm nao xa lăc xa lơ thời trước chiến tranh ấy đã ra ngoài mọi trí nhớ, và không một giấc chiêm bao nào còn có thể với tay về.

Nhưng mà dù vậy, Hà Nội mùa xuân đó vẫn đâu đây trong trời đất và vẫn thường nhập hồn về với

mùa xuân của thành phố hôm nay vào đúng những nửa đêm, lúc không ngờ. Người bộ hành đang dạo bước dọc cạnh khuya, lảng lảng rẽ khỏi đời thực, âm thầm đi lẫn vào sự vật của những ngày xưa kia. Chỉ là từ bên này đường sang bên kia đường thôi mà đã đi lùi về tận những năm nào năm nào.

*

Năm ấy, bao nhiêu sương giá và rét mướt mùa đông như thu cả vào hạ tuần tháng chạp ta. Năm cùng tháng tận trời rét căm căm. Ở các phố xa trung tâm mới chừng sau tám giờ tối đã chẳng còn mấy ai ra khỏi nhà. Dưới ánh đèn đường chỉ những gió lùa và lá rụng. Loáng thoáng những chiếc xe đạp ruổi thật mau. Lác đác những người đi bộ đang rảo bước. Xe điện các chuyến khuya hầu như chạy sông, toa trên toa dưới hành khách chẳng tày một nhúm.

Nhưng giữa lạnh lẽo của đêm đông vắng lặng đã lặng nghe xôn xao mùa xuân đang về trong thành phố. Cành đào trên tay một người qua đường. Chậu quất chở sau một chiếc xe đạp. Lộc non nhú trên tán bàng trụi lá. Ở ngoài đêm, phố xá thưa thớt bóng người mà bên trong những ngôi nhà dọc phố suốt đêm rậm rịch tiếng chân bước, tiếng người nói, trên gác dưới tầng gia đình nào cũng đang rộn rịp bếp núc và chộn rộn kê dọn lại phòng, soạn sửa câu đối, lọ hoa, chắm chút bàn thờ. Tháng Chạp thiếu đi một ngày, tết đến kịp hơn, rộn ràng

và cặp rập. Mối khuya ngày 28 thôi mà đêm mai đã giao thừa rồi.

Họa sĩ Năm Tín, người Cà Mau, từ cuộc họp đồng hương ở câu lạc bộ Thống Nhất đáp chuyến xe điện cuối cùng trở về nhà. Ông xuống ở ngã tư đầu phố Đền đường vẫn những ngọn vàng ung và mờ lụi như mọi đêm, nhưng đêm nay nhà nhà không ngủ, ánh sáng các ô cửa sổ soi rộng xuống vỉa hè và chiếu toả ra lòng đường. Tại chỗ máy nước công cộng trước cổng nhà số ba vẫn còn một nhóm các bà các cô tát bọt vo gạo, rửa lá. Vòi nước xối xả, xô chậu xúng xoảng.

Ở vỉa hè bên kia, giữa khoảng sân đất rộng trước mặt tiền hai tầng nhà số bốn, nồi bánh chưng, nguyên cả một cái thùng phuy, đang sôi sinh sịch, ngọn ngút bốc hơi trên bếp lửa chụm bằng những cây củi to gộc. Lửa không cao ngọn nhưng than trong bếp đỏ rừng rực, trải một vòng sáng rộng dập dờn màu hồng thắm lên mặt sân. Hơi nóng và khói khiến lũ trẻ thức canh nồi bánh phải dịch mạnh chiếu ra bên rìa quảng sáng, chụm đầu lại đánh tú lơ khơ. Chỉ vài đứa vẫn ngồi cạnh bếp lửa. Chúng vẽ thành những bóng đen chập chờn trên tường nhà. Một cây củi được đun sâu vào thêm, lửa trong bếp phùng phùng bốc cao, gương mặt của những mái đầu tóc xoăn và tóc húi cua được ánh lửa soi rạng lên.

Ngà ngà hơi men, tay xách một cái cặp da căng

phóng, ông Năm chuyệnh choạng sang đường, bước vào sân nhà số bốn. Nhác thấy bóng ông, hai chú cầu đang nằm gác mõm lên đuôi một gã trai lực lưỡng ngồi khoanh chân canh bếp lửa, bậ* chồm dậy sủa vang.

- Câm miệng. Giôn ! Ken ! - Gã trai quát - Không nhận ra chú Năm à !

- Bữa nay hai ngài tổng cầu nhà nầy sao mà hiếu chiến quá vậy tụi bây ? -

- Họa sĩ ngồi xuống bên gã trai và đưa hai bàn tay gầy guộc lạnh cóng hơ sát vào bếp lửa.

Tiếng bọn trẻ con lanh lảnh nhao nhao lên chào chú Năm. Chúng bỏ bộ bài đấy, xúm cả lại ngồi túm bên ông. Mở chiếc cặp da, ông Năm lấy ra trước tiên một chai Lúa Mới.

- Thứ dũ nầy của *qua*. - Ông nói. - Còn tụi bây...

Ông đưa ra một phong pháo mậu dịch giấy gói màu hồng vẽ hình cô tiên cười máy, rồi một bọc to dùng giấy trang kim có hình ông già Nô-en đội mũ chóp dò.

- Năm nay tết cần kiệm, hội đồng hương xứ *Mùi què qua* chẳng được bọn quà như máy năm, - Ông Năm nói, như phân trần với lũ trẻ. - Nhưng mà có thứ nầy quý lắm đó nghe. Kẹo Liên Xô, ngon nhứt đó, sắp nhỏ.

- Chú chiêu chúng nó quá đi mất, chú Năm ơi ! - Gã trai kêu lên. - Năm nào cũng vậy. Rồi chú lấy

gì ăn Tết cơ chứ ? – Và gã đập dui quạt – Này, bọn chúng mày không có được thế đâu nhá !

– Thôi mày, Trung ! – Ông Năm vỗ vai gã. – Bữa nay sao cả mày cũng hiếu chiến quá vậy. Coi kia, kịch chiến với võ sĩ nào mà mặt mày bầm dập vậy con ?

– Với Pét "xôm" chú ạ ! – Một thằng nhóc mách.

– Tại vì chị Giang đấy ! – Một đứa khác.

– Im đi, thằng lòi ! – Gã trai nạt, mắt trợn lên. Nhưng chỉ trợn được con mắt trái. Mắt phải của gã tím quầng sưng húp. Gò má sây sát. Môi vều lên.

– Vậy chớ nhò Giang đâu ? – Ông Năm hỏi, đưa mắt nhìn quanh.

– Hình như đang ngồi khóc trên kia hay sao ấy chú ạ ! – Một lỏi con tóc húi cua nói to, trở lên ban công tầng hai.

– Sao vậy ?

Chị ấy dỗ anh Trung !

– Thiệt tình ! Thằng Bình, mày lên biểu chị mày xuống qua biểu. Vui năm mới mà mất đoàn kết vậy, coi saoặng, mấy đứa.

Mặc dù bản tính hơi gàn gàn, đời sống độc thân bé trẽ, lại cực độ âm thầm, chỉ có thể nói năng khi đã ngà ngà, và nhà thì ở mãi chung cư gần cuối phố, tít trên tầng thượng, song họa sĩ Năm Tín lại như là bạn vong niên của sếp nhỏ ngôi nhà số bốn nơi đầu phố này. Mấy năm trước, một sớm tinh mơ

mùa đông sương mù rất lạnh, bọn trẻ nhà này vấp phải ông Nam, người nông mùa rượu, nằm lịm công từ bao giờ trước sân. Chúng hè nhau khiêng ông vào nhà, đổ nước gừng cho ông, đánh gió, xoa dầu, ủ ấm cho ông. Khi xe cấp cứu tới thì ông đã hồi. Từ bấy thành chỗ thân tình, bọn trẻ thường kéo nhau tới thăm họa sĩ. Chúng giúp ông nhiều việc, gánh nước từ máy công cộng lên tầng cho ông, dọn dẹp căn phòng cực kỳ lộn xộn của ông và mua hộ ông các thứ tiêu chuẩn tem phiếu. Họa sĩ cũng hết sức cưng chiều lũ nhóc, bày trẻ thơ của cái phố nghèo mà mười năm qua, kể từ sau ngày tập kết, đối với ông đã ngày một thêm nặng tình. Ông để chung tha hồ lục tranh của ông, những bức bột màu, những bức thuốc nước và những ký họa. Rất kiên nhẫn, hầu như chẳng bao giờ kể chuyện quê nhà, nhưng lần lượt qua từng bức họa, ông cho bọn trẻ Hà Nội thấy được phong cảnh của cõi xa vời với đội ông miền đất Mũi, thấy được chân dung những bà má, những chị phụ nữ và trẻ em của Nam bộ kháng chiến, và thấy được gương mặt các chiến sĩ cùng trung đội với ông hồi Chín Năm ở tiểu đoàn Ba Lê Bảy.

Và tết năm nào cũng như thế này, giữa canh khuya, sau cuộc họp đồng hương cuối năm, ông Năm không về nhà mà rẽ vào chỗ đám trẻ nhà số bốn đang quây quần canh nồi bánh chưng. Ông chia quà cho lũ nhỏ và nếu không quá say thì ông

sẽ thức cùng với những đứa lớn tới tận khi đã có thể vớt bánh ra khỏi nồi.

Năm nào, năm họ nhà số bốn cũng cùng nhau lo liệu cái tết. Nếp chung tốt lành này có từ thời còn mồ ma ông Tá tài xế. Đông con, kinh tế chật vật nhất nhà số bốn vậy mà hàng năm chính ông Tá là người đã giúp cho cả ngôi nhà này ăn tết thơm nhất phố. Là tài xế của đoàn vận tải Bộ Lâm nghiệp, chuyên trị chạy tuyến Tây Bắc, ông Tá quanh năm vắng nhà, nhưng cứ đến giáp tết dân phố lại thấy chiếc mô-nô tô-va của ông, bê bết bùn đất đường trường rù rù lăn bánh vào sân trước nhà số bốn, inh ỏi đám còi. Bọn nhóc trong nhà đang mỗi mắt trông chờ hoan hỉ ủa ra, nao nước đồ củi, đồ lông gà, đồ những bao tải chat nặng hàng tươi, hàng khô từ thùng xe xuống. Chẳng phải vất vả toan giở mấy mà vợ con ông và các họ lang giềng cũng có đủ mọi thức cho ba ngày tết. Nhiều năm như vậy cho đến mùa lũ năm 61 xe ông Tá gặp nạn trên đèo Pha Đin.

Tết năm ấy, cả nhà số bốn góp sức đỡ dần vợ con ông Tá và cũng là hợp lại đỡ cho nhau. Từ đó thành nếp, tết nhất lo chung năm gia đình. Ba gia đình dưới nhà, hai gia đình trên gác, hoàn cảnh nhà nào cũng gieo neo. Như vợ con ông Tá, hay như gia đình bà Thái ở phòng mặt tiền tầng một, trước cũng khá, sau vì ông Thái trở chứng, ruồng rẫy vợ con, đang đêm vợ sạch món tiền hai vợ

chồng đã nhiều năm dành dụm, theo chân một chị hàng xén lặn lội vào tận trong Vinh, nên cảnh nhà sa sút hẳn. Anh con trai đầu đang học trung cấp hàng hải mà phải bỏ. Còn ông Cụ, cũng phòng ở tầng một, vốn chân thủ quý, sơ diện, lương từng tiệm đủ nuôi vợ con thế mà tấm ngấm tấm ngấm phạm tội thụt két, liền mấy niên rồi đón xuân trong tù. Còn như hai chị em Giang và Bình sống với ông nội ở căn phòng bên trên nhà bà Thái thì lại phải nông nổi mồ côi bố mẹ từ nhỏ, buồn vui mỗi ngày chứ chẳng riêng ngày tết tùy thuộc tình trạng sức khỏe của ông cụ, tuổi đã thất thập, già cả đau yếu. Ngay như gia đình giáo sư Xưng mà tết nhất cũng lẩn tránh. Ông lương cao, tiêu chuẩn chuyên viên, gia đình có người mà được phân hai phòng rộng thênh trên tầng hai, mức sống trôi hơn các gia đình khác, nhưng bà tặng người yêu lại bận con mọn. Tháng con đầu của ông bà đã học lớp bảy mà đưa kế sau vẫn đang ẵm ngửa, chị người làm thì cứ còn cách tết cả tháng là đã khăn gói về quê.

Người lớn không cáng được nên đám trẻ phải gánh. Có điều là phần đông đám trẻ trong nhà là bọn con giai, lại hầu hết đang nhai ranh, từ lau nhau đến choai choai mười ba mười bốn, thực sự bậc anh bậc chị chỉ có chị Giang trên gác và anh Trung, con trai bà Thái, dưới nhà. Tết nhất của năm gia đình cậy cả vào hai người, mà dĩ nhiên là chủ yếu trông ở Giang. Từ cuối tháng Mười Một âm

Giang đã phải bắt tay vào công cuộc mua sắm đầy gian nan. Chỉ thỉnh thoảng mới có được vài đũa tuối đã nhờ nhờ sau giò tan trưng chịu khó phụ giúp thêm. Giang xoay xở khắp các chợ gần chợ xa, cháu chực xếp hàng từ tinh mơ đến tối mịt ở suốt lượt các quầy hợp tác, quầy mậu dịch. Nhưng dù cố hết sức thì cũng phải tuần giáp tết mới mua đủ các tiêu chuẩn đô khô như gạo nếp, gạo dự, bột mì, đậu xanh, măng miến, bóng, chè thuốc, mứt kẹo cả năm gia đình, rồi sau đó dồn toàn lực bình sinh mà xếp hàng nước mắm, xếp hàng giò chả và nhất là hàng thịt, hàng lá dong để chuẩn bị cho cái phần tối quan trọng của tết là nôi bánh chưng. Chiều ngày 27 phải chạy xong mọi thứ. Lại là Giang quán xuyến việc ngâm nếp, đãi đậu, rửa lá, ướp thịt. Đến chiều 28, bởi trong nhà chẳng bà nào biết gói mà làm cũng được nên vẫn một tay Giang lo đủ ba chục cặp bánh. Trung thì phụ trách củi lửa. Mượn cái thùng phuy đựng mùn của nhà bà Cư để làm nôi. Còn củi, Trung ra tận bãi gỗ Phà Đen, chọn mua những súc lớn gần nguyên cây, rồi dùng xe ba gác đẩy về. Một đồng củi tuồng, một mình Trung huỳnh huých bố suốt buổi chiều.

Mọi việc diễn ra ngoài sân. Bên này sân, trời lạnh thế mà Trung tròng trực coi trấn, mồ hôi nhễ nhại vung chiếc riu tó bố chỉ một nhát bổ làm đôi những súc củi to như cột nhà. Bên kia sân, chỗ gần vòi nước chung của cả nhà số bốn, Giang kê một cái

chồng tre, trên giải ni lông, cam cùi ngồi gói bánh, bon nhai trong nhà xăng xai tranh nhau những việc mà anh Trung, chị Giang sai. Vừa làm vừa sung sướng nô nghịch. Với chúng thì sang hẳn năm mới, ba ngày tết được ăn ngon, được vui chơi, được diện áo đẹp chẳng thè vui bằng khi còn đang nao nức đợi chờ tết đến, nhất là niềm vui buổi chiều nay. Lũ trẻ vây quanh chiếc chõng xem chị Giang gói bánh. Chõng bánh chưng cao dần. Lá bánh xanh mượt, lại bánh trắng ngà. Giang xắn tay áo lên lên quả khuỷu, cánh tay, bàn tay trắng muốt lấm tấm hạt nếp và vụn đậu xanh. Giang gói không mau nhưng' tuyệt khéo. Bánh như được gói bằng khuôn gỗ, xong đẹp hơn nhiều, và không long cũng không qua chặt. Lũ trẻ háo hức đến từng chiếc, từng chiếc đã gói xong. Khi nào gói đủ ba chục cặp bánh to, chị Giang sẽ vun số gạo nếp, đậu và thịt mỡ còn lại gói cho mỗi nhóc một chiếc bánh chưng nhỏ thật xinh mà chị gọi là "trái đất bé con".

Sập chiều, công việc đang thật là nhộn nhịp, suôn sẻ, và đã sắp hoàn tất, anh Trung đã ché gần hết đồng củi, chị Giang đang thất lại chiếc "trái đất con" cuối cùng, thì anh Vinh, ở bên nhà số bảy, ngang nhiên bước vào sân, dong dạc một lời chào. Anh Vinh mang một biệt danh rất dài là "Péc-sô-rin - người anh hùng thời đại", gọi tắt là Pét, hay Pét "xôm", bởi đang trẻ măng thế mà đã rì rịt râu quai nón còn hai bắp tay thì lông lá như tày.

Cả sân chỉ mình Giang tươi tỉnh ngược lên, vui về chào lại Pét. Trung lắm lý làm thỉnh, nghiêng rằng quai riu, vụn gỗ văng như mảnh đạn. Bọn nhãi, coi nét mặt ông anh cũng nhất loạt một về sẵn sàng gây hấn. Chúng trừng trợn nhìn Pét. Từ trên thêm, Giôn và Ken, lao phốc xuống, và mắc cho Giang la mắng, chúng cất tiếng sửa dũ tợn, hung hăng xô tới đón ông khách đã dám táo gan vào đây trêu người. Nhưng chỉ một cái giậm chân, Pét đã khiến hai con chó cúp đuôi chạy đạt. Lũ trẻ cũng né ra. Pét khoan thai đi tới bên Giang. Anh diện một áo da Tiệp, da thật hần hoi, quần nhung kẻ, giấy mồm ngóe, tóc hớt đẹp, chải rất mượt. Pét đẹp giai nhất phố. Vai rộng, dò con lại cao người, một dáng vóc rất chuẩn. lại mũi thanh, miệng rộng, lại râu quai nón. Mặc dù song thân vốn là chủ một tiệm kim hoàn của ngầm chắc hẳn còn vô khối, nhưng Pét chẳng cậy của. Hiện anh đang học việc ở rạp xiếc của ông Tạ Duy Hiên.

– Giang khéo tay thế, gói đẹp quá ! Thế này thì cả đến Galilê cũng phải tin là đất vuông trời tròn! – Nhắc một cặp bánh lên, anh ngắm nghía, tấm tắc. – Bên nha anh dùng khuôn, cứ như thổi gang. Tết sau giá mà đã được Giang sang gói cho nhỉ ?

Tính tình cởi mở, nói năng dễ mến, Pét được cả phố ưa, trừ bọn trai nhà này. Tuy nhiên anh vào thăm Giang chiều nay hoàn toàn không phải cố tình gây một sự đường đột để khiêu khích trêu

người Trung mà thực tình là anh được phép. Ai cũng biết mới đây bố mẹ Pét đã sang nói chuyện với ông nội của Giang. Chưa phải một sự ướm hỏi mà chỉ để bước đầu có sự qua lại giữa hai bên gia đình nhằm cho phép hai trẻ được tìm hiểu nhau. Ý ông cụ thế nào không rõ, nhưng Giang thì chắc chắn là phải đầy thiện cảm với Pét. Hoàn cảnh ba ông cháu Giang khó khăn thế mà gia đình Pét khá giả thế. Bản thân Pét lại là một chàng trai hạng ưu như thế, tốt tính đẹp mã như thế.

Pét đã thảo kỹ một chương trình vui xuân cùng Giang. Nhiều mục rất tuyệt. Bắt đầu ngay từ tối 28. Đoàn ca múa Tân Cương công diễn buổi đầu. Không bán vé, chỉ giấy mời, nhưng Pét vẫn xoay được. Anh rút từ ngực áo ra hai tờ bìa gấp khó to, in màu rất đẹp đưa cho Giang.

– Lô hạng nhất đấy ! – Anh nói – Đúng mười chín giờ mở màn. Em làm thoảng lên cho xong để còn thì giờ ma chuẩn bị. Cũng cần phục sức một chút em ạ. Nhà hát Tây mà. Sáu giờ mười anh sang đón.

Vẫn cây rìu trên tay, mặt quàu quạu, Trung lừ lừ bước tới, không thèm nhìn Pét, lớn giọng nạt Giang:

– Hát tây hát tàu cái gì ! Có nhúm gạo dùm mãi không xong, bao giờ mới được bánh vào nôi ?

– Thì xong cả rồi, chần sáu chục chiếc rồi đấy. –

Giang nói. – Chỉ còn xếp vào nồi nữa thôi. Với lại lo gì, cũng còn sớm mà, Trung.

– Hừ, sớm ! Việc còn bẽ bẽ ra, đấu hót mãi thì tới khuya ! Hay là cứ tán láo tới sáng mai đi !

– Có làm lụng thì phải có nghỉ ngơi chứ, tết nhất cơ mà, – Pét nói xen vào. – Gì mà ra oai ghê thế ?

Chẳng nói chẳng rằng, Trung chém mạnh, lưỡi rìu cắm phập xuống sạt sạt mũi giấy Pét. Hết hồn, anh này nhẩy giật lùi lại, suýt ngã ngựa. Giang tái mặt, ngồi sững. Cả sân lặng ngắt như tờ.

– Mày xéo ngay, thằng con nhà tư sản béo bụng, – Trung nói. – Còn quần chân người ta làm việc, tao cho mày nằm viện ăn tết !

Tức giận, giọng run lên, nhưng Pét vẫn rón sức giữ phẩm giá: – Cậu vô lý quá. Ai làm gì cậu... Tự đứng cả khía chửi càn!

– Này thì cả khía! – Trung gầm lên và dậm liên.

Cú dậm thành linh nhưng Pét né mặt tránh kịp. Anh dịch chân sang một bên và giáng trả một cú nhẹ vào ngực đối thủ, đồng thời cảnh cáo:

– Khôn hồn thôi đi ! Mày biết tao mà, Trung!

Pét chơi nhiều môn thể thao. Ham nhất là quyền Anh. Ngày nào cũng luyện. Anh bật cười khi Trung một lần nữa quai bừa một cú dậm diễn hình cho lối đánh của bọn cày khỏe mà kém khôn. Tuy vậy anh cũng thấy cần phải tung ra liên tiếp hai đòn thật là chuyên nghiệp, một giữa mặt, một móc

hàm, quật Trung xuống sân. Bọn trẻ nhà số bốn, và cả gần chục đứa nhà bên số lẻ vừa tràn sang làm ủng hộ viên cho Pét, đứng khép thành một vòng tròn vây quanh bãi đấu, nhưng đều im thin thít và bất động không dám ủa vào hỗn chiến. Đây là cuộc tay bo của bậc đàn anh. Người lớn trong nhà và những người qua đường không hề hay biết là đang có ẩu đá trên sân.

Mình mấy trần trụi, lấm lem, mồ hôi ròng ròng, mặt lóa máu. Trung loạn choạng đứng dậy. Quân tử, Pét không xấn vào đánh ngay, nhưng mà cũng đã hăng máu lên, anh kéo phéc mở tuya, cời áo da ra, và một cách đàng hoàng thong thả xấn tay áo sơ mi. Chính cái động tác đẹp mắt này đã khiến cho người chỉ quen giao phong theo luật lệ bị ke đã từng trải đập lộn trên hè phố nện cho như tử. Dốc toàn lực bình sinh, như một đầu máy xe lửa, nghiêng răng. Trung lao xộc tới, húc cái sọ dừa rắn cứng vào bụng "Người anh hùng thời đại". Pét ngã ngửa người lên cái chông tre. Chân chông gãy rụp, chồng bánh chưng lật nhào. Trung nhảy bổ đến, chặn đầu gối lên ngực Pét, và mồm môi mồm lợi đâm tới tấp xuống mặt anh này. Cuộc quyết đấu từ khởi đầu đến kết cục có lẽ chưa đầy một hiệp ba phút. Trong suốt những giây đồng hồ đó máu mồm máu mũi ấy, cả hai đối thủ lẫn đám khán giả bầu kín vô đài không hề ai kêu lên một tiếng.

Vin cánh tay một thằng bé, Giang run rẩy đứng

dậy. Mặt nhợt nhạt, thất thần, môi lầy bầy, cô van vi, những lời không thể nào ai nghe thấy. Vẫn chỉ nghe ỳnh ỳnh hự hự. Trận áu đã đã quá độ vũ phu, trở thành trò man dại. "Thôi đi mà, trời ơi, thôi đi !", dồn hết sức, Giang la lên và vùng khỏi tay bọn trẻ, cô lặn vào giữa cuộc đấu, túm tóc Trung kéo giật, buộc Trung phải nhả Pét ra.

Thở hồng hộc. Trung đứng vụt lên, mặt mày máu mê, một mắt đã sưng, một mắt ngầu đỏ trợn trừng, hai nắm đấm vẫn xiết lại, răng nhe ra như chực dớp Giang một cái.

– Đồ ác ôn ! – Nghen ngào, Giang thốt kêu lên, tiếng kêu thấm thương và tức cười – Đồ Mỹ Diệm!

– Diệm nghèo rồi còn gì ! – Một thằng ranh nào đó buột miệng.

Bật òa lên khóc, Giang quay mình chạy lao vào trong nhà.

Mọi sự như thế là tung hê. Ngày vui tưởng đã tan lành. Bọn trẻ nhón nhác, không biết phải làm sao bây giờ. Đứa nào đứa nấy mặt mày tiu nghỉu, buồn xo. Có đứa meo máo. Nhưng cuối cùng thì anh Trung của chúng cũng không vì giận chị Giang mà bỏ rơi chúng. Rồi bánh cũng được xếp vào phuy, nước đồ đầy, lửa được nhóm lên, củi cháy đượm. Ngọn lửa reo vui, hơi lửa lan tỏa. Dọc phố gió bắc lửa hun hút mà trong sân ấm ran, và đã nghe đậm dần lên mùi thơm của lá và gạo nếp. Bọn trẻ trải

chiều ra sân đánh bài và nói phét. Để chịu, êm đêm, ấm cúng, như mọi năm. Nhưng khác là không có chị Giang. Chị Giang không xuống vui cùng. Không có chị thì không có táo, thứ quả chị ưa nhất khiến bọn chúng cũng ưa nhất, không có ngô nướng, và không có giọng kể chuyện du dương, không tiếng cười trong trẻo của chị. Không có chị, anh Trung mất hết tính hồ hởi thường ngày. Nặng chình chịch cái mặt bị ăn đấm sưng vù, anh ngồi thì lỳ một cục. Anh chỉ hé răng nói đôi lời với anh công an tuần đêm tạt qua hút thuốc Lào và với chị công nhân quét rác ghé vào sưởi ấm chốc lát. Không được anh chung vui, niềm vui của lũ trẻ người dân. Mọi năm cả lũ sẽ thức chơi đến tận sáng, nhưng đêm ấy, khi họa sĩ Năm Tín rẽ vào thì bọn lau nhau đã đi ngủ hết, chỉ những đứa lớn còn ngồi canh bếp lửa với Trung.

Thằng Bình, em Giang, theo lệnh chú Năm chạy lên gác gọi chị, nhưng vì đã nhất quyết từ mặt Trung nên Giang nhất định không chịu xuống. Cô sai thằng Bình bưng bộ ly cùng đĩa mực nướng xuống để chú Năm uống rượu. Cô còn bắt nó quay lên lần nữa để mang chân bông, kèm theo một rổ táo ta với chục bắp ngô xuống cho "bầy lũ anh em nhà chúng mày".

Bọn nhãi xuýt xoa vui sướng chào đón quà của chị. Chúng lập tức chiến đấu với rổ táo và lập tức bắt tay vào nướng ngô. Trung lăm lăm gạt phất

máy quả táo. gạt phắt cả bắp ngô nóng hôi, thơm
lùng bộn nhai vừa nướng xong.

Ông Năm rót rượu ra hai ly.

– Một ly với qua, Trung ! – Ông nói. – Chiến sĩ
rồi, uống được.

Trung lắc đầu. Ông Năm thở dài, tộp nhanh,
cạn ly.

- Nam nhi như cọp, vấp cái quên liền. Không
để bụng giận lấy. Máy lại sắp xa nhà rồi, mau mà
làm lành với nó đi.

Ông làm nhanh ly thứ hai, rồi lại rót tiếp.
Uống suông, không nhắm, ông đưa đĩa khô mực cho
bọn trẻ...

Đã ăn hết táo, hết ngô, đã xơi hết đĩa mực, bọn
trẻ buồn ngủ. Chú Năm chẳng nói gì, chỉ uống. Một
mình chú mà đã gần cạn chai Lúa Mới. Anh Trung
thì một mực lặng thinh. Rầu rĩ, bọn trẻ díp mắt lại,
lần lượt, đứa này tiếp đứa khác kênh ra chiến. Hai
con chó chen vào nằm với chúng.

Nước trong phuy sôi đều đều. Tiếng còi nổ
lách tách. Từ trong sáng khó mà nhìn thấy gì
trong bóng tối bao quanh, vì vậy đường phố, nhà
cửa như bọc trong tấm màn đen. Tuy nhiên, có thể
thấy bầu trời đã chuyển màu xám nhạt, đã sáng
hơn và càng lạnh hơn. Gió bắc đã ngừng thổi từ
lâu, không khí mau chóng thấm dầm sương giá.
Sắp rạng mai đến nơi rồi.

- Thôi. Qua về ! - Ông Năm chợt lên tiếng sau suốt mấy canh giờ lặng ngắt, một mình rót, một mình uống.

Cầm lấy chiếc cặp đã xẹp lép, ông loạng quạng đứng dậy. Trung nhồm lên, muốn đỡ ông.

- Khỏi ! - Ông gạt đi - Qua đâu có say. Say sao nổi, con đi !

Nồng nặc mùi rượu, ông ôm lấy Trung:

- Mồng năm con lên đường hả ? Lên đường mạnh giỏi nghe con... Chú Năm về nghe con... Chú Năm về. Chú Năm về lập bàn thờ cho ba má chú Năm, cho vợ chú Năm và sắp nhỏ, Trung à ...

Bất đồ, ông bật khóc, nấc lên, ằng ặc, nghẹt thở, toàn thân run bần bật.

- Tụi nó tàn sát hết cả gia đình chú rồi Trung à. Giết hết... giết hết cả, không trừ ai. Con gái út chú. Thằng Ba. Thằng Hai. Ba đứa con chú bị giết một khi. Rồi tụi nó sát tới bà già chú, ông già chú, Trung à. Rồi vợ chú, má sắp nhỏ, bị bầy thú dã man tụi nó sát hại sau rốt... Mà đã hai năm rồi. Tối nay họp đồng hương, có đồng chí ở trông ra, chú mới hay, Trung à.

Ông khàn khàn kể, ông khóc rưng rức. Và gạt Trung ra, ông loạng choạng bước đi men theo bờ tường, đi về cuối phố. Vừa đi vừa khóc.

Tàng sáng, Giang xuống, mang thêm chân đấp cho bọn trẻ. Cô bảo Trung về phòng mà ngủ để bếp

lửa đỏ cô trông. Trung ngồi im, không buồn trả lời. Giang bực mình dợm ngay vào nhà, nhưng rồi nghĩ ngợi sao đó cô lại ngồi xuống bên bếp, tuy nhiên ngồi né xa, thật xa Trung...

Một thằng bé bị lũ bạn kéo tuột mất chân, loàng quàng mở mắt ra. Nó nghe tiếng anh Trung rì rầm kể gì đó về chú Năm. Nó nghe tiếng chị Giang khóc thút thít. Rồi lại trở lại yên lặng. Yên lặng rất lâu, rồi se sẽ những tiếng động là lạ. Thằng bé rướn cổ lên nhìn. Cảnh vật còn tối lắm. Trong ánh lửa, nó thấy anh Trung chị Giang ngồi sát vào nhau, và hơn thế nữa, còn ôm chặt nhau. Tóc chị xòa tung, cả hàng cúc áo len của chị bật ra. Nó nhìn thấy cùng một lúc cả cần cổ trắng ngần của chị cả đôi môi anh Trung, bàn tay anh Trung. Nó cảm thấy cùng lúc cả hơi lửa nóng hừng hực, cả hơi thở của ban mai lạnh lẽo.

Vậy mà, thật là không thể làm sao hiểu nổi, ngày hôm sau, đêm giao thừa và suốt mấy ngày tết, nó thấy chị Giang vẫn lại chỉ chơi với Pét xôm. Mặt mày thâm tím, Pét vẫn cứ đẹp trai, và rất diện, anh ngáy ngất mê mẩn, sung sướng cuỗi chiếc xe đạp Pơ giơ màu mận chín chở chị Giang bay đến tất tạt những tụ điểm có ca nhạc và vui chơi trong thành phố ngày xuân.

*

Lễ tiễn tân binh được tổ chức vào sau buổi trưa

ngày Mồng Năm Tết, dưới chân gò Đống Đa. Người ta bảo rằng trong suốt mười năm, từ ngày hòa bình lập lại đến giờ, ở Hà Nội chưa từng có một đợt nghĩa vụ quân sự nào quy mô lớn như đợt này. Hàng trăm người lên đường, hàng nghìn người theo tiễn. Và khi biến người đứng nghiêm hát Tiến Quân Ca thì trước cửa đền Trung Liệt, cờ đào Tây Sơn được chậm chậm kéo lên sóng đôi cùng cờ đỏ sao vàng. Bầu không khí tung bừng náo nức của lễ hội tòng quân hòa vào hùng khí thiêng liêng ngày Giỗ Trăn nâng bổng tâm trạng từng người, giúp gạt đi chút ít những niềm bịn rịn. Ông thượng úy khu đội trưởng đông đặc điểm danh tân binh. Đọc đến tên ai thì người ấy Có lên một tiếng thật to. Mỗi người hình như chưa bao giờ đạt được một giọng nói trội như vậy. Anh chàng được gọi tên sau Trung lại dài giọng. "Đạ, có tôi đây!", khiến mọi người cười rộ. Thượng úy đọc đã khản tiếng mà bản danh sách còn rất dài. Càng đông càng vui. Nghe đọc đến tên ai quen. Trung lại nhón chân lên, rướn cổ tìm kiếm. Mọi người âm ỉ gọi nhau, hô hỏi vỗ vai nhau "A ! Mày đấy à, cũng đợt này à, hay quá ! Mày này, tao này, thằng Yên, thằng Tú này..." "Rồi, thằng Tiên, Thằng Cung, thằng Bình "mất lươn", thằng Mão "nhọ nổi", Thằng Toàn "mìn tu", thằng Bào, thằng Vũ... thằng con dâu nhà bà giáo Sơn, thằng con thứ nhà ông Tâm y tá, thằng cháu đích tôn nhà cụ Doãn vẽ truyền thần, nhà Phúc béo gia

công mỳ sợi, nhà Vạn toét chữa xe đạp, nhà Minh điếc bán nước sôi... Đồng đảo người đi thể này làm sao mà biết hết nhau được. Không khéo sau đợt nghĩa vụ này, phở tụi mình chỉ còn lại bọn lỏi con và bọn con gái.

Trung nhìn quanh. Hình như hôm nay tất cả các cô nàng trong khu phố đều hội lại ở đây, và tất thấy bọn họ nom đều xinh tươi hơn bao giờ hết. Nào Liên, nào Yến, nào Oanh, nào Phượng... các cô khoác tay nhau tùm tùm thành từng nhóm, lóu ríu vui vẻ xúm quanh các chàng.

Người đi tiền Trung cũng rất đông, mẹ và ba đưa em, cùng tất cả bọn nhóc nhà số bốn. Về chiều, càng lúc càng lạnh mà lẽ tiền có vẻ còn kéo dài. Trung bảo các em đưa mẹ về, nhà bà Thái nhất định không chịu. Yếu lả, nhọt nhọt, run rẩy, bà bám chặt lấy tay Trung đứng sát vào anh, nghẹn ngào, gượng cầm nước mắt để dằn đi dằn lại mãi những điều không đầu vào đầu. Trung ngượng:

- Mẹ kia, mẹ! Đừng thế, mẹ! Người ta trông vào đấy, mẹ...

Anh bảo lũ đàn em trong nhà:

- Chúng mày động viên mẹ tao, đừng để mẹ tao khóc ở đây đấy nhá. Cả về nhà nữa. Chúng mày giúp mẹ tao các việc nhá. Tao đi ba năm rồi về. Mà cũng có nghỉ phép nữa... Chúng mày thay tao lo mọi thứ cho nhà số bốn mình nhá. Nhớ chăm cây

táo táo trông. Ba năm nữa tao về, ngọn phải chấm ban công tầng hai đấy...

Trung nói, cười, nhưng vẫn buồn ra mặt, vẫn nhìn quanh nhìn quất. Bọn trẻ hiểu lòng anh, thương anh lắm, nhưng chẳng biết làm sao. Ông nội chị Giang vừa vào viện đêm qua, chị phải túc trực chăm nom. Và lại lúc nào bên chị cũng có Pét xôm kè kè hộ tống.

Tiết trời xuân lạnh lẽo, nhưng sắc trời xuân trong xanh. Sau phần diễn văn của các quan khách, của lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể thành phố và khu phố, tới mục đại diện tân binh đọc quyết tâm thư, rồi đến mục làm giao ước thi đua giữa thanh niên đi nghĩa vụ quân sự với thanh niên ở nhà sản xuất, rồi nữa là vui văn nghệ, ca hát và ngâm thơ. Có cả một ông nhà thơ nghe nói là từ tận trên Hội Văn nghệ đích thân đưa thơ mình xuống biểu diễn ủy lạo bộ đội. Đầu đội mũ sắt, cổ quấn khăn rằn kiểu du kích Nam bộ, mình vận banh tô Liên Xô có viền lông, ông sừng sững trên diễn đàn, ngâm vào loa những vần thơ như sấm. Ngay khi trường ca hùng tráng còn một đoạn dài nữa mới hết, vì quá xúc cảm, gần hai chục thiếu nữ có nhiệm vụ tặng hoa bộ đội khi nào bế mạc buổi lễ, đã vội ào cả lên diễn đàn dâng vào lòng tay thi nhân những bó lay ơn tươi thắm khiến ông này phải rất vất vả gỡ mình ra khỏi hoa để ngậm nốt phần còn lại. Sau trường ca này, mặc dù

còn lâu trời mới tối và mặc dù còn nhiều nhà thơ nữa muốn lên trình bày sáng tác của họ, song các sĩ quan tuyến quân đã vội ngăn họ lại để cho buổi lễ được kết thúc.

Tân binh được lệnh lên xe. Gần hai chục chiếc xe buýt được trưng dụng để chở quân, đậu ở góc sân, đồng loạt nổ máy và nhả còi. Tiếng còi ô tô đưa sự ồn ào lên đến tột độ.

Trung ôm lấy mẹ, ôm lấy ba đưa em, và lần lượt ôm lấy từng thằng nhãi em út của anh trong nhà số bốn, xiết tất cả vào vòng tay mình lần cuối.

– Thôi nín đi, đừng khóc ! – Đừng có khóc, để cho anh đi ! Chúng mày đưa mẹ về đi. Mẹ ơi, mẹ về, con đi !

Anh liệng ba lô lên trước, rồi trèo vào ô tô qua lối cửa sổ. Quanh xe người ken dày vậy mà bà Thái vẫn len vào được, với với tay lên cửa sổ.

– Mẹ ! – Trung luýnh quýnh nắm vội lấy tay mẹ, rồi phải buông ngay vì bị kéo lùi vào trong nhường cho người khác chen ra choán lấy khoang cửa.

– Toàn đấy hả cháu, Toàn ơi ! – Trung nghe tiếng mẹ nức nở kêu lên với Toàn "mìn tu", thằng bạn nhà số năm sáu cùng phố, đang đứng lấp trước mắt anh – Cháu trông nom nó cho bác với Toàn nhé, Toàn ơi !

Xe chuyển bánh, chậm chậm bò, chạt vật xuyên

qua những tiếng gào gọi, tiếng kêu, tiếng cười và cả những tiếng khóc. Dúng giầy lát đó, qua vai Toàn, Trung nhìn thấy Giang giữa đám đông. Bằng một phép màu nào đó, chỉ một cú huých tay, anh đã vọt được ra khỏi xe.

– Giang ! – Trung gàoร้อง lên. – Anh ở đây, anh ở đây !

– Anh ở đâu ? – Cô gái lách qua đám đông, vừa len lách vừa kêu lên thất thanh. – Anh ở đâu, anh ơi?

Chen, bừa đi, vấp dúi dụi, không thấy ai cả, không thấy gì hết, mất đại đi, tóc xõa tung, thở hổn hển, cô nhào tới chỗ Trung. Anh chàng chen bật mấy người đang đứng chắn mất lối, rồi gần như hùng hổ, lao xộc tới chộp lấy Giang, ôm choàng lấy, ghì chặt.

Khác với các đợt trước, đợt lính nghĩa vụ này phần đa đều như Trung, tuổi còn rất trẻ, vì vậy ít thấy cảnh vợ tiễn chồng, thế nhưng bù lại người ta thấy xuất đầu lộ diện khá nhiều cặp chàng nàng, như Trung và Giang. Và có lẽ cũng như Giang và Trung, tất cả những vụ yêu đương đó đều là những mối tình non dại, đầy rứt rề và sợ sệt, bấy lâu chẳng dám lộ mình mãi đến giây lát phải chia lìa mới không còn dừng nổi.

Ngay trước mắt bao người mà Giang liều lĩnh xoắn mình vào Trung. Xoay lưng lại với thiên hạ, tóc đổ xõa xuống vai. Giang đứng úp người vào

người Trung, hai cánh tay vòng với lên ôm lấy cổ người yêu. Còn Trung, hai bàn tay to tướng tảo tợn lùa sâu vào trong áo len của Giang, ghì riết lấy Giang từ bên trong. Bao nhiêu người thở dài, ngậm ngùi, nhìn tránh đi.

Đoàn xe nâng dần tốc độ. Trên chiếc xe chạy đầu, tiếng hát cất lên, lan dọc đoàn xe, truyền dọc phố. *"Ai đã từng đi qua sông Cửu Long Giang. Cửu Long Giang sóng trào nước xoáy. Ai đã từng nghe tiếng tiểu đoàn, tiếng tiểu đoàn Ba trăm lẻ bảy. Buổi xuất quân tiểu đoàn năm ấy, cả tiểu đoàn thê dưới Sao vàng..."*

Dưới đường, Trung đang cố sức chạy rượt theo chiếc xe chót và cuối cùng đã đuổi kịp. Từ cửa hậu chiếc xe, những bàn tay chìa xuống kéo anh lên. Phía sau, Giang chạy với theo, toàn thân ngả về phía trước như cố cưỡng luồng gió mạnh, và rồi lao đảo cô ngã xoài xuống nền đất ướt át.

"Người con gái Hà Nội, những nàng tiên nghèo đẹp nhất trần gian, da trắng, môi hồng, mắt huyền, mi rợp", trên đời này từng có một bài ca với lời ca như vậy, tôi đã từng được nghe ở đâu đó, vào một lúc nào đó không nhớ nữa. Tôi là một thằng nhãi nhà số bốn đã theo tiễn anh Trung ở chân gò Đống Đa, buổi chiều ngày Giỗ Trận. Và tôi là đứa đầu tiên chạy lao đến đỡ chị Giang dậy. Chị khóc nức nở, toàn thân run lật bật trong tay tôi. Dọc đường về tôi vẫn phải nhẹ nhàng thận trọng ôm giữ lấy

chị. Chị cứ vừa đi vừa ôm mặt khóc mãi, mặc cho xung quanh người ta kinh ngạc nhìn ngó. Vào những năm ấy, chẳng ai lại yếu đuối và bi thương một cách lạ lùng như thế.

Những tháng sau đấy, những năm sau đấy tôi con dự nhiều lễ giao quân khác nữa. Và rồi bản thân tôi năm năm sau cũng đến lượt lên đường chiến đấu. Vậy mà tôi không bao giờ có thể quên lần cùng bạn bè nhà số bốn tiễn biệt anh Trung. Đây là cuộc đưa rước thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự trong thời bình, và vào những ngày đầu năm 1964 ấy, thì trong tầng lớp bình dân ngay những người đứng tuổi và trải đời cũng khó mà biết chắc sẽ là như thế nào những năm tháng đang đón rình phía trước, nói gì một thằng bé mới mười ba tuổi đầu như tôi, vậy mà... Không, không phải do ngày nay nghĩ lại mà mừng tượng ra như thế. Mà thực sự là như vậy, vào buổi chiều hôm ấy, một chiều mùa xuân cực độ thanh bình, dưới chân gò Đống Đa, tôi đã cảm thấy trời long đất lở trong lòng mình. Mà thật ra, nào phải là tôi, thật ra là nhân dân, nhân dân muôn thở đợi hiền, muôn thuở cầu ước sống bình yên, đã âm thầm cảm thấu con sóng lòng thời đại mới đang ập thẳng tới bến bờ Tổ Quốc tôi. Một thời đại lớn lao và nghiệt ngã chưa từng có. Thời của chiến tranh và của cách mạng lay trời, thời của những đau thương vô hạn, những mất mát vô bờ, thời của chủ nghĩa anh hùng tuyệt đỉnh,

của sức chịu đựng vô cùng, thời của tình yêu và của lòng quả cảm. Và từ họa sĩ Năm Tín, từ anh Trung, nhất là từ bà mẹ anh, từ chị Giang, những người đàn bà mềm yếu và nhân từ, thân thương hiền dịu của ngôi nhà số bốn, linh cảm về số phận sắp tới của dân tộc đã truyền vào trái tim tôi, làm xoay chuyển cuộc đời tôi ngay từ khi tôi chưa kịp bước hẳn vào đời. Đối với tôi, thời thơ ấu êm ả và tươi đẹp thế là đã vĩnh viễn và dữ dội ra đi vào chính cái buổi chiều mùa xuân êm ả và tươi đẹp đầu năm Giáp Thìn ấy.

Một tuần sau Tết, do cha tôi được lên lương, tiêu chuẩn nhà cao cấp hơn nên gia đình tôi chuyển vào ở trong trung tâm thành phố. Tháng Tám, bọn Mỹ ném bom Miền Bắc, tôi theo trường sơ tán về miền quê rất xa. Năm thì mười họa mới được một dịp về loáng qua Hà Nội. Rồi nhập ngũ. Đi Bê dài. Cứ xa mãi, xa mãi như thế khỏi điểm ban đầu, nhưng đường đời của ai mà không như vậy ?

Trở về sau chiến tranh, nhìn lại sau lưng chỉ thấy sừng sững trường thành của kỷ ức chiến trường, Những năm xa vời trước thời lửa đạn đã tan bay theo gió thời gian. Thoảng hoặc mới có việc dọc qua phố cũ, ngang qua nhà xưa, thế mà cũng thường là cứ dừng dừng ngang qua vậy thôi, chẳng mấy khi dễ mất ngó vào. Ngôi nhà nhiều chục năm rồi vẫn thế, tất nhiên cũ kỹ hơn, mặt tiền cau có, nứt nẻ, tường vôi tróc lổ. Mỗi khi ghé vào thăm chỉ cảm thấy

chán ngắt. Nhem nhuốc, ồn ào, chật chội và quá nhiều người lạ mặt. Niềm vui duy nhất là thấy được còn đó cây táo anh Trung trồng trước ngày nhập ngũ. Ngọn cao quá ban công tầng hai, cây sai quả, trum bóng mát lên sân. Song le cái giống táo ta ấy là thứ cây ăn quả đường như đã lỗi thời, và bản thân nó, cây táo của anh Trung, cũng đã già rồi.

Tết này, khi từ nhà mới cuối phố đi bộ lên đầu phố vào thăm nhà cũ số bốn, tôi không còn thấy cây táo già đó nữa. Tấn, cậu em út của anh Trung, một thương binh trong chiến tranh biên giới, được phòng ưu tiên cho phép coi nơi diện tích ở ra khoảng sân trước mặt nhà. Mặc dù chẳng muốn nhưng đành phải chặt cây táo ấy đi mới xây ra được.

– Hồi chiến tranh phá hoại, sân phải đào tung lên xây hầm công cộng mà bọn em vẫn giữ được nó. Thế mà giờ chặt nó đi, khổ tâm lắm anh ạ. Nhưng biết làm thế nào được, hả anh. – Tấn buồn rầu bảo thế.

Tôi hỏi thăm chị Giang, cậu ta cho biết vợ chồng chị vào ăn Tết trong Sài Gòn. Và có lẽ rồi đây chị sẽ chuyển hẳn vào sống trong đó.

*

Ra Giêng, tôi tới thăm chị. May mắn sao, Chị có nhà.

Bởi tất cả những lần trước đây đến chơi nhà số bốn, tôi đều gặp phải khi chị đi công tác, thành ra

như vậy là chẵn ba mươi tư năm trời xa biệt. cho tới hôm nay. Vẫn căn phòng xưa. ban công trông ra phố. Tường vôi ve. Cửa sổ buông rèm xanh. Bàn thờ luôn luôn ba cây hương trầm lặng cháy. Khi chị mở cửa ra tôi bước vào, trong phòng chưa bật đèn. Trong ánh hoàng hôn hồng rực tràn ngập căn phòng, tôi thấy chị vẫn hoàn toàn là chị Giang ngày xưa của tôi. Và có lẽ bởi ánh nhá nhem chiều tà mà chị cũng thấy tôi như vậy chẳng. Chị nhận ra tôi ngay, thẳng thốt chị gọi tên tôi, kèm cả biệt hiệu. Lòng tôi đau nhói.

Rất lâu, chị ngồi bên tôi, lặng khóc. Tôi cũng vậy nước mắt nóng rực như kim châm trong tròng mắt. Bên ngoài, thành phố đã lên đèn, tôi và chị tay trong tay, thu mình trong bóng tối, cố hết sức để tĩnh tâm, để hồi lại.

Giọng run run, chị khe khẽ bắt đầu trò chuyện. Tôi cũng vậy, bắt đầu nói, bắt đầu kể. Cuộc đời tôi. Cuộc đời chị. Thì cũng như cuộc đời của bao người thôi trên đất nước này những chục năm qua, mà sao nhắc lại trái tim cứ đau thắt lại thế này. Nhưng rồi cả hai chúng tôi đều đã vượt được lên khỏi nỗi lòng mình để mà dần dần điềm tĩnh lại.

– Cậu còn nhớ chú Năm họ sī không ?

– Có chứ chị. Nhưng tôi chẳng hề được gặp lại trong suốt chừng bảy năm. Giờ chú ấy ra sao ?

– Chú mất rồi. Mất năm Chín mươi. Tại quê nhà Năm Căn. Chú ấy đi Bê năm Bảy Mốt. Chị

cũng không được thấy lại chú ấy từ năm đó. Trước khi mất không lâu, chú có ra thăm Hà Nội và có lại đây tìm chị, mà không gặp. Chị gặp anh Vinh, chồng chị. Chú Năm có gửi lại chị món quà...

Vinh ? Tôi **rùng** mình. Thế nào mà chồng của chị cũng tên là Vinh cơ chứ, trời ơi ! Anh Vinh ngày xưa, anh Pét xôm đẹp trai, từng mê mẩn chị, đã hy sinh trong mùa khô khốc liệt năm Bẩy Hai. Hy sinh ngay trước mắt tôi. Chính tiểu đội tôi bám chiếc xe T54 của anh xung phong vào căn cứ Plây Cẩn. Đã đột phá được qua cửa **mở**, chúng tôi vừa bật lê ào xuống khỏi xe từ hầm ngầm, liền hai trái M72 bắn chéo cánh sẻ phụt tới. Toàn tổ lái cùng với chiếc xe bùng cháy...

– Chị hỏi thăm nhiều họa sĩ mà chẳng ai nhớ chú ấy. Tên tuổi chú ấy **khổng** được như họ. Nhưng mà cậu xem này.

Chị Giang với tay bật đèn. Chỉ một ngọn thoi, ánh sáng dịu như là ánh nến. "Lại đây!", chị nói khẽ và nhẹ nhàng rời ghế, dịu dàng chị nắm tay tôi, đưa tôi lại gần khung cửa sổ buồng rèm. Trên tường, kê cửa sổ, treo một bức sơn dầu, viền trong khung gỗ màu nâu.

Đang bước tới gần, tôi như bị vấp một cái. Vấp phải một cảm giác. Một cảm giác dội ra từ bức tranh. Tôi nhìn, chết lặng trong người. Họa sĩ vẽ chúng tôi. Bảy người. Và đúng là cái **đêm** xưa, 28 Tết năm Thìn ấy. Cảnh tượng thật huyền diệu:

xung quanh đóng lửa, một vắng' hồng lung linh, dập dờn và dường như đang muốn vùng quẫy với vòng vây của đêm tối để tỏa rộng ra mãi. Bầu trời trước đêm trừ tịch không tăm tối đen đặc mà quang đãng, tối thăm trải rộng trên đầu chúng tôi với tất cả vẻ hùng tráng và trang nghiêm, bầu trời đêm trước của một thời đại phi thường, một bầu trời đêm không bao giờ còn người thời nay còn được thấy. Và tôi cũng nhận thấy trong đêm tối của bức tranh, những khối hình và đường nét thân thuộc thuở xưa mà ngày nay đã mai một rồi của dãy phố này.

Nhưng cái chính làm nên bức tranh là chúng tôi, những gương mặt được ánh lửa soi hồng, được tả thực một cách chân xác và đầy biểu cảm. Tuy nhiên, tất cả cái đẹp, cái chân thực và thần thái mê hồn của bức tranh lại tạo cảm giác đau buốt. Xuyên ngọt qua thời gian và cả qua da thịt. Bức tranh cho tôi thấy một điều hiển nhiên mà bấy lâu nay với cái ý thức đã ngày một trở nên phẳng lý, tôi đã không thể có khả năng một lúc nào đó tự nhận ra, trong số chúng tôi, sáu thằng con trai còn trẻ con và non dại đến thế đang ngồi kia quanh nồi bánh chưng trong bức tranh này, đến ngày hôm nay chỉ còn sống có một, chỉ độc nhất một mình tôi. Một mình tôi mà thôi!

Tiết thanh minh năm ngoái, ngang qua Gio Linh, vào viếng Nghĩa trang bộ đội Trường Sơn, tôi đọc thấy tên tuổi Bình trên một trong hàng ngàn

mộ chí của khu các liệt sĩ quê Hà Nội. Chị Giang báo là vợ chồng chị đã tính đưa Bình ra ngoài này, nhưng một đêm nọ, Bình báo mộng, cho biết là muôn năm mãi mãi nằm bên đồng đội, mãi mãi với rừng le đồi lau đất đỏ chiến trường xưa, thành thử... Trong tranh, Bình là một thằng bé mới mười tuổi, gương mặt phầng phất nét chị Giang, mịn màng và thanh tú. Nó ngồi bó gối, vóc mảnh khảnh, tóc xoăn, cái miệng phụng phịu.

Ngồi cạnh nhóc Bình là thằng Phái, năm ấy mười hai tuổi. Tóc húi cua lộ rõ cái đầu méo và đầy sẹo, gò má nhọn, mỡm rộng chành bành, mặt nhợt nhạt, rỗ tổ ong, đôi lông mày chau chau, cau có. Nó là thằng con đầu của ông Tá tài xế. Xấu xí, thô kệch, ăn bận tồi tàn, lời thối lếch thếch nhất hội song là một đứa con trai tốt bụng và chân thành biết bao. Phái đi bộ đội cùng năm Sáu Chín với tôi, nhưng không sung vào bộ binh như tôi mà được điều sang cao xạ. Đóng chốt ở Hà Nội và hy sinh ở Hà Nội, trong chiến dịch Mười hai ngày đêm đánh B52.

Thằng Sơn, con trai ông Cư sở điện, tuy rằng bố bị tù, song là đứa duy nhất trong nhà học lên đến đại học. Nhưng trong tranh nó vẫn còn là một thằng nhãi chỉ hơn tôi một tuổi, đầu tóc bù xù, thân hình gầy gò và trông rõ là lùn tịt mặc dù nó đang ngồi xếp bằng. Gương mặt thô nhưng bởi đôi mắt thật là to và sáng mà nom thông minh cực kỳ. Nó ngồi cạnh nôi bánh chưng mà vẻ mặt như thể

đang ngẫm nghĩ kể sách giải những bài đại số đang tích ở trong đầu. Sơn thi đỗ vào Tổng hợp Toán, học đến năm thứ hai thì nhập ngũ. Trình sát pháo binh. Hy sinh ở Cảnh Đồng Chum.

Bị khuất mắt một phần vào vùng tối của bức tranh là gương mặt Đính. em trai anh Trung, Đính quần chân chiên, nằm cách hơi xa đồng lửa, hai tay chống cằm. Khuôn mặt nó chẳng giống anh Trung chút nào. Má bầu, tai to, nhưng cằm nhọn hoắt và cái cổ thì gầy ngắc. Tính nết Đính cũng khác hẳn anh, nó rất lạnh và quạ sức là rụt rè. Mười một năm sau, Đính là một trong những người lính của đại đội đặc công đã tập kích vào sân bay Hòa Bình ngoại vi Buôn Ma Thuột, nổ súng mở màn cho chiến dịch vĩ đại mùa khô Bảy Lăm. Anh cùng hầu hết đồng đội đã hy sinh trước khi bộ binh và xe tăng ta kịp đánh tràn vào ứng cứu.

Anh Trung, người anh cả của Đính và của cả lũ chúng tôi, là nhân vật cổ vóc dáng và dung mạo được ánh lửa trong bức tranh đặc tả nhiều nhất. Anh ngồi xếp bằng, hai chân khoanh lại, lưng thẳng, ngực ưỡn ra, hai con chó vàng nằm hai bên, gác đầu lên đùi anh. Xưa nay tôi hiếm thấy ai cường tráng như Trung. Anh không cao, thậm chí hơi lùn, nhưng vai rộng lạ lùng, ngực nở căng, bụng thon chắc. Những bắp thịt cuộn cuộn nổi hằn lên dưới chiếc áo dệt kim sọc xanh của học sinh trường hang hải. Cái cổ anh ngắn và to bạnh đờ lấy

cái đầu to quá cỡ, xưa vẫn bị chị Giang trêu là như cái thùng nấu phở, trán dô, mũi tày và tẹt, gò má rộng, cằm vuông chần chận, tóc rẽ tre, húi rất ngắn. Trên khuôn mặt màu đồng hun lấp loáng ánh lửa hồng này, họa sĩ đã lược hết mọi dấu tích trần ầu đả, nên không những không hề thoáng nét hung tợn mà cũng không cả vẻ ngang tàng ngỗ ngược. Đây là dung mạo của một chàng trai đầy sức mạnh và lòng can đảm, tuy nhiên đang trầm tư và đang rất buồn, cặp mắt to, mơ mộng, long lanh như nước và vô cùng buồn bã của anh như đang muốn thoát lên một điều gì đó mà tiếng nói thông thường không đủ sức diễn đạt... Anh là liệt sĩ Kháng chiến chống Mỹ đầu tiên của cả ngôi nhà số bốn, và có lẽ của cả phố, không chừng của cả thành phố. Gia nhập hải quân, anh hy sinh ngay trong năm Sáu Tư, ngoài khơi Hòn Mê, một ngày biến động, đầu Tháng Tám. Tin anh tử trận đồn về rất sớm song không hiểu sao báo tử chính thức lại rất muộn. Năm bảy mươi, khi anh Vinh "Pét" nhập ngũ, chị Giang vẫn còn đang một lòng dăm dăm chờ đợi ngày anh Trung của chị trở về. Anh Vinh kể với tôi thế trong cái đêm đơn vị tôi và đơn vị anh cùng ém trong cánh rừng già ven đường 18 đội lệnh hiệp đồng tấn công Plây Cẩn. Vinh nói, nửa đùa nửa thật, rất gở : "Tao biết chắc Giang yêu một cách lưỡng lự, yêu cả tao cả Trung nhưng vì Trung đi lính trước nên Giang tưởng là chỉ yêu có mỗi

Trung thôi. Bây giờ, nếu giấy báo tử của tao về trước giấy của Trung thì Giang sẽ nhận được ra là tình yêu của cô ấy thật sự dành cho ai".

Trên bức tranh, chị Giang hiện ra trong khoảng đập đơn nhất của **quầng** sáng, nên hình ảnh chị vừa sinh động vừa hư ảo, mà có lẽ đây là dụng ý của họa sĩ, bởi vì thực ra đêm ấy chị đâu ngồi đó bên bếp lửa với đám trẻ nhà số bốn. Họa sĩ không vẽ chị ngồi kề bên anh Trung. Chỉ có một **thằng** bé đang nép sát vào chị, và cả hai chị em đều ngồi hơi tách khỏi những nhân vật khác của bức tranh.

Chị Giang trong tranh mới mười bảy tuổi. Dưới ánh phản chiếu lung linh của ngọn đèn, gương mặt trái xoan trẻ măng, trắng hồng của chị mới xinh làm sao. Cặp môi mòng mọng hơi bặm lại, cái cổ cao trắng ngần. Chị ngồi, cúi đầu, hai tay khoanh trên đầu gối. Không nhìn thấy mắt, chị không ngước mắt lên, nhưng có thể thấy rõ đôi lông mày thanh tú, hai hàng mi rợp và như hơi ươn ướt. Về mặt **duom** buồn. **Thằng** bé ngồi bên chị, vóc người cao, chân dài diện giày da, bận áo ấm kiểu ngoại có viền lông, nom rõ là con nhà khá giả hơn hẳn những đứa khác trong tranh, nhưng tôi không thấy được khuôn mặt nó. **Thằng** bé ngồi **nép** sát vào chị, vòng tay ôm lấy eo lưng chị và đầu thì ngả hẳn lên bờ vai. Vì thế khuôn mặt nó chìm vào trong mái tóc dài buông xoã trên vai chị. Tôi chăm chú nhìn, và bất chợt giật mình. Người gai lên. Phải chăng

thằng bé ấy là tôi ? Thận trọng, cố không để bị cảm giác đỏ chi phối, tôi lại thật sát bức tranh, nhưng khi nhìn quá gần thì các chi tiết trên tranh lập tức rời ra thành những vệt riêng biệt, chỉ còn là những mảng màu nổi gờ lên cùng những vệt bút vẽ.

Tối lùi lại, và khi đấy, từ một khoảng cách vừa phải, trước mắt tôi những mảng sơn dầu lại hợp vào thành đêm hôm ấy, thành những người anh em đã khuất của tôi, thành chị Giang và tôi. Đúng là tôi, cái thằng bé đang vùi mặt vào tóc chị. Tôi chưa từng ngồi như vậy bao giờ, chưa từng có cử chỉ ấy, nhưng mà tôi đã từng nhiều lần mơ thấy như thế. Làm sao, sức mạnh huyền bí và linh diệu nào đã khiến những giấc mơ cực độ thần kín năm xưa hiện về lung linh trên mặt vải ?

Gán trọn quãng đời trai trẻ của tôi không hề được hưởng tình yêu. Qua hết những năm vị thành niên cho đến ngày nhập ngũ, trải sáu năm chiến trường chẳng từng được thật sự gần gũi một người con gái nào. Hết chiến dịch này tiếp chiến dịch khác, mùa khô qua mùa mưa tới, sức lực, sinh khí đổ dốc xuống dọc những chặng đường hành quân và xuống những chiến hào, tình cảm dành trọn cho đồng đội. Nhưng thoáng hoặc, vào buổi sớm mai nào đó, đất trời tự dưng ắng tiếng bom, thức dậy giữa rừng sâu không tiếng súng, nằm đung đưa trên võng, tôi thường thả hồn nhập thân vào một kỷ niệm chẳng phải của mình. Tôi trông thấy chính

tôi, chứ không phải Trung, đang ghi xiết lấy chị Giang, khi thì giữa đông nghịt biển người dưới chân gò Đống Đa, khi thì trong ánh sáng lúc canh khuya của lửa bếp trước sân nhà. Sững sờ, tôi cảm được cặp vú của chị áp lún vào lồng ngực tôi và căng trĩu trong lòng bàn tay tôi. Một mình tôi góc rừng hoang mà tôi chạm được vào đôi môi của chị, hít thở được hương thơm của làn da và mái tóc chị. Lúc bấy giờ tôi biết những cơn mê lú như vậy là tội lỗi và sẽ chỉ gây nên cho tôi những thương tổn tinh thần trầm trọng. Không muốn phải chịu đựng những đau đớn vô ích, do đó tôi đã cố cưỡng, song con người ta ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng寐?

Nhưng sau chiến tranh, khi mà cái sức tưởng tượng tội lỗi ấy không còn trong tôi nữa thì tôi lại hiểu ra rằng những tội lỗi trong mơ ngày đó chính là hình bóng của mối tình đầu không có thật của tôi. Và mặc dù rằng dù sao đi nữa thì cũng vẫn là 'tội lỗi', và mặc dù khôn khổ' mặc dù nực cười và mặc dù mong manh lúc mờ lúc tỏ nhưng mối tình đầu phải tuyệt đối vui sâu chôn kỹ ấy cũng đã góp phần ánh sáng soi rọi tâm hồn tôi, giúp tôi vững tinh thần, và có lẽ một phần nhờ thế mà rốt cuộc tôi đã sống sót trở về. Và thậm chí mối tình đầu không hề có thật ấy vẫn còn tiếp tục là một trong những nguồn sáng giúp tôi từ sâu ngày trở về biết yên lòng vui sống, biết vững tâm mà mạnh dạn vượt qua được những năm dài gian lao thời hậu

chiến... – Tuần sau chị sẽ vào lại Sài Gòn. – Giang nói, thở dài. – Và chắc phải ở hẳn lại. Anh Vinh thì đã vào từ mấy năm rồi. Anh ấy thích Sài Gòn. Chị thì cứ dùng dằng. Lần này, anh ấy ra tối hậu thư, hoặc vào với chồng con, hoặc...

Chúng tôi đứng ngoài ban công. Buổi tối mùa xuân lạnh lẽo, lất phất mưa phùn. Ban công khá rộng, song chỉ để vài chậu cây.

– Bữa nào cậu qua mang cái gốc táo này sang bên nhà, – Giang chỉ một chậu cây to khuất trong góc tối. – Trước khi chặt cây táo dưới sân, Tấn nó cũng có lòng chiết cho chị một cành. Chẳng hy vọng gì, thế mà rồi sống nổi đấy. Đã đâm rễ đâm chồi ra được thế này. Cậu mang về, chăm nom một thời gian nữa trong chậu rồi thì trồng hẳn vào đất cho thành cây to như xưa. Với chị, táo ta vẫn là nhất. Một thời chuộng táo tây, nhưng tết này, thiên hạ cũng quay về cả với táo ta rồi đấy...

Giang nói miên man. Giọng nhỏ nhẹ, buồn rầu. Ngoài ban công rất lạnh, nhưng chúng tôi không trở vào phòng. Càng về khuya càng lạnh, song tôi không nhận thấy thế. Lòng tôi ấm áp. Tôi đang ở bên Giang. Tôi có thể đứng mãi, đứng mãi thế này.

– Chị sẽ để lại căn phòng này cho Tấn, – Giang nói. – Nhà được ba anh em, cả ba anh em đều ra trận. Mà được mỗi cậu ấy trở về. Bức tranh chị cũng để lại. Gia đình chẳng giữ được bức ảnh nào

của anh Trung. Hình anh ấy chỉ còn lưu lại duy nhất ở trong bức tranh thời.

Thấy tôi châm thuốc, Giang hỏi:

- Cậu hút thuốc lá rồi đấy à ?

Tôi bật cười. Cách đây ba năm nam Giang cũng đã nhẹ nhàng trách cứ như thế khi phát hiện tôi núp dưới gầm cầu thang hút trộm thuốc của bố.

Trong bóng tối, gương mặt Giang lại trẻ như hồi nào. Và tôi cũng thế. Bởi vì thời gian càng nhích sâu vào trời khuya để đến với ngày mai thì chúng tôi càng về gần hơn với Hà Nội những đêm xưa, với Hà Nội trong vắt lúc không gió. Về gần hơn với bạn bè một lứa bên trời, về gần hơn với tình yêu ban đầu, về gần hơn với tuổi thơ non dại. Sinh ra, lớn lên, rồi làm lụng, rồi chiến đấu và hy sinh cho thành phố này, thế hệ chúng tôi được hưởng phép màu của nó, trở thành một thế hệ mãi mãi tuổi thanh xuân của một thành phố trẻ trung vĩnh hằng.

B.N

(Văn nghệ số 17, 25 - 4 - 1998)

THỦY TIÊN

DƯƠNG DUY NGŨ

Mấy năm gần đây, vào những ngày áp tết Nguyên đán, quăng từ hăm ba tháng Chạp trở đi người ta bày bán thủy tiên ở ngã năm Hàng Lược, Lương Văn Can, Hàng Mã nhiều lắm. Củ nào củ nấy đều đã nảy lộc, đâm nụ xanh mỡ và tua tua bộ rễ trắng tựa rễ hành tươi. Kẻ bán, người mua mời chào, hỏi han tíu tít. Củ nào người bán cũng bảo đến tết sẽ hoa đẹp lắm, thơm lắm ! Còn kẻ mua thì phân đông xem ra còn rất mù mờ, bỡ ngỡ về Thủy Tiên. Lại có kẻ cậy giầu, cậy sang tỏ vẻ biết chơi hoa quý phái này hơn người, vung cả bạc trăm ra mua vài ba củ, bất luận đến tết nó có nở hoa như người bán quảng cáo không. Mà cái khái niệm đến tết của người mình cũng thật âm ờ. Cái gì phải chờ đợi, hy vọng người ta chả bảo là đến Tết ! Nhưng để thủy tiên nở hoa đúng vào sớm mùng một Tết âm lịch thì thật chẳng dễ chút nào, nếu như không có sự tác động của trí tuệ tình cảm của con người.

Quãng cuối thập kỷ sáu mươi, giặc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại thủ đô Hà Nội rất ác liệt. Lúc đó tôi là một khẩu đội trưởng pháo cao xạ. Trận địa pháo chúng tôi đặt ở bãi Nghĩa Dũng phía ngoài đê sông Hồng. Trong khẩu đội tôi có cậu Tuấn pháo thủ số một, sinh ra và lớn lên ở phố Hàng Mã. Có nghĩa, anh là người Hà Nội gốc. Tổ phụ anh sinh cơ lập nghiệp ở đất Kẻ Chợ đến anh đã là đời thứ tư. Thắng hoặc vào những ngày Mỹ tạm dừng ném bom từ vĩ tuyến 18 trở ra, chúng tôi thay nhau kéo tới nhà anh chơi một vài tiếng đồng hồ. Khi anh chuyển vào chiến trường Tây Nguyên, chúng tôi vẫn giữ lệ cũ. Anh em tôi đã trở thành người thân của gia đình. Lúc bấy giờ, em gái Tuấn còn nhỏ đi sơ tán theo cơ quan mẹ mãi tận Phú Thọ. Còn bố ở Công an Vũ trang rất ít khi có dịp qua nhà. Do vậy ở Hàng Mã chỉ có bà nội và chị gái Tuấn thôi. Bà nội xưa kia bán hàng mã. Thời buổi chiến tranh chẳng ai đốt mã, bà buôn bán lặt vặt kiếm sống. Còn chị Tú làm ở Ty Thương nghiệp thành phố.

Phòng khách ở ngay tầng trệt kê chiếc bàn tròn và dăm sáu chiếc ghế đầu đơn sơ. Trên tường quét vôi xanh treo lịch bóc hàng ngày và bộ tranh tứ bình lồng trong khung kính toàn các cô gái đẹp, tóc quần đuôi gà, váy trùn gót, áo tứ thân, đứng gầy dàn, thổi sáo... Lần nào bọn tôi tới thăm, chị Tú cũng mang kẹo cà phê Hải Châu có ba lớp giấy

hoặc cam Vinh, hồng ngâm ra dài. Đến tận bây giờ, tôi vẫn không thể nào quên những ngón tay búp măng tuyệt đẹp của chị gọt hồng, bỏ cam. Chỉ bỏ cam khéo lắm. Những múi cam không bị dập chảy nước, được tách vỏ ở hai đầu. Cái mũi dao nhọn trong tay chị cứ thoăn thoắt tách vỏ, tách hột cam. Chúng tôi nhìn chị bỏ cam đã cảm thấy nước miếng ứa ngập chân răng.

Lần ấy, tôi chân thành và vụng về khen đôi bàn tay đẹp và khéo của chị. Chị chỉ khẽ mỉm cười chứ không thêm ngược mắt nhìn người khen mình. Tôi xấu hổ đến nóng mặt và chợt nhận ra chị cao sang và có phần ngạo mạn. Hẳn tại chị đã quen nghe người ta khen nhiều rồi. Người chân thực có, kẻ nịnh nọt cũng nhiều. Người xinh đẹp, đoan trang như chị thiếu gì lời khen, lời nịnh. Khi đã quen thân với chị, tôi càng thấy cảm giác này thật đúng. Nhiều chàng trai cùng phố, nhiều bạn học đã từng ngược mắt lên tầng hai, nơi có kê chiếc bàn làm việc của chị, nơi có một tu sách văn học phong phú để ngưỡng vọng cô gái kiêu sa ấy.

Bà nội chị tặc lưỡi, bảo:

– Các cháu đừng có khen mà nó phồng mồm lên. Nó sinh kiêu ngạo là không lấy nổi chồng đâu. Tay nó còn lâu mới khéo bằng tay ông Cầm nhé. Và như chợt nhớ ra điều gì, bà nội quay mặt sang phía chị, hỏi: – Mà sao tấm này vẫn chưa thấy ông Cầm mang thủy tiên đến nhỉ? Mai đi làm về, con tranh

thu dọn xe xuống nhà ông xem. Ông ấy có bao giờ sai hẹn đâu. Hay lại ốm đau, bệnh tật gì ? Bà cứ lo năm nay nhà mình đón xuân không có hoa thủy tiên, các cụ về quê.

Chúng tôi chả có một chút khái niệm gì về hoa thủy tiên. Và cũng không quan tâm tìm hiểu xem hoa thủy tiên quan trọng đến mức nào với ngày đầu năm mới của những gia đình trí giả ở Hà Thành. Tôi nghĩ bụng : "Phú quý sinh lễ nghĩa. Thời buổi chiến tranh mà người Hà Nội vẫn sống cầu kỳ quá". Lúc ấy, tuổi còn ít, đời sống chưa trải, kiến thức ít ỏi nông cạn, tôi làm sao hiểu nổi thế nào là văn hóa, là bản sắc dân tộc là truyền thống tinh tế của ông cha.

Rồi như chả để ý đến mấy anh chàng pháo thủ ăn no vác nặng chúng tôi, bà cụ thì thâm, không hiểu bà nói với chính mình hay nói với cô cháu gái rượu, hay vì tuổi già thường cô đơn chỉ thích đông người để nói chuyện.

- Cụ cố nội nhà này ngày xưa là nhà nho yêu nước đấy. Cụ có chân trong Hội Đông Kinh Nghĩa Thục kia mà. Tôi về làm dâu cụ đã thấy cụ bày hoa thủy tiên trước bàn để đón xuân. Cụ thường bảo: "Ngày Tết có thủy tiên nở trong nhà thì con cháu gặp may mắn, không sợ tà khí..." cho nên tết nào nhà này cũng có hoa thủy tiên. Cành đào, cành quất có thể thiếu. Tôi nổi có thể thôi đấy nhé. Nhưng giò thủy tiên và chậu cúc thì không thể

thiếu. Nếu cụ khỏe, tự tay cụ ướm cúc. Cắt ngọn, tạo dáng thủy tiên. Con dao cau sắc lẹm trong tay, có hôm cụ ngắm nghía, nghĩ ngợi trước cụ thủy tiên cả giờ đồng hồ chỉ để chích tỉa có một mũi dao và một điểm nào đó đủ kích thích nó đơm nụ nở hoa vào đúng ngày mồng một tết. Đã không có thủy tiên thì thôi chứ có thì phải cắt gọt thế nào đó để hoa nở đúng ngày đầu xuân mới tài. Còn nở trước tết, sau tết là bỏ đi rồi. Đến chiều ngày mồng một nó mới nở cũng hỏng rồi. Cho nên có phải ai cũng đón xuân bằng hoa thủy tiên được đâu. Chỉ tiếc nhà này chả ai chịu để tâm học cụ. Từ ngày cụ có yếu chân, yếu tay thì cúc phải đi mua, thủy tiên phải đi thuê người ta đến nhà cắt tỉa. Mà cũng không được mấy người cắt tỉa, tạo dáng thủy tiên hợp ý cụ. Cụ cứ chăm chăm ngồi bên cạnh hương dẫn người ta. Nhưng cả cụ cố và những người chăm thủy tiên giúp cụ chả ai khéo tay, tài hoa được như ông Cầm đầu nhé. Cái bàn tay ông Cầm khéo quá là khéo, tài quá là tài. Ông ấy tỉa tốt, vẽ vẽ thủy tiên thế nào đó mà mười mười lăm năm nay, cứ tiếng trống sang canh chấm dứt là nụ hoa bắt nở. Mùi hương thủy tiên dịu dàng, tinh khiết lắm. Bông nào cũng đủ năm cánh hoa trắng muốt đều đặn tỏa về các hướng. Cụ cố nhà này bảo hoa thủy tiên có đủ âm dương ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Còn cụ cố nhà ông Cầm thì ví von năm cánh hoa thủy tiên như năm cửa ô của thành Hà

Nội. Dương sao, âm vậy, lúc sang xuân hoa thủy tiên xòe rộng tức là lúc cả năm cửa ô đều mở cửa đón khách. Bà nhoe cười phô hai hàng lợi không còn một chiếc răng. Trông nụ cười của bà thật hồn nhiên và con trẻ. Bà bảo: Các cụ có chữ có hơn. Lúc đón xuân, các cụ pha ấm trà ngon, mở hộp mứt ngũ vị, rót ly rượu cầm. ngồi nhâm nhi ngắm thủy tiên nở hoa, nghĩ được nhiều điều hay lắm. Lúc ấy, tôi còn ít tuổi, được các cụ sai vặt, khi lấy cái đóm, lúc tráng cái chuyen mà nghe lỏm được. Ấy vậy mà nhập tâm đáo để.

Bà cụ dừng lời, chếp miệng, thở dài, nhìn ra cửa như mong chờ sốt ruột lắm. Chị Tú bảo :

- Bà đừng có mong chú Cầm nhiều. Nhớ ra trên đường đi, chú ấy sơ ý để bánh xe đạp lọt vào đường tàu điện, ngã thì có phải tại bà không ? Trưa mai con sẽ đạp xe xuống nhà chú ấy.

Bà bảo:

- Ừ, sốt ruột thì có. Chứ bà có dám mong đâu. Bà cầm từng miếng cam đưa tận tay chúng tôi - Xì, ăn hết đi các cháu. Chị nó bỏ ra rồi không để lại được đâu. Còn thuốc lá thì chả ép. Cậu nào hút được cứ tự nhiên.

Thời ấy, vào những ngày cuối đông được ăn mứt cam ngọt là quý lắm, hiếm lắm. Nhất là cánh pháo thủ nhà quê chúng tôi nhìn thấy quả cam đã khó, chứ đừng nói được ăn, được bàn tay khéo léo của

chị Tú cắt từng miếng đều đặn, gọt găng dày hạp dần. Bấy giờ thấy người ta bày bán ề hề các loại cam ơ quấy hoa quả và trên xe thỏ mới càng thêm thía cái thời bao cấp và chiến tranh khó khăn, cực nhọc, thiếu thốn đủ thứ. Tôi vẫn không quên, đơn vị phân cho chiếc kim khâu. Tôi đã bôi dầu pháo rồi bọc kỹ vào tờ giấy bạc lấy từ bao thuốc lá để mang về biếu mẹ. Mẹ tôi đã vui sướng như bắt được vàng kia mà!

Giữa lúc chúng tôi nháy mắt cho nhau chuẩn bị cáo lui thì ông Cầm xuất hiện ở cửa. Đó là một người trạc ngoài bốn mươi tuổi, đeo kính trắng, râu quai nón cạo nhẵn còn để lại một vệt xanh mờ, mặc bộ vét tông màu xám tro, cà vạt đỏ, đội mũ phớt đồng màu với quần áo, chân đi giày môm ngoé đen bóng. Ông thận trọng khóa chiếc xe Pơ-giô rồi bước vào nhà, một tay ngả mũ, một tay đặt lên ngực, nghiêng người chào rất kiểu cách, điệu bộ.

Bà mừng rỡ reo lên:

- Có thể chứ ! Tôi đã bảo ai chứ ông Cầm không có sai hẹn đâu.

Chị Tú nhè nhẹ cười mỉm rồi vừa lấy thêm chiếc ghế đầu mời ông Cầm ngồi vừa nói theo thói quen. Hẳn chị thừa hiểu là ông không nghe được:

- Bà cháu đang mong chú !

Ông Cầm chỉ cười, phô hàm răng trắng và đều. Lúc đầu, nghe bà kể chúng tôi cứ nghĩ ông tên Cầm.

Bảy giờ mới vỡ nhẽ ông bị cầm lại diếc. Ông là con trai út một người bạn học với cụ cố nhà chị Tú.

Nhờ công phu dạy dỗ của cha nên ông Cầm "đọc" thông viết thạo được cả chữ nho và chữ quốc ngữ. Ông cũng được cha truyền dạy cách gọt tĩa thủy tiên sao cho hoa nở đúng mồng một tết. Nhưng lại giỏi hơn cha mình ở chỗ, ông gọt tĩa chục củ thì cả chục nở hoa vào đúng lúc xuân sang. Thế mới khéo !

Bà nội chị Tú giang hay tay ra hiệu sao tận hôm nay ông Cầm mới lên để bà chờ sốt cả ruột. Ông Cầm cười gật gật đầu miệng ớ ớ ớ ớ. Ông giờ tay phải sẽ đặt mấy đầu ngón tay vào trán rồi rút vội ra. Bà "dịch" cho mọi người:

– Ông Cầm ra hiệu ông bị sốt cao đấy.

Ông cầm khum hai bàn tay vào nhau để lên miệng vừa thổi phù phù vừa húp rồi đưa hai tay ra sau lưng tựa như kéo cổ áo vòng qua đầu về phía trước sau lại kéo khăn tay quệt lên trán, miệng ớ ớ ở diễn giải. Tiếp đó hai tay ông xòe ra ép sát vào mặt bàn uống nước rồi xòe rộng cả mười ngón giờ lên trước mặt. Chúng tôi chăm chăm nhìn từng động tác của ông nhưng chẳng hiểu thế nào ? Chị Tú mồm mỉm cười, hỏi:

– Các anh có hiểu chu Cầm "nói" gì không ?

Chúng tôi đều lắc đầu. Bà nội "dịch".

– Ông ấy bảo bị sốt cao, sờ tay vào trán phải

rút vội ra. Vợ ông cho bát cháo nóng vừa thổi vừa húp. Ăn xong, trùm chăn kín đầu, mồ hôi vã ưot đẫm. Ông khỏi sốt nhưng phai năm bẹp mười ngày.

Ông Cầm chăm chăm nhìn vào miệng bà, gậ gậ đầu tán thưởng. Bà nội chỉ cô gái thổi sáo trong tranh, chỉ vào ông Cầm bảo:

- Vợ ông Cầm cũng đẹp như cô gái ấy.

Ông Cầm đứng phất dậy, xua xua tay, lắc đầu lia lại, miệng ơ ơ ở rõ to, chúng tôi cười âm lên. Bà "dịch":

- Ông ấy chối đấy. Giời Phật thương tình kén cho ông ấy cô vợ vừa đảm vừa xinh. Ông Cầm được hai cậu con. Cậu nào cũng đẹp trai học giỏi. Một cậu thi đỗ vào Đại học Tổng hợp thi đi bộ đội. Còn một cậu đang học trường Tài Chính.

Bà viết viết vào không trung ra hiệu xem ông Cầm có nhận được thư của cậu cả ở chiến trường không ? Ông Cầm gậ gậ đầu, đứng dậy nhìn ngó xung quanh rồi bóc tò lịch lấy cây bút Hồng Hà cũ cài trong túi áo vét tông, viết. Mọi người đều dồn mắt theo ngòi bút của ông. Con ông chiến đấu ở Quảng Trị, ác liệt lắm, vợ ông thương con, đêm nào cũng dấm dứt khóc thẳm. Đạo này mất ngủ, xanh và gầy đi nhiều so với hồi đầu năm. Ông thương lắm, lo lắm. Bà ra hiệu cảm thông và bảo ông phải động viên vợ phải *kiên gan*. Trai thời loạn. Cái tháng Tuấn nhà này còn chả có thư từ gì **kia**.

Ông Cầm gật gật đầu. Đã mấy lần chúng tôi đánh mắt cho nhau định xin phép bà và chị Tú ra về nhưng thấy câu chuyện lôi cuốn quá nên không dám cắt ngang. Bà ra hiệu hỏi ông Cầm thủy tiên. Ông Cầm cười. Dường như người cầm đũa rất hay cười và nụ cười của họ thật tươi, thật hồn nhiên. Ông Cầm đứng dậy lấy chiếc túi xách vẫn treo ở ghi đông xe đạp mà khi dựng xe, ông đã có ý để ló cái tay lái trước khuôn cửa ra vào. Ông Cầm thò tay vào chiếc túi xách giả da màu đen lấy một chiếc bát thủy tinh pha lê trong suốt to như chiếc bát canh nhưng miệng bó lại, đáy phồng ra tựa tựa quả bầu be được bọc trong mấy lần giấy báo và một củ gì đó to như củ hành tây, củ và rễ trắng muốt, lá to bản như lá tỏi, xanh mỡ và mềm mại, nụ hết nụ hành hoa. Chị Tú vội đứng dậy mức nước lạnh đổ vào bát thủy tinh pha lê. Ông Cầm sẽ đặt củ "hành tây" vào. Sau đó, tôi mới biết củ "hành tây" này chính là thủy tiên mà bà nội chị Tú đang mong đợi.

Thủy tiên hiểu theo cách đơn giản và thô thiển là một loại cây thuộc họ tỏi tiên sống trong nước. Bình càng trong, nước càng trong thủy tiên càng đẹp.

Ngày xưa các cụ nhà mình chơi hoa ghét nhất bộ rễ. Bởi rễ là phần kín đáo nhất, âm thầm nhất của cây hoa. Thế mà nó lại phô phang trước mắt các vị hiền nhân, quân tử, các nhà trí giả thì còn ra

thé thông gì nữa! Riêng rẽ thủy tiên lại khác. Nhờ bộ rẽ này mà người ta đã tạo được dáng hình các vị tiên ông, tiên nữ, tiên sa... trong chậu pha lê trong suốt. Theo yêu cầu một số người tây học, ông Cầm còn tạo được cả dáng nữ hoàng, dáng tiểu thư quý tộc châu Âu, với bộ váy áo năm tầng bảy tầng kia. Cái chậu thủy tiên trước mặt chúng tôi đây nhu có phép màu. Lúc ông Cầm đặt thủy tiên vào chỉ thấy chùm rẽ trắng xóa ra trong nước, chứ chẳng có hình dáng gì cả. Vậy mà ông chỉ cầm vào thân cây khoa nhẹ vài lần trong chậu nước nó thoát biến thành cô tiên sa, lưng ong thắt đáy, xiêm y trắng muốt, lông lẩy bay tha thướt lung linh. Cảnh lính tráng chúng tôi cứ tròn mắt ra nhìn. Lạ quá !... Đẹp quá ! Suốt ngày chúng tôi quen với bom đạn, sắt thép có biết thế nào về cái thú chơi hoa của người Hà Nội. Bà và chị Tú có vẻ hài lòng lắm. Phần nhiều những câu chuyện cổ tích của người châu Á chúng ta khi con người tốt gặp khó khăn, hoạn nạn; tưởng chừng không còn lối thoát thì tiên hoặc Bụt xuất hiện. Vậy tiên là điểm lành, tiên giải thoát cho con người. Tiên traps giữ, xua đuổi ma quỷ, tà khí. Do đó, lúc giao thừa, trước bàn thờ ông vải mà có tiên hiện ra thì còn gì may mắn, phúc đức hơn.

Bà bảo:

- Từ ngày thành giặc Mỹ đánh bom Hà Nội, bà cứ phải chạy loạn tứ tung. Thoạt đầu về quê nội ở

cúi huyện Thường Tín. May bay Mỹ ném bom cầu Rê, chỉ cách làng vài cây số. Sợ quá, bà bó quế nội chạy ngược lên Phú Thọ, nơi cơ quan con dâu sơ tán. Nhưng ở trên ấy xa quá lại toàn núi với rừng, cứ như bị cầm tù. Bà lại bó, chạy sang bên kia sông Cái, chỗ cơ quan cái Tú sơ tán. Nhưng năm nào cũng vậy, cứ vào tầm áp tết âm lịch là bà lần về Hà Nội. Bà có nhiệm vụ thay nước cho thủy tiên hàng ngày. Còn ông Cầm mỗi ngày một lần, đạp xe tới nhà này. Ông ấy ngồi hàng giờ trước chậu thủy tiên với một ấm trà ngon, một bao thuốc Điện Biên bao bạc. Ông nghiêng ngó, ngắm nghía, nghỉ ngơi, châm thuốc lại dụi thuốc, chân chề mồm mang củ thủy tiên trong chậu ra trích bớt vài cái rễ hoặc tách bỏ một lớp bẹ ở củ. Cũng có hôm chỉ xếp lại mấy cái rễ sao cho đáng nỡ thật tự nhiên, thật tha thướt vẫn điệu như cô tiên sa trong cái chậu này. Các cháu thấy có đẹp không ? Để có cô tiên đẹp thế này, ông Cầm phải tốn nhiều công sức lắm. Ông ấy làm nghề cắt tóc. Tháng áp tết là tháng kiếm ra tiền. Nhưng một khi ông ấy đã cuốn vào sự say mê thủy tiên thì... dĩ nhiên ông Cầm chẳng bao giờ lấy tiền của nhà này. Bà ngừng lời, nhìn ông Cầm rất tế nhị. Ông Cầm cũng chăm chú nhìn miệng bà, gât gât đầu.

Chị Tú, không muốn để ông Cầm nhìn miệng, quay mặt đi nói nhỏ:

– Chú Cầm thông minh lắm đấy. Chỉ nhìn

miệng mà chú ấy biết bà nói gì. Tuy vậy, sớm mùng một Tết chú Cầm lên lễ các cụ, bà lại mở hàng xứng đáng với công sức của chú.

Bà nói tiếp:

– Vài năm nay, giặc Mỹ quấy nhiễu Hà Nội nhiều quá, ông Cầm cũng cải tiến kỹ thuật. Ông ấy ước, tạo dáng thủy tiên ở nhà mình, gần được mới mang cho. Dẫu vậy, vẫn phải mang trước tết chỉ ít mười hôm để thủy tiên hợp thổ trạch. Bởi âm khí, dương khí mỗi nhà một khác. Có nhà còn bị tà khí kia. Người như bà cháu mình chả biết được đâu. Nhưng ông Cầm nhìn vào thủy tiên là ông ấy biết. Âm khí thì ông ấy yểm bằng mấy mũi dao trích vào phần củ thủy tiên theo kiểu bát quái: cung Đoài, cung Ly, cung Thốn... Còn khí âm vượng thì ông ấy trích rễ, khí dương vượng thì gọt củ... có như vậy hoa mới tươi lâu, lá không bị khô đầu. Thủy tiên mà lá bị rơm đầu, coi như hỏng. Tôi tò mò hỏi:

– Bà bảo chú Cầm xem, ngoài các việc tạo dáng, cắt tỉa... có còn phải làm gì nữa không?

Tôi nói tới đâu, bà ra hiệu tới đó, chú Cầm hết nhìn, miệng lại nhìn tay bà: chú gật gật đầu, miệng ớ ớ ớ ớ. Chú nhoe nhoẻn cười chỉ vào bình thủy tiên, chỉ vào chị Tú. Chị Tú nhảy cẫng đoán biết chú Cầm định "nói" gì. Chị nhẹ nhàng cười mỉm, mặt đỏ rần đỏ rần đến tận chân tóc Chị xua xua tay. Nhưng chú Cầm vẫn tiếp tục các động tác của mình. Bà phá

lên cười, nước mắt chảy dần dần. Bà vừa lấy khăn tay thấm nước mắt vừa bảo:

– Cái ông này đáo để chưa ? Các cậu có biết ông ấy bảo gì không ? Ông ấy bảo thủy tiên, tức là cái cô tiên sa trong chậu nước này cũng như cái Tú rất thích vuốt ve, vỗ về. Chị Tú đỏ mặt, nói:

– Bà đừng "dịch" cho các anh ấy nữa.

Bà bảo:

– Cứ để bà "dịch" cho các cậu ấy. Ông Cầm còn bảo chỉ vuốt ve, vỗ về thì con gái dễ sinh nhờn. Thỉnh thoảng phải ra uy, trích một mũi dao vào thân, vào rễ cho nó sợ.

Chị Tú mỉm cười, dứ tứ nắm tay, bảo:

– Nhà chú này

Ông Cầm đắc ý cười giòn giã. Thấy chúng tôi hào hứng, ông Cầm chỉ vào tai mình, chỉ vào củ thủy tiên khua một vòng tròn trước mặt...

Bà "dịch":

– Ông ấy bảo ông có tai nhưng không nghe được. Còn cây thủy tiên không có tai nhưng mình nói gì nó nghe được hết đấy. Cho nên nó mới chiều ý mình nở hoa vào đúng lúc sang canh.

Từ đó, tôi không có dịp qua ngôi nhà một thời thân thiết với chúng tôi ở phố Hàng Mã, bởi giờ đây không còn ai quen biết chúng tôi. Bà nội chị Tú đã ra người thiên cổ. Chị Tú theo chồng chuyển vào

công tác ở thành phố Hồ Chí Minh. Tuấn chuyển ngành và lấy vợ ở hẳn trong Qui Nhơn, quê ngoại của mẹ anh. Do vậy ngôi nhà ấy chỉ còn bố mẹ Tuấn và vợ chồng cô em gái mà tôi chưa một lần gặp mặt. Chẳng hiểu họ còn giữ được truyền thống đón xuân với bình thủy tiên trừ tịch thoang thoang hương thơm thanh tao và quý phái nữa không ?

Còn chú Cám ? Trong đợt mười hai ngày đêm tháng Chạp năm 1972 chú đưa cô con dâu trưởng trở dạ đi bệnh viện Bạch Mai đã bị dính mảnh bom B52 chết trước khi nhìn thấy thẳng cháu đích tôn chào đời. Người ta cứ tấm tắc khen chú thương con dâu và đảm đang quá. Hẳn chú vừa ở chợ về đến cổng ngõ nhà mình thì đưa luôn con dâu đi để nên trong túi xách vẫn còn vài củ "hành tây".

Mồng chín tháng giêng Mậu Dần

D.D.N.

(Văn nghệ số Tết Mậu Dần 1998)

MƯA ẤM THÁNG GIÊNG

NGUYỄN QUANG THIỆU

Thường vào lúc những cơn mưa tháng giêng bay mờ trắng và ấm áp, thì bầy chim di tranh rơi từ mùa đông năm trước trở về. Cả bãi vau rộng và chạy dài gần một cây số dọc triền sông quê Ngàn trở thành nơi nghỉ cánh của bầy chim. Không hiểu vì sao, bầy chim di cư lại chọn bãi vau ấy làm nơi nghỉ trước khi bay chặng cuối cùng về một vùng đất ngập nước cách làng Ngàn khoảng 50 cây số. Chúng sống trên vùng đất ngập nước ấy từ mùa xuân cho đến đầu đông. Suốt thời gian ấy chúng kiếm ăn và sinh nở. Bầy chim bay về nhưng chúng ấm áp ở phương nam theo một đường khác. Khi trở về, chúng chọn một đường khác và nghỉ lại bãi vau vào giữa chiều. Người làng chạy ra mặt đê xem chim về. Bà nội Ngàn kể : Ngày trước, có mùa chim về nhiều quá, bãi vau không đủ chỗ cho chúng, bầy chim phải đậu tràn vào những khu vườn trong làng, nghỉ lại đúng một đêm, và mờ sáng hôm sau

lại ra đi. Cả làng như thức giấc bởi tiếng đập cánh ngòm ngợp của bầy chim. Chúng bay cắt qua làng và cất tiếng kêu trong như tiếng sáo trúc. Bà nội Ngần bảo, đó là lời cảm ơn của chim. Những buổi sáng như vậy, Ngần dậy sớm. Cô chạy ra sân, ra ngõ và đường làng để nhặt những chiếc lông chim rụng.

"Tại sao bầy chim chỉ ở lại bãi vải làng mình có một đêm hở bà?". Ngày còn bé, Ngần hỏi bà nội như thế. Và bà nội kể câu chuyện về bầy chim do cụ nội Ngần kể lại.

Hồi thuở xa xưa, bầy chim di cư đã chọn đường bay qua vùng đất bãi quê Ngần. Chúng chỉ bay qua chứ không nghỉ lại bãi vải. Nhưng một hôm chiều, người làng thấy bầy chim đổ xuống bãi vải. Thay là cả làng đổ ra xem. Trên ngọn của một cây vải to nhất, cao nhất, bầy chim lượn thành hình tròn như một dải mây khổng lồ. Gió từ cánh của bầy chim rào rào vào những vòm lá vải. Chúng bay vừa kêu thăm thiết. Trên tán lá dày nơi ngọn cây, một con chim lớn nằm xõa cánh. Đây chính là con chim Chúa. Trong chặng bay cuối về vùng đất ngập nước, con chim Chúa đã hạ cánh xuống bãi vải. Nó biết nó không còn đập cánh được nữa. Và nó chọn bãi vải quê Ngần làm nơi yên nghỉ. Đàn chim bắt những chùm vải phủ kín lên con chim Chúa. Đêm ấy bầy chim ở lại bãi vải. Và sáng sớm hôm sau thì chúng ra đi.

Sau khi bầy chim ra đi, dân làng đổ ra bãi vải

và mang xác con chim Chúa xuống. Con chim Chúa to hơn những con chim khác. Đặc biệt, nó có một đôi cựa như một đôi ngà voi nhỏ xíu và một chiếc lông đỏ trên đỉnh đầu. Dân làng chôn con chim dưới gốc cây to nhất, cao nhất ấy và hương khói như đối với một con người. Lại thay, năm ấy làng được mùa vải chưa từng có. Hình như cái hoa nào cùng đậu quả, và vải quê Ngần là giống vải to và hơi chua, bỗng trở nên ngọt và thơm lạ thường. Cho đến bây giờ, ngoài giống vải thiều ra, không có loại vải nào ngọt như vải quê Ngần cả.

Và từ đó, làng Ngần đã chọn ngay 13 tháng giêng làm ngày hội làng, hội thi cây cảnh. Những cây chuối được uốn, tía thành hình con chim, có cái lông đỏ trên đỉnh đầu. Buổi sáng, người làng đổ ra mặt đê thắp hương và đợi chim về. Sáng sớm hôm sau, khi bầy chim ra đi, người làng ra bãi vai nhặt những chiếc lông chim rụng. Nếu ai nhặt được chiếc lông chim màu đỏ thì sẽ gặp phước lành. Người già nhặt được thì sẽ không bệnh tật và sống đến trăm tuổi. Trẻ con nhặt được thì ngoan ngoãn, thông minh. Con trai nhặt được thì khỏe mạnh, tài trí, làm ăn phát đạt. Và con gái nhặt được thì mỗi ngày một đẹp, một thảo hiền và sẽ lấy được người mình mong ước. Nhưng mỗi lần chim về, trong hàng ngàn chiếc lông chim rụng, chỉ có mỗi chiếc màu đỏ.

Sau khi nghe bà kể, năm nào cũng vậy, đêm

trước ngày hội làng. Ngần hầu như chẳng ngủ được vì thấp thỏm. Nhưng cho tới bây giờ, Ngần vẫn chưa nhìn thấy chiếc lông chim ấy. Bởi thế mà Ngần vẫn chỉ ru rú ở nhà với bà. Đám trai làng hầu như chẳng để ý đến cô. Nếu có, cũng chỉ là những câu đùa cho vui mà thôi. Ngay cả khi ở tuổi 17, Ngần vẫn như một cô gái lên mười.

Đã có thời gian dài, có lẽ cũng phải 15 năm, bầy chim không trở về bãi vải. Vào một đêm trong chiến tranh, đúng cái đêm mà bầy chim nghỉ lại bãi vải thì bị bom đánh. Hàng chục quả bom đã ném xuống bãi vải. Sáng sớm hôm sau, người làng chạy ra bãi vải. Một cảnh tượng đau lòng hiện ra. Bãi vải xơ xác, cây đổ ngổ ngang. Trên mặt đất, rụng kín hoa vải và la liệt xác chim. Người làng nhìn cây đổ hoa rụng vào chim chết mà nước mắt ròng ròng. Sau đêm ấy, bầy chim di cư không thấy bay về nữa.

Vào những ngày đầu giêng, Ngần vẫn đôi lúc tha thần dọc bãi vải. Chính ở đó Ngần đã gặp Thư. Đó là một buổi chiều cách đây bốn năm. Họ làm quen nhau và Thư hỏi :

– Cô có biết bầy chim di cư không ?

Ngần đã kể cho Thư nghe về bầy chim ấy, cả câu chuyện về con chim Chúa và chiếc lông chim màu đỏ.

– Cô đã nhặt được chiếc lông chim ấy chưa ?

Ngân buột miệng :

- Chưa. Năm nào em cũng tìm.

Nói xong, Ngân đỏ mặt và vội bỏ đi.

Hôm sau, một cán bộ xã đưa Thư đến nhà Ngân. Lúc đó cô mới biết Thư là một người nghiên cứu về những bầy chim di cư. Thư đến để được nghe bà nội Ngân kể về bầy chim.

- Tôi đang đi tìm bầy chim ấy - Thư nói.

- Bầy chim nào ? - Ngân hỏi.

- Bầy chim trước kia đậu lại làng mình một đêm ấy.

- Chúng nó ở tận trên trời, làm sao anh tìm được ?

- Tìm được chứ - Thư nói hồ hởi - Tôi đã tìm thấy chúng rồi.

- Ở đâu hở anh ? Chúng ở đâu ?

- Chúng đã về bãi vãi ven sông, nhưng không như ngày xưa, chỉ có vài chục con thôi.

Thư đưa Ngân ra bãi vãi. Anh chỉ cho Ngân thấy một hai chiếc lông chim. Rồi cả làng xôn xao lên sau buổi Thư nói chuyện ở đình làng về bầy chim, rằng chỉ một vài năm nữa, bầy chim sẽ lại về. Những ngày sau đó, có những buổi Ngân và Thư lang thang dọc bãi vãi cho đến tối. Thư nói với Ngân :

- Chúng sẽ trở về. Bầy chim biết rõ chúng phải bay theo nguồn gió nào và hạ cánh ở đâu.

Vào mùa xuân năm sau, Thư lại lĩnh kinh đồ đặc về làng Ngần từ mồng 5 tết. Suốt ngày Thư ở trên đê nhìn trời. Thi thoảng, anh qua sông và đạp xe vào sát chân núi Mối. Mỗi khi trở về, mặt Thư tím đi vì gió lạnh. Ngần thường đun một ấm nước nóng cho Thư rửa mặt.

- Anh có thấy chúng về không ? Lần nào thấy Thư dắt xe đạp từ ngô vào sân, Ngần cũng hỏi như thế.

- Chưa thấy gì - Thư đáp - Nhưng anh à năm nay chúng sẽ về đông hơn...

Thư bỏ lưng câu nói và im lặng nhìn Ngần.

Một buổi tối, Thư ở lại nhà Ngần rất khuya. Hai người ngồi nói chuyện với nhau bên bếp lửa

- Đùng là những con chim này có một chiếc lông đo phải không anh ? - Ngần hỏi

- Anh tin là có - Thư nói - Anh cũng muốn nhặt được chiếc lông chim màu đỏ.

- Để làm gì ?

- Để anh thực hiện được ước mơ của anh.

Câu ấy, Thư như nói bằng hơi thở. Và sau câu nói ấy, cả hai người im lặng cho đến lúc Thư đứng dậy. Khi hai người bước ra sân, Thư chợt kêu lên :

- Mưa ầm quá !

Hai người đứng ở sân và cùng ngửa mặt lên bầu trời tháng giêng tối thẫm. Mưa tháng giêng từ

xa tham đang thì thắm phá vào mặt họ. Cả hai thấy ẩm rục lên như đang ngồi bên bếp lửa.

– Mưa ẩm quá ! Thư nói như reo khê. Mưa ẩm thế này là bầy chim sẽ về !

Nói xong, Thư nắm lấy bàn tay Ngần. Và họ nhận ra, hai bàn tay họ cũng đang ẩm rục. Sau khoảnh khắc bàng hoàng qua đi, Ngần vội rút tay mình ra khỏi tay Thư.

– Anh về đi, khuya rồi ! – Ngần nói vội vã.

– Ngần, Ngần ! – Thư gọi thẳng thốt.

Ngần bước lên hiên nhà. Cô đứng nép vào cột hiên. Chưa bao giờ cô lại thở như thế. Khi biết Thư đã đi xa, và khi hơi thở dần dần trở lại đều đều, Ngần đẩy cửa vào nhà. Cô bước lại bên giường bà nội và nói:

– Bà ơi, bà ngủ chưa ? Cháu đốt cho bà chậu lửa nhé !

– Bố cô ! Bà nội mắng yêu. Chờ được cô đốt lửa cho thì tôi đã chết cóng rồi !

Ngần cười khúc khích và chui vào màn. Cô ôm lấy bà nội.

– Bà ơi, mưa ẩm lắm. Mưa ẩm như thế bầy chim sẽ về !

– Ai bảo thế ? – Bà nội hỏi.

– Anh Thư nói thế bà ạ !

– Thằng Thư à – Bà nội nói – Cháu à, bà bảo

nhé. con gái mà da khô, tóc cứng và nóng như châu thì đường tình duyên khó lắm. Đứa nào nó yêu châu thật thì nó phải là người đức độ lắm.

Đêm ấy, Ngần thao thức mãi không ngủ được. Tiếng Thư gọi Ngần lúc ở ngoài sân làm cho Ngần thấy chóng mặt. Chưa ai gọi Ngần với giọng như thế bao giờ.

Đúng chiều ngày 13 tháng giêng năm ấy. Ngần theo Thư ra đê. Mưa tháng giêng bay mờ cả triển sông. Vải đang trở hòa. Họ đứng im lặng nhìn về phía trời xa. Bầy chim trở về thật chững vải chue con từ từ đậu xuống ngọn cây vải cao nhất. Thư nắm tay Ngần chạy xuống chân đê. Cả hai rón rén đến dưới gốc vải và nhìn lên. Bầy chim đậu sát bên nhau và khẽ kêu lên, tiếng trong như tiếng sao trúc. Thư say sưa ngắm nhìn bầy chim cho đến khi trời đổ tối. Thư dắt tay Ngần đi lên mặt đê. Ngần để yên tay mình trong tay Thư. Lên đến mặt đê, Thư vừa thở vừa nói :

- Anh dự báo đúng. Bầy chim đã trở về rồi, Ngần ơi !

Nói xong, Thư ôm choàng lấy Ngần. Ngần gục đầu vào vai Thư. Cô thấy tim mình đập vang vang tận đỉnh đầu.

Sáng sớm hôm sau bầy chim rời bãi vải ra đi. Ngần lên ra bãi vải. Cô vừa hồi hộp vừa ngượng ngừng tìm dưới gốc cây vải xem có chiếc lông chim

mẫu do không. Dù trong lòng cô nghĩ chiếc lông chim mẫu do có lẽ chỉ là chuyện cổ tích. Nhưng khi không tìm thấy chiếc lông chim ấy thì lòng Ngân dâng lên một nỗi lo âu mơ hồ. Và rồi, cô buồn hết cả tháng giêng.

Bảy chim ra đi được mấy ngày thì Thư cũng ra đi. Anh phải trở về vùng đất ngập nước, cùng các đồng nghiệp tiếp tục công việc của mình. Đêm ấy, trong bếp lửa nhà Ngân, nghe Thư thổ lộ tình yêu của anh, Ngân đã khóc. Lỗi to tình mà Ngân đã chờ đợi bao năm tháng lại làm cho Ngân hoảng sợ và đau khổ. Nếu Ngân tin rằng mình xinh đẹp như các cô gái khác, cô đã chạy ủa đến đón nhận tình yêu của Thư.

- Làm sao em khóc ? - Thư hỏi.

Ngân không thể nói cho Thư biết vì sao cô khóc. Cô ngược mặt nhìn Thư. Cô nhìn thấy đôi mắt Thư đang nhìn cô đắm đuối và ấm áp vô cùng. Lúc đó, Ngân muốn gào lên với Thư rằng : "Tại sao anh có thể nhìn gương mặt xấu xí của em đắm đuối như thế kia được". Nhưng Ngân không gào lên được. Cô chỉ biết khóc. Thư kéo đầu Ngân vùi vào ngực mình. Anh vuốt ve mái tóc Ngân. Lúc đó, Ngân cảm thấy mái tóc mình khô giòn và khét đắng. Đến khi Thư vuốt ve bàn tay Ngân thì Ngân vùng khỏi vòng tay Thư và nghẹn ngào :

- Tại sao em lại không nhặt được chiếc lông chim mẫu đỏ ?

Câu hỏi của Ngần vừa tu thân, vừa oan hận. Thư nhìn Ngần và nhận ra tất cả. Anh thì thảo :

– Em sẽ nhận được, chắc chắn là nhận được.

Nửa tháng sau ngày Thư đi, Ngần nhận được thư anh. Thư say sưa kể cho Ngần nghe về những bầy chim di cư trở về trong những ngày đầu xuân ấm áp. Ngần thấy hạnh phúc và nhớ Thư vô hạn. Đêm ấy, cô đọc thư của anh bao nhiêu lần cũng không thấy chán. Nhưng khi cô lấy chiếc gương ra soi thì cô lại gục đầu mệt mỏi. Cô luôn luôn cảm thấy da cô khô và sạm, tóc cô cứng và khô, mắt cô hơi xệch, đôi môi cô có những vết rộp. Nhưng sao anh ấy lại yêu mình ? – Cô thầm hỏi. Hay anh ấy chỉ yêu bầy chim thôi ? Ngần nhận được thư của Thư, nhưng cô không viết lại cho anh.

Thư viết cho Ngần mỗi lúc một thưa và bất hẳn. Lá thư nào, Thư cũng xin được cười Ngần và mong câu trả lời của Ngần. Nhưng Ngần đã im lặng suốt cả một năm. Những lúc thấy Ngần thần thờ, bà nội lại bảo : "Bà biết cháu chờ nó. Nhưng cháu ơi, người ta khác mình lắm. Xem cô đưa nào trong làng tốt bụng hỏi thì lấy. Tuổi cháu đứng rồi, đừng viễn vông. Trong nhà, bà lo và thương nhất mày. Nếu xinh đẹp như người ta thì lại đi một nhẽ, đăng này... Thôi, ông trời cho thế nào thì được thế, cháu ạ".

Năm ấy, bầy chim di cư trở về đông lắm, có tới hàng trăm con. Cả làng xôn xao. Những người già

trong làng họp lại đề bàn về lễ đón chim năm sau. Sau khi bầy chim bay đi, chẳng có ai ra bãi vãi tìm chiếc lông chim màu đỏ, chỉ có Ngần. Nhưng Ngần không tìm được chiếc lông chim mong ước ấy. Và năm đó, thời gian đối với Ngần trôi đi quá chậm.

Nhưng rồi mùa xuân lại trở về, dù rằng năm nay mùa đông như về quá muộn. Nhưng mùa đông phải trả lại thời gian cho mùa xuân đúng quy luật của nó. Mới chỉ ngoài Tết mấy ngày mà mưa phùn đã ẩm như hơi nước nóng. Cũng vào lúc đó, có một người tìm đến Ngần. Đó là một người đàn ông tóc đã điểm bạc. Ông là một nhà nghiên cứu chim di cư. Ông làm cùng viện với Thư :

- Cậu Thư đang lặn lội tận đồng bằng sông Cửu Long. - Người đàn ông nói vậy. Sau đó ông không hề dả động gì đến Thư, mà chỉ chăm chú hỏi về bầy chim.

- Tôi đọc hồ sơ của cậu Thư về bãi đỗ chim làng cô và cả câu chuyện về chiếc lông chim màu đỏ...

- Chuyện cổ tích ấy mà, bác quan tâm làm gì. - Ngần buồn bã nói.

- Tôi lại tin chuyện đó là thật.

- Thật, sao chẳng thấy chiếc lông chim màu đỏ? - Ngần nói, giọng chột xa xăm. - có người tìm cả đời chẳng thấy.

- Người nào có lòng tin thì sẽ gặp được điều mình mong muốn. - Người đàn ông nói. Mỗi người

phải tin vào một điều gì đấy. Trước hết phải tin vào chính mình.

Đêm ấy. Ngần lại mở thư của Thư ra đọc. Cô biết, cô vừa mong đợi những lá thư như thế, lại vừa nghi ngại những gì Thư viết cho cô.

Sau bao nhiêu năm, ngày 13 tháng giêng năm nay, làng Ngần lại tổ chức lễ đón bầy chim. Khoảng hai giờ chiều, người làng đã tụ tập kín mặt đê. Một chiếc bàn phủ gấm điều bày bánh trái, hoa quả và một chiếc lư đồng Trầm được đốt lên tỏa thơm ngát, Ngần cũng có mặt trên đê. Nhưng cô chỉ đứng ở phía cuối đoàn người, khăn len che kín mặt. Với mặc cảm về sắc đẹp của mình, cô luôn luôn né tránh đám đông. Cô đứng đợi bầy chim trở về mà lòng buồn bã.

Khoảng ba giờ chiều thì bầy chim trở về. Chúng xuất hiện phía xa như một đám mây. Đám mây mỗi lúc một lớn. Và những người đứng trên mặt đê nghe thấy tiếng đập cánh của bầy chim như tiếng mưa rào đang đổ xuống. Và trong khoảng khắc, bầy chim có lẽ đến vài ba ngàn con ngồm ngộp đập cánh trên đầu họ. Tiếng kêu của bầy chim vang lên như tiếng sáo trúc rộn ràng. Bầy chim lượn một vòng quanh làng Ngần rồi từ từ đậu xuống bãi vải. Mọi người đứng trên mặt đê reo hò.

Ngần đứng lặng im, mắt không chớp nhìn bầy chim.

– Tôi đã nhìn thấy con chim Chúa.

Nghe tiếng người nói sau lưng. Ngần quay lại và nhận ra người đàn ông cùng viện với Thư.

– Bác nhìn thấy thật à ? – Ngần hỏi. – Sao bác biết ?

– Con chim bay ở giữa đàn. – Người đàn ông nhìn về phía bãi vài, nói. Nó có đôi cánh dài, rộng gấp đôi những con khác. Nó bay nhanh nhưng đập cánh rất ít. Chỉ có con chim Chúa mới có chiếc lông màu đỏ.

Câu nói của người đàn ông bỗng làm cho Ngần dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Cô mở chiếc khăn ra. Gió xuân ấm áp phả lên mặt cô. Và từ đó cho tới lúc đi ngủ, Ngần nào nức lòng. Ngày mai cô sẽ dậy thật sớm để đi tìm chiếc lông chim màu đỏ.

Và Ngần đã khóc nức lên trong buổi sớm mùa xuân. Khi bước ra sân, cô thấy những chiếc lông chim rụng ngay ở sân nhà cô. Sáng sớm hôm nay, bảy chim từ bãi vài đã bay cất qua làng cô để trở về vùng đất ngập nước. Và giữa những chiếc lông chim màu trắng là một chiếc lông chim màu đỏ như lửa. Ngần nhặt chiếc lông chim lên. Cô để chiếc lông chim trong lòng bàn tay. Chiếc lông chim khẽ rung lên bởi hơi thở của Ngần. Cô vội mang chiếc lông chim màu đỏ vào nhà, mở chiếc khăn tay và đặt chiếc lông chim lên đó ngắm nhìn, lòng ngập tràn hạnh phúc. Suốt ngày hôm đó, Ngần cười nói

khác thường. Đến khuya, khi tin chắc mọi người đã ngủ say, Ngân rón rén trở dậy. Cô vận to đèn, run rẩy lấy ra chiếc gương rồi lại áp chiếc gương vào ngực, người run bắn. Cuối cùng cô đưa chiếc gương lên ngang mặt mãi lâu sau mới lấy hết can đảm và từ từ mở mắt ra. Cô nhìn vào gương. Và thật kỳ lạ, cô thấy mình không hề xấu xí như những ngày xưa, nước da không phải khô và sạm, mà rạm nắng, khỏe mạnh, đôi môi không hề có vết rộp mà mọng ướn. Cô từ từ đưa tay lên mái tóc. Mái tóc cô dày và mềm mại.

Cô soi gương, rồi bỏ gương đi. Rồi cô lại soi, lại bỏ, mỗi lúc lòng tin về nhan sắc của mình càng mạnh mẽ."

Ngày hôm sau, cô đi chơi khắp làng. Bạn gái cô kéo cô lại và thì thầm : "Yêu rồi phải không ?", "Yêu ai mà yêu", - cô cãi. Bạn gái cô nói : "Đừng có giấu tao, mày đẹp ra như thế này thì chỉ do hơi đàn ông chứ còn gì". Cô đỏ mặt sung sướng. Cô không muốn nói về chiếc lông chim màu đỏ. Cô không tin chuyện thần tin. Nhưng cô không lý giải được vì sao lại thế. Chỉ có điều không ai cho là cô xấu. Chỉ có cô nghĩ mình xấu xí và tự ti về nhan sắc của mình.

Điều ấy chỉ mình Thư biết. Và anh yêu cô lạ lùng. Anh phải kéo cô ra khỏi sự mặc cảm ghê gớm đó. Chỉ làm như thế, anh mới có được cô. Và anh đã bỏ mọi công sức lang thang đến nhiều vùng để tìm

được một chiếc lông chim màu đỏ. Anh đã nhờ một đồng nghiệp về làng Ngần trong mùa chim di cư trở về và bí mật thả chiếc lông chim màu đỏ xuống trước cửa nhà cô.

Mấy ngày sau, người đàn ông cũng ra đi. Ngần viết lá thư đầu tiên cho Thư và nhờ người đàn ông ấy chuyển giúp. Lá thư chỉ vền vẹn mấy dòng : "Em yêu anh. Ngày nào em cũng mong anh trở về. Hãy về với em ! Ngần".

(Nhân dân số Tết Mậu Dần 1998)

LỜI HỨA CỦA THỜI GIAN

NGUYỄN QUANG THIỀU

Khi hoàng hôn đổ xuống những đôi thông thì gió nổi lên. Tiếng gió u u không rút cho đến tận sáng sớm hôm sau. Đối với ông Miêng, giấc ngủ không còn quan trọng nữa. Ông có thể thức suốt đêm, hoặc ngồi trong ngôi nhà dưới chân đồi, hoặc đi lang thang trong rừng thông sẫm tối và sạch sẽ. Buồn ngủ lúc nào thì ông ngủ lúc đó. Có ngày, ông ngủ suốt buổi chiều trên lớp lá thông dày ở đỉnh đồi. Ông tin, một ngày nào đó, ông sẽ ngủ mãi mãi trên tấm thảm lá thông này. Ý nghĩ ấy làm ông hạnh phúc. Chính trên những quả đồi này, năm 1972, cả tiểu đội của ông chỉ còn sót lại một người. Đó chính là ông. Sau trận đánh chiều hôm đó. Ông ngất đi vì ba vết thương trên người. Khi ông tỉnh dậy trời đã khuya. Đêm ấy trời đầy sao. Cả vùng đồi im phắc. Ông gương ngồi dậy. Và trong ánh sáng mờ của sao và vầng trăng đầu tháng, ông nhận ra đồng đội ông đang nằm như ngủ bình yên

trên đỉnh đồi. Ông đã cất tiếng gọi. Không có ai trả lời ông. Tất cả đã hy sinh. Tiếng gọi của ông đêm ấy vang trên những quả đồi trơ trụi và vong mãi đến bây giờ.

Sau chiến tranh, ông về thăm quê và quyết định trở lại vùng đồi này. Trở lại vùng đồi này, ông mang theo một người đàn bà trẻ. Người đàn bà đó là vợ ông. Người đã chờ ông suốt mười năm cuối cùng của cuộc chiến tranh.

Ngày ông dắt vợ đến vùng đồi, người đàn bà trẻ ngơ ngác nhìn cỏi hoang vu và hỏi :

– Chúng mình đến đây để làm gì hở anh ?

– Để sống.

Ông Miêng nói một câu ngắn gọn như vậy. Rồi những ngày sau đó, ông dựng một ngôi nhà nhỏ dưới chân đồi. Chính quyền địa phương không một chút dấn đo cho phép ông được sống ở đó. Một năm sau ngày đến vùng đồi, ông bắt đầu trồng thông. Ông nói với vợ :

– Anh sẽ trồng thông kín những quả đồi này.

– Bao giờ mới kín được ? – Người vợ lo lắng hỏi.

– Anh không biết. – Ông nói. – Nhưng anh sẽ trồng, và anh sẽ trồng kín.

Những đêm sáng trăng, ông thường ngồi im lặng nhìn lên đỉnh đồi. Mây lững lờ bay qua đỉnh đồi, và ông nghe tiếng ông gọi đồng đội mình.

Những đêm như thế, ông thường đi lên đỉnh đồi và trở về nhà rất khuya. Vợ ông sợ hãi hỏi :

- Anh lên đó làm gì ?
- Anh lên thăm bạn anh.
- Có ma nào ở trên đó mà anh thăm. Anh làm sao thế ? Em sợ lắm.

Ông ôm chặt vợ vào lòng và rì rầm :

- Tất cả đang ngủ trên đó.

Vợ chồng ông Miêng sống trên vùng đồi như sống trên một hòn đảo hoang. Có những tuần lễ không một bóng người đi qua. Người dân ở đó không biết làm gì ở vùng đồi sỏi đá và còn sót lại cả mình từ chiến tranh này. Ông Miêng trồng tất cả những thứ gì có thể mọc được trên đất đồi này quanh ngôi nhà nhỏ và nuôi tất cả những gì có thể sống được ở đó. Sau một năm. Vùng đồi đỡ hoang vu hơn bởi những màu xanh đầu tiên được nhen lên và bởi tiếng gà, tiếng chó. Ngày đầu tiên, ông Miêng đến Sở Lâm nghiệp tỉnh xin cây thông non để trồng. Người Sở Lâm nghiệp nói giá mỗi cây thông non cho ông biết. Và nhanh hơn mọi, ông ta tính ra một món tiền khổng lồ mà ông Miêng phải trả.

"Tôi không có tiền, tôi chỉ xin để trồng thôi". Ông Miêng nói. Người Sở Lâm nghiệp tròn mắt : "Thế thì ông lấy lá thông mà trồng". Nghe vậy, ông Miêng bỏ đi. Ông gặp lãnh đạo tỉnh. Sau khi nghe ông trình bày, lãnh đạo tỉnh hỏi : "Như vậy là ông

vay vốn ?". Ông Miêng lắc đầu : "Không. Tôi giúp tỉnh trồng thông kín những quả đồi đó. Tôi chỉ trồng thông thôi, tôi không lấy công, không lấy gì hết". Lãnh đạo tỉnh nhìn ông khó hiểu. Ông nói : "Tất cả đồng đội của tôi đã chết trên những quả đồi kia. Bây giờ họ đang ngủ ở đó. Khi nào thông mọc kín những quả đồi thì tôi sẽ trở về quê". Lãnh đạo tỉnh ôm lấy ông. Sau đó Sở Lâm nghiệp cấp cây giống cho ông. ông Miêng bỏ hết số tiền ông có mua một con trâu để chở cây giống và giúp ông những việc khác. Mỗi tháng, ông đánh xe trâu đưa vợ xuống thị xã một lần để mua sắm những thứ cần thiết cho hai vợ chồng hoặc mang bán một ít gia súc. Những buổi chiều bớt việc, ông thương dắt con trâu đi lang thang quanh vùng đồi để tìm cho nó một đám cỏ non.

Có lúc, con trâu dừng bước, ngẩng cao đầu nhìn về dãy Trường Sơn xanh mờ. Nó bứt rứt lắc chiếc mõ tre đeo nơi cổ. Tiếng mõ tre vang lên đơn độc và khắc khoải. Nhiều đêm, con trâu đánh sừng suốt đêm vào những gióng tre chắn cửa. Và tiếng nó thở hắt ra như một tiếng thở dài. Những lúc ấy, ông Miêng tỉnh giấc. Ông cầm chiếc đèn bão ra chuồng trâu. Con trâu ngược đôi mắt uơn ướt nhìn ông. Ông bước lại bên con trâu vuốt ve cái khoáy trắng trên trán con trâu và thì thầm : "Khi thông phủ kín những quả đồi, tao sẽ thả mày về với rừng".

Hai năm sau, những cây thông được trồng đã bắt đầu rít gió. Đêm đêm, gió u u thổi qua rừng thông non trên sườn đồi. Và trong tiếng gió thổi lúc gần sáng có tiếng trâu khua sừng và thỏ gập vữa náo nức vừa buồn bã. Những đám mây mang hình người lơ lửng trôi qua những đỉnh đồi trong ánh trăng non. Nhiều đêm như thế vợ ông đã khóc và đòi ông dời bỏ vùng đồi về quê.

Rồi vợ ông mang thai, ông ôm vợ và nói : "Chúng mình sẽ có một thằng con trai. Vùng đồi này sẽ có thêm một người và anh có thêm một người trồng thông". Nhưng ngày vợ ông sinh là ngày khủng khiếp nhất trong đời ông. Dứa bé ấy không thành người. Nó chết ngay sau khi được sinh ra. Ông đã bọc đứa con trong chiếc áo lính bạc trắng của mình và đi quá nửa ngày đường xe trâu đưa đứa bé về vùng đồi. Ông chôn đứa bé trên đỉnh đồi nơi cả tiểu đội của ông đã nằm ở đó. Những ngày sau đó thì thoảng ông để cho vợ đánh chiếc xe trâu lọc cọc về đó chơi với một người quen cho khuây khỏa. Còn ông lại lao vào trồng thông từ sớm đến tối. Vợ ông xuống thị xã và đôi khi ở lại đó vài ba ngày. Nhiều đêm chị hoảng hốt đòi ông trở về quê. Nhưng ông chỉ im lặng. Ông quyết liệt trồng thông phủ kín những quả đồi và quyết liệt có con. Vợ ông mỗi ngày một ít nói và đánh xe trâu về thị xã nhiều hơn. Cho đến một ngày, ông không thấy vợ trở về. Ông về thị xã tìm vợ. Vợ ông để lại

chiếc xe trâu ở nhà người quen cùng với lời xin ông tha thứ và vĩnh biệt ông. Vợ ông đã không chịu nổi cuộc sống ngày dương đêm âm của vùng đồi. Và chị quá sợ hãi phải sinh nở với ông. Người bạn chị nói với chị là ông nhiễm chất độc da cam. Ông chỉ có thể sinh ra những đứa bé không thành người. Chị đã bỏ ông, bỏ vùng đồi đi theo một người đàn ông khác mà chị gặp và trở nên thân thiết trong những lần đánh xe trâu về thị xã.

Ông chết lặng khi nghe tin ấy. Và lần đầu tiên trong đời ông thấy mình như không còn một chút sức lực nào nữa. Ông tựa vào con trâu và run lấy bầy. Ông không đi tìm vợ. Ông cũng không có ý đánh xe trở về vùng đồi. Ra khỏi thị xã, ông nằm xuống thùng xe và mặc cho con trâu kéo cỗ xe đi về đâu thì về. Ông nằm trên đống cỏ đã héo khô trong thùng xe, người như lên cơn sốt. Mặt trời dần tắt. Bóng tối phủ dần lên con đường. Con trâu vẫn kiên nhẫn bước đi từng bước.

Khi con trâu lắc mõ và rống lên một tiếng dai ông mới tỉnh khỏi cơn sốt của đau đớn. Ông ngồi dậy và sững sốt nhận ra cỗ xe đã dừng trước ngôi nhà của ông dưới chân đồi. Ngôi nhà nằm im lìm trong bóng tối mờ. Hai con chó thấy ông về mừng rỡ tru lên khe khẽ. Ông mệt mỏi bước xuống khỏi thùng xe. Gió đêm bắt đầu thổi. Những lá thông rung lên. Ông lặng lẽ bước lên đỉnh đồi. Hai con chó lặng lẽ, lẻo đẻo theo sau ông. Ông đến ngôi

xuông cạnh nằm mộ nhỏ của đứa con xấu số bên một gốc thông nhỏ. Ông khóc.

Đêm đó, ông lên cơn sốt thật. Trong cơn mê, ông thấy đồng đội ông ôm súng nằm phủ kín những quả đồi. Ông đi lang thang trên những quả đồi và gọi tên đồng đội. Không ai trả lời ông. Tất cả đã ngủ mãi mãi trên những quả đồi kia. Ông nằm bệt trên giường hai ngày liền. Một nhân viên của trạm cây giống lên thăm ông. Thấy ông ốm, nhân viên trạm cây giống vội đi đón một nữ y tá đến thăm bệnh và chăm sóc ông. Mấy ngày sau ông khỏi và lại đánh xe đến trạm cây giống lấy thông con. Ông lại trồng thông từ sớm đến tối mịt. Lúc nào đói thì nấu ăn, lúc nào mệt thì nằm ngủ, không theo quy luật nào cả.

Cứ khoảng một tháng, ông Miêng lại đánh xe về thị xã. Sau khi mua sắm những thứ cần thiết cho sinh hoạt và công việc, ông ghé qua nhà người quen của vợ chồng ông.

– Có thấy cô ấy về đây không ?

Khi gặp người quen, ông thường hỏi câu đó. Người đàn bà nhìn ông vừa ái ngại vừa như có lỗi và lắc đầu. Và trước khi bước lên xe để trở về, ông đều nói : "Có gặp vợ tôi thì bảo với cô ấy là tôi vẫn đợi cô ấy"

Mỗi lần từ thị xã trở về, ông Miêng thường ghé thăm cô y tá đã chăm sóc ông cái bệnh ông ốm. Cô y

tá tên là Hoa, làm việc ở trạm xá một xã gần đó. Ông thường mang cho chị lúc thì một ít trai cây, lúc thì một hai chục trứng gà. Hai người ngồi nói chuyện vãn vơ về vùng đồi. Dần dà họ trở nên thân thiết với nhau. Những lúc rảnh rỗi, Hoa đạp xe đến thăm ông. Ông Miêng dẫn chị lên đỉnh đồi để chỉ cho chị những cây thông mới trồng.

Những cây thông cứ từng ngày mọc lên trên những quả đồi sỏi đá. Ngày nào đến thăm ông, chị cũng ở lại ăn cơm chiều với ông. Hai người ngồi ăn cơm bên ngọn đèn chai trong tiếng gió thổi qua những đồi thông.

Một buổi chiều đưa Hoa lên đỉnh đồi, ông Miêng đã nói với chị : "Không có người thì chẳng làm sao, nhưng đã có người đến đây rồi thì tôi cảm thấy mình lẻ loi quá". Nghe ông Miêng nói vậy, Hoa im lặng và đi xuống chân đồi. Ông Miêng bước theo và nói khẽ : "Ngày nào không có Hoa lên đây, tôi buồn lắm". Càng nghe ông Miêng nói, Hoa càng bước vội hơn. Đến ngôi nhà của ông Miêng dưới chân đồi, Hoa vội vàng lấy xe đạp và nói : "Em phải về". Ông Miêng vội hỏi : "Sao không ăn cơm với tôi?" Hoa không trả lời, chị đạp xe xuống con đường đất đỏ chạy ven chân đồi.

Một tuần sau đó, Hoa không lên đồi thăm ông Miêng. Ông nóng ruột xuống làng tìm chị. Họ ngồi im lặng trước nhau. Hoa không nói một câu gì cho

tới khi ông Miêng đứng dậy ra về. Hoa tiễn ông ra đến đầu ngõ và bỗng nói : "Anh đừng giận em. Chiều mai em lên".

Buổi chiều hôm sau, Hoa lên thăm ông Miêng. Đó là một chiều hạnh phúc trào lên bất tận với ông Miêng. Ông dừng xe trâu đưa Hoa đi quanh vùng đồi. Ông nói say sưa và náo nức về vùng đồi. Hoa nghe ông và đôi mắt giàn giụa. Những ngày sau đó, cứ khi nào rảnh rỗi công việc ở trạm xá xã, Hoa lại đến với ông Miêng. Chị dọn dẹp nhà cửa cho ông và cuốc những vạt đất ven chân đồi trồng chuối và rau.

Một buổi chiều đang trông thông non trên sườn đồi, ông Miêng giật mình nghe một tiếng nổ dưới chân đồi. Ông nhìn xuống và kinh hoàng nhận ra Hoa nằm úp mặt trên đất. Khói đen như trùm kín người chị. "Hoa !" Ông Miêng rú lên và lao xuống chân đồi. Những cây thông non mới trồng gập dưới chân ông. Khi ông chạy đến chỗ Hoa nằm thì khói đã tan hết. Chị nằm sấp trên mặt đất đồi, một bàn tay vẫn nắm chặt chiếc cán cuốc. Một quả mìn của địch cài lại trong chiến tranh đã cướp đi sự sống của chị. Ông Miêng từ từ quỵ xuống bên chị. Bỗng ông ngửa mặt lên trời và rống lên. Bầu trời trên đầu ông trong và xanh thẫm. Khói mìn đã tan đi trong gió. Cả vùng đồi yên tĩnh lạ thường.

Ông Miêng bế Hoa lên " Hoa ơi là Hoa". Ông gọi và bế chị đi về phía ngôi nhà của mình. Ông

mức nước trong chiếc lu sành rửa mặt mũi, chân tay cho chị. Rồi ông đặt chị nằm ngay ngắn trên chiếc giường của mình. Ông mở hết cửa cho gió thổi buổi chiều lùa ào ạt vào ngôi nhà. Ông ngồi xuống bên chị và kể lể cho chị nghe về cuộc đời ông cho đến khi bóng tối phủ kín ngôi nhà ..

Sau ngày vợ ông bỏ đi và Hoa bị chết bởi mình, ông Miêng bắt đầu bỏ rất nhiều thói quen của cuộc sống hàng ngày. Chỉ còn lại vùng đồi và những cây thông non là niềm vui của ông. Đêm đêm, ông lẩn thẩn với những công việc không đâu vào đâu. Gần sáng ông thức giấc, ông ra hiên nhà ngồi, nghe gió réo u u qua rừng thông đã lên cao. Có một thời Sở Lâm nghiệp mời ông làm đội trưởng đội trồng rừng của tỉnh. Ông từ chối. Ông muốn sống một mình trên vùng đồi này. Ông muốn tự tay trồng kín thông trên những quả đồi sỏi đá và đầy mảnh bom đạn cùng những quả mìn còn sót lại dẫu đó trong đất đồi. Đêm đêm, ông sống cùng tiếng gió những đồi thông. Thi thoảng ông lại nghe chính tiếng ông gọi đồng đội xưa kia vọng về. Đồng đội ông đã yên ngủ ngàn đời trên những ngọn đồi kia. Và ông cũng muốn được yên nghỉ vĩnh viễn nơi đó. Hàng tháng ông vẫn đánh xe xuống thị xã. Và lần nào ông cũng chỉ cho xe đi qua cửa nhà người quen của vợ ông. Ông cho trâu dừng lại. Ông nhìn vào ngôi nhà rồi lại bỏ đi. Với vợ ông, ông không hề thù oán, ông chỉ thấy buồn. Người đàn bà đã chờ đợi hơn mười

năm không một điều tiếng gì. Nhưng chỉ ba năm sống với ông trên vùng đồi này, chị đã không chịu đựng nổi. Nói đúng hơn là chị khiếp sợ. Chị khiếp sợ phải sinh cho chồng những đứa con bất thành nhân dạng.

Bây giờ thông đã mọc kín và cao trên những qua đồi. Tóc ông Miêng đã bạc tuy ông mới ngoài 50 tuổi. Con trâu ông mua từ ngày mới đến vùng đồi, nay đã già yếu. Đồi sừng như đè nặng hơn trên đầu con trâu làm mặt nó như cúi xuống sát đất. Hơn một năm nay, ông không bắt nó kéo xe. Đã có lần, nhớ đến lời hứa trước kia với con trâu, ông đã dắt nó đến sát những cánh rừng Trường Sơn và nói với nó : "Mày hãy trở về rừng đi" Nói xong, ông tháo con trâu và quay về. Nhưng đêm hôm sau, trong giấc ngủ chập chờn, ông nghe có tiếng con trâu thở gấp. Ông tỉnh giấc và nghĩ mình ngủ mê. Ông nhớ con trâu, nhưng ông giữ lời hứa của mình. Rồi ông lại chập chờn bước vào giấc ngủ. Ông nghe thấy có ai gõ cửa. Ông lại tỉnh giấc. Ông ngồi dậy, lắng nghe và nhận ra có ai đó đang đẩy cửa. Ông bước vội ra mở cửa và nhận ra con trâu trở về. Ông khẽ kêu lên và ôm lấy cổ con trâu già. Rồi ông dắt đèn ra sau nhà hái một ôm lá sắn cho nó. Con trâu vừa ăn vừa nhìn ông. Ông âu yếm nhìn con trâu và nói : "Mày không muốn về rừng ư ? Thôi thế thì ở lại với ta. Những quả đồi này cũng thành rừng thông rồi. Có công của mày đấy".

Những ngày sau đó, chiều chiều ông dắt con trâu đi lang thang trên những đồi thông. Và những lúc ấy, ông nhớ đến đồng đội ông, nhớ đến đứa con đã chết của ông, nhớ đến người vợ đã bỏ ông đi không có tin tức gì và nhớ đến cái chết của Hoa trong một buổi chiều của hòa bình. Nỗi nhớ bấy giờ của ông không còn mang một nỗi đau tê tái nữa, mà chỉ như gió thổi qua những đồi thông vào những đêm gần sáng vừa da diết, bồn chồn, vừa xa xăm thốn thức.

Một buổi chiều, ông dắt con trâu già từ rừng thông trở về nhà. Một chàng trai đã dừng ở sân nhà đợi ông. Ông lặng lẽ bước đến bên chàng trai.

– Cháu chào bác. – Chàng trai nói khẽ.

– Cậu tìm ai ? – Ông hỏi.

– Cháu tìm bác Miêng.

– Tôi đây. – Ông nói. – Tôi là Miêng.

Mặt chàng trai chợt biến động lạ lùng. Ông nhận thấy đôi môi chàng trai run lên.

– Cậu tìm tôi có việc gì ?

Chàng trai không trả lời ông. Nước mắt chàng trai trào ra. Bỗng chàng trai nức nở.

– Có chuyện gì vậy ? Sao cậu lại khóc ?

Chàng trai cứ đứng trên sân khóc một hồi lâu. Rồi chàng trai lấy tay lau nước mắt. Chàng trai bước một bước về phía ông và nói, giọng như lạc đi :

- Ba, ba Miêng. Con là con của ba.
- Con tôi ! - Ông Miêng khẽ kêu lên. - Cậu nhâm rồi.

- Ba hãy tha thứ cho má con.

- Má cậu ? Má cậu là ai ?

- Má con là Lợi. Má nói con đi tìm ba.

Mọi cảnh vật trước mắt ông Miêng nhòa đi. Tim ông nhói lên như có một mũi kim đâm vào. Hai chân ông run lên.

- Cậu là con tôi à ? Ông Miêng nói như bằng hơi thở của người ốm nặng.

- Con là con của ba. Má nói con đến đây tìm ba mà nói ba hãy tha thứ cho má.

- Má cậu đâu ?

Chàng trai khóc và nói :

- Má mất rồi, ba ơi !

Ông Miêng cúi đầu im lặng. Một lát sau ông bước đến bên chàng trai, đặt bàn tay chai sạn, đen đúa lên vai chàng trai và nói :

- Vào nhà đi.

Chàng trai xách chiếc túi du lịch nhỏ theo ông vào nhà. Chàng trai mở túi lấy một bọc vải nhỏ và mở ra. Trong đó là một chiếc nhẫn. Ông Miêng nhận ra chiếc nhẫn đó. Chàng trai lấy chiếc nhẫn đưa cho ông Miêng.

- Trước khi nhắm mắt, má đưa chiếc nhẫn cho

con và nói con phải đi tìm ba. Đến-lúc đó, con mới biết ba con là ai và ở đâu.

- Má cậu nói gì nữa không ?

- Má nói, má đã phản bội ba, không phải vì má không yêu ba mà là má quá sợ.

- Má cậu sợ cái gì ? - Ông Miêng hỏi.

- Con cũng hỏi má vậy, nhưng má không bao giờ nói cho con hay.

- Lâu nay má con cậu sống ở đâu ?

- Dạ, ở Nha Trang. - Chàng trai đáp, giọng đầy nước mắt.

- Má con cậu sống với ai ?

- Chỉ hai má con con thôi. - Chàng trai nói. - Từ lúc sanh ra, con chỉ biết có má.

Nói xong, chàng trai nhìn ông Miêng vừa sợ vừa chờ đợi. Hai người ngồi im lặng. Mặt ông Miêng bất động.

- Trước khi má mất, - chàng trai nói, - Má bắt con hứa là phải tìm được ba. Má nói con thay má tạ lỗi ba và mong ba tha lỗi cho má để má được thanh thản nơi chín suối. Má nói con phải đến đây và sống với ba hết đời. Ba sẽ che chở cho con.

Ông Miêng nhìn gương mặt non nớt, trong sáng và tội nghiệp của chàng trai. Lòng ông nhói đau. Ông biết chàng trai không phải con ông. Vì ông không bao giờ sinh được một đứa con lành lặn. Ông

cũng chợt hiểu những gì đã xảy ra với người vợ của ông. Ông hiểu người đàn ông đã lừa dụ vợ ông và cũng đã ruồng bỏ người đàn bà ấy cùng hòn máu của mình. "Ba sẽ che chở cho con". Giọng nói nức nở và như một lời cầu nguyện của chàng trai vang lên trong lòng ông. Chàng trai ấy hiển hiện là sự tạ lỗi của vợ ông đối với ông. Và hơn thế, người đàn bà, vợ ông, đã quá yêu thương đứa con mình và cầu ông che chở cho một con người.

Thấy ông ngồi bất động, chàng trai lại khóc và nói

- Ba ơi ! Má mất rồi.

- Ba ơi ! Ông nắm bắt như người ngủ mê, nhắc lại tiếng gọi của chàng trai.

- Ba hãy thứ tội cho má. - Giọng chàng trai đã khản. - Ba cho con về ở với ba. Ba đừng bỏ con.

Ông Miêng nhìn chàng trai. Nếu lúc này ông nói ra sự thật với chàng trai thì có nghĩa ông đập tan mọi hy vọng và ự chờ đợi của nó. Và nghĩa là, ông không chấp nhận lời cầu xin của một người đàn bà tội nghiệp trong cơn hấp hối. Và cũng chính lúc này, sự xuất hiện của chàng trai lại làm ông thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Nếu bây giờ chàng trai bỏ đi, ông sẽ gục ngã không thể đứng lên được bởi chính sự cô đơn mà bấy lâu nay ông cố vùng vẫy chống chọi. Khi chỉ có mình ông, ông không nhìn thấy hết sự cô đơn. Nhưng khi có một con người

khắc đứng trước ông, ông mới nhìn thấy toàn bộ sự cô đơn khổng lồ của mình. Lúc này nhìn ông như một người cổ xưa, không tuổi tác và lạnh phắc như đá. Bỗng từ trên những đỉnh đồi, gió ào ạt đổ về. Ngọn gió lớn cuộn cuộn thổi qua hai người. Trong tiếng gió vọng lên những tiếng thì thầm bất tận.

Ông Miêng chống gối đứng dậy. Ông bước đến trước chàng trai. Chàng trai ôm đỡ lấy ông. Ông thấy hơi người ấm rực từ chàng trai phả vào cơ thể ông đang run lên như một cơn sốt rét. Ông quờ tay ôm lấy chàng trai và kêu lên như một tiếng rên.

11-1997

(Văn nghệ số 13, 28-3-1998)

PHIÊN CHỢ TẾT

HOÀNG ĐÌNH QUANG

Cho đến tận bây giờ, đã hơn ba mươi năm qua rồi nhưng không hiểu sao tôi vẫn cứ đinh ninh rằng tiết đại hàn phải rơi vào ngày hai mươi sáu tháng Chạp, dù rằng lịch thiên văn không hẳn năm nào cũng vậy. Đó là một ngày gió rét xèo da cắt thịt, mưa phùn giăng như bột muối trắng trời, còn con đường đất đỏ chen lẫn đá cuội từ nhà tôi ra chợ Ba Hàng lép nhép bùn. Ngày hai mươi sáu tháng Chạp, có thể gọi là *hăm sáu tết* được rồi, là ngày mà chợ Ba Hàng họp phiên cuối cùng trong năm. Phiên này ai mua gì, bán gì thì cũng cố mà mua mà bán cho bằng hết, bằng đủ... Đúng ra thì còn một phiên nữa họp vào ngày *hăm chín*, nhưng là chợ xép (phiên của chợ Đồn Sơn Cốt chuyển ra) lại cận quá rồi, năm nào tháng thiếu, *hai chín bất làm ba mươi*, ai bí quá chạy ra mua nắm mùi, củ su hào tí dẫu, tí mướp mà thôi !

Hàng năm, buổi học cuối cùng của chúng tôi là

vào ngày hăm nhăm, sau đó khuôn bàn ghế đi gủi để nghỉ tết. Tôi hôm ấy tôi cuộn tròn mình vào cái chăn chiên vui trong ổ rơm thơm thơm mùi mảy lúa mà háo hức chờ cho mau sáng. Tôi nhắm tính... mình có năm hào trong túi. Với tôi, năm hào cho một phiên chợ là thật to. Ở vành cối xay kia là đôi giầy cao cổ tuy đã rách lỗ chỗ và lại cỡ 40 quá to so với đôi chân tuổi mười ba của tôi, nhưng còn tốt chán. Tôi đã tìm được nó ở doanh trại bộ đội trong lúc nhặt pin và cái kỹ chỉ để dùng vào sáng mai, phiên chợ Tết. Năm hào, dứt khoát là tôi phải mua được một cái *ong-bun*, hết hai hào rưỡi. Có *ong-bun*, tôi sẽ có một cái đèn pin tự chế bằng ống nứa và nửa quả bóng bàn, bởi vì tôi đã có khá nhiều pin nhặt được của bộ đội họ vứt đi. Còn lại mua gì tính sau. Tôi sẽ mua lấy mấy bao diêm bởi vì khẩu súng bắn diêm của tôi chắc chắn là vô địch. Nó được tôi tự chế bằng một cái van xe đạp cũ. Sau khi gỡ bỏ cái *hạt gạo*, tôi nhét một que diêm vào bít lại, nhồi tiếp thuốc diêm vào bên trong dùng một cái đinh mười phân mai tù đầu đi làm chày kích nỏ. Tất cả được bố trí trên một khẩu súng lục và một đoạn dây cao su sau khi bật lấy cò đã dây nắn cái đinh. Diêm bị kích mạnh, chày cực nhanh tạo ra tiếng nổ không thua gì một phát súng trường !

Trong lúc đang lơ mơ nghĩ về ngày mai hạnh phúc của mình, tình cờ tôi đề phải cái gì nho nhỏ, tròn tròn trong túi áo. À, chiều nay thắng Phư

Trêu vừa cho tôi một cái *ong-bun* đã bị cháy, đứt dây tóc. Nó bày cho tôi cách đánh tráo của bà hàng xén. Tôi thấy cùng hay hay nhưng liệu có an toàn không ? Thôi được, để mai hẵng hay. Tôi cọ quạy lần cuối cùng và quyết tâm nhắm mắt !

Đang lơ mơ thì cổ người kéo chân làm tôi giật mình dụi mắt, vừa bực lại vừa sợ. Sợ là sợ bố tôi sai đi đầu vào giờ này thì chỉ có mà chết. Nhưng tôi nhìn thấy bố vẫn đang ngồi ché lạt giang cạnh bếp. Tiếng con gái thì thào.

- Hoàng ngủ rồi à ? Đây. Chị bảo, này...

Chị Tầm ! Tưởng ai, mà sao chị tìm tôi đêm hôm thế này, lại ăn mặc phong phanh thế kia ? Chị ngồi sát vào tôi thì thầm:

- Mai em có đi chợ không ? Tôi gặt đầu. Có à ? Thế chị bảo này nhá. Sáng mai em ra đón ngô cho chị, chị bán đất hàng mau hết. Đến trưa chị cho hai hào mà mua pháo...

Tôi nhóm dậy, gió lùa hiu hiu vào mặt, vào cổ làm tôi dụi đầu lại:

- Chị bán gì ? Lại bông à ? Nhờ sáng mai u em không gọi, em ngủ quên thì sao ?

- Quên là quên thế nào ? Chị kéo dài hai tiếng "thế nào" một cách âu yếm.

- Hay là chị ngủ đây với em, sáng mai cùng dậy!

- Không được, chị còn phải về xay nôt nắm gạo. Em có sang ngủ với chị thì sang...

- Rét lắm, em chả đi đâu. Sáng mai em dậy trước chị cho mà xem...

Tôi lẩn đùng ra ổ rơm, nhắm mắt, mặc kệ chị Tầm. Thật ra tôi cũng thích sang ngủ với chị Tầm. Ngủ với chị ấm lắm. Có hôm chị còn ôm chặt lấy tôi, lúc chị phải dậy nấu cơm tôi còn cố kéo chị nằm với tôi một lúc. Nhưng từ hôm anh Tuốc chê tôi là quán ngủ với đàn bà, rằng "Một hơi đàn bà bằng ba đồng dấm", tôi đâm ngượng, nên chỉ hôm nào rét lắm hoặc đi chơi về khuya sợ không dám gọi bố thì tôi mới sang ngủ với chị Tầm.

Chị Tầm là con gái bác Khuê. Tôi gọi là bác, nhưng bác Khuê không có họ hàng gì với nhà tôi. Gia đình bác hồi tản cư chạy Tây từ mãi dưới Hà Đông lên. Sau hòa bình, gia đình bác không về quê nữa mà ở lại chung với nhà tôi trên miếng đất ông bà nội để lại cho bố tôi. Họ nhà tôi nhỏ, bố tôi lại vốn quý người nên coi hai bác như anh chị. Hai bác cũng đối xử với nhà tôi như vậy. mỗi khi nhà tôi có giỗ tết, bác Khuê gái cũng đội gạo, đem tiền đến đóng như các cô chú tôi. Hai bác chỉ có mỗi chị Tầm, năm ấy chị mười bảy...

Tôi cũng biết tôi là thằng ngỗ ngược. Bố tôi mấy lần dọa *khiến* cho tôi một trận, nhưng chưa làm được, chỉ vì tôi không ăn trộm, ăn cắp của ai, lại học giỏi. Tôi chỉ học ở lớp, còn về nhà hầu như chẳng mấy khi phải học, chiều nào cũng làm cặp

quang sọt đi gấp phân, tôi đến ít khi phải dùng đến đèn dầu. Thế mà vẫn lên lớp, vẫn được khen, được cha mẹ khối đứa hàng xóm coi tôi là tấm gương cho chúng. Vậy thì chuyện đi ngủ đõ hàng xóm là chuyện quá thường, bố tôi còn ba thằng con trai nữa, tha hồ mà quất !

Nghe tiếng guốc của chị ra đến đầu hè tôi biết chị Tầm đã về. Tôi mỉm cười, nghĩ bụng: Chịu khó dậy sớm đón ngõ, sờ tay vào gánh bông của chị Tầm, được hai hào. Thế là vốn liếng của ta có bảy hào rồi, cũng khá khố...

Tôi thấy người lớn vẫn hay hát :

Phố Yên có phố Ba Hàng

Có Chiêu dãi sớ, có nàng Lê Thanh

Nghe bảo từ hồi xưa, cả dãy phố huyện bây giờ chỉ có một hàng nước, một hàng xén và một hàng cắt tóc, nên người ta gọi là phố Ba Hàng, sau thành tên hành chính. Chiêu dãi sớ là cái "sớ chiêu dãi" người nhà, thường là vợ của các anh bộ đội thuộc sư đoàn 312. Còn *nàng Lê Thanh* là bà Thanh Khoèo, bán quán nước, có anh con trai tên Đắc, làm chân quét chợ Ba Hàng, nên gọi là Đắc Vồ.

Sáng sớm hôm sau, tiết đại hàn, trời đã gió rét lại nửa phùn nhưng tôi vẫn dậy rất sớm. Sau khi ra đón ngõ và sờ vào gánh bông của chị Tầm, tôi leo đèo theo chị ra chợ. Tôi dận đôi giày lịch bạch to dùng lờ ra cái ống chân như chân hét, có lẽ giống

cái thằng người gỗ Pinôkiô trong chuyện tôi đọc kể được ở nhà bà Phấn Lan. Trông tôi, ai cũng phải bật cười, nhưng vì rét quá, nhiều bà không há miệng ra được mà chỉ nhủi cái gì đó vào lưng, vào đít tôi mà đi. Từ nhà tôi ra chợ cũng xa, gần ba cây số. Nhìn chị Tầm gánh bông sao mà điệu thế ! Không biết vía tôi thế nào mà chị vừa đặt gánh xuống là có người nhao nhao hỏi mua. Hai hào một quả, người chọn, người moi những quả dưới thúng làm bông lán cả ra đất, tôi cũng hăng hái nhặt hộ chị. Có người mua chưa kịp trả tiền, tôi sẵn đến đòi ngay, sợ mất. Mãi đến lúc chỉ còn hơn chục quả veo, tôi để mặc chị Tầm, lĩnh vào chợ.

Đang chen lấn, thấy hàng bánh chưng, bụng tôi bỗng đói ngấu, tôi liêu minh định đặc mua hẳn một cái, đứng dựa cột lều ăn ngay. Cái bánh chỉ mới hết có hai hào, còn ba hào vẫn mua được *ong-bun* kia mà! Đi một lúc, vì tin rằng thế nào chị Tầm cũng cho hai hào nên tôi mua một hào kẹo dổi nhai tộp tộp. Khi tôi quay ra tìm chị Tầm thì chả thấy chị đâu nữa. Tôi lo quá, còn có hai hào làm sao mua nổi cái *ong-bun*, nó những hai hào ruối kia ? Tôi tự trách mình, hai tay thọc túi quần vờ vờ tờ giấy bạc hai hào màu xanh nhàu nhò. Bỗng tôi chạm phải cái bóng đèn pin đã đứt dây tóc mà Phúc Trêu cho tôi hôm qua, tôi tìm đến bà hàng xén. Đầu tóc bù xù, áo mặc chồng chất hai ba bốn cái, dưới chân là đôi giày to xù, mồm há hoang hoác... trông tôi có

về một thằng nhóc du thu du thực lắm. Chẳng thể mà bà hàng xén tuy bận túi bụi nhưng vẫn hể tôi cảnh giác. Tôi mân mê cái bóng đèn đến mức chảy nước trong túi áo rồi đánh bạo:

- Bà cho cháu xem cái *ong-bun*...

Vừa nói tay tôi vừa thọc vào cái hộp đựng bóng đèn, cầm một cái giá vờ giơ lên trời soi xem dây tóc, nhưng thực ra theo lời dạy của thằng Phúc, tôi đã đánh tráo cái bóng đứt dây tóc, rồi chìa ra cho bà hàng xén:

- Cháu trả bà ạ, cháu muốn mua một cái *ba von tâm*... mà bà chỉ có *hai von năm thôi*!

Đáng lẽ tôi nên bỏ đi ngay nhưng những bao diêm Thống Nhất hấp dẫn tôi quá làm tôi cứ đứng ngây ra. Bà hàng xén nhìn tôi rồi giật mình cầm cái bóng đèn pin mà tôi vừa bỏ vào hộp, miệng chu chéo.

- Thằng ranh con! Mày lừa bà tráo cái *ong-bun* cháy... Anh Dắc ơi!

Cùng đang lẽ tôi phải thần nhiên mắng lại bà ta vu oan giá họa thì tôi lại co cẳng chạy. Được vài bước, tôi bị ngáng ngã. Một bàn tay hộ pháp nhắc tôi dậy, và một khuôn mặt dữ tợn ghé sát mặt tôi: Dắc Vó! Lần lần tiên tôi giáp mặt anh ta, nhưng tiếng đồn về Dắc Vó thì tôi đã nghe từ lâu, toàn những chuyện hãi hùng. Trong dư luận người lớn lúc bấy giờ, quét chợ là một nghề hèn hạ, nhưng

anh ta có quyền hành lớn lắm. Ai vào chợ cũng phải nộp cho Đắc Vồ một sản vật gì đó: Cà chua, khoai, sắn, lạc, vừng ... đó là những thứ nông dân đem vào bán. Còn những tư thương chuyên nghiệp có môn bài thì anh ta là người bảo vệ thường xuyên và đắc lực của họ. Chợ họp năm ngày hai phiên, những ngày không họp chợ. Đắc Vồ quét dọn khu chợ và bảo vệ cho những cái lều không bị phá hoại.

Không nói không rằng Đắc Vồ véo tai tôi lồm xồm xếch về phía cổng chợ. Trời lạnh, một bên tai tôi không thấy đau nhưng tưởng như đã rụng ra.

Chợ Tết đông như nôm cối, tôi cố trì lại nhưng không được, lòng hoang mang, chỉ sợ tin này mà đến tai bố thì tôi chết đơn. Bỗng tôi nghe tiếng chị Tâm:

- Anh Đắc! Buồng thẳng be ra... Cùng với tiếng hét là tiếng "bập". Cái đòn gánh trên tay chị Tâm vừa giáng vào vai Đắc Vồ. Anh ta quay lại, và tôi cũng nhìn thấy đôi mắt long lanh, đôi gò má đỏ bừng của chị vì tức giận:

- Anh làm gì thằng bé ?

- Ô, cái nhà cô này... Nó... Nó ăn cắp... Đắc Vồ ấp úng.

- Nó là em tôi, nó không bao giờ ăn cắp. Anh có bằng chứng gì không ?

- Tôi nghe bà Bóp nói...

Chị Tầm giằng lấy tôi từ tay Đắc Vô, kéo đến trước mặt bà hàng xóm:

- Đâu ? Bà bảo nó ăn cắp cái gì của bà, nói cho tôi nghe nào !

Bà hàng xóm cũng bị bất ngờ:

- Tôi nghi nó đánh tráo cái *ong-bun* ..

- Nghi thôi à ? Nghi mà dám đồ riết cho nó, không sợ thụt lưỡi à ? Nào bán cho nó mấy cái, nhà tôi thiếu gì tiền! Em chọn đi, bao nhiêu chị trả..

Tôi đứng ngẩn người:

- Đừng mua của bà này, chị ạ. Sang hàng khác... Mà em cũng chẳng cần mua nữa!

Chị Tầm dặt tay tôi đi, còn quay lại lườm Đắc Vô.

Nhớ mặt con này nhá, lần sau đừng cố mà vô ván! Ăn không của người ta quả bòng không nhớ à?

Đắc Vô xoa vai cười nhàn nhỡ.

Tu đừng tôi muốn khóc quá, cứ nấc lên từng nhịp, cũng có lẽ cái bánh chưng làm tôi nóng cổ. Chị Tầm dẫn tôi đến dãy hàng quà, bảo tôi ăn bún riêu, nhưng tôi không ăn, thành ra chị cũng thôi. Chị bảo tôi trông quang thùng cho chị đi mua mấy thứ hàng Tết. Lúc sau chị quay lại, tôi chia cái *ong-bun* cho chị xem. Chị hỏi:

- Em mua lúc nào thế ?

- Em treo của bà Bọp đây !

- Bọp ư ? Chị cười .. Em tôi cũng không

vừa, lần sau đừng làm như thê nữa nhé. Không có tiền bảo chị, chị cho...

Gần trưa, hai chị em sắp gánh ra về. Qua công chợ, đến dãy máy ông phó máy, chị bảo tôi ở ngoài, chị vào đứng nhìn những cái coóc-xê treo lủng lẳng trên dây. Chị chọn đi chọn lại mấy cái ướm thử lên ngực... Tôi ngoảnh mặt đi vì sợ phải nhìn vào cái đồ vật kỳ dị ấy của đàn bà. Những miếng vải may trần ba bốn lớp, cuộn lại nhọn hoắt như những cái bù dãi, mà những hôm ngủ chung với chị, thỉnh thoảng lại cọ vào lưng tôi, cứng cứng. Tôi không muốn hỏi, nhưng miệng vẫn cứ bật ra:

- Chị mua cái gì thế ?

Chị Tầm lườm tôi, mặt đỏ bừng lên:

- Có nói em cũng chả biết!

- Em mà không biết! - Tôi cãi lại. - Thế chị có áo mới chưa ?

Chị hứ một tiếng rồi cất cái gói giấy xuống đáy thùng, cất đòn gánh, ve vẩy ra về.

Đêm ấy về nhà, nằm một mình buồn và lạnh quá, tôi sẵn cái đèn pin tự chế và đôi giấy thùng cô bốn mươi, tôi chạy sang chui vào chạn với chị Tầm. Không chờ chị ốm, tôi ghì lấy lưng chị, đây về biết ơn và thương mến.

*

* *

Tôi không ngờ đó là phiên chợ tết cuối cùng
Bởi vì năm sau, chiến tranh nổ ra, chợ họp sơ tán
và thưa thớt. Ngày hòa bình, chợ Ba Hàng về trung
tâm thị trấn, họp quanh năm, không còn kể phiên,
kể lượt. Sẽ chẳng bao giờ còn những phiên chợ Tết
như thế nữa. Chị Tầm ơi!

TP. Hồ Chí Minh, 12-96

(Văn nghệ số Tết Mậu Dần 1998)

QUANH MỘT BÀN TIỆC

ĐỖ CHU

Hỏi thật nhé, trên đời liệu có chuyện gì dù khiến ta vừa vui mừng lại vừa ngao ngán hay không. Xin thưa đó chính là việc phải đi dự những đám cưới. Nó là chuyện nể quá, đi thì khổ mà ngồi ở nhà cũng không ổn. Cho nên ngày trước ông Lỗ Tấn mới nổi câu nói toạc móng heo ra, hôn nhân bất quá cũng chỉ là sự cố động cho tình dục chứ chả lạ lùng gì. Dẫu sao thì cái hiểm họa đó cũng không mấy ai đã tránh nổi, do thế buổi trưa ấy vợ chồng tôi vẫn cứ khấn áo chỉnh tề, rồi hăng hái ngồi xe om tìm tới một cái khách sạn có cái tên là gì đó trên phố Tràng Tiền.

Một ngôi nhà mang dáng dấp nửa hiệu buôn nửa nhà trọ, được làm từ thời Tây thuộc địa, đã có lúc biến thành chỗ bán bánh bao và phở mậu dịch, nay được tân trang khá cầu kỳ, chả còn tìm thấy dấu vết nào của sự lam lũ một thời. Tôi đứng giữa đám đông đi lại, bóng người bóng gương nhao nhàng, chợt dạ vì chưa bao giờ dám nghĩ những

chốn như thế này làm ra là để dành cho mình lui tới. Tôi chỉ là một con người bình thường đang sống giữa một biển người bình thường, mà đã vậy thì tất nhiên gần với những gì xuềnh xoàng thương nhạt và dễ dãi ứng với mọi sự hào nhoáng.

May mắn làm sao, đúng lúc ấy tôi nghe thấy một tiếng gọi đầy oai vệ:

- Bằng, lại đây, lại đây!

Vợ chồng tôi mừng ríu cả chân, vội vàng len tới chiếc bàn đặt ở cuối phòng.

- Ông bà ngồi xuống đi. Đây ông Linh, thằng này là đàn em, kém tuổi bọn ta, nó là *thần*, còn chúng ta là *mùi*, nhỉ.

- Đúng thế, anh là lớp trưởng, là Bí thư chi đoàn ngày đó cơ mà.

- Đến khố, dạo đó bọn tớ xúm vào muốn kết nạp cho cậu mà chịu, *cậu* lười bỏ mẹ, lại lơ nga lơ ngơ, toán dốt đã đành, đến thi văn cũng lại hỏng nốt, chả còn ra làm sao. Cũng lạ, vậy mà giờ lại đi viết văn, những anh học không hay càng không biết sau rốt đều tìm đến cái nghề viết, văn chương nhỉ nhằng, báo chí nhỉ nhằng.

- Có nhẽ vậy, đến bây giờ tôi vẫn cứ cảm thấy ngớ ngác, làm sao ấy.

- Thế đấy, có lẽ còn ăn nhau ở cái số chữ nhu cậu lơ ra phải chết đói mới đúng. Cậu biết thằng này gio nó làm gì không ?

- Ô, là anh Linh, phó tiến sĩ ở Bộ Công nghệ môi trường chứ ai.

- Linh nó mới được đề bạt Cục trưởng, hôm nó vừa lên tivi đấy, có biết không ?

- Tôi có lỗi là ít xem tivi, mà trên tivi thì tưởng lúc nào chả có người không nói chuyện này thì nói chuyện khác.

- Nói thế mà cũng nói, đúng là vẫn chưa nào tạt ấy. Ở đây tớ muốn đưa ra một thông tin để chúng ta vui mừng là trong bạn bè cùng lớp giờ đã có thằng leo lên một cái ghế có trọng trách, có cương vị ở đời, nó là như vậy. Tớ vừa nhận được tin thằng Kiểu giờ cũng đã là Giám Đốc sở địa chính của tỉnh rồi, đại hội vừa qua nó trúng phiếu cao lắm, rất nhiều triển vọng. Chuyện hàn huyên tạm dừng vì cũng phải đứng dậy nâng cốc chúc mừng cho mẹ con chị Hồng. Chị Hồng dất cô con gái của mình tới bàn chúng tôi, chỉ cười vui mà chẳng biết nói gì. Ngày xưa chị cũng vẫn vậy, rất ít lời, gặp ai cũng chỉ biết cười, bạn bè trong lớp đều quý mến, gọi đùa là cô Hồng ngâm nạng. Con bé cái Hằng nhà chị hôm nay đã đi lấy chồng, nhanh quá. Nó mới lộng lẫy làm sao, mái tóc cài bông hoa trắng, áo quần trắng, găng tay trắng, hài trắng. Nom nó mà nhớ chị Hồng thuở nào. Chỉ có một điểm khác mẹ là nó ăn nói mau mắn hơn, tự tin hơn, đáo để hơn. Chúng tôi chả ai bảo ai, lần lượt đặt vào tay nó những chiếc phong bì nho nhỏ, gọi là quà mừng

cho ngày vui của hai cháu. Hai mẹ con đã qua ban bên cạnh cảm ơn khách mà ở đây chung tôi vẫn ngồi yên nhìn nhau. Trong một lúc tôi chợt bắt gặp ở anh lớp trưởng ngày nào một thoáng buồn phảng phất. Rồi anh hít vào một hơi như để lấy lại phong độ của một nhà quản lý, và anh cầm cốc đứng dậy như sắp đọc một bài diễn văn vậy. "Ta chạm cốc, các ông".

Bàn tiệc đông bảy người. Ngồi bên phải tôi là nhà tôi. Bên trái là một ông già trạc ngoài sáu chục tuổi, nét mặt điềm đạm, rất khó đoán nghề nghiệp, chỉ có cảm giác là người dễ gần, một kiểu người dễ làm ta thấy tin cậy, như thể đã từng gặp nhau ở đâu đó một lần rồi. Mà sức vóc của ông xem chừng còn cường tráng, tôi đoán chắc ông còn đang khỏe mạnh hơn hết thấy mấy thằng chúng tôi ngồi đây. Bên ông là Tùy, bạn học, bạn chiến đấu của tôi, chúng tôi ngồi chung một bàn suốt sáu năm, rồi sau đó lại ngồi chung với nhau trên một mâm pháo. Sau chiến tranh anh chuyển ngành, làm nhân viên bảo vệ một cơ quan lớn, hay gọi tuột ra là ~~người gác~~ cổng, nay Tùy đã nghỉ hưu về sống ở quê. Có một người hoàn toàn lạ, đang ngồi giữa anh Linh cục trưởng và anh lớp trưởng, phía bên kia bàn. Bên cổ của anh lộ ra một vết sẹo dài, chạy ~~ngoài~~ ngoèo vào tận sau gáy. Anh vẫn chưa nói gì, chỉ uống. Rõ ra là một con sáu rượu. Anh có mặt ở đây trong tư cách nào chẳng ai tiện hỏi, chắc là cũng như ông

già đang ngồi bên trái tôi, chắc là chỗ thân thuộc của gia đình chị Hồng. Anh Linh vốn người khiêm nhường, kín đáo, tư lượng kém, anh nói ít, uống ít, nhưng rất chịu khó rót cho hai người bên cạnh mình. Lớp trưởng của chúng tôi càng uống càng sáng khoái, thêm nữa lại gặp được bạn rượu, rượu làm cho con người ta từ xa lạ hóa thành thân quen. Anh vỗ vai anh chàng seo cổ, giọng ngà ngà, "Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu". Hai người chạm cốc liên miên. Họ uống và đàm chiêu nghị tới những điều xa xăm. Có nghĩa họ đều là những tay có hạng, uống rất tài. Thấy mấy chúng tôi chỉ ngồi nháp qua loa, lớp trưởng chỉ vào từng mặt mỗi thằng. Anh nói, ít có dịp gặp lại nhau, hôm nay uống tới số đi. Ai khiến chúng mày tỉnh, đời là cái cóc khô. Uống rồi tớ sẽ còn dắt các cậu đi một chỗ khác, hay lắm, chúng ta vừa karaôkê vừa uống tiếp. Không khéo rồi các cậu cũng phí một đời vì xem chừng vẫn ngu ngơ lắm. Cục trưởng há, Giám đốc há, để làm gì nhỉ, trên đầu chung mày tóc còn xanh hay đã trắng, chẳng đứa nào tự thấy mình đầu. Tóc tao nom thế này nhưng là tóc già đấy, tóc thật cất ở nhà kia, phong sương mất rồi. Vậy mà vẫn chẳng ra cái thằng con mẹ gì, ham muốn nhiều, dự định nhiều, lắm cao vọng, rút cục cuối đời vẫn chỉ thấy mình hôm qua là một thằng kỹ sư quen, hôm nay là một thằng nhà báo hạng bét, lặn lội lần mò chuyển về một tờ báo ngành, gọi là tờ tin

nội bộ nghe chừng đúng hơn, đầu tiên chúng nó xếp cho cái chân trưởng phòng trị sự, tức là di phân phối báo, cầm cùi mại chúng nó mới nhả cho cái chân phó tổng biên tập, tướng oai lẫm, cùng là ngang vu phó có dấy, nhưng sự thật là sao, là đồ ông do thành, là ngán tận cổ. Họ xếp một thằng ranh con là Tổng biên tập, tuổi trẻ năng động mà.

Ô hay, tôi dám hoàng tự hỏi, có phải ngồi trước tôi là anh lớp trưởng ngày xưa không nhỉ. Ngày xưa, cái ngày xưa ấy, anh chững chạc là thế, nói năng đi đứng lúc nào cũng cứ như mọi ông cán bộ tỉnh, mà cán bộ tỉnh cũng chả chắc đã bằng, cứ thử ra là đã thấy bàn tới lẽ sống của con người mới. Rất nhiều lúc anh đã làm tôi hoang mang tự hỏi, vậy chứ vừa mới nứt mắt ra, còn đang trẻ con một lũ thì mình cù ở chỗ nào, biết cách nào để mà đề mà theo kịp đây. Theo thế nào được, anh là con trai một ông Trưởng ty, một người có máu mặt ở tỉnh, là có mang sẵn trong máu cái khả năng dẫn dắt, anh là con nhà nòi, trong anh ông trời đã có gửi sẵn một thư "gien" di truyền, nó là một sự bí hiểm lắm, những người khác có ước cũng chả được.

Đến năm lớp mười, lúc sắp sửa bước vào thi tốt nghiệp phổ thông cũng là lúc mỗi học sinh đều phải nộp đơn xin thi vào đại học. Nhiều anh trong đó có tôi chỉ nghĩ rất đơn giản ai muốn thi vào đâu thì thi, rồi ra mỗi người cũng phải có một nghề, con phương thì múa con nghề thì chầu. Nhưng đâu có

đơn giản thế, phải có định hướng, phải có chỉ đạo. Ban giám hiệu nhà trường không tiện nói, đây là việc của mấy cậu lãnh đạo lớp. Cũng phải, nếu không vậy thì xô nhau thi cả vào Y vào Dược, tạm được thì cũng là Bách khoa, ai vào Sư phạm đây, ai vào Địa chất đây. Chính nhu cầu của xã hội đòi hỏi phải có sự cân đối hợp lý trong sự sắp xếp lực lượng trí thức cho mai sau. Thế là có người phải làm gương, phải đi đầu trong việc này. Anh lớp trưởng ghi luôn nguyện vọng của mình muốn chọn nghề lâm nghiệp. Lâm nghiệp là rất vất vả, ai cũng biết. Lúc ra ngoài lớp tôi thấy cảm phục quá, mới bảo, anh chọn cái nghề ấy tuy có gian nan nhưng lại được bay nhảy khắp các phương trời. Từ nhỏ tôi chỉ thêm có mỗi một chuyện là được đi đây đi đó. Anh cười nhìn tôi một cách thương hại, như thể tôi đúng là một thằng trẻ con ngờ nghệch. Thằng trẻ con thì có lúc làm người ta bực bội nhưng vẫn là dễ yêu. Anh ghé vào tai tôi để bảo cho mà biết, nhà trường đang còn làm một danh sách đặc biệt nữa, trong danh sách đặc biệt ấy tất nhiên là phải có anh, không thể trệu được. Danh sách gì mà ghé gồm vậy. Tôi hỏi nhưng anh chỉ gật gù lấp lửng, cứ biết là sẽ đi xa, rất xa, có khi suốt năm mười năm không về thăm nhà, đến thư từ cho nhau cũng hiếm lúc ấy phải hiểu cho nhau. Thôi đúng rồi, anh sẽ được gửi ra nước ngoài, có khi anh sẽ đi nghiên cứu về tàu ngầm nguyên tử chứ chẳng chơi. Những

ngành ấy là phải biết giữ bí mật và rất chi là được tin cậy. Tuyền toác như mình thì ba bảy hai một ngày có được chọn vào rồi cũng phải bước sớm.

Có điều đáng kể ra đây là dịp đó có một người nữa cũng đã lẳng lẳng theo bước chân anh tình nguyện nộp đơn xin thi vào trường lâm nghiệp. Người đó là Hồng *ngâm nằng ngâm*. Người ta hoan hô chị, riêng tôi thì thấy cứ bần khoản. Một hôm trên đường về nhà tôi khuyên chị phải xem lại, xin chuyển vẫn còn kịp, thân gái dặm trường, vào những ngành trèo non lội suối sợ không hợp, tốt nhất là nên vào Sư phạm, ra trường về quê mà dạy học, chớ có động cơn đua đòi. Nghe tôi nói xong chị không cười, cũng không im lặng mà chị oa lên nước nỡ khóc. Chị đem tôi ra báo cáo với lớp trưởng, rồi lớp trưởng lại mang tôi ra kiểm điểm phê phán, tôi hóa ra thành một phần tử tiêu cực. Thôi chết rồi. Cái bệnh na mô hột nhiều khi đã làm tôi khôn khéo, đang yên lành chuốc vạ vào thân, lại được một phen sợ hãi, hay mình là một anh có vấn đề tư tưởng thật chứ chẳng phải chuyện bỡn. Kết cục là rất dễ hiểu, tôi thi trượt tốt nghiệp, chịu khó học lại một năm nữa. Bạn bè hơn hờ đi thi đại học, ai vào trường ấy, hầu như đỗ cả. Lớp trưởng và chị Hồng cùng đi thi và cũng đỗ tuốt. Lúc có giấy gọi tựu trường chị Hồng mau mắn đến gặp anh thì anh bảo chị cứ lên trước, ngày một ngày hai anh sẽ lên sau, vẫn kịp chán. Hình như anh đang ngóng đợi

một điều gì, mà chị không được biết. Chuyện này phải là chuyện riêng, chứ chuyện của tập thể là không phải. Một khi lớp đã tan tác mỗi người một ngã rồi thì cái cương vị lớp trưởng tất nhiên chỉ còn là một số áo một kỷ niệm. Chỉ riêng tôi biết anh đang đợi gì, nhưng tôi e chị lại òa lên khóc một lần nữa nên tôi học cách giữ mồm giữ miệng.

Cha hiểu vì sao mà sau cùng cả trường năm ấy chỉ có mỗi một người được chọn đi học ở nước ngoài thôi. Đó là Linh Bình thường quá, bình thường như tất cả mọi người, nhùn nhùn và lơ lơ như tất cả chúng tôi, nhưng anh lại là người may mắn nhất. Mọi người không giấu được sự ngạc nhiên. lớp trưởng của chúng tôi hậm hực ra mặt, gặp tôi anh nói một cách cay đắng như đang phải nuốt một cái mật lợn, "thằng ấy là cái thá gì mà được lựa chọn nhỉ, đúng là cha còn có trời đất nào nữa".

Tôi không thấy thế, tôi cho là vẫn đang có trời đất. Linh được lựa chọn là rất đúng. Trước hết Linh là một học trò cũng siêng năng và giỏi giang như rất nhiều người siêng năng và giỏi giang trong lớp, thứ hai anh là người không biết lo toan quá nhiều cho mình, anh không có sự khôn ngoan sớm như ai. Ấy, ở đời cái người không biết tạo dựng cho mình, thì chính đời sẽ tạo dựng cho họ, không biết đến tương lai thì rồi tương lai sẽ tự tìm đến họ, mà đó là một tương lai tốt đẹp, nhiều may mắn. Mưu sự làm lành gì, hãy cứ sống cho hồn nhiên có hay

hơn không, cái nha anh Linh, từ thuở lọt lòng đã ốm quāt quèo, cứ nom anh gầy gò thế đủ biết người ấy tuổi thơ đã phải trải qua nhiều dân thập tử nhất sinh. Anh mồ côi cha từ sớm, bà mẹ mới ngoài hai mươi đã sa vào góa bụa. Cha anh là du kích xã, bọn Tây trên đồn kéo xuống vây làng, du kích dàn quân chông cự, ông ôm khẩu súng trường cà tềng cùng anh em nháp nhô bỏ nấp sau con đê, sau một cái cồng sông vỡ vụn ở đầu đường. Cũng chả bắn súng bao giờ, chả hiểu chiến thuật chiến lược ra làm sao, nhưng trong ông có một trái tim giàu tình làng nghĩa nước, và ông đã dám nổ súng vào quân thù. Ông hy sinh ngay từ trận đánh đầu tiên và ông là một liệt sĩ đầu tiên của cái vùng quê nghèo đói nhưng không chịu hèn kém. Đây là tất cả những gì tôi biết về Linh, một anh chàng nom quê kệch, hay mặc áo nâu, chân dẫm đất đến trường. Trong những năm chiến tranh tôi có dịp gặp lại anh một lần giữa Hà Nội. Đây là mùa hạ 1968, sau tết Mậu Thân tôi vừa ở chiến trường ra còn anh thì từ nước ngoài trở về. Anh đèo tôi qua các phố bằng một chiếc xe đạp mới toanh, lúc đó cái xe đạp ấy là quý lắm. Anh vừa tốt nghiệp đại học và vài tháng tới sẽ lại chào mẹ lên đường tiếp tục học thêm. Bà mẹ rửa nước mắt vì quá sung sướng, bà kêu lên chạt vô lý, học gì mà học lắm thế, thiên hạ sao mà lắm chữ nghĩa, bố mày, ngày xưa một chữ bẻ đôi chả có vậy mà làng xóm vẫn cứ còn nhớ thương mãi mãi. Mà

may học gì thì học nhưng cứ nhớ là phải biết thêm cái cây cái cuốc, lo gặp buổi tao loạn, không kiếm nổi cái cho vào miệng thì dù có nhiều chữ cũng chẳng làm no nổi cái bụng. Ngắm ra thấy bà nói phải quá. Có học đông học tây gì thì cũng chỉ nhằm làm no cái bụng mình, bụng mọi người xung quanh mình chứ đâu có phải nhằm để leo lên ghế ông lớn bà bự. Sang trọng cái nổi gì nếu ta quên khuấy mất cái chân lý giản dị kia.

Với chị Hồng suốt những năm qua tôi cũng chỉ gặp lại có một lần. Đây là cuối 1975, tôi từ Sài Gòn ra. Tôi phải lặn lội lên tận huyện Thông Nông Cao Bằng tìm chị. Ở trong kia tôi đã biết chị đang làm một kỹ sư lâm nghiệp ở một vùng núi có cái tên địa phương gọi là Táp Ná. Táp Ná có nghĩa là một cái cung. Vùng núi ấy quả nhiên đứng nhìn lâu thì cũng thấy có hiện ra hình một cái cung đang giương lên. Đoàn khảo sát ngày đó đóng trên vùng ấy. Anh Đài chồng chị cũng từ vùng ấy mà được gọi vào bộ đội. Những năm cuối cuộc chiến, tình hình chung ai cũng biết là rất gay go, dù làm việc gì và đang ở đâu những người hậu phương cũng đều hướng cả ra mặt trận, đêm đêm đều thức nghĩ tới mặt trận. Đã có một đứa con gái đầu lòng, đã có một mái nhà lợp cỏ, một cái bếp dầu và mấy cái bát cái đĩa du dề cái gia đình nhỏ nhỏ xum họp thành một tổ ấm. Nhưng người chồng một đêm đã tung chân vùng dậy báo vợ: "Không sống thế này mãi

được, anh sẽ tình nguyện đi Nam, sớm mai anh sẽ báo cáo với Đảng ủy việc này".

Chị khê khàng như chị vốn vẫn là một người khê khàng: "Thì anh đi, chính em cũng còn muốn đi nữa là". Anh kỹ sư điều tra rừng nhiệt đới đi bộ ba tháng dọc Trường Sơn, đánh dăm trận ở Ban Mê Thuột, ở Cồng Tum, đến Bình Long thì ngã xuống trong một cuộc xung phong giải phóng thị xã. Tôi tình cờ mà gặp Đài dịp đó, tình cờ trong lúc tán gẫu mà nhận ra anh đúng là chồng của chị Hồng. Thế là thanh thân niêu. Tôi kịp đến thăm anh lần cuối ở một bệnh viện dã chiến, anh nằm dưới một mái táng lỗ chỗ vết đạn, qua nhưng lỗ thông đó có thể nhìn thấy một bầu trời cao và xanh lá. Chỉ như chỗ ấy ruồi nhiều ơi là nhiều, chúng bay đập liên tục vào mặt mũi chúng tôi. Anh Đài nắm chặt tay, chỉ nhìn nhau mà chẳng nói gì. Như thế là đã nói tất cả những điều cần nói, là đã nói rất nhiều. Tôi hiểu là anh đã dặn dò một mai nếu còn trở về thì nhớ phải tìm lên cao thung lũng Táp Na kia để xem vợ con anh sống ra sao, liệu có giúp được gì thì giúp.

Tôi may mắn là một người còn có ngày về, và tôi đã tìm lên ngay nơi đó cũng chỉ là để gặp lại nhau, xem mẹ con chị sống ra sao chứ còn biết nói gì, lại càng chẳng giúp được gì cho chị và cháu.

Tuyệt nhiên tôi không có dịp gặp lại lớp trưởng của tôi lần nào, thế mới lạ. Tôi có hỏi thăm một vài

người bạn cũ, thì biết anh sau đó cũng không vào làm nghiệp, anh đành bỏ phí một năm ở nhà ôn tập, năm sau thi vào một trường khác mà anh thấy thích hơn. Cũng chẳng hỏi thêm cho rõ anh đã vào trường nào, nay đã thành kỹ sư ngành gì. Làm sao phải hỏi kỹ thế, người như anh ở chỗ nào mà chả sống được, hoàn cảnh nào mà chả biết tìm ra một giải pháp có lợi nhất cho mình. Tôi hoàn toàn tin vào sự khôn ngoan của anh. Cái chuyện hôm nay anh tự cho mình là lộn độn, chỉ là một thằng thất thủ chẳng nên cơm cháo gì, chẳng là cái thá gì, rồi anh cứ buồn bực chán nản, điều đó khiến tôi e ngại cho anh. Đây là anh nghĩ thế, tự máng mình thế, chứ tôi thấy đâu có đến nỗi nào, anh đâu phải là người vất vả nhất ở đời. Anh còn sướng hơn chán vạn người khác. Có điều, nếu được phép khuyên thì tôi sẽ nói, anh và tôi, chúng ta đều chỉ là những người bình thường, mà là những người bình thường mới hay, không gì vui bằng được làm một người như vậy giữa muôn triệu người như vậy. Còn gì bằng được sống một ngày bình thường như tất cả mọi người đang sống. Nghi được như thế thì anh sẽ vui, sẽ yên mình lắm, yên cuộc đời lắm. Khi ấy anh sẽ bớt đi sự tự ti, hiểm ganh ghét với xung quanh và có thêm rất nhiều bạn bè, hơn luôn biết rằng vui cho bạn bè ăn gia làm nên. Còn phượng thì mùa con nghê thì châu, gắm trời này mỗi người đang có một việc, một chỗ đứng và in này hãy cứ ung dung mà sống.

Nhưng chuyện ấy với anh con phải chờ đợi, anh sẽ tới chỗ đó, hiện thời thì chưa thể. Anh đang ngồi cùng chúng tôi trong ngày vui của cháu Hằng, và anh sắp say mất rồi. Đột nhiên anh đặt chén rượu xuống nhìn găm vào mặt người khách lạ này giờ vẫn ngồi uống với anh, hát hăm hời.

- Vậy mày là ai ?

- Thế mày là ai mới được chứ ? Tao là người hàng ngày vẫn gặp mày ở ngoài đường, được chưa.

Tôi đang lo không khéo tan mất bữa tiệc thì chị Hồng từ đâu hiện ra, sự có mặt của chị làm cho không khí dịu hẳn. Chị ghé vào tai ông già nói một điều gì đó. Ông già gật gật đầu mỉm cười, rồi xin phép đứng lên. Hóa ra họ ru nhau cùng đến chụp ảnh chung với mấy người bạn ở bàn đằng kia. Tôi để ý thấy mọi người đứng ken vào nhau, làm thành một vòng cung, cái Hằng được xếp ở giữa, một bên nó là chị Hồng và một bên là ông già nọ. Tất cả đều cười, có người còn cố nghe cho cao thêm. Anh phó nháy luôn mồm kêu "bám này, bám này" và đèn chớp liên tục.

Vậy là tôi đã có thể lờ mờ phỏng đoán ra ông già ngồi bên tôi này giờ là ai. Chờ cho ông trở lại, tôi lựa lời chuyện trò. Trước tiên tôi thấy cần phải đổi cách xưng hô, tôi thấy mình không được phép ngán ngờ quá.

- Anh biết mẹ con cháu Hằng đã lâu chưa ạ ?

- Năm có xung đột trên biên giới, tôi được lãnh đạo Tổng cục cử lên đón anh chị em trên đoàn về dưới xuôi, chuyển đầu tiên tôi đã chở mẹ con cô Hồng về, dọc đường thành quen. Chả tôi vốn là một lái xe mà. Trước chiến dịch Điện Biên tôi đã cùng anh em sang Bằng Tường nhận xe, nhận pháo, sau đó lại vượt qua Tuần Giáo vào Tây Bắc. Nói thực với anh đạo đó tay lái còn non lắm, cũng là vừa học cả thôi. Tôi được nghỉ hưu đã dăm năm nay rồi.

- Không khéo những khẩu pháo sáu này bọn tôi hô nhau lôi ra lau chùi có khẩu anh đã kéo ngày đó.

- Hiểu như thế cũng được, nhưng thật chính xác thì chưa phải. Khẩu pháo tôi kéo về ngày đó chính là khẩu pháo Tô Vinh Diện, nó đã được cất vào Bảo tàng Quân Đội từ lâu rồi. Một lần tôi đến đó, nhòm ngó lúc lâu thì nhận ra, còn nguyên mã số dưới gầm bệ và khóa nòng mà.

- Gia đình anh giờ đang sống ở đâu ạ ?

- Chả giấu gì anh, chỗ anh em tôi cũng nói thật, tôi đang sắp lập gia đình, và nhất định chúng tôi sẽ mời các anh tới dự lễ cưới, một ngày không xa.

Mất anh cười lấp lánh. Chị Hồng lại đến bên bàn chúng tôi. Lần này thì chỉ cần vỗ nhẹ vào vai anh là anh đã đứng dậy ngay. Chị kéo anh tới chỗ người có cái sọc chạy ngoằn ngoèo nơi cổ qua gáy, này giờ vẫn ngồi rất tri bên cạnh lớp trưởng của

chúng tôi. Lại định chụp ảnh với nhau chẳng. Không, chỉ là để giới thiệu làm quen với nhau mà thôi.

- Thưa anh, em muốn được nói, đây là chú Mẫn mà em đã nhiều lần kể, chú ấy là người đã công anh Đài nhà em về trạm phẫu thuật tiền phương và cũng là người đưa mẹ con em vào nhận mộ anh ấy hồi năm ngoái đấy ạ.

Tôi thấy người mà chị Hồng gọi tên là chú Mẫn từ tốn đặt chén rượu đang uống dở xuống bàn rồi đứng hẳn dậy như một người lính vẫn đang còn trong quân ngũ, hai người đan ông bắt tay nhau rất lâu, rất nghiêm trọng.

Rồi khi tất cả đã yên vị, ai về chỗ nấy, chúng tôi tiếp tục vào tiệc. Lớp trưởng của chúng tôi, ông Phó tổng biên tập một tờ báo ngành, chừng đã tới độ quá tải, ngồi lặng thinh buông đũa buông chén. Chỉ còn có mỗi một người vẫn đang uống, đó là Mẫn.

Hà Nội 11-1997

(Văn nghệ số Tết Mậu Dần 1998)

BẠN VIẾT CŨ

NGUYỄN KHẢI

1

Khi ông già đó tới tòa báo lần thứ ba thì các nhân viên ở Ban Trị sự của báo đưa mắt nhìn nhau, có ý kiến hỏi: Nên nói với ông ấy như thế nào để ông khởi đến nữa. Nhìn tướng ngoài cũng biết ông là một cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu, mặt mũi hiền lành, nhân nhục, nhìn ai cũng như hơi mỉm cười, cái cười làm quen, câu thân của nhiều người già. Tất nhiên không phải là một người già của Hà Nội. Ông mặc cái áo dạ đen dài gần chấm gối, đã bạc đã cũ, quần ka-ki màu xám và đi đôi giày vải, đế cao su đen, luôn ôm bên người một cái cặp da căng phồng. Lần đầu hỏi, ông đến có việc gì, ông trả lời ấp úng: "Tôi chờ một người bạn". Những người như thế đến tòa báo chờ một ai đó cũng là thường, ngày nào chả có. Nên không ai hỏi thêm. Ông ta ngồi khoảng chừng một tiếng, nhìn ai cũng như có hơi quen biết, khẽ nghiêng đầu và mỉm

cười, những người kia cũng gật đầu chào lại, về mặt thân nhiên vì họ đâu có biết ông là ai. Lần thứ hai cách đó vài ngày, ông cũng vẫn chào mọi người rất lễ phép rồi ngồi vào cái ghế đầu kê ở góc phòng khách. Nhân viên tòa báo tới mời ông ngồi ghế có lót bọc và rót một tách trà mới pha. Ông chỉ hơi nhồm người cảm ơn rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, vẫn nhìn chăm chú tất cả, những bức tranh treo trên tường và những nhân viên ăn mặc sang trọng đang làm việc ở phòng bên qua lớp kính, nhìn chăm chú lắm, nếu không có nụ cười hiền lành thì cái sự chăm chú ấy là rất đáng ngờ. Lần này là lần thứ ba, mấy người của báo còn chưa biết xử trí ra sao thì một anh trong Ban biên tập đi ngang qua biết chuyện liền bước vào nói với ông già rất lễ phép: "Thưa bác, bác đến báo đưa bài, hỏi bài hoặc cần ai gấp để cháu giúp?" Ông lão nhìn người hỏi rất thân thiết, nói nhỏ nhẹ: "Tôi chờ mấy người quen cũ". - "Thưa bác, là những anh nào ạ?" - "Anh Vũ Tú Nam còn làm ở đây không?". "Chắc đã lâu lắm bác không đến báo, chú Vũ Tú Nam từ lâu không làm ở báo nữa ạ". - "Thế anh Nguyễn Văn Bồng?" - "Bác Bồng cũng về hưu lâu rồi ạ". Quá thật ông này chả hề biết một tí gì về Hội Nhà văn những năm gần đây. Là hội viên thì không phải rồi mà cũng không thể là người Hà Nội. Người Hà Nội đã là trí thức như gương mặt ông này, đâu làm những nghề chả liên quan gì đến viết lách vẫn biết mọi sự đã xảy ra ở Hội Nhà văn, nhiều người còn biết rành

rẻ hơn các hội viên ở xa nữa. Ông này là ai nhỉ ? Chưa kịp hỏi gì thêm thì người kia đã nói tiếp, thì thào, thủ thủ, lại như có một chút xúc động trong giọng nói thì phải. Anh nhà báo vừa nghe vừa đưa mắt nhìn qua cánh cửa sắt, hình như anh cũng đang chờ ai tới, lỡ bước vào hỏi một câu, không chừng phải ngồi với ông này cả giờ: "Cách đây đã mấy chục năm tôi còn là cộng tác viên của báo, thỉnh thoảng cũng có một truyện ngắn được đăng. Mỗi lần đến tòa soạn các anh ở báo coi như người trong nhà". Anh nhà báo cười gượng gạo, mắt vẫn đảo nhìn ra ngoài: "Cái năm ấy chắc bọn cháu còn đang học tiểu học". Ông già lại nói: "Một đời người nghĩ cũng nhanh, anh nhỉ ? Chỉ mới đây thôi mà đã là một kiếp khác rồi". Người tiếp chuyện vẫn cười gượng ép, trả lời lấy lệ, mắt vẫn nhìn nhón nhác nơi khác: "Vâng, vâng đúng thế". Người kia lại nói: "Cũng còn may đường phố này, cái nhà này tuy thay đổi nhưng vẫn là nó, nhìn từ xa tôi vẫn nhận được ra nó. Có điều cái nhà cũ thì thấp và tối, bây giờ thì cao hơn nhiều, nhìn vào đâu cũng sáng". Anh nhà báo đứng vội lên, cáo lỗi: "Cháu có việc phải ra ngoài, bác cứ ngồi đây chơi, có ai hỏi bác cứ bảo đợi cháu có việc, cháu là Nhật Vinh". Ông già cũng đứng lên theo, nắm lấy tay anh nhà báo, chắc cũng là nhà văn nhà thơ gì đây, đã hiểu rõ nỗi lòng của ông, đã đưa tay ra để ông có cơ trả lời, có cơ ngồi lại, có cơ đến nữa.

Truyện ngắn đầu tiên anh viết năm anh mới 35 tuổi. Năm ấy anh là cán bộ tuyên huấn của nông trường Mộc Châu sau 15 năm là lính. Vợ anh là cô giáo dạy văn cấp 3 ở Hà Nội. Vợ chồng anh đã có hai con, một trai một gái, trai lên bảy, gái lên năm. Anh về Hà Nội học Nghị quyết của Trung ương và dự một số cuộc họp của Bộ Nông trường khoảng nửa tháng. Trong nửa tháng, ngày đi họp, tối về trông con gái đang lên sởi để bà ngoại được nghỉ, vừa đặt bút viết thử một truyện ngắn về một cặp vợ chồng ở nông trường. Mỗi tình của họ cũng giống với mỗi tình của vợ chồng anh hồi mới quen nhau thời còn đánh Pháp, cãi cọ nhau, nuôi dạy con cái cũng giống hết gia đình anh nhưng vui hơn, lảm chuyện hơn và cũng có chuyện buồn hơn. Viết về người như viết về mình, lại có khoảng cách vừa phải để ngẫm nghĩ, để ngẫm nghĩ nên anh viết rất nhanh, hơi văn tự nhiên, chân thật, có đoạn tự mình bật cười thành tiếng, có đoạn cũng muốn ứa nước mắt. Đêm viết mấy trang cuối thì con bé đã hết sởi, mụn sởi đã mọc xuống chân, đòi ăn cháo và đêm ngủ rất ngon nên cái mừng của người cha trông con đau sắp khỏi cộng với cái mừng của người viết đã lia bút tới phần kết khiến ngòi bút như bay trên trang giấy, nhìn không còn rõ nét chữ nữa. Vợ anh nằm ôm con trong chăn, lát lát lại mở

choàng mắt, hồi bằng cái giọng ngái ngu: "Anh định viết hết đêm à ? " - "Ừ, viết cho xong để lấy nháy sốt ruột lắm". Vợ cười khề sau lưng con: "Nói cứ như ông nhà văn thực thụ". Chồng cười nhưng vẫn không ngừng tay: "Biết đâu đấy ! Cô đừng có cười mà rồi hối !". Giọng của vợ đã tỉnh hẳn nhưng vẫn là giọng đùa: "Thì bố em đã nói em có số lấy chồng là văn nhân mà".

Trước ngày về nông trường, anh đeo con trai đến tòa báo *Văn nghệ* để gửi bài. Trong thư ghi rõ địa chỉ mà cả tháng sau vẫn chưa nhận được thư trả lời được hay chưa được. Tết được về Hà Nội một tuần ăn tết với vợ con, trời rất rét vẫn đeo con trai phía sau lưng qua lượn lại trước tòa báo mà chưa quyết định được dứt khoát là nên vào hỏi hay không nên vào. Vì cũng sợ nếu nhà báo trả lời là chưa đăng được có phải mất vui cả mấy ngày tết không. Hy vọng thêm một ngày vẫn tốt hơn là thất vọng hoàn toàn. Thằng bé lên bảy, học lớp hai nhưng đã rất khôn, nó ngồi phía sau hỏi: "Tại sao bố không vào hỏi bài của bố ? Bố sợ các bác ấy mắng à ?". Anh không trả lời, nó lại hỏi: "Bố buồn à". Anh phì cười: "Hai con khỏe và ngoan là bố vui lắm". Rồi anh nói thêm, chắc thằng bé chưa thể hiểu: "Bố vui buồn vì các con chứ ai lại buồn vui vì cái chuyện văn chương vô văn". Truyện ngắn ấy được tòa soạn xếp vào loại truyện dự thi Truyện ngắn hay của báo năm 60. khi kết thúc nó được

Ban giám khảo tặng giải nhì. Cô vợ bảo chồng: "Đọc trên báo hay hơn đọc trên bản viết tay nhiều. Các bạn em phục anh lắm, không chừng anh thành nhà văn thật cũng nên". Anh chồng vênh bộ mặt đầy râu, nói tỉnh bơ: "Chồng nói không tin lại thích tin người ngoài".

3

Trong mười năm hầu như năm nào anh cũng có một hoặc hai truyện ngắn đăng trên báo. Tên anh đã được chờ đợi trong giới văn của Hà Nội và những người yêu thích văn học trong ngành giáo dục. Các con lớn dần lên, nghĩ là đã đến lúc nhân nào nỡ vợ anh mỗi năm một yếu đi vì chứng bệnh nan y của phụ nữ. Đau đau yếu yếu chị vẫn không bỏ dậy, vẫn chăm lo mọi việc để người chồng đỡ phải đi vô nhiều lần Mỏ Châu - Hà Nội. Anh đã ngoài bốn chục tuổi, thuở trẻ anh có đủ thứ bệnh, bây giờ là như x bệnh do chiến tranh để lại. Càng về tuổi các bệnh cứ như mất dần, mười năm không ốm một ngày nào, không đi bệnh viện một lần nào, vào bệnh viện chỉ để trông vợ ốm với con ốm. Ở nông trường thì việc Nhà nước, việc nhiều người ở lại làm chủ nơi việc không còn thì giờ ngồi ăn, ngồi thở. Về nhà thì việc của đình, vợ vừa bận vừa đau. Bà nà việc lớn trong nhà đều phải đợi người đàn ông về thụ vạ. Dội nhà, quét vôi, lau lại

đường dây điện, làm gác xếp cho con lớn có chỗ ngồi học, khách đến có chỗ ngủ qua đêm. Đường từ Mộc Châu về Hà Nội có lần đi xe của nông trường, nhiều lần chỉ đi xe đạp, cái xe không chắn bùn, không chắn xích, không chuông, không cả phanh, trần trụi, gày guộc như ông già cỡi truồng, đèo lặc lè phía sau nào gạo, nào ngô, đỗ, khoai đã xắt mỏng phơi khô, phía trước thì các bị cỡi lớn nhỏ nhét đầy cà mèn đựng mỡ, thịt rừng đã sấy khô, măng khô và cả ớt đã nghiền thành bột phơi khô. Phần của anh có một ít, phần mua lại của anh em một ít. Hà Nội cái gì chả có nhưng đắt, đặc sản của rừng lại càng đắt. Tất cả những nông nổi ấy, những tính toán ấy đều vào truyện của anh cả. Những nhân vật của anh, người nào cũng vất vả, cũng có bao nhiêu lo nghĩ, toàn những lo vất vãnh của đời thường nhưng không có ai buồn, không có ai mất lòng tin vào ngày mai, cái buồn cái khổ và bao nhiêu hy vọng hư có thực có như chảy vào, thấm vào mỗi trang viết, thấp thoáng giữa những dòng chữ, trong từng con chữ nên câu văn, chữ dùng chả có gì là đặc sắc, là hiếm quý mà vẫn quyến rũ người đọc. Đọc chuyện của người mà như được nhìn lại đời mình, lại là một cái nhìn đã tỉnh táo, đã vượt khỏi cái bề bộn, vất vả của mỗi ngày để nhìn được xa hơn, cao hơn, nhẹ nhõm hơn.

Trong 17 năm anh viết được khoảng hai chục cái truyện ngắn và bút ký. Truyện đầu tiên anh viết trong một đêm có tiếng nói mê của con lớn, tiếng khóc u ố của đứa nhỏ và cái giọng ngái ngủ của vợ lất lất lại giục anh ngừng viết để vào nằm với hai con. Mười tám năm sau, năm 78, anh viết truyện ngắn "Tiễn Con Đi Xa", chưa nghĩ tới chuyện gác bút không đề lại là cái truyện ngắn cuối cùng. Anh vẫn ngồi viết trong gian nhà cũ, trên cái bàn mộc kê giữa hai cái giường đôi. Cái bàn đã tro lại mặt mộc của tấm ván ép, hai góc bàn mép ván đã bat khỏi dính dính vênh cong lên. Ván la đồ đạc cu không thêm một cái gì. Chỉ có thêm cái bàn thừa đóng ở phía trên bàn viết, đặt ba tấm hình lòng trong khung kính, hình giữa là mẹ vợ, hình bên trái là vợ, hình bên phải là con trai. Ba thế hệ đều buồn bã chứng kiến người đàn ông tóc đã bạc sớm sống lủi thủi trong gian nhà trở nên qua rộng, nấu một xoong cơm nhỏ, kho một niêu cá nhỏ và ngồi ăn một mình, ngủ một mình và đêm viết cũng một mình. Anh vẫn ngồi viết tới khuya bên cái giường trống vẫn chưa buông màn, không có tiếng động nào ngoài tiếng ngòi bút sất cạo soàn soạt lên mặt trang giấy xấu.

Năm 70, con trai anh, 17 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không thi vào đại học mà muốn tòng quân làm nghĩa vụ người trai thời

chiến. Nhà con trai một, thằng bé lại tháo vát và học giỏi, đã có thể thay bố làm ông chủ nhà của gia đình. Đi rồi về lại học cũng chả sao. Chỉ sợ có đi mà không thể về thì cái phần còn lại của gia đình sẽ phải sống như thế nào ? Mẹ nó nói thế rồi khóc. Người bố cũng nghĩ thế nhưng anh đã là người lính thời đánh Pháp, anh lại còn là người viết, anh sẽ còn dám viết gì tiếp nếu anh không ủng hộ một nguyện vọng rất đẹp của lứa tuổi nó khi đất nước còn chưa dứt tiếng súng ? Nên anh đã nói, hãy để con tự quyết định, nó có danh dự của nó, của thế hệ nó, không một ai có quyền ngăn cản, kể cả bố mẹ. Thằng bé lên đường đầu năm 71, qua thư gửi nó đã có mặt ở nhiều chiến trường, tới tháng 3 năm 75 thì nó hy sinh ở Plây-Cu. Tin thằng bé hy sinh mãi cuối năm 75 gia đình mới biết. Mẹ nó đã không còn đủ nghị lực để chống chọi với bệnh tật của mình, nằm liệt khoảng hai tháng rồi mất giữa năm 76. Bà ngoại nó mất vào cuối năm mới ở tuổi 70. Cuối năm 77, con gái đi lấy chồng. Hai đứa yêu nhau từ những năm còn học trường trung cấp sư phạm. Khi chúng nó xin với anh được làm hôn lễ vào cuối năm, cũng là cưới chạy vì mẹ chồng đang đau nặng, khó mà sống qua được vụ rét, anh cũng giận. Nhà đang có bao nhiêu là chuyện buồn mà con gái chỉ nghĩ đến cái vui riêng của nó sao ? Nghĩ thoáng thế rồi lại tự nhủ, mình là người viết văn, dấu viết nghiệp dư vẫn là người viết, thì không thể nghĩ

nông cạn như mọi ông bố khác được. Mỗi lứa tuổi đều có cái vui cái buồn riêng, không hoàn toàn giống nhau. Những buồn vui của tuổi trẻ đều hướng về tương lai, hướng về đoạn đời rất dài còn lại của chúng nó. Con gái chọn chồng còn quan trọng hơn đứa trẻ chọn của để sinh ra. Chọn của sinh là ông giời chọn, hay dở cũng chỉ trong khoảng mười lăm năm. Còn chọn chồng là tự mình chọn, hay dở phải chịu suốt một đời người. Mình buồn rồi mình chết, không sao cả. Buộc con gái phải buồn theo mình để lỡ mất vận may, ai sẽ san sẻ với nó những cái đau khổ sau này ? Lúc đầu cả hai đứa đều có vẻ sợ vì mặt bố trở nên ngơ ngàng, căng thẳng. Tự chúng cũng cảm thấy có lỗi vì đã nói cái chuyện riêng của chúng nó vào cái lúc rất không nên nói. Nhưng chỉ một lúc sau các nếp nhăn trên mặt người bố dần dần ra, ông nhìn hai đứa rất âu yếm rồi nói nhỏ: "Bố bằng lòng. Còn một tháng nữa, phải không ? Chỉ tiếc nếu mẹ còn sống thì chúng mày cũng đỡ vất vả".

Anh đã viết đúng như thế, không thêm bớt một tí gì, nghĩ là một chuyện buồn nhưng lại không hẳn là buồn, một nhà phê bình đã viết thế. Người sống vẫn phải tiếp tục sống với những công việc của hôm nay, của ngày mai. Trong cái vui vẫn lấp ló nhiều cái buồn vì chiến tranh chỉ vừa kết thúc, vết thương chưa kịp kín miệng nhưng những người còn sống vẫn buộc phải cười, phải vui với cái đang tới.

Khoảng vài ngày sau, ông già mang cặp, bạn viết lâu năm của báo, lại lò dò đến. Lần này không đợi ai hỏi, ông đến trước một nhân viên của báo nói thầm thì: "Xin chị tha lỗi, tôi muốn được gặp anh Nhật Vinh." Một lát sau Nhật Vinh từ trên lầu chạy xuống, thấy ông già đang ngồi chờ ở phòng khách, anh hỏi mừng rỡ như họ đã quen nhau từ lâu: "Bác chờ cháu đã lâu chưa ?" Ông lão đứng dậy: "Thưa, tôi cũng vừa tới, tôi đến để chào anh, ngày mai tôi về dưới tỉnh". Nhật Vinh nói: "Sáng nay cháu rồi, hai bác cháu ta ra quán uống ly rượu chia tay". Nhật Vinh gọi hai ly cô nhắc Pháp và một đĩa gỏi ngó sen. Ông già hớp một chút rượu vẫn cầm ly trên tay, lòng mắt đã bạc nhìn mông lung ra phía đường. Nhà báo trẻ hỏi: "Lần này bác có gửi cho báo truyện mới nào không?" Ông già đặt ly rượu nói ngậm ngùi: "Tôi viết không được nữa anh ạ. Xưa kia tôi sống vội vã, căng thẳng với rất nhiều dự tính, nhiều hy vọng, cha là mọi sự mới chỉ bắt đầu. Có ý tưởng gì hay là viết được ra liên câu chữ đuổi nhau ở đầu ngòi bút, gần không nổi, chữ nào cũng tươi, cũng xanh như mới được dùng lần đầu... Còn bây giờ, tôi hoàn toàn tự thả lỏng, dập dềnh nửa thức nửa ngủ, trôi theo con theo cháu, không phải lo bất cứ việc gì, cũng không hy vọng cho riêng mình bất cứ cái gì. Đã nghĩ người không còn gì để lo, không còn việc gì để làm, rồi rồi

cả ngày cả tháng thì ngồi viết bao lâu cũng được, ngồi viết cả năm, cả nhiều năm cũng vẫn được. Nào ngờ không còn chữ để viết, chúng đã trốn đâu mất sạch. Chỉ viết được đoạn mở đầu, truyện nào cũng chỉ viết được vài dòng mở đầu. Sao thế nhỉ? Mãi lâu về sau tôi mới hiểu, khi mình không còn gì để buồn, để lo, để hy vọng nữa thì chữ nghĩa cũng héo dần, chết dần. Bây giờ thì chúng đã chết cả loạt rồi, chúng chết trước tôi mới đau chứ!".

Khi Nhật Vinh hỏi, hai bác cháu còn cơ hội gặp nhau lần nữa không, thì ông già nhấp nháy nhìn anh, trong mắt như có ngấn nước: "Chắc là không bao giờ. Tôi đã ngoài bảy chục rồi, đâu còn sống cũng khó có việc buộc được tôi lên Hà Nội lần nữa. Tờ báo của các anh ấy mà, nó gói ghém nhiều đời người nhiều đời văn lắm đấy. Những đời văn thăng trầm, vất vả của một cái nghiệp làm người. Không có những cuộc đời ấy đổ vào cho báo làm sao nó sống được tới tận hôm nay".

Ông lão đã đi được một lúc nhà báo trẻ mới chợt nhớ anh chưa từng hỏi tên ông ta. Ông tên là gì nhỉ, có bút danh là gì nhỉ đã viết những truyện ngắn nào nhỉ? Vì anh không hỏi nên ông già cũng không nói. Một bạn viết có một lai lịch hơi đặc biệt đã chạm vào tay anh nhưng anh đã không nắm giữ lấy nên ông ta lại lặng lẽ chuôi đi vào cõi vô danh.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2-1998
(*Văn nghệ* số 17, 25-4-1998)

NỎ VÊ

PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Chiếc ta-xi màu vàng đỗ lại trước khách sạn A-si-a. Ông Đạt bước ra khỏi ta-xi đứng ngây trước khách sạn. Hai mươi ba năm đi xa, năm mươi chín tuổi đời ông mới lại trở về ngôi nhà xưa đầy ắp kỷ niệm của gia đình ông, của một thời trai trẻ đầy biến cố. Ông Đạt đưa mắt ngắm nhìn từ viên gạch lát vỉa hè đến cánh cửa kính lớn. Tất cả đã thay đổi ! Vỉa hè lát những ô vuông xi măng lớn đã thay bằng gạch men vàng khúa ô nhỏ. Cánh cửa gỗ nghiêng dày nửa tấc chạm trổ tinh vi đã thay bằng hai tấm kính lớn. Đây rồi, chân tường vẫn còn đường hoa văn đắp nổi từ ngày xưa ! Chỉ có hàng hoa văn đắp nổi bằng bột đá này và số nhà kia là không thay đổi ! Nó làm cho ông không thể lẫn ngôi nhà cũ của ông với bất kỳ ngôi nhà nào khác.

Ông Đạt đẩy cửa kính bước vào phòng lễ tân mà quên cả người lái xe sau khi mang chiếc va-li vào phòng lễ tân cho ông, trở lại đứng bên cửa xe đợi ông trả tiền cước taxi. Anh lái xe đành theo ông

vào nhà. ngáp ngừng : “Thưa ông ! ...” Nhìn về mặt anh lái xe, ông Đạt chợt hiểu. – Bảy mươi sáu ngàn đồng há anh? Ông móc túi đưa cho anh tờ mười đô-la. – Thôi, anh không cần thôi lại tiền đâu ! Cảm ơn anh ! Ông lại đưa mắt nhìn quanh phòng lễ tân. Ông vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy bức tranh trù tượng của họa sĩ T.T mà ông đã treo ở đây từ cuối năm bảy mươi tư, ngày ông đưa nàng Khuê lên sống trên Đà Lạt, ngày ông thực sự có người đàn bà thứ hai trong cuộc đời ! Ông thầm cảm ơn người chủ hiện nay của ngôi nhà đã giữ lại bức tranh đúng chỗ cũ. Ông Đạt thấy vui vui và thấy ngôi nhà như vẫn còn là của ông!

– Căn phòng ở lầu một, phía bên phải cầu thang không biết là phòng số mấy, cô cho tôi thuê phòng đó. – Ông Đạt nói với cô phụ trách lễ tân. Cô lễ tân vậy cô nhân viên đến giao cho chiếc chìa khóa và nói với ông Đạt rằng đó là phòng số ba, chưa có khách ! – Mời ông theo cô này lên nhận phòng !

Cô nhân viên mở cửa phòng, mở máy lạnh, kéo tấm rèm che cửa sổ ra rồi định ra khỏi phòng.

– Cô ơi, tôi nhờ cô một chút ! Ông Đạt mở va-li lấy ra một tấm vải hoa vàng rực đưa cho cô phục vụ.

– Cô thay giúp tôi tấm vải trải nệm này ! Cô phục vụ ngạc nhiên.

– Áo nệm và áo gối của phòng khách ngày nào bọn cháu cũng thay giặt, hấp sấy diệt trùng ở nhiệt

dộ cao, ông cứ yên tâm dùng, không ngại. Ông Đạt mỉm cười.

- Tôi thay tấm trải nệm này chỉ vì lý do tình cảm. - Cô có biết không, đây chính là ngôi nhà gia đình tôi đã ở trước năm bảy mươi năm ! Biết nhà mình đã trở thành khách sạn nên khi tôi về nước, con gái tôi đã may tấm trải nệm giống như tấm trải trước đây gia đình tôi vẫn dùng vì tôi rất muốn được ở lại căn phòng cũ của vợ chồng tôi !

Nghe ông Đạt nói, vẻ mặt cô phục vụ cũng lộ vẻ xúc động.

- Ôi, thế thì đặc biệt thật ! Cháu sẽ thay áo nệm ngay ! Thế sao bà không cùng về với ông ?

- Bà nhà tôi mất rồi ! Bà mất đã ba năm ! Bà nhà tôi có ước nguyện là nắm tro tàn của bà được chôn ở quê nhà ! Vì thế tôi trở về nước chuyến này là để thực hiện ước nguyện đó của bà.

Cô phục vụ đi khỏi, ông Đạt mở va-li lấy quần áo ra thay rồi vào phòng tắm. Đúng như điều ông vừa nói với cô phục vụ, trong va-li của ông có lọ tro hài cốt vợ ông. Lúc hấp hối, bà chỉ dặn được ông một câu là thiêu xác bà rồi mang tro về chôn ở quê nhà, bà chưa kịp trả lời ông là bà muốn về quê Mỹ Tho của bà hay về quê Hà Đông của ông thì bà đã ra đi ! Thuyền theo lái, gái theo chồng ! Ông đành phải quyết định sẽ đưa bà về quê lụa Hà Đông của ông. Ông sẽ về làng Vạn Phúc mua một miếng đất

rộng. Là trưởng tộc, ông sẽ quy tập mồ mả ông bà tổ tiên về đó. Bà sẽ về nằm trước ở đó. Rồi sau này ông cũng sẽ về với bà. Núi đất đó chính là cái cụ thể hóa của khái niệm quê hương bản quán, là quê cha đất tổ, là chốn đi về của đám con cháu đang tứ tán lưu lạc ở mọi góc biển chân trời !

Nhưng đó mới chỉ là một nửa mục đích chuyến vượt nửa vòng trái đất của ông mà thôi ! Trong thâm tâm ông đã định chuyến về nước lần này là vì cả hai người đàn bà đã đến và mãi mãi ở lại với cuộc đời ông. Một người đã đến với ông từ những kỷ niệm và tình yêu thời học trò, đã đến bằng cửa chính của gia đình và đã cho ông hai đứa con gái hiếu thảo. Bây giờ người đàn bà đó chỉ còn là nắm tro tàn trong va-li được ông đưa về với tổ tiên ! Một người đã đến với ông bằng cái hôn dân dã. Bằng lối mòn chành vênh trong trái tim và đã cho ông một đứa con mà đến nay ông vẫn chưa biết là trai hay gái và không biết hai mẹ con nàng đang ở đâu ? Mẹ con nàng có còn ở ngôi nhà nhỏ bên sườn quả đồi ngoại ô Đà Lạt không ? Công việc của ông phải làm ở Hà Đông thật rõ ràng nhưng không biết ông sẽ phải đi đến những đâu để tìm được mẹ con nàng sau hơn hai mươi năm đầy biến cố.

Là con trai một chủ hiệu buôn vải lớn ở Hà Nội, dù bố mẹ Đạt có phải rời bỏ ngôi nhà mặt phố đang làm ăn phát đạt trong khu phố cổ buôn bán sầm uất nhất Hà Nội để sắp ngửa di cư vào Sài Gòn, nơi

suốt hai mươi năm, từ 1954 đến năm 1975, không có lúc nào yên ổn, thì chặng đường đời của cậu học sinh Nguyễn Văn Đạt cũng khá bằng phẳng, êm ái nếu không có một tai họa bất ngờ ập xuống gia đình êm ấm của Đạt ! Tốt nghiệp trung học, Đạt được học bổng sang Anh học về ngôn ngữ và văn hóa Anh. Trở về nước làm thông dịch ở cơ quan văn hóa thông tin ở Đại sứ quán Hoa Kỳ và lấy vợ là cô bạn thời trung học. Lấy Đạt, nàng đã bỏ việc dạy học để quản lý hàng vải của gia đình chồng. Sau hai cô gái đẹp như búp-bê, cặp vợ chồng trẻ đang bàn tính để đưa con trai thì tai họa ập đến !

Đạo ấy Sài Gòn như một căn cứ quân sự khổng lồ. Chỗ nào cũng trại lính. Chỗ nào cũng dây thép gai giăng giăng. Xe nhà binh chạy rầm rầm trên đường. Lô cốt lù lù ở đầu phố. Xe tăng vươn tháp pháo ngất ngưỡng giữa bùng binh. Đủ các sắc lính lữ lượt trên đường phố. Lính say rượu bắn nhau dòm dòm trong quán bar xảy ra hàng ngày. Buổi chiều hôm ấy, vợ Đạt từ tiệm vải trở về vừa đến trước cửa nhà thì chiếc xe *Jeep* chở tốp lính say rượu chạy ngoằn ngoèo trên đường bỗng chồm lên vỉa hè tông vào nàng rồi chạy mất hút. Nàng bị bệnh tâm thần, lúc tỉnh lúc điên từ đó. Một lần, Đạt đang tiếp người bạn thời học trò nay là sĩ quan quân dịch đến chia tay Đạt trước chuyến hành quân tác chiến, bỗng vợ Đạt rù tóc, trợn mắt đi đến nhảy chồm chồm trước mặt khách : “Cút ! Cút ! Đồ

giết người ! Mày tưởng tao không biết bàn tay giết người của mày à ! Chính mày đã giết đứa con trai mới là thai nhi bốn tháng còn đang nằm trong bụng tao ! Mày chạy trốn từ đó đến hôm nay mới vác mặt đến đây ! Cút đi ! Tao không còn mang thai được nữa rồi, mày đến đây làm gì ?...". Những bệnh viện lớn, những phương tiện hiện đại, những thầy thuốc danh tiếng trong nước đã bất lực trước chứng bệnh của vợ Đạt. Đạt đã đưa vợ đi Đài Loan chữa bằng cả thuốc tây, thuốc bắc cũng đều vô hiệu. Số trời đã không cho vợ chồng Đạt được hưởng hạnh phúc trọn vẹn thì thôi đành chịu. Đạt chỉ còn biết cố chiều chuộng vợ để vợ khỏi buồn tủi, bệnh thêm nặng.

Chăm sóc vợ. Dạy bảo con. Làm công chức nhận lương cao bằng đô-la. Cửa hàng vải có người tâm phúc thay vợ quản lý vẫn phát đạt. Cuộc sống như thế tưởng không có gì thiếu thốn, phiền muộn. Nhưng không ! Càng ngày Đạt càng nhận ra sự trống vắng, cô đơn trong cuộc sống tình cảm ! Với người đàn ông mới ngoài ba mươi tuổi, lại làm công việc giao tiếp xã hội và giao lưu văn hóa, công việc soi rọi, đối chiếu từ những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau, hàng ngày giao tiếp với những tân, hôn nhay cảm thì thiếu người đàn bà để chuyện trò, san sẻ những suy nghĩ, những chiêm nghiệm, những vui buồn... quả là sự thiếu vắng, trống hụt lớn ! Trong lúc trống hụt ấy, Đạt đã gặp Khuê.

Ông tiến sĩ Oát nghiên cứu về văn hóa phương Đông mới đến Sài Gòn. Đạt vừa có chuyến đi với ông ta ra miền Trung thăm những tháp Chăm ở Bình Thuận, Khánh Hòa, nghe hát cung đình Huế. Trở về Sài Gòn, Đạt rất hào hứng dẫn ông Oát đến quán cà-phê Dân Ca quen thuộc.

Giữa Sài Gòn thời chiến tranh nhốn nháo, những quán bia ôm, những vũ trường thoát y, những nhà hàng sex nhan nhản mọc lên phục vụ cho quân đội đủ màu da, đủ sắc lính từ nhiều phương trời kéo đến thế mà trên con đường từ trung tâm thành phố dẫn đến sân bay đồng thời là căn cứ quân sự khổng lồ Tân Sơn Nhất lại có một quán cà-phê rì rào cây xanh, yên tĩnh không gian, thăm thẳm tiếng dân ca mọi miền đất nước và dập dìu tài tử giai nhân. Đồ uống ở đây chỉ có ba thứ tinh chiết từ cây cỏ dành cho khách tinh tế vốn đã là chỗ quen thuộc và bia cho khách thông thường vãng lai. Cà-phê pha khéo cho thêm vài giọt rượu đặc biệt, hương vị cà-phê trở nên ngậy ngát không ở đâu có. Trà búp mọc câu hãm bằng nước mưa tinh khiết. Rượu tằm cất bằng men gia truyền và gạo nếp hoa vàng. Để có được gạo nếp hoa vàng tạo ra thứ rượu đặc biệt của Dân Ca đã là kỳ công của chủ quán. Đất đai miền Nam chỉ có vùng Cát Tiên thượng nguồn sông Đồng Nai cấy được giống lúa này. Chủ quán Dân Ca phải lặn lội lên Cát Tiên thuê người chuyên sản xuất lúa nếp hoa vàng do

dịch thân chủ quán hưởng dần kỹ thuật và cung cấp giống ban đầu. Rượu nếp hoa vàng mạnh trên năm mươi độ mà uống cứ nhẹ êm. Đặt chén rượu trên môi. Vị thơm nồng thoảng lên ở mũi. Vị ngọt êm thấm đi từ lưỡi. Và sự sáng khoái thanh thoát lan trong người. Ba loại thức uống này của Dân Ca chỉ khách nhà phong lưu mới biết thưởng thức và không thể thiếu nó. Vì thế khách của Dân Ca đều là những nghệ sĩ danh tiếng một thời. Và đặc sản quý nhất của Dân Ca mà khách đến thưởng thức lại không phải trả tiền là những làn điệu dân ca của mọi miền đất nước do những cô gái duyên dáng nên nã trình diễn vào tối thứ bảy hàng tuần.

Từ ngày phát hiện ra quán Dân Ca, Đạt đã đến đây vài lần. Khách văn hóa từ nước ngoài đến, được Đạt dẫn đến Dân Ca, ai cũng tỏ ra thích thú. Lần ấy đến lượt Oát.

Hai người chọn cái bàn ở góc khuất nhưng gần bức điện. Oát kêu cà-phê. Đạt khuyên Oát nên uống thứ ly rượu. Nậm rượu hình trái bầu và hai cái ly hạt mít được đưa đến. Đạt rót rượu ra hai ly và cầm ly rượu nâng lên ngang mày. Dân gian chúng tôi không có phong tục cụng ly mỗi rượu bằng cách nâng ly rượu lên ngang trán. Nào xin mời ! Oát làm theo Đạt, nhấp rượu, và mặt lộ ra sự phấn khích !

Khuê mặc váy đen, yếm đào, áo tử thân ngang lưng thắt dải lụa thiên lý bước ra bức điện

Chợt có tiếng xô bàn ghế. Một người Âu cao lớn, mặt đỏ gay, từ ngoài cửa la đà đi vào. xô bàn ghế hai bên lối đi. Người Âu ngồi xuống chiếc ghế sát bục diễn, đặt chai bia đã mở nút nhưng còn đầy đang cầm ở tay lên bàn, mắt hau háu nhìn cô gái đang hát dân ca. Đạt có linh cảm về một sự bất ổn sắp xảy ra. Anh nhìn Khuê lo lắng. Khuê đang vờn múa với dải lụa thiên lý phát phơ. Màu yếm đào chập chới như cánh hoa trước gió và tiếng hát vẫn đầm thắm tha thiết. Một thoáng lao xao trong quán rồi yên tĩnh trở lại. Tất cả lại bị hút vào tiếng hát dịu dặt, mênh mang. *Năm quan mua lấy miệng cười. Mười quan chẳng tiếc, tiếc người có duyên.* Tiếng hát đưa Đạt trở về miền ký ức xa xôi, huyền ảo. Khu phố cổ. Những mái ngói lô xô rêu phủ. Những căn nhà hẹp, sâu hút, mát lạnh. Những cô gái óng ả từ giọng nói đến dáng vẻ. Phía sau vẻ đẹp kiều sa và hiện đại của họ là một thế giới thâm trầm sâu lắng như những ngôi nhà mái ngói rêu phủ.

Đạt đang đắm trong tiếng hát chờn vờn như ánh lửa trong đêm bỗng giật mình khi gã người Âu bước lên bục diễn. Một tay giật tấm yếm đào của cô gái, một tay quắp cô gái như điều hâu quắp gà con. Cô gái ru lên một tiếng rồi chết lặng. Ném tấm yếm đào đi, gã Tây vươn tay cầm chai bia còn để trên bàn, ngửa cổ tu rồi đổ bia vào ngực cô gái. Cô gái lại rú lên lần thứ hai !

Đạt bật đứng dậy, bước từng bước dài lên bực diên. Tiếng quát giận dữ và thứ tiếng Anh chuẩn nhuần nhuyễn của Đạt làm cho gã kia sững lại. Oát cũng đến bên Đạt, chỉ tay vào mặt gã Tây: – “Này, tên lính đào ngũ ! Cút khỏi đây ngay !”. Trước vóc dáng lừng lững của Oát, trước sự bừng bừng phần nộ của Đạt, gã Tây cảm lam lăm chai bìa thể thủ. Hấn gào lên, giọng của một thằng say. – “Đại đội tao ở Bến Cát đêm qua đã bị Việt cộng xóa sổ. Chỉ còn mình tao sống sót trốn về đây. Tao thà ra tòa án binh chứ không trở về đánh nhau với những bóng ma đêm ! Máu lửa ở đây tao đã ném đủ rồi ! Tao phải biết đàn bà xứ này thế nào đã rồi tao sẽ ra tòa án binh !”. Oát nhìn thẳng đàn ông đồng hương về thương hại. – “Mày muốn kiếm gái thì phải vào hộp đêm ! Đây không phải là chỗ của mày ! Tên lính đào ngũ nhún vai. – Tao hết tiền rồi ! Không có đứa đàn bà nào chịu tao cả ! Đạt móc túi, đưa cho hắn mấy tờ đô-la lẻ. – Tiền đây ! Cút đi ! Tên lính buông cô gái ra, cầm tiền và biên nhanh ra cửa. Cô gái ngã dúi xuống. Đạt nâng cô đứng lên, nhưng cô không còn đủ sức đứng vững cứ bấu chặt lấy Đạt.

Đến lúc này bà chủ quan thấp đậm mới lạch bạch chạy ra, nói trong hơi thở hổn hển. – Cảm ơn hai ông đã giải quyết cho sự vụ êm đẹp. Tôi hết cả hồn ! Nếu không có hai ông, tôi không biết làm sao nữa ! – Khuê, con về nhà nghỉ đi ! Để cô kêu xe đưa

con về ! Khuê bấu chặt vai Đạt, cố đứng vững trong cánh tay dịu của Đạt. – Cô để cho con ngồi nghỉ một lúc đã ! Con chưa thể đi nổi ! Bà chủ quán định dịu Khuê nhưng Khuê không rời khỏi Đạt. Đạt và Oát liền dịu cô về bàn mình ngồi. Sau đó cô chấp nhận để hai người đàn ông đưa cô về nhà trong xóm lao động ở Văn Thánh bằng ô-tô của Đạt.

Đạt phải dẫn Oát đến quán Dân Ca lần thứ hai để nghe một đêm dân ca trọn vẹn. Sau lần đó, Oát lại muốn được nghe riêng Khuê hát. Với sự tin cậy và biết ơn, Khuê vui vẻ hát cho riêng Đạt và Oát nghe ở phòng Oát trong khách sạn.

Bồ mẹ Khuê vốn là liên anh liên chị xứ Kinh Bắc vì biến động xã hội phải di cư vào Nam. Đã từng có một tuổi thơ êm ả, được lớn lên trong tiếng hát ru của mẹ, được đi học hết trung học, vốn lành ả đủ cho tâm hồn nhạy cảm và tinh tế của Khuê tiếp nhận được cái hồn những bài dân ca truyền miệng của mẹ. Và khi gia đình sa sút, Khuê đã vào đời sớm bằng cái hồn dân ca ả cùng với nhan sắc và giọng hát trời cho. Càng tiếp xúc với Khuê, Đạt càng nhận ra rằng những gì con người tâm hồn, con người văn hóa của Đạt cần dường như đều có ở Khuê và Khuê cũng dành cho anh một tình cảm thật triu mến, tin cậy.

Chiến tranh lan rộng ! Chính trường rối loạn ! Những đêm giới nghiêm kéo dài ! Đêm dân ca phải chuyển sang chiều thứ bảy càng tạo thuận lợi cho

Đạt có nhiều dịp gặp Khuê. Nếu không có việc đột xuất, buổi tối Đạt đều không muốn rời khỏi nhà để ở nhà chăm sóc vợ, để người vợ tâm thần thương tổn đang mang nặng mặc cảm bị bỏ rơi được yên tâm. Bây giờ, chiều thứ bảy Đạt đều có thể dành ô-tô đến Văn Thánh chở Khuê đi hát rồi anh mới đến nhiệm sở làm việc. Giờ tan sở chiều, Đạt lại ghé quán Dân Ca chở Khuê về Văn Thánh ! Đến khi Khuê báo tin rằng cô đã mang thai thì thời gian biểu này của họ mới chấm dứt !

Đạt đã đến nhận tội với bố mẹ Khuê và đưa Khuê đến nơi còn tạm yên tĩnh, còn là góc khuất của chiến tranh và cũng là góc khuất của dư luận. Trước hôm chuyển lên Đà Lạt, Khuê trao cho Đạt bức tranh của họa sĩ T.T. – Đây là bức tranh họa sĩ vẽ tặng em sau những lần ông nghe em hát ở quán Dân Ca. Có người đã trả ông năm ngàn đô-la, nhưng vì ông vẽ bức tranh này để tặng em nên ông không bán. Nhà em không có chỗ nào đáng để treo một bức tranh quý như thế nên em vẫn bọc kỹ cất đi. Nay em giao nó cho anh. Buổi tối hôm đó, Đạt treo bức tranh ở phòng khách nhà mình và sáng hôm sau, Đạt đưa Khuê lên Đà Lạt. Từ đây Đạt trở thành con thoi đi về giữa Sài Gòn và Đà Lạt ! Từ đây con đường trập trùng ba trăm cây số trở thành con đường nối giữa trách nhiệm và thương nhớ ! Với Đạt, Sài Gòn là người vợ bất hạnh, tội nghiệp và Đà Lạt là người tình dịu dàng triu mến ! Sài

Gòn là hiện thực gia đình' và Đà Lạt là cõi siêu thoát, cõi lãng mạn của đời anh !

Ngay trong bốn tháng tư năm bảy mươi nhăm, Khuê vào nhà hộ sinh. Trong lúc chờ sinh, Khuê gọi điện thoại về nhiệm sở của Đạt. Nhưng sau đấy đương dấy lên lạc với Đà Lạt bị cắt, vì cũng ngày hôm đó Đà Lạt rơi vào sự kiểm soát của phía bên 'ta'. Rồi Đạt phải vội vàng đưa vợ con sang Mỹ trong chuyến bay cuối cùng rời Sài Gòn của hãng hàng không dân sự Mỹ. Chuyến ra đi cấp rập,匆匆匆匆. Đạt không kịp mang theo bức tranh quý của Khuê giao lại. Khi còn ở trong nước, chưa bao giờ Đạt phải sử dụng đương thư tín để liên lạc với Khuê nên Đạt không quan tâm đến địa danh xác định địa chỉ của nàng. Khi phải đột ngột đi xa, Đạt đành chịu mất liên lạc với nàng !

Hai mươi ba năm trời đã qua đi ! Chẳng Đạt nào mà ngày ấy bây giờ đã là ông Đạt tuổi xấp xỉ sáu mươi, mái tóc trên đầu đã như đám mây chiều uớt, bệnh xương khớp và trong suy nghĩ luôn bận rộn với những lo toan về trách nhiệm.

Ông Đạt soi gương chải mái tóc rậm bóng bệnh như ra khỏi phòng, xuống đường thuê taxi đến Văn Thánh. Xông ôtô ở chân cầu Sài Gòn, ông lái bộ cả buổi chưa kịp khu vực Văn Thánh. Xem lao động bé nhỏ Khuê ở trước đây, những ngôi nhà nhỏ chen chúc chật chội bên bên con hẻm đất mấp mô không còn tìm thấy dấu vết ! Chỉ có những con đường

khóm trúc bên khe núi. Vẫn đứng trong sương đợi chủ về ! Ông có phải là người chủ nó đang đợi không ? Chắc là không ! Chủ ngôi nhà này có còn là mẹ con nàng không hay đã là người khác ? Lá thông khô phủ dày trước sân, rải lốm đốm cá trên thêm nhà thế kia thì rõ ràng chủ nhà lâu lâu mới về. Thôi đành đi vào trong xóm trồng rau ở chân đồi hơi thăm vấp.

Ngôi nhà đầu tiên ông Đạt rẽ vào chỉ có hai đứa trẻ con. Chúng còn quá nhỏ để hiểu biết sự vật chung quanh nên chẳng cung cấp được cho ông những điều ông cần biết. Thật may, ở ngôi nhà thứ hai, ông Đạt đã gặp được bà già biết nhiều, nhớ dai, hay chuyện và cội mỏ. Bà già cho biết mẹ con Khuê vẫn còn ở đây. Bà còn nhận ra cả ông Đạt. Trước ngày giải phóng, tháng nào ông chía đánh ô tô đến thăm cô ấy. Từ ngày giải phóng ông biến mất, đã tưởng ông biến luôn ! Thế mà ông còn tìm về ! Thôi, thế cũng là quý ! Thằng con cô ấy tên là gì à ? Thằng Là ! Không, tôi không nhớ nhầm đâu ! Tôi trông coi nó từ bé, nhầm thế nào được ! Người ta còn hay gọi đùa nó là thằng Là Là Mí Mí Rê ! Ông Đạt nghi hoặc. Sao lại tên Là ?

Ông Đạt nhớ câu chuyện của Khuê trong lần sau cùng ông lên thăm nàng. - Anh để cho em đặt tên con nhé ? - Nàng thì thảo. Đạt nhận ra vẻ mặt rạng rỡ hạnh phúc của nàng. - Chắc em đã nghĩ ra cái tên hay lắm ? - Đến lúc con ra đời anh sẽ biết !

Em muốn dành cho anh sự bất ngờ ! Nàng mỉm cười ! Đạt cũng mỉm cười nghĩ đến nụ cười bí hiểm của nàng Mônica Lidor. Suốt hơn hai mươi năm, Đạt đã thẩm đoán nhiều cái tên nàng có thể chọn nhưng không bao giờ Đạt nghĩ đến cái tên Là ! Sao lại là Là ? Đạt lại tự hỏi. Là là mí mí rê ! Nàng muốn con mang tên một nét nhạc để thể hiện nghề nghiệp của nàng chăng ? Không, nàng đã nói rằng sẽ đặt tên con theo tên của Đạt cơ mà ? Đạt Là ? A, đây rồi ! Đạt Là tức là Đà Lạt ! Đơn giản và rõ ràng thế mà không nhận ra ! Là ! Đúng rồi, nó đấy, con của ông đây ! Là ! Nguyễn Văn Là con ông Nguyễn Văn Đạt ! Đạt Là tức là Đà Lạt ! thật là ý nghĩa và cũng thật bất ngờ ! Sự bất ngờ đã được giữ lại, đã được để dành suốt hơn mười ba năm mới thú vị làm sao ! Tên của đứa con đi như mặt mũi riêng của Khuê dành cho Đạt. Giải được mặt mũi đó là họ đã nhận ra nhau, nhận ra đứa con ! Ông Đạt cố nén niềm vui sướng để nghe bà già tỉ tê. Sau giải phóng, cô ấy phải cho người giúp việc nghỉ. Cô ấy đem thằng nhỏ đến giao cho tôi để đi làm rau xanh với mấy đứa con tôi. Hồi ấy cực lắm nhưng chúng tôi sống thế nào thì mẹ con cô ấy sống như thế ! Rồi ngoài thành phố biết cô ấy có giọng hát. Họ đến sân đón nó chào. Nhưng con còn nhỏ, cô không đi. Sau này thằng Là về Sài Gòn học đại học, cô mới đi học. Nhà trời, những ngày cơ cực nhất của hai mẹ con cũng đã qua được rồi. Thằng Là học xong đại

học và đi làm ở xa, có chủ nhật nó về nhà, nhưng cũng nhiều chủ nhật không về. Cô ấy hình như không đi hát nữa nhưng thường đi công tác ở những đâu xa lắm, toàn nơi rừng sâu núi thẳm cả. Đợt vừa rồi, cô ấy ở nhà lâu lắm, mới lại đi hơn tuần thôi. Ông muốn gặp hai mẹ con, cứ để địa chỉ của ông lại đây ! Họ về, tôi sẽ bao họ tìm ông chứ ông không tìm được họ đâu.

Dù chưa được gặp hai người mà ông tha thiết muốn gặp nhất cả chuyến tìm về cố quốc này, nhưng những thông tin của bà già cũng làm cho ông Đạt phấn chấn. Đôi bàn tay trồng rau của nàng đã nuôi được con khôn lớn ! Đứa con đã được ăn học đến nơi đến chốn ! Công của nàng thật lớn ! Tiếng hát của nàng đã đưa nàng hòa nhập được vào cuộc sống mới, có ích cho cuộc sống ! Nàng đã có một cuộc đời mới mẻ, tích cực ! Tuy chưa biết được cuộc sống của mẹ con Khuê hiện nay ra sao, nhưng những thông tin của bà già đã giải tỏa cho ông Đạt những lo lắng canh cánh bấy lâu nay. Ông Đạt như vừa khám phá thêm được một điều mới mẻ ở người dân bà mà ông yêu quý. Bên cạnh nàng Khuê của những bài dân ca ngày nào còn có nàng Khuê của những vườn rau Đà Lạt, một nàng Khuê mồ hôi chảy ròng ròng trên má, một nàng Khuê lam lũ nuôi con ! Ông Đạt xin bà già tờ giấy để viết cho con mấy chữ : Ba là Nguyễn Văn Đạt tìm con Nguyễn Văn Là. Ba chờ con ở phong 312, khách

sạn Mi-mô-da, đường... Ông nhờ bà già chuyển tờ giấy cho Là. Ông nắm tay bà già tỏ lòng biết ơn rồi về khách sạn.

Ông Đạt nghĩ rằng tiếng gõ cửa vang động trái tim ông nếu may mắn có sớm cũng phải vào sáng chủ nhật. Nhưng ngay chiều thứ bảy, tiếng gõ cửa ấy đã rộn rã vang lên. Khung cửa mở ra. Chàng thanh niên khỏe mạnh, mặt mày sáng sủa, mắt sáng, mái tóc rậm bóng bẫy, hình ảnh của chàng Nguyễn Văn Đạt thời trai trẻ xuất hiện ở khung cửa. Chỉ khuôn mặt chàng thanh niên đã nói được tất cả. Ông Đạt ôm chầm lấy chàng thanh niên. Đến lúc họ rời nhau ra thì câu chuyện đầu tiên họ lại nói về bà già - Con vừa về nhà thì ngoại đến ngay. Từ nhỏ con vẫn gọi ba là ngoại đó ba ! - Ngoại tốt lắm ba ạ ! Mẹ con vẫn bảo rằng không có ngoại thì không hiểu mẹ con chung con sẽ sống ra sao ! Con đọc đi đọc lại tờ giấy ba viết mà không hiểu gì cả. Đầu tiên con tưởng có ai đùa, chọc con. Đến khi hiểu ra thì con cuống lên, cứ đi ra đi vào, không biết phải làm gì nữa ! Rồi con phóng xe đến đây, để nhà cho bà ngoại coi. Ba ơi, bây giờ ba về nhà với con đi. Ông Đạt ngắm nhìn như nuốt từng đường nét, dáng hình của con, nuốt từng âm thanh thoát ra từ miệng con. - Ngồi xuống đây, con ngồi xuống đây đã ! Con kể cho ba nghe về mẹ, về con đã ! Ba nóng lòng muốn được biết ngay những điều đó. - Ba ơi, mẹ bây giờ nổi tiếng là người hát dân

ca Tây Nguyên hay nhất ở đây đấy. Nhưng mẹ không còn đi hát nữa ! Mẹ cùng với bác Kơ Pa Pui, nhạc sĩ và bác Tô Ngọc, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đang làm một công việc thật vất vả nhưng mẹ rất say mê là đến mọi nơi có đồng bào các dân tộc sinh sống để sưu tầm dân ca. Hiện nay mẹ đang ở miền Tây Đạ Hoai giáp biên giới Căm pu chia. Còn con thì chẳng có gì để nói cả. Tốt nghiệp khoa điêu khắc theo thầy Nguyễn Hải đi làm các tượng của thầy. Con vừa đổ xong bê-tông một tượng đài của thầy Hải làm cho công ty cà-phê ở Đắc Lắc. Đợi bê-tông khô, con về nhà ít ngày rồi tuần sau lên đồ khuôn. Chưa bao giờ con bồn chồn mong được về nhà như mấy ngày vừa rồi. Không ngờ về nhà lại được gặp ba. Ba ơi, ba về nhà với con. Con còn nhiều chuyện để nói với ba lắm. Rồi con sẽ dẫn ba đi tìm mẹ ! Tìm mẹ thì phải lội bộ, leo núi, xuyên rừng, cực lắm, ba có đi được không ?

- Ông Đạt theo con trai về ngôi nhà ba cây thông. Tìm cho được hai mẹ con Khuê rồi làm thủ tục đưa hai mẹ con qua Mỹ ông mới có thể chăm lo cho họ được. Đó là chủ ý của ông Đạt. Mang ý định đó ra ước ý Là, ông Đạt rất ngạc nhiên khi thấy ý định hợp lý và tốt đẹp đó của ông không được Là hưởng ứng. Là say sưa nói về công việc và những ý đồ sáng tác của mình.

Ông Đạt ngờ ngàng nhìn con. Ông cứ đinh ninh rằng chuyến này về nước, nếu tìm thấy con,

ông sẽ là chỗ dựa cho đứa con nhiều thiệt thòi, ông sẽ bù đắp cho những thiếu thốn mà con đã phải chịu đựng ! Nhưng không ngờ những gì nhận ra ở con lại làm cho ông thấy rằng chính đứa con sẽ là chỗ dựa yên ổn cho những năm tháng tuổi già sắp đến của ông ! Chính đứa con đã là sự bù đắp cho phần thiếu hụt trong đời sống tinh thần của ông ! Sáng hôm sau ông đã vững tin và thanh thản ngồi sau lưng con trên chiếc mô-tô Con Thỏ cũ kỹ, lăm lăm bùn đất nhưng máy còn rất khỏe lao vun vút trên con đường 20 hun hút dốc. Là phải đến công ty cà-phê ở Đắc Lắc xin phép thầy Nguyễn Hải. Sau đó hai cha con ông mới đi Đa Hoà tìm người đàn bà thân yêu của họ. Đến nay hai cha con ông Đạt vẫn đang lẫn lộn trên những lối mòn heo hút trong những cánh rừng miền cực Tây đất Lâm Đồng. Ông Đạt không ngờ rằng chính dặm đường rừng quanh co gù gó ấy lại một lần nữa làm cho ông hiểu thêm về người đàn bà mà ông yêu quý, hiểu thêm về mảnh đất mà ông đã rời bỏ. Và dặm đường chênh vênh, gai góc ấy đã trở thành neo về vất vả, muộn màng nhưng thật có hậu đối với ông.

(Văn nghệ số 20, 16-5-1998)

NHỮNG TÌNH KHÚC MỒ CÔI

LÊ ĐẠT

Một mặt mình bầu bạn cũng không xong

Phụ giáo Sube đứng quay lưng về phía lớp. Anh dạy vắn vớ lòng và bốn phép tính cho lũ trẻ tiểu học. Anh nắn nót viết trên bảng.

“2 quả cà chua + 2 quả cà chua là ...”

Một tiếng học sinh trả lời như quất vào lỗ tai thầy giáo :

- 2 quả cà chua cộng lại với 2 quả cà chua là 5.

Sube vừa quay lại chưa kịp nhận diện đứa học trò ngỗ ngược... thì một quả cà chua từ dưới lớp đã ném vào giữa chiếc áo vét-tông cũ bạc màu nổ tung như một trái lựu đạn, ruột và nước cà chua dính bết trên áo.

Sube nhìn... trước mặt chỉ lơ lơ một đám trẻ đứa ngồi, đứa đứng vỗ tay reo hò như hội.

Sube cật thị nặng. Người ta đồn rằng khi ngủ

anh cũng đeo kính. Có lẽ vì sợ giữa đêm tối không nhìn rõ mặt những giấc mơ.

Sube từ nhỏ đã là một cậu bé đa cảm, mơ mộng và có năng khiếu âm nhạc. Anh đã được nhận vào dàn đồng ca trực thuộc nguyện đường của Hoàng đế nước Áo.

Nhưng Sube nằm trong số những đứa trẻ không may. Không biết có phải bị sao Đà la chiếu mệnh không mà Sube hình như càng lớn lên với bất hạnh.

Một đứa trẻ nhà nghèo và hơn nữa lại xấu xí hầu như không có tuổi thơ. Ngay cả đến bà thân mẫu anh cũng không muốn vuốt ve đôi má sần sùi và thơm hôn văng trán mấp mô của một chiếc đầu to quá khổ.

Sube lớn lên giữa gia đình như một đứa trẻ mồ côi. Chỉ có con gái xấu mới khổ...

Hình như người ta đòi hỏi những đứa trẻ phải xinh xắn và đáng yêu kiểu một đồ chơi ngoạn mục...

Cho đến năm hết tuổi trẻ đại bước vào tuổi khôn lớn. Sube vẫn mang nặng cảm giác một sinh vật bị bỏ rơi giữa đường. Bố mẹ chẳng hề có một cử chỉ, một lời nựng âu yếm... còn bạn học - lũ trẻ vốn tình quái - thì tìm đủ cách trêu chọc hành hạ Sube và đặt cho anh một cái biệt hiệu đáng buồn "con nòng nọc".

Cũng may bà Mụ thương tình đã nặn ra anh cặn từ nhỏ để không phải nhìn rõ tất cả những trò tai ác của một xã hội vốn chẳng mấy bận tâm đến lòng vị tha. Cứ mờ mờ nhân ảnh thế mà lại hóa hay.

Ngoài ra Thượng đế còn ban cho Sube một người bạn chí cốt : âm nhạc.

Vào những phút buồn bã và cô đơn ấy, Sube thường chuyện trò với những nốt nhạc mà trong ngôn từ thông dụng người ta gọi đó là sáng tác.

Nhưng cái anh “Trương Chi người thì thậm xấu hát thì thậm hay” còn tự do hát trên một dòng sông đầy trời nước và sóng để lọt đến tai một cô My nương cấm cung. Còn anh Trương Chi xứ Viên chỉ dám hát thầm một mình những khúc tình ca không địa chỉ, không phải có lẽ quá nhiều địa chỉ nhưng toàn là địa chỉ tưởng tượng thì đúng hơn.

Vị quân ca nhà nguyện, một người cô đơn khác, thông minh, thông cảm với nỗi khổ của Sube đã nghĩ đến một toan tính cho anh đi học. Thì đúng một cái Sube võ giọng và phải vĩnh biệt dàn đồng ca.

Khi Sube vĩnh biệt dàn đồng ca cũng là lúc anh mấp mé tuổi nghĩa vụ quân sự, mà thời gian nghĩa vụ để chế Áo kéo dài những mười bốn năm.

Sube vất vả lắm mới chạy được một chân phụ giáo ở một trường tiểu học ngoại ô.

Nếu như địa ngục là trụ sở của ma quỷ thì ngôi trường tiểu học ngoại ô kia đối với Sube có thể coi là phó địa ngục với những phó ma quỷ.

Sube sống ba năm với cái đám "được xếp hàng thứ ba sau quỷ và ma ấy", mỗi ngày một buồn khổ hơn, cô đơn hơn.

Có phải đêm được sinh ra trong một chớp lóe từ thiện của Thượng đế để chiếu cố những kiếp sống lạc loài nơi trần thế kiểu Sube.

Đêm đêm từ căn gác ổ chuột tối tăm nhìn lên vòm trời sao sáng vắng vặc, Sube lại thấy dậy lên trong tâm hồn một niềm nao nức khó hiểu. Những ngôi sao lấp lánh nơi xa vời kia mới triu mến, mới ân cần chào đón làm sao. Cái cảm giác mà chưa từng bao giờ Sube được nhận từ những cái nhìn ban ngày. Và sóng âm thanh hồng dâng lên chênh choáng mênh mông như biển.

Sube say sưa với những nốt nhạc. Hình như đêm là thời gian của tình yêu. Con sông bóng lá, ánh trăng tất cả đều nói khê, cái giọng dịu hiền - nó có phải là giọng của tình yêu không? Sube cũng đoán vậy. Vì cho đến nay anh đã biết giọng của tình yêu mặt mũi nó như thế nào đâu. Nhưng chắc chắn là nó không gay gắt, không **sống sượng**, không ồn ã, thậm chí tục tằn như tiếng nói của ban ngày.

Từ khi Sube có ý thức về cuộc đời, những lời anh được nghe thường là những lời giễu cợt, nếu

không phai là kỳ thị. Anh có cảm giác mình có mặt ở cõi trần gian này là một sai lầm và đối với mẹ anh là một nỗi hắt, một sự vô mộng. Chắc mẹ khi mang thai anh không phải có những giấc mơ đẹp lắm. Thiên thân tỷ hơn của mẹ. Ôi ! Thật mỉa mai.

Đối với tiếng nói hắt hủi của cuộc đời cậu bé mồ côi, sự âu yếm - thấy cần phải tạo ra một tiếng nói khác.

Sube lau kính lần này là lần thứ mấy. Có phải những âm thanh trù mến của những nốt nhạc làm anh khóc mờ kính. Cuối cùng anh bỏ hẳn kính xuống. Và con người cận thị không nhìn rõ cuộc đời kia đã hiện diện với những giấc mộng rất xa, rất mơ hồ của một cõi bên kia sông đầy gió nắng và chim hót, những nốt nhạc dòng sông nước mắt trên những khuôn kẻ sóng sánh.

Bài hát *Mari* quay sa bất hủ đã được sáng tác thời kỳ này.

Và nhà thơ lớn nhất của nước Đức, Đại thi hào Götter khi nghe Sube phổ nhạc bài thơ nổi tiếng : *Vua Thủy thần của mình* đã phải thốt lên : "Sube đã dạy cho tôi rất nhiều về sự trù mến".

Nhưng Sube lúc đó còn quá tép riu đối với Götter.

Và lại Götter còn mãi theo đuổi những hào quang rực nắng của một ngài cố vấn triều đình làm gì có thời giờ chú ý đến bóng mát một cây nhỏ.

*

Sube nhớ mãi đến người đàn bà ấy... gặp trên bờ con sông Viên bé nhỏ. Vào lúc thành phố đã lên đèn. Trong bóng tranh tối tranh sáng hình như đã có số những bóng dáng đàn bà đều thon mảnh, đều đẹp. Nhất là với Sube, người suốt đời chưa biết mùi đàn bà thế nào. Cũng có thể là do dòng sông. Dòng nước đầy sao và tiếng sóng bao giờ cũng mang tính nữ của sự triu mến, nó vỗ về an ủi.

Hai người đã qua đêm với nhau trong một nhà chứa tồi tàn, lở lủi. Lần đầu tiên, Sube biết thế nào là đàn bà. Anh lúng túng quá. Sube chỉ sợ một cử chỉ vụng về của mình sẽ làm cho giấc mộng tan biến. Người đàn bà ấy sẽ tát cho anh một cái nẩy đom đóm mắt và bỏ đi để lại anh chết đuối trong mệnh mông cô đơn của một căn phòng tối còn lạnh hơn huyết mệ.

Nhưng con người từ thiện ấy đã khuyến khích anh, đã vuốt ve anh như một đứa nhỏ, ân cần hướng dẫn anh khám phá thân xác một người đàn bà. Nó hoàn toàn là một Tân thế giới xa lạ bí mật đầy kỳ ảo.

Anh đã gục vào ngực người đàn bà. Hình như đã lâu lắm, xa lắm rồi, từ thời thơ ấu anh mới lại được úp mặt vào một cái gì như ngực mẹ, nó chòng chành mệnh mông như một biển giao hưởng. Và anh vừa nức nở vừa kê cho người đàn bà xa lạ và thân quen kia tất cả nỗi cơ cực, tất cả ba ngàn thế giới cô đơn của một đứa bé (một người bất hạnh bao

giờ cũng cần an ủi như một đứa trẻ thơ cần mẹ, đầu người đó đã bước sang bên kia con dốc lạnh lẽo của cuộc đời).

Người đàn bà hình như thoáng sợ, đẩy anh ra. Hẳn người đó tưởng anh là một thằng điên. Lúc ấy mà người đó đứng lên bỏ anh ở lại, có lẽ Sube sẽ ra bờ sông, nhảy thẳng xuống nước, để chìm chết cái cô đơn tột cùng của một đời người.

Anh ôm chặt lấy người đàn bà nọ, lo lắng, không dám khóc to, khẽ thút thít, đôi mắt cầu khẩn ngơ ngác (đây là lần đầu tiên và duy nhất trong đời anh bỏ kính).

Phải, có lẽ đôi mắt cầu khẩn ngơ ngác và giọng nói đầy thành kính của anh : “Anh van em... xin em đừng bỏ anh” đã giữ người đàn bà ấy ở lại.

Người bạn đêm đời ấy nhìn anh, mắt bỗng trong xanh và trác ần một bao la thánh thiện, nó nhắc đến ánh mắt của Đức mẹ Maria.

Những giờ phút sung sướng trong đời một con người thường qua đi như một giấc ảo. Khi Sube tỉnh giấc thì đêm đã hết, trời đã sáng, sáng bạch. Anh dụi mắt, đeo kính để nhìn cho rõ căn phòng tồi tàn, những mảng vôi tróc lở, tấm khăn trải giường mẫu nước hén nhàu nát... đầy những vết hoen ố... mùi mồ hôi... mùi nước tiểu nồng nặc.

Và nhất là số tiền ít ỏi của anh để trong túi đã không cánh mà bay.

Mặc dầu tất cả bạn bè đều chế nhạo anh là một thằng quách, rằng người đàn bà kia một trăm phần trăm là một con diêm rế tiền.

Mặc dầu sau lần đầu tiên và duy nhất tiếp xúc với đàn bà ấy anh đã mắc bệnh... Thời đó người ta chưa tìm ra thuốc kháng sinh và căn bệnh một đêm được coi là một loại bệnh nguy hiểm không thể chữa khỏi.

Tóc anh rụng từng mảng. Và cái đầu hói đã khó coi lại càng khó coi hơn.

Anh dùng dùng lên cơn giận ném chiếc gương xuống nền nhà vỡ tan.

Nhưng lại thương. Thương nhiều hơn giận. Đàn ông rụng tóc đã khó coi như vậy, đàn bà rụng tóc còn khổ đến đâu. Cô ấy lấy gì để sống ?

Dầu thế nào đi nữa thì người đàn bà đêm đó cũng là người duy nhất đã cho anh biết thế nào là hơi ấm của sự trù mến.

Một lòng biết ơn bao la bỗng dâng lên khiến anh trào nước mắt.

Mấy ngày liền, anh lang thang đi theo dòng sông. Biết đâu trong một cơn tuyệt vọng người ấy chẳng nhảy xuống nước tự tử.

Ai bận tâm đến một cái xác chết đuối vô thừa nhận ?

Sube, đúng chính anh phải có bốn phận chôn cất người đó, lo cho tâm hồn bất hạnh kia một nơi

yên nghỉ cuối cùng ấm áp, như người đó đã từng chia sẻ ổ ấm áp với anh.

Và cái con người hầu như hoàn toàn sống thoát ly đời thường kia bỗng chú ý đến thời sự một cách quá mức. Hầu như ngày nào anh cũng mua báo, dù các thứ nhật báo, chỉ để chăm chú đọc trang tư, trang dành riêng cho những tin chó bị tai nạn giao thông hay những xác vô thừa nhận.

Ở trên thế giới này, hẳn không có tờ báo nào dành trang nhất cho người anh tìm.

Chính những ngày lang thang bên bờ sông đã tạo hứng cho chuỗi những tình khúc bất tử mà những người yêu nhạc thường gọi đó là tập khúc *Du hành mùa đông*.

Nó sưởi ấm lòng không biết bao nhiêu thế hệ và trái tim vô gia cư.

Ít ai biết cái nhìn thánh thiện của người đàn bà và nỗi toàn phúc ngấn ngùi đêm đó đã khởi phát cảm xúc cho người nhạc sĩ suốt đời bị hắt hủi kia hoàn thành bài *Ave Maria* tràn ngập lòng triu mến bao la, nó thường được hát lên trong lễ cưới và những buổi hôn lễ dưới bóng Chúa, coi như lời nguyện cầu tình yêu trong trắng và vĩnh cửu

*

Có nhiều yếu tố trong sự nổi danh của một người nghệ sĩ. Nhiều người biết đến Lit không phải đơn thuần do tài năng biểu diễn kiệt xuất của ông

mà còn do những mối tình giai thoại mới không đếm xuể những nữ lưu đa quốc gia trong cuộc đời chìm nổi của nhạc sĩ

Suman có một quãng đời điên loạn, nó khiến những tâm hồn tài tử không ai có thể đứng vững trước thảm cảnh một thiên thần gây cảnh

Và Sôpanh lấy lòng do tài năng thiên bẩm của ông đã dành, nhưng không thể không nhắc đến mối tình cảm xa xa của thế kỷ đối với trái tim chảy máu của một nghệ sĩ lưu đầy suốt đời thất tình Tổ quốc.

Sube không có những gia vị quý báu ấy. Anh sống cuộc đời tẻ nhạt đến tầm thường của một nhạc sĩ nghèo, luôn luôn bị giày vò bởi những khó khăn cơm áo, ngò nghệch, vụng về chẳng biết tự tạo cho mình một hình ảnh tiếp thị (nghệ sĩ không ít người tài năng quảng cáo còn “đắt” hơn tài năng của họ)... lắm lùi cô đơn, lắm lùi cô cút, lắm lùi bất hạnh.

Sube tự sự “Hạnh phúc của tôi là sự bất hạnh”.

Và người nhạc sĩ “sẩy chân bước vào cuộc đời” kia đã diễn tả sự bất hạnh qua những âm thanh chân thành của một tình yêu đắm đuối, nó bao giờ cũng ngổ lờ bằng ngôn ngữ của hạnh phúc.

Có phải vì vậy mà những tình khúc mô cô kia đã xanh dai dẳng như một loài vạn niên thông cổ thụ, ru tình cho không đếm xuể những lúa xuân.

*

Suốt đời Sube tâm niệm đi tìm lại cảm giác tuyệt vời của đêm đó như tìm lại một thiên đường đã mất, mất vĩnh viễn.

Trên giường bệnh một nhà thương làm phúc trước khi qua đời, Sube hỏi :

– Có chỗ nào cho tôi trên trái đất không ?

Anh tự trả lời :

– Không có chỗ nào cả.

Rồi quay mặt vào tường. Bức tường cũng ghe lạnh, cũng tro trụi như bức tường căn phòng đêm nào. Bóng người đàn bà, cho đến bây giờ anh cũng chưa biết tên chị, bóng người đàn bà rợp mát và che chở... đó... lại hiện lên.

Nước mắt Sube trào ra ướt đầm. Và hình như anh lắm lắm hát gọi trong một giấc mơ toàn phúc rất dài...

AVE MARIA...

(Văn nghệ số 9, 28-2-1998)

THƯƠNG CÁ CHO ĐỜI BẠC

NGUYỄN HUY THIỆP

I

Trước khi đi Nhật Bản, Đặng Tử Mẫn nghe lời Đặng Tử Kính qua Nam Định để gặp Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ. Đến chợ Rồng, Đặng kéo cụ Khổng người làng Định Trạch, vốn trước kia là đốc biện quân lương của Nguyễn Quang Bích. Khổng cho Đặng biết Phan Bội Châu mới từ Nghệ An ra Nam Định

– Cụ Phan đang ở nhà tôi

Chỗ hai người đứng nói chuyện với nhau là một phiến đá vuông dùng để đập lúa nhưng vỡ một góc, nên người ta dùng nó lát đường. Trước khi cháy chợ Rồng năm 1983, người ta vẫn thấy phiến đá ấy lát trước quầy bán cá khô của bà Hai Oanh.

– Thưa cụ, nếu thế thì cụ phải cho tôi gặp được cụ Phan.

Khoảng thời gian đang kể đây là khoảng trước

lên thuyền đón năm Ất Ty 1905 chừng mấy ngày.
Thị trấn thành chợ Rồng vui và nhộn nhịp sẽ được tả
trong cuốn chuyện này.

Cứ không dẫn Đặng Tử Mẫn len lỏi vào chợ.
Thị trấn hàng vải, cụ Không giới thiệu Đặng với cụ
Đặng Đình là người giữ *bất* họ có danh tiếng ở chợ
thị trấn.

Cụ Đặng là người hào hoa.

Cụ Đặng Thịnh bảo:

Cũng tôi đến nghe ở chợ này. “*Văn kỳ thanh,*
phong tục kỳ nhã”.

Thị trấn.

Thị trấn Nam là nơi có chợ hào kiệt.

Cụ Đặng bảo:

“*Tây kỳ ngày trỗi,*

“*Thị trấn*”.

Nhất là Xương.

Cụ Đặng nói Xương.

Cụ Đặng nói Xương là người ở Xương, tức Trần
Đặng, người ở Xương, người ở Xương, người ở Xương, sinh
năm Giáp Thìn (1870) tại làng Bình Ngô 1907,
tên là Trần Văn Văn, người ở Xương ở làng Văn
Đặng, người ở Xương, người ở Xương.

Cụ Đặng nói Xương là người ở Xương.

Cụ Đặng nói Xương là người ở Xương?

Cụ Đặng nói Xương là người ở Xương.

Nhà kia lỗi phép con khinh bề
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo củ người đầu như cứt sắt.
Tham lam chuyện thổ rất hơi đồng
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh
Có đất nào như đất ấy không ?

Tú Xương là con trai cả cụ Trần Duy Nhượng. Cụ Nhuận có 9 người con, trong đó có 6 người con trai và 3 con gái. Sáu con trai tên là Uyên, Đạt, Nguyên, Thiệp, Câu, Trừng. Ba con gái tên là Khiết, Tịnh, Vân.

Tú Xương lấy vợ họ tên là Phạm Thị Mẫn. Tú Xương một tuổi, mất năm 1931, quê ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định. Vợ Tú Xương làm nghề buôn bán gạo. Tú Xương có 6 người con trai tên là Bành, Bột, Bái, Uông, Lăng, Chử.

Tú Xương học chữ Hán, sống trong buổi giao thời chuyển từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ.

Tú Xương mộng công danh theo thói đời, theo đường thi cử, đi thi 8 lần, nhưng hỏng 7 lần, chỉ đỗ một lần : kỳ thi Ất Dậu 1885 : hỏng, Mậu Tý 1888 : hỏng, Tân Mão 1891 : hỏng, Giáp Ngọ 1894 : đỗ tú tài, Đinh Dậu 1897 : hỏng, Canh Tý 1900 : hỏng, Quý Mão 1903 : hỏng, Bính Ngọ 1906 : hỏng.

Kỳ thi năm Giáp Ngọ 1894, Tú Xương đỗ tú tài được một người Pháp tên là Bua-ranh là hội như

sau “Trường thi Nam Định năm 1894, đông như tiên cô. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9000 sĩ tử, năm 1894, con số người đi thi lên tới 11000. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, xung quanh điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tấm mui luyện nhà đồ (tức là những thi cụ “ôu chong”). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch lệ lệ là ngày 1-12-1894. Ngày 8-12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ồm ồm lành lành. Tiếng í ới gọi nhau lục đường của người thi các thầy khoa, của tiểu đồng, lão bộc, quản gia nhỏ lên đội chông ra về trong đêm tối lập lòe ánh đuốc. Đám đông lên tới 25000 người. Lễ xướng danh từ rất sớm cho đến chiều. Ghế bành của các quan chấm thi và dự lễ kê cao tới 4 mét. Quan Toàn quyền hạn không đến, có quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cứ xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên một ô phút - tính từ lúc cả tiếng loa gọi tên, xoay sang phía trái, xoay sang phía phải, cho tới khi người trung thi thục cánh lách được lên chỗ để trình căn cước. Khoa thi năm 1894, lấy 60 cử nhân và 200 tú tài đệ triều đình đặt ra thưởng lấy theo tỉ lệ nhất cử tam tử, cử chấm được một cử nhân thì lấy được ba tú tài. Không xong tên được 60 ông cử nhân tân khoa mới 31 ông đồng hồ thì quan si Moren ra. Các ông tân khoa phúc xuống lạy 3 lần rồi đi theo quan Tổng đốc quân Kinh lược Bắc Kỳ báo

mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn - nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lèn cái thang công danh hoạn lộ" (Bắc Kỳ cổ sự).

Tú Xương than sự thi, coi đây là nghiệp chương:

Bụng buồn còn muốn nói năng chi
Đệ nhất buồn là cái hồng thi
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thể có ra gì !

Về nghề nghiệp, Tú Xương không có nghề nghiệp gì.

Tú Xương kể lại : "Tôi vốn đi tiêu dao suốt năm, không để ý gì đến cửa nhà, đến nỗi vợ phải đón về dạy con, cung phụng như ông đồ người ngoài, không dám xưng hô theo lễ vợ chồng :

Thầy đồ, thầy dạy
Dạy học, dạy hành
Vài quyển sách nà
Dâm thằng trẻ ranh
Văn có hay đã dò làm quan, vòng điều vòng tía
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khổ đỏ khổ xanh.
Ý hẩn thấy văn dốt vũ dốt
Cho nên thầy luẩn quẩn loanh quanh .

Trông thầy :

Con người phong nhã
Ở chốn thị thành
Râu rậm như chổi
Đầu to tay giành

Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất diên bát đào
Cũng nhiều lúc chơi liêu chơi lĩnh
Tứ đốm tam khoan
Nhà lính, tính quan : ăn rất những thịt quay,
lạp xưởng.

Mặc rất những quần vắn, áo xuyến :
Đất lế, quê thói : chỗ ngồi cũng án thư, bàn độc,
ngoài hiên cũng cánh xếp, màn màn.
Gần có một mù, sinh được bốn anh : tên Ưông,
tên Bái, tên Bột, tên Bành
Mẹ muốn con hay, rập một nổi biển, cờ, mũ áo :
Chú rước thầy học, tính đủ tiền chè rượu,
cơm canh

Chọn ngày lễ bái
Mở cửa tập tành
Thấy ngồi chễm chệ
Trò đứng xung quanh
Dạy câu Kiều lấy
Dạy khúc lý Kinh
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi
phải phép
Dạy những lúc cao lâu, chiếu hát, ăn nói
cho sành!"

*Tú Xương có tài xuất khẩu thành chương, hay
làm thơ bốn cọt người đời, thói đời.*

*Thí dụ bốn ông Thành Pháo (mượn chuyện chơi
tam cúc để rêu tên ông Pháo là người may được cử
giữ chức phòng thành) :*

Tượng tượng, xe xe, xé lẻ rồi

Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng vào đời
Đố ai biết được quân nào kết
Mã cùng chui mà tốt cùng chui !

Thí dụ bốn ông Ám Kỳ là con trai cụ tuần
Quang. Mẹ Ám Kỳ dan diu với sư Doãn, tu ở chùa
Phù Long (Nam Định) :

Ám Kỳ kia ơi tố bao này
Cha con mây phải cái này cay
Thôi dừng vòng giá nghênh ngang nữa
Thằng tiểu Phù Long bá ngọ mây !
Thí dụ bốn bán thân mình :
Một trà, một rượu, một đàn bà
Ba cái lãng nhăng nó hại ta
Chừa được cái gì hay cái này
Có chàng chừa rượu với chừa trà

*Tú Xương được người đời gọi là "thần thơ
thanh chữ". Có người nói đặc sản Nam Định là
chuối ngự và thơ Tú Xương. Cả một thời đại văn
chương nhưng Tú Xương được yêu mến nhất*

Ông nghề, ông thám vô mây khói
Dung lại văn chương một tu tài

*Tú Xương để lại khoảng 150 bài thơ phú và câu
đôi, phần lớn truyền miệng, bài nào cũng buồn
cười, chơi chữ thân tình. Thí dụ nói về người chỉ
giới cầm rượu mà kém văn chương*

Văn chương chẳng thấy kêu rang tốt
Chỉ tốt hai hàng lúa mạ thôi !

Hay :

Ý hẩn thịt xôi lền chặt dạ
Cho nên con tự mới tời ra !

Thí dụ trêu vợ chồng mới cưới :

Con bé nhà kia nó lấy ai ?
Thưa ông nó lấy chú Hai Mai
Đuôi gà cô ả coi xinh gái
Trưng cá anh chàng cũng đẹp giai !

Có người viết về Tú Xương : "Ông sinh không ai biết, ông chết không ai hay"...

Vậy là cụ Đồng Thịnh bảo :

- Nhất Tú Xương.

Đặng Từ Mẫn cũng bảo :

- Nhất Tú Xương thật.

Cụ Không đóc biện bảo :

- Hiêm Tú Xương chỉ du hí văn chương.

Khi ba người đang đứng nói chuyện với nhau thì có một người ăn mày đi đến giữa tay xin tiền ở quáy bán thuốc bắc hiệu ông lang Xán. Ông lang Xán xua tay :

- Người đói thì ta cũng chẳng no
Charthăng nào có tiếc không cho !

Xung quanh cười ầm lên.

Cụ Đồng Thịnh cười :

- Lại Tú Xương !

Nói rồi móc túi cho người ăn mày một hào.

Cụ Khổng đốc biện hỏi :

– Ông Đặng, khi nào ông đi Nhật Bản ?

Đặng Tử Mẫn báo :

– Sang năm mới.

Cụ Đồng Thịnh vào sạp vải lấy ra một gói lụa đỏ.

– Ông Đặng, đây là tiền đóng góp của người Việt Nam cho nước Việt Nam.

Đặng nói :

– Đa tạ cụ, của ít lòng nhiều.

Lúc ấy bỗng nhiên có tiếng đàn, tiếng nhị réo rất cất lên. Đám người đứng xúm đông xúm đỏ quanh ông già hát sẩm với cô cháu gái chừng 15 tuổi :

Hát rằng :

-- Chị hồi chị, năm nay tưng lăm

Biết làm sao, Tết đến nơi rồi

Một ngày nào, chị mua muôi cùng tôi

Ngoảnh mặt lại, hàng vôi nay đã bán

Nay nụ, này hoa, này hài, này hán

Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới đưa sang

Chị cùng em sắm sửa lo toan

Muốn mua chiu, sợ nhà hàng lại lạ

Chị em ta cùng nhau giữ giá

Đèn hay giờ ngã ca chẳng ai nâng

Cũng liên bạn vậy chơi xuân...

Cụ Đồng Thịnh bảo :

– Lại Tú Xương !

Ông già hát sấm lại hát :

Hát rằng :

*– Người tai mắt ai không thức thú
Lúc về già lỵ khu mới chơi xuân
Suốt quanh năm nào mất cái lông chân
Nhà chứa bán để dành phân bón lúa
Ba câu chuyện khoe mình lăm của
Chốn nhà lan sắc súa những hơi đồng
Theo anh em đến chỗ lầu hồng
Hỏi cô ấy có chồng chăng nhỉ ?
Anh đây thật là người chí khí
Tiền cười cheo chi phí một vài hào
Khoe mình chơi nhất Hàng Thao !*

Cụ Đồng Thịnh cười :

– Lại Tú Xương !

Đặng Tử Mẫn và cụ Không đốc biện chào cụ Đồng Thịnh để về.

Cụ Đồng Thịnh bảo :

– Ông Đặng ! Sự nghiệp Đông du lớn lắm !

Đặng gật đầu :

– Đa tạ cụ !

Cụ Đồng Thịnh tiễn cụ Không đốc biện và Đặng Tử Mẫn tới ngoài cổng chợ.

Cụ Không hỏi Đặng :

– Ông Đặng về nhà tôi bây giờ để gặp cụ Phan hay chờ đến tối ?

Đặng Tử Mẫn báo :

– Tôi muốn ghé thăm Tú Xương.

Cụ Đồng Thịnh báo :

Muốn tìm Tú Xương phải nhờ chú Mẫn.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe chú Mẫn. Cụ Không đốc biên và cụ Đồng Thịnh lại quay vào chợ.

Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe. Ông cất bọc tiền cụ Đồng Thịnh vừa trao vào trong tay nải. Thành Nam Định đang vào Tết : người xe nhộn nhịp, thoáng bóng những cành đào ở nhiều cửa hiệu buôn. Khuôn mặt bạn bè thân quen hiện ra trong tâm trí Đặng : nào Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám, Kỳ Đồng, Nguyễn Văn Cầm và nhiều người nữa.

– Tất cả lùi vào thiên cổ...

Đặng nghĩ thế. Ông lắng nghe tiếng pháo tốp nó ran cuối phố mà rùng mình. Trời lạnh. Ở Nhật Bản trời lạnh hơn nhiều.

Chiếc xe tay di lòng vòng một lúc lâu rồi đỗ trước một hiệu cao lâu. Hiệu cao lâu này đến nay không còn nữa. Vị trí của nó đại để ở giữa quán “karaoke” của cô Dung Bé và Công ty Sách - Thiết bị trường học thuộc Sở Giáo dục Nam Định ở phố Hàng Thao bây giờ.

Đặng Tứ Mãn trả tiền cho xe chú Mán rồi gõ cửa hiệu. Chủ hiệu cao lâu là cô Ba Tuyết chạy ra đón Đặng.

Đặng hỏi :

– Ông Tú có ở đây không ?

Cô Ba Tuyết cười :

– Gồm ! Thì bác cứ vào đây cái đã nào !

II

Tú Xương nằm trên chiếu, đầu gác lên đùi cô đào Thu.

Tú Xương đọc :

– *Người bảo ông điên, ông chẳng điên*

Ông thương, ông tiếc, hóa ông phiền !

Tú Xương suy nghĩ.

Ông nghĩ :

Từ lâu lắm, ở xa lắm, người ta đã nhâm lẫn

Những nhâm lẫn cứ chồng chéo lên nhau

Sống trong những nhâm lẫn thật tai hại

Nhưng tình ra còn tai hại hơn !

“Thiên hạ dễ thường đang ngủ cá

Tội gì mà thức một mình ta”

Thôi thấy kệ !

Ai nhâm cứ nhâm

Ta chỉ thấy buồn cười mà thôi

“Nhưng là thương ca cho đời bạc

Nào có căm đau đến kẻ thù”...

Tú Xương nhắm mắt lại. Ông cảm thấy dễ chịu quá chừng. Cô đào Thu mới 21 tuổi.

– Ông Tú ! Thế chừng nào ông giúp em ?

Tú Xương ậm ừ. Ông đã chót hứa với cô đào Thu sẽ giúp cho cô một món lưng vốn.

– Em chỉ muốn về quê đi chợ. Làm công việc này nhọc lắm.

“Chơi thì nhọc. Làm thì không nhọc. Tại sao lại thế ? Lại làm lẫn rồi !” Tú Xương nghĩ.

– Ông Tú ạ ! Em chẳng thấy ai như ông cả.

“Lại nhầm lẫn rồi ! Đàn ông thì ai cũng như nhau hết” – Tú Xương lại nghĩ.

– Hôm nọ, cái ô mang ra ngoài hiệu cầm đồ chỉ bán được có ba hào.

Tú Xương cười, cô đào Thu cũng cười ngặt nghẽo.

Giai thoại đi hát mất ô :

Có ông đi hát, bị cô đầu nâng mất cái ô lục soạn, ông này tiếc của, kể chuyện cho mọi người nghe. Tú Xương làm bài thơ sau :

*Đêm qua anh đến chơi **đây***

Giày giòn anh dận, ô tây anh cầm

Rạng ngày sang trống canh năm

Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ

Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ôm ờ không thưa
Chín e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ này lưu truyền, nhà hàng sợ mất tiếng
xin Tú Xương nghĩ cách chữa cho đỡ ngượng. Tú
Xương bèn làm bài thơ trả lời :

Chẳng qua muôn sự tại giờ
Thôi thôi xin chớ dài lời làm chi
Nắng thì nắng cũng có khi
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi
Thật lòng anh có thương tôi
Thì anh cứ việc đội giờ mà lên
Nhược bằng anh cố bắt đền
Thì xin đền cái đất tiền bằng ba !
Cô đào Thu lại hỏi :

- Ông Tú ! Thế chừng nào ông giúp em ?

Tú Xương bảo :

- Rồi đâu có đó.

Cô đào Thu thở dài

Tú Xương nghĩ :

Làm người thật khó
Chỉ sống thôi sao mà khó thế
Chẳng lẽ chỉ như thế thôi
Cái cái, được được
Những con thú mạnh biểu hiện
Những con thú yếu kêu gọi...

Đực đực, cái cái

Cái cái, đực đực.

Cô đào Thu hỏi :

- Sáng nay ông ăn quà gì ? Sáng nay em ăn miến lươn.

Tú Xương đọc :

- Quần áo rách rưới.

Ăn uống xô bồ

Cơm hai bữa : cá kho, rau muống

Quà một chiều : khoai lang, tía ngô...

Cô đào Thu lại hỏi :

- Ông Tú ! Thế chừng nào ông giúp em ?

Tú Xương bảo :

- Được ..

Cô đào Thu thở dài :

- Ông Tú ! Ông sống cũng thanh đạm nhỉ ?

Tú Xương đọc :

- "*Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tinh hoà* ;

- *Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt*".

(Cái phẩm giá tội cùng ở trong thiên hạ là tình đối với trăng gió. Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ).

Cô đào Thu hỏi :

– Ông Tú ! Trên đời ông quý nhất loại người nào ?

Tú Xương bảo :

– Loại anh hùng hào kiệt và loại rong chơi giang hồ.

Cô đào Thu lại hỏi :

– Ông Tú ! Thế chừng nào ông giúp em ?

Tú Xương bảo :

– Tết !

Cô đào Thu bảo :

– Ừ ừ ! Tết đến nơi rồi !

Vừa lúc ấy thì Đặng Tử Mẫn bước vào.

III

Chắc chắn cuộc nói chuyện giữa Đặng Tử Mẫn và Tú Xương vô cùng cao nhã vì Tú Xương đã ngồi thẳng dậy, nét mặt nghiêm trang.

Cô đào Thu hỏi :

– Em có phải đi ra ngoài hay không ?

Tú Xương bảo :

– Không ! Cô phải ở đây hầu rượu.

Đặng Tử Mẫn và Tú Xương nói về thời thế. Xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có tâm trạng chung lo âu, ngơ ngác. Những mong muốn khai sáng xuất

hiện trong giới văn thân. Tấm gương cái cách Minh Trị Nhật Bản khơi dậy khát vọng biến đổi.

Đặng nói :

- Cụ Phan đã có ý định Đông du.

Tú Xương buột miệng :

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu bật cười : mỗi khi Tú Xương đa tạ ai nghĩa là Tú Xương đã nhận ra một điều gì đó buồn cười.

Tú Xương đưa mắt, cô đào Thu biết ý lặng im.

Đặng Tử Mẫn nói :

- Số người ghi tên Đông du nay đã hơn 60 người. Trong miền Nam có Phan Chu Trinh rất có chí. Hiêm Phan Chu Trinh chủ trương "*Pháp-Việt đề huề*". Cụ Phan Bội Châu thì khác, chủ trương bạo động.

Đặng Tư Mẫn nói :

- Ô Bắc Giang, cụ Hoàng Hoa Thám rất mạnh, cụ Phan Bội Châu cũng định lên gặp cụ Hoàng.

Cô đào Thu nín thở.

Đặng Tử Mẫn hỏi :

- Ông Tú ! Ông nghĩ gì khi cụ Phan cho rằng "lập thân tối hạ thị văn chương" ?

Tú Xương lại buột miệng :

- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu lại xuýt xoa bật cười. Tú Xương đưa mắt nhìn. Cô đào Thu vô tình chạm tay vào cái tay nái của Đặng Tử Mẫn.

Đặng hỏi :

- Ông Tú, tình cảnh ông hiện giờ thế nào ?

Tú Xương bảo :

“Thê tróc, tử phọc”.

Giai thoại vợ bắt, con trôi

Có người mang tặng Tú Xương một cái lồng chim. Thấy con chim bị nhốt. Tú Xương thương tình thả cho nó bay. Ông bảo : Ngã phóng, nhĩ phi, dực mao tác vũ” (Ta thả cho mày bay đi, lông cánh mặc sức bay nhấy). Không dè bà vợ Tú Xương và mấy đứa con tưởng chim xô lồng nên chạy lại, chộp được, lại nhốt vào lồng như cũ. Tú Xương cảm cánh, bật cười bảo : “Thê tróc, tử phọc, âu lộ hoàn lung” (Vợ bắt, con trôi thế là con chim tự do quay vào lồng).

Cô đào Thu bảo :

- Ông Tú ! Em xuống nhà lấy đàn, lấy trống được không ?

Tú Xương bảo

Được ! Thế đã xong chưa ?

Cô đào Thu : Chưa.

Xong rồi.

Đêm hôm đó Tú Xương nằm rầu rầu không ngủ.

lạnh của ngày giáp Tết. Đặng Tứ Mẫn ngồi nghe Tú Xương gõ trống và cô đào Thu ngâm thơ.

Thơ rằng :

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng lòn
Đêm sao đêm mãi thế ru mà
Lạnh lòng bốn bề ba phần tuyết
Xao xác năm canh một tiếng gà
Chim chóc hầy còn vương cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa
Nào ai là kẻ tìm ta đó
Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà !

ĐOẠN KẾT

Chợ Rồng chiều 30 Tết chật ních người. Ngoài cổng chợ bày la liệt những hàng rau, hàng thịt. Trong các dãy hàng khô, hàng vải, hàng tạp hóa. Chỗ nào cũng thấy có những câu đối viết trên giấy điều. Mùi gạo thơm quện lẫn với đủ thứ mùi hàng hóa khác. Tất cả đều có hương vị thân quen nồng nàn.

Cô đào Thu đi sắm tết. Cô chuẩn bị về quê. Đến quầy bán mứt kẹo, anh chàng bán hàng chộc ghẹo gì cô đào Thu. Cô đào Thu cười ngật nghêu, dấm thùm thụp vào lưng anh chàng bán hàng. Cô bảo :

- *Chỉ trách người sao chẳng trách mình ?*

Mình trung dâu đây, trách người trình ?

Xung quanh cười rộ lên. Có ai nói :

– Lại Tú Xương !

GIAI THOẠI CÔ ĐÀO THU :

Tú Xương quen cô đào Thu hay xin tiền. Tú Xương hứa giúp một chút vốn nhỏ nhưng chưa có dịp. May có một lần Tú Xương gặp Đặng Tử Mão, Đặng có tiền bèn trích một khoản nhỏ giúp cho cô đào Thu. Cũng có người nói rằng cô đào Thu trộm tiền của Đặng Tử Mão, Tú Xương biết nhưng lờ đi cho.

Nhân việc này Tú Xương có bài thơ :

Rước phải cô đào mới tẻo teo

Rác tai đã lấm sự ỳ ề

Cầm, kỳ, thi, tửu, vui ra phá

Điền sân, tư cơ mấy cũng nghề

Bạn ác không vay mà thúc lãi

Thối thành dầu lịch cũng thành keo

Thôi thôi xin kiếu cô từ đây

Chiêu đãi thì tôi cũng vác đèo.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô không biết rằng ở một góc chợ Tú Xương đang lặng lẽ ngắm nhìn cô.

Tú Xương đi lẫn ở trong đám người đi chợ. Mọi người không ai biết ông... Một nhà sư khất thực chạm phải Tú Xương. Nhà sư lùi lại nói :

– A di đà Phật !

Tú Xương giật mình nhưng ông thấy buồn cười nên tự dưng buột miệng

– Ca ki cà kật !

Không biết mọi người xung quanh có nghe Tú Xương nói gì không nhưng tiếng cười cứ thế ran lên không ngớt.

Tú Xương đi. Kia Tú Xương đang đi... Ông *"thõng tay vào chợ"*...

Hà Nội xuân Mậu Dần 1998

(Văn nghệ số 8, 21-2-1998)

MỘT CHIỀU GIÔNG GIÓ

MA VĂN KHÁNG

Tiếng sét nổ thình lình thoát đầu nghe xa lắc, như ở đâu đó phía bên kia xứ sở. Tuy vậy sau đó, nhìn thấy đường nét ngoằn ngoèo hình rẽ cỏ của tia lửa điện hiện hình trên nền mây đen thăm nơi chân trời, mọi người liền nhận ra, cuộc biến động thời tiết đã gần kề và sứ giả đầu tiên của nó là gió.

Gió từng cơn lớn lao hoang dại thốc đến ngay cùng tiếng trống chiêng sấm sét liên hoàn rung trời đất. Cơn kinh giạt đất trời khởi sự có hình vẽ một chấn động tâm thần. Theo cùng luồng gió hú những âm thanh dài từ xa tới là những hạt mưa lớn, nặng, xiên chéo như mũi tên bắn, nổ gọn như tiếng vỗ của kim loại, tủa toẹt hình ngôi sao nhiều cánh trên đá sỏi. Đã tan biến tất cả cái thực tại phồn tạp nóng nôi, chỉ còn lại một thế giới tràn đầy hình tượng được trực giác cảm nhận đơn thuần và tươi mát.

Tua đã bật dậy, ngay khi một hơi gió cá ãm

hơi nước, trong suốt, vì vút vượt qua. Y như Tua là tù nhân vừa nhận được một năng lượng để giải thoát mình ra khỏi cảnh tù đầy chật hẹp. Y như một khối lượng tinh thần to lớn vô biên của Tua vừa được ra khỏi cái vỏ chật chội, hữu hạn của cơ thể, để không còn bận tâm đến cái lợi lộc vụn vặt hàng ngày, để trước hết nhận ra cơn giông gió chiều nay đã hóa thân thành một cảnh tượng hoành tráng vô cùng.

Tua nhìn về phía xuất hành của cơn giông chiều. Tóc Tua bết lại, cháy khét vì nắng nôi cả năm trời, giờ được gió chải lật, tơi ra từng sợi và dựng ngược như lúa thời kết đồng. Gió ràn rạt thổi sạt qua sườn Tua, thổi qua thân thể Tua lúc này đã hóa thành trống rỗng, kéo đi từng vệt dài trên vùng đất sỏi đá cằn cỗi lúa thừa đây đó đôi nét chấm phá cổ kính và lạc lõng những bụi mưa còi, khóm cây keo tai trâu và những vật thông non xơ xác thoi thóp tự khẳng định.

Sau cái sơ ngộ là một giây ngưng thần hoa tan bản thể với ngoại vật, ngoại cảnh dữ dội co tâm vóc vô định, một cơn điên rối can đảm đã hình thành và Tua phùng phòe đã trở thành một hình nhân ở trạng thái sơ thần. Vẫn bộ quần áo xanh bạc phạch của chú học trò ngày sấm dầm mưa dãi nắng. Tua dậm bộ ra sấm dầm mưa dãi nắng và cơn đường dậm có vẻ hơi phía xuôi ngược. Tua chạy đi đón cơn giông. Trên đầu Tua, những đám mây vẫn đen như lông của

dám cháy rừng bay tới tấp giữa tiếng sấm lục ục sâu trầm tức ngực và tiếng sét nổ oành oành, vỡ óc ầm ầm tai.

Đây là cảnh chiến trận xung thiên. Đây là cuộc đấu quyết tử. Đây là cơn rung chuyển để sinh thành ra một cái gì đó khác thường, để biến cái cả Tựa, Tựa đã không còn là Tựa thường khi. Tựa thường khi là cung trưởng cung đường 580. Cao một mét bảy mươi lăm, hai mươi tám tuổi. Vô cảm như ao không cá, như đá không màu, li ra, như không thêm biết đến thời gian, hoàn cảnh. Dắm mình trong nắng lửa, trong gió cát, khô hạn. Chải chài trong công việc nặng nhọc. Hậm hụi suốt ngày tuần, cơm ăn, nước uống, thậm chí đến cả nghỉ ngơi tí chút cũng không màng.

Giờ thì cơn giông gió xoáy đảo đất trời chiếm trọn trong hồn Tựa. Giờ thì chính Tựa đã biến thành cơn hưng phấn có kích tác khổng lồ nộ. Tương như Tựa có thể cứ nguyên vẹn như thế, với nỗi hoan lạc thần bí không giải thích được, phẩm phẩm như ngựa bầm vó, ngược xuôi trên con đường tàu xuyên Việt chạy qua giải đất miền Trung dằng dặc này, cho đến kỳ đứt hơi thì thôi.

Cho đến lúc cơn say cuồng đất trời đã ngã tà tà, thay cho bầu trời vẫn vũ những tầng mây sùng nước là một trận mây biêng biếc màu lông chim gáy và một cảnh giới kỳ lạ đột ngột hiện ra ở lưng trời. Lăng lè và oai nghiêm, một vòng cung ngũ sắc

như một phép lạ êm đềm, trong phút chốc ngắn ngủi đã nối dài và biến thành một chiếc công vòm trắng lệt, chia đôi cõi thế với nửa bên kia huyền bí như một niềm thiên khai.

Cảnh tượng diễm ảo ở ngoài tầm khí chất khiến Tua bị choáng ngợp. Tua dừng lại, giờ cao hai cánh tay gầy, mắt rõ ràng tia sáng hân hoan đón chào. Cùng lúc ấy, mười một chàng trai dưới quyền Tua, thuần trai đồng quê mới lớn, tâm trí khô cằn, cả một đoạn đời thiếu niên, chưa hề chú mục quan chiêm đến cảnh trí thiên nhiên đã gọi nhau ra sân, ngược nhìn chiếc cầu vồng vẽ giữa trời cao, với một niềm thích thú và thiêng liêng lạ lùng.

Cơn giông chiều giải nồng xua oi nực buồn bực, bứt rứt tích tụ cả ngày, cả tuần, cả tháng, cả đời người. Mặt ai nấy đều bừng dậy hoan hỉ. Và Tua đã trở về, áo phanh ngực lép, gầy gù và thanh nhã, đứng ở giữa sân, vọng về cái bếp nhỏ vừa lên khói một giọng nói trong vắt khác thường :

- Cậu nào hôm nay nấu cơm đó ? Dọn lên bàn đá ở ngoài hành lang ăn uống cho đảng hoàng nhé !

- Có việc gì mà long trọng thế cung trưởng ?

Ló ra ngoài cửa bếp, một mái đầu tổ quạ và một cái nặt tròn mảnh như đồng xu với hai con mắt rần rần với câu hỏi nhiểm chút khó chịu.

Tua sai những bước dài đi tới, tìm một tiếng gát:

- Ông ngại hã, Hợi ?

- Đâu có. Nhưng vì lý do gì ? Ở kia, lại có cả bia. Ông lấy ở đâu về mà bợm thế ? A ! Thì ra cũng trường đã cất giấu từ lâu rồi ! Kín tiếng thế. Chắc là có khách ?

- Người nhà thôi !

- Người nhà nào mà sang vậy ?

- Người nhà mới phải sang trọng, lịch sự. Nay, ông Hợi, cắt tóc đi. Các ông Tần, Tuyền, Nhượng, Triệu, Hàn... nữa. Sửa sang lại tóc tai đi. Cam chịu không có nghĩa là tùy tiện. Càng gian khó càng phải ra con người !

- Ha ha...

Cái sân rạng rỡ ánh sáng huyền ảo của chiếc cầu vồng bật lên tiếng cười. Thần trí bỗng trở nên quang minh sáng láng, bước ra khỏi cái ủ ê bơ thờ, mọi người cùng rồn rảng nói cười. Và sau đó tự nhiên như gió thổi, đã cất lên khúc bản hỗn tấu của những âm thanh đối nghịch, tiếng nước dội òa òa ở bể nước, tiếng quả bóng rơi lịch bạch, tiếng hát lẫn lộn các giọng điệu ngang phè, nhưng mênh mang vui thắm.

*

Giờ khắc như được vuốt dài ra. Ánh sáng trở nên thuần khiết hơn, mờ màng hơn, dịu dàng hơn và lạ lùng hơn. Dường như đó là hoang ảnh ảo mộng của khoảnh khắc thần tiên đã xuất hiện

chiều giông gió bất ngờ nọ còn lưu lại trong cảm xúc mọi người.

Cuối cùng thì chính những con người lao động chất phác khổ hạnh ở cung đường nọ cũng đã không còn phân biệt được là hư hay thực, là phép lạ hay chỉ là thường lệ, hoặc có cả hai yếu tố đó trong một cánh bướm vừa hiện diện ở đây lúc chiều tà.

Một con bướm đã bay tới với họ ! Con bướm vàng, cánh nhung điểm những chấm tròn đen láy, không hiểu từ cõi hoàn vũ nào đã tới đây bằng cách nào, cứ mỗi nhịp vỗ đôi cánh lớn như hai chiếc lá đa, lại tỏa ra một làn hào quang sáng dạng.

Ánh vàng nọ thoát tiên vẽ một vòng tròn đơn giản như một nét bút con trẻ. Tiếp đó nó thực hiện một vũ điệu lần sóng điệu hòa ở trên cái mặt bằng rải sỏi nâu mới kẻ những đường thẳng bằng nước vôi để làm thành cái sân bóng chuyền. Lát sau, nó chơi trò ú tím ở giữa sân. Những đường nét rối rít tài hoa của nó dẫn con người vào một chiêm bao rực rỡ ánh vàng. Cuối cùng, con bướm liệng ra góc sân, ở đây căng chéo cánh xẻ một chiếc dây phơi, ở đây con bướm múa vũ khúc cung đình nghiêm trang và mực thước, nó sà xuống rồi lại nhắc mình lên, đều đặn những động tác nhịp nhàng và say đắm.

Sợi dây phơi căng chéo một góc sân, nơi đón được nhiều ánh nắng nhất. Núi hai đầu vào hai

thanh tà vệt chôn sâu dưới lòng đất, sợi thép hai ly căng như dây đàn thường ngày chịu sức nặng của mười hai bộ quần áo bảo hộ vải dày như vải bạt, bê bết bụi cát mờ hôi, to sều, nặng chịch, không hề động đậy theo hơi gió. Hôm nay, ở cuối sợi dây phổi nọ, khiêm nhường lất phất mấy vệt vải màu mềm mại, mỏng manh như sương khói.

Con bướm bay từ đầu kia của sợi dây phổi, nơi căng bộ quần áo lao động của Tua, tới đầu này thì dừng lại, vắn vơ một nét pháp phổi phiêu bồng, rồi nhẹ nhàng dang rộng đôi cánh lớn nhón chân hạ xuống. Ở đó, một chiếc may ô con gái màu hồng mờ khấp nép bên cạnh chiếc quần phụ nữ tỏa bóng đen tuyền lấn át khiến chiếc quần lót mỏng manh xinh xinh màu hạt dẻ chỉ còn lấp ló và nhẹ nhẹ đung đưa theo cảm hứng hoan lạc của chiếc nịt ngực phồng phao hai vầng tròn mây mây màu trắng tuyết, ngọt thơm như hoa.

– Hà !

Tua bật tiếng reo thẳm sau cả một chặng dài nín thở dõi theo đường bay của con bướm, như một linh hồn xa lạ vừa tạo nên cảnh tượng siêu thường. Tua bừng dậy, lâng lâng. Tua sung sướng. Tua sẽ lại như kẻ nhập đồng khi cơn giông gió nổi chiều qua. Nếu như lúc đó vừa lộ đầu ra sân, Tua không nghe thấy tiếng Hợi gọi và sau đó Hợi cười khành khạch rất thô lỗ : “Cung trưởng Tua ơi ! Con bướm ranh ma quỷ quái. Tôi cam đoan với ông, nó đích thị là con

bướm đục". Thì ra đã tồn tại một trạng thái đối đầu ngầm ngầm giữa Tua và anh chàng ba mươi tuổi, cao niên nhất đám thợ ở cung đường này.

*

Thật tình là cuộc sống đã ở trên mức khổ cực !

Khổ cực đến cái mức không bao giờ dám ước ao có được một người phụ nữ đến đây cùng ăn ở, làm việc với mình. Không bao giờ. Chiến tranh đã qua. Nhưng ngày thời chiến trận cũng vậy thôi. Thấy các chị các em là bộ đội, là thanh niên xung phong, đối mặt với hiểm nguy chết chóc, thương lắm. Mẹ cha thằng giặc, vì mày mà các em các chị phải ra trận. Chứ xông pha hòn tên mũi đạn, chịu chết chóc què cụt ốm đau là nghĩa vụ của thằng đàn ông chúng tôi. Hướng hồ bấy giờ là hòa bình, và thời gian đã đủ để sinh ra cả một thế hệ con trai để chúng thay thế cha anh lập kỳ tích. Vả chăng làm mẹ, làm vợ, là một hạnh phúc tuyệt vời, nhưng cũng là một khổ ải nhân thế người phụ nữ phải chịu đơn độc gánh vác suốt đời người rồi.

Bởi vậy, cung đường này chỉ nên rất con trai, tuổi cao nhất cũng chỉ nên như Hợi là cùng thôi. Cuộc sống còn nhọc nhằn. Chiến tranh đã xa rồi nhưng di hại của nó thì còn dai dẳng và đời sống thì không thể chốc lát biến cải. Nơi đây, thời chiến là bãi giao đấu, phân tranh khốc liệt. Giờ đâu đâu cũng là tha ma nghĩa địa. Hài cốt người táng ở đây

không hao. Thuận với người chết nhưng không thuận cho người sống. Đất đá cát sỏi lại thiếu mưa, thiếu sông ngòi. Sống sót chỉ còn là sim mua hoang dại và ít cây thông nhựa cùng keo tai trâu người mới trồng găng gượng. Nhưng, cây cối thì có thể không mọc, cư dân có thể không hợp tụ thành xóm thôn, mà con đường thì vẫn cứ phải dòng dòng sự sống đi qua. Con đường vẫn phải có mặt như ở bất cứ một vùng quê trù phú nào. Và Tua cùng anh em, do vậy, không thể vắng mặt ở nơi này. Càng không thể vắng mặt vì đoạn đường mười sáu cây số dài đặc qua cung đường này là đoạn đường xấu nhất trên tuyến đường. Nó xấu vì người thi công ẩu, vì chạy theo thành tích, vì tâm lý méo mó có hơn không, vì khi đặt đường ai cũng muốn làm quang quàng cho xong, vì ở đây buồn quá, khổ quá, vì thói quen ăn xối ở thì, làm việc không nghĩ tới hậu họa lâu dài.

Vậy thì phải cần răng lại mà chịu đựng ! Chịu đựng để làm việc, để bảo vệ sự sống của đoạn đường mười sáu kilômét mà đếm sơ đã có tới năm ngàn thanh tà vẹt gỗ mục, lại có chỗ còn nguyên dính tấm pông bằng tre của thời mới đặt đường vừa ngấy đại vừa khinh xuất. ở đây, chỗ cây số 49-1, độ dốc *sáu độ ba*, lo là một tí là xô ray, bung đường liền. Mưa một chập hãy coi chừng kilômét 510, đất núi hai bên đường sẵn sàng ụp đổ. Xóc lắc là hiện tượng tàu nào đi qua cũng than vãn, vì chẳng

những đường bị bọn người bát lương moi đá, tháo cóc, lấy lập lách, mà ngay khi mới làm, nhiều đoạn nền đường cũng chỉ là bùn nhão, hoặc đá đã hết độ đàn hồi. Rút tĩa, luồn, chèn từng thanh tà vẹt, chống xô ray, vệ sinh mặt đường, chống sụt lở, vất vả vậy mà gian khổ xem ra vẫn chưa bằng trần mình trong nắng nung mà chống chọi với gió cát. Gió chuyển cả khối cát lớn, bay mù mịt phủ kín mít từng đoàn đường dài. Nắng miền hoang mạc cháy khét không khí, thiêu đốt da, đến mức không còn phân biệt được đâu là cái nóng bên ngoài, đâu là cái nóng bên trong. Ngày đã vậy, đêm lại oi nồng. Giấc ngủ chập chờn đến, đi giữa hoang dã rên rỉ, khoái trá hoặc giật thét kinh hoàng của tiếng bọn côn trùng, rần rết săn đuổi ăn thịt nhau hay mê man trong lạc thú tình dục.

Vậy thì hãy nghiền răng lại mà sống, mà làm việc, hỡi anh em !

Người xác xơ, kiệt căn, căn mồ hôi mặn chát muối biển, mặc. Mũi khoan sâu bốn mươi lăm mét phụt lên luồng nước lạnh mùi rỉ sắt. Khát cháy họng, cầm bát nước không muốn ghé môi vẫn phải uống. Đói lử lả, miếng cơm cứng nhắc cũng cứ phải nuốt. Bởi không thể rời xa công việc. Bởi khắc khoải trong mơ vẫn là nỗi kinh sợ con tàu gặp nạn. Bởi sự sống của con đường đã trở thành danh dự, lương tâm. Vì danh dự và lương tâm mà chấp nhận một đời sống xa cách mọi nhu cầu tối thiểu và thời

thượng. *Karaôkê* là gì không biết. *Đĩa CD* là cái chi không hay. Bãi biển, ngày hè, quán nhậu là thể giới ngoài ta. Hội hè, lễ tết, không. Cả năm không một tấm ảnh chụp. Báo chí không. Liên hệ với cộng đồng chỉ là một chiếc đài nhỏ chạy pin. Chợ xa quá, con cá đem được về đã ươn thối, miếng thịt đem được về đã ôi oai. Một tuần, trên chiếu cố cho tàu đỗ lại năm phút vào hồi mười hai giờ trưa ngày thứ ba, thứ năm, thứ bảy, vừa đủ quãng xuống mấy bì gạo nhờ mua và nguyên vật liệu sửa chữa đường. Một đời sống không lời khích lệ. Một đời sống không ân cần, nuông nịnh. Không sinh thú. Không khoái lạc. Không tu hành mà tự nguyện kiềm thúc, tiết chế tối đa. Nhân cách đo bằng sự nhẫn nhịn, được duy trì không phải bằng thói khát muốn đồng tiền, cũng không phải bằng thứ chủ nghĩa anh hùng lửa rơm, mà bằng chất men say âm thầm bền bỉ.

Vậy là đã xảy ra một biến thể để lộ ra sau cái đời sống nhìn thấy là chốn thăm thẳm của bản thể bị phong bế. Con người luôn có khả năng biến thành kẻ khác với chính nó. Tua là vậy, kể từ buổi chiều giông gió nọ. Một linh hồn xa lạ từ đâu đó đã nhập vào thể xác khô cằn héo hắt của Tua, khiến Tua tươi nhuận.

Và không chỉ có Tua. Ký ức bừng sáng. Tần, Tuyền, Nhượng, Triệu, Hàn, An, Hối... lần lượt trở thành kẻ xa lạ với chính mình. Hóa ra bọn họ đều là trai tơ. Nhận ra điều đó, tất cả bỗng trở nên vui

vẻ, tươi mười, rộng rãi khác thường. Một chiều đi làm về sớm, mọi người nhất loạt thanh toán héo râu tóc vô kỷ luật. Lược in vết trên mái tóc ngắn có đường ngôi thẳng trắng hếu. Cái sân bóng chuyên môn chia hai bên thì đấu vừa đủ mỗi bên sáu, cùng loạt may ô trắng quần đùi xanh, không còn ai thừa để làm trọng tài mà Hội ta lại là thằng đã hay ăn gian lại lắm lý sự cùn. Lần đầu tiên trong đời, các đấu thủ ở sân chơi bóng không chỉ vui mà còn để người khác xem. Người này là người mới đến. Vì người này mà từ nay chấm dứt hẳn việc ăn cơm lúi xùi ở trong bếp hoặc mỗi anh một cặp lồng ngồi ăn ở bất cứ chỗ nào và ăn xong thì dứt vào gậm giường để sắp bữa sau mới lôi ra lau rửa. Thức ăn đầu chỉ có rau dưa, cu lặc, con cá khô cũng dọn thành hai mâm đặt ngay ngắn trên một chiếc bàn, cơm trắng đánh tơi, thơm phức. Lần đầu tiên, người ngồi ăn tất thấy đều áo quần tinh tươm sạch sẽ, trịnh trọng đón bát cơm sôi lại ý tứ nhìn về phía đầu nồi như có ý cảm ơn.

Ngồi đầu nồi là một phụ nữ tầm thước, mặt trái xoan tươi hồng, vai thon, ngực tròn, eo thắt, hông nở, đầy đặn nữ tính. Tay cầm cái quạt nan, như người mẹ, như người chị, như em gái nhỏ, người nọ phẩy hơi mát cho tất cả mọi người. Vui sướng tràn trề trong cặp mắt đen láy, vẻ tần tảo hiện hình ở lớp mồ hôi rịn nơi chân tóc, ở hai bả vai áo ướt đầm nổi hẳn đường nét da ven đường bả vai của vết dầy dờ

chiếc nịt ngực, người phụ nữ đưa đôi tay nhỏ nhắn đón đỡ kịp thời mỗi chiếc bát và thoát ra từ đôi môi xinh một tiếng nói hậu tình : “Đế em xối ạ”.

Thốt nhiên, Tua thấy cay cay cánh mũi. Đưa mắt nhìn, anh nhận ra bạn bè đều chung một trạng thái rưng rưng : Ôi, hạnh phúc, đó là những cử chỉ thân ái, nhân hậu nho nhỏ hợp thành, xa lạ và quen thuộc xiết bao.

– Ồ ! Con ruồi ! Đột ngột, Hợi đặt bát cơm, vung tay chỉ một chấm đen vừa đậu xuống chiếc nút lá chuối ở chai rượu đặt ở giữa bàn. – Ông Tua, tôi cam đoan với ông, nó chính là con ruồi đục.

Bất giác, Tua đặt bát cơm, ngực hẫng một nhịp tim. May thay, con ruồi bắn thiu từ đâu bay tới đang mần mê chiếc nút chai rượu cất cánh bay vù lên. Nó bay lên cùng tiếng cười khoái trá của Hợi và câu chuyện tiếu lâm Hợi kể tiếp theo sau đó. Nhìn vòng bay của con ruồi, Tua đưa tâm trí trở lại đường bay kỳ ảo của con bướm vàng.

– Cô Thoa ! Bữa nay cô cho chúng tôi ăn món rau sắn ướp chua xào tỏi, đặc biệt quá !

Lát sau, nhướng cặp mắt hai mí mở to về phía người phụ nữ đang đánh chày rĩa nồi, Tua cất tiếng. Và thấy chị nhón nhẻn cười, Tua liền kêu to :

– Kìa, cô cũng phải ăn di chứ. Sao cứ ngồi xối cho chúng tôi mãi thế ?

– Anh mặc em. Em ăn sau.

Người phụ nữ đáp khẽ, môi thoáng một nét cười hoa. nhặt một miếng xém ở rìa nồi. nắm thành một nắm chim chim đặt lên chiếc đĩa trên mặt bàn.

– Em đi xuôi theo đường sắt xuống cách đây hai cây số, thấy một vạt đất mọc toàn sắn vàng. Hình như trước đây ở đó có một công trường. Em thấy có vườn rau, em vun được mấy luống rau muống. Có cả một cây me già to tướng.

– Trước có một đơn vị bộ đội tham gia làm đường sắt ở đây.

– Em thấy có một cái ao cạn.

– Hôm nào ta đi tát đi, anh Tua !

– Phải đấy, hôm nào anh em mình đi tát cá đi !

Những tiếng nói hào hứng rộ lên quanh Tua. Tua đón bát cơm người phụ nữ đưa, đặt xuống, bỗng thấy má trái vương vương một ánh nhìn mềm mại, liền quay lại và ho hó cái miệng tròn ngạc nhiên không nói lên lời. Một khuôn trăng đầy đặn vừa nhô lên sau những trăng cát trắng dịu, như một người khách lạ đang ngó nghiêng ngoài cửa, ánh mắt thật trù miến, rụt rè.

– Thoa này. – Bỗng nhiên Tua nhìn người phụ nữ, giọng hạ xuống, trầm dịu xốn xang. – Tôi nhớ hồi tôi còn bé, bố tôi bế tôi đi chơi trong xóm, một chiều ông chỉ tay lên trời bao tôi : “Ông trăng kia kìa, con”. Tôi nhìn lên, thấy một khối vàng tròn đầy, lơ lửng, liền tụt khỏi tay bố, chạy tọt về nhà.

– Anh sợ à, anh Tua ?
– Không hiểu ! Bây giờ cũng vậy. lúc ấy cũng thế. Không hiểu tại sao tôi lại bỏ chạy '

– Đa cảm quá đấy !

Mặc Hợi bình phán và cười phá lên thô lỗ, người phụ nữ như dịch lại bên Tua, hai con mắt đẹp, thân thiết đậu lại như mãi mãi trên gương mặt gầy gù của Tua và khề khàng :

– Anh ăn đi chứ, anh Tua.

Chiều lỏng lẻo điệu cảnh cơn giông gió. Đêm mờ mịt trong ánh trăng ngưng. Ngày đi qua âm ập sự kiện và ấn tượng. Một bữa cơm quây quần. Một hơi quạt phất. Một câu chuyện thời thơ ấu. Những tiếng gà tích rích ngoài hàng rào quây luống đất mới gieo hạt rau cải. Mảnh sân phong quang lụp bụp tiếng bóng rơi. Bóng hình người phụ nữ óng ả vào ra. Đời sống bỗng nhiên trở nên la lung và khó hiểu, vì thực cảnh trộn lẫn với chiêm bao.

Người phụ nữ, cho đến giờ, vẫn là một hị ảnh nhòe mờ giữa hiện thực và ảo thể. Chưa một ai trong bọn họ, kể cả Tua trong vai cung trưởng, nhìn rõ gương mặt đẹp của chị. Người phụ nữ từ đâu đến, do ai giới thiệu đến, tất cả đều có câu trả lời chính xác, mà vẫn cứ mu mờ, lơ mờ. Nhập vào đời sống cần lao của những người lao động khôn khô ở cung đường này, chị biến hóa thành một bà

mẹ, một người chị, một cô em gái, và cuối cùng kết tinh thành hình tượng một người đàn bà đẹp. Có sức biến cải hoàn cảnh, khiến cả tá con người lao động như bưng tỉnh, nhận ra mình là những kẻ độc thân trẻ tuổi bấy lâu nay vẫn âm ỉ trong mình những khát vọng sống mà tự mình không biết. Suốt sau tháng liền, đoạn đường sắt tới tệ không xảy ra một sự cố, dù là nhỏ nhoi. Mười hai người thợ đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Nhưng trên thực tế, họ đã trở thành những dũng sĩ, thiên thần lập những công tích kỳ lạ. Họ biến đổi âm thầm, tự mình không hay.

Nhưng cuối cùng thế là đã xảy ra một bước nhảy ngất quãng. Một ngày nọ, tỉnh dậy lúc tinh mơ, mọi người nhận ra ở ngoài sân đang có cuộc cãi cọ gay gắt giữa Tua - cung trưởng và gã trai quá lứa tên Hợi :

- Tua ạ, nó là con đàn bà thì tôi mơ ngủ với nó cũng là lẽ thường tình. Chứ sao ông lại trách tôi ?

- Ông Hợi ạ. Có những điều nói ra thì lập tức là thô bỉ.

- Nhưng ông có hiểu gốc gác lai lịch nó không ?

- Tôi không cần biết. Tôi chỉ biết, đó là Thọa.

- Hừ !

- Phải ! Đó là Thọa. Thọa của chúng ta !

Gọi tên người phụ nữ, Tua cất giọng. Mọi người đều trở dậy bước ra sân và nhận ra, Tua

như đang trở lại cơn cảm hứng xuất thần chiều giông gió nọ, như đang thấy lại ánh tượng huy hoàng, niềm cao quý thiêng liêng của năm sắc cầu vồng và cái đẹp huyền hoặc được hóa thân thành một cánh bướm vàng.

*

Một ngày kia, con bướm vàng lại xuất hiện trong điệu vũ tung tăng, huyền ảo. Đến bảy giờ thì mọi người đã biết rõ lai lịch, nguồn gốc của nó. Nó sinh trưởng ở chân núi Hoàng Liên Sơn. Nó là một giống bướm rừng xứ lạnh hiếm hoi vì độ lớn và sắc màu. Nó đã lọt vào vợt của một nhà côn trùng học và nằm khô cứng trong bộ sưu tập bướm rừng xứ lạnh của ông. Nhà côn trùng học nọ đáp tàu vào Nam. Tàu qua vùng này, ông mở hộp kính ép xác con bướm nọ ra xem. Tái sinh trong chốc lát nhờ một phép lạ, con bướm đã vẫy cánh ra khỏi hộp kính và bay thẳng đến với những người ở cung đường này.

Hôm nay, con bướm vàng theo thói quen lướt theo chiều dài của sợi dây phơi, nhưng nó không tìm được nơi đậu. Chỉ có mười hai bộ quần áo đàn ông xanh bạc, cũng quèo, sặc mùi mồ hôi, tuyệt không một thoáng hương thơm. Chiều đó bữa cơm vắng Hợi và Tua. Tận tối mịt mới thấy họ trở về quần áo cả hai đều ướt tả và mặt mày họ đều hầm hê dữ tợn. Họ đã mắng mỏ chửi rủa nhau. Vì lý do gì ? Mọi người xì xầm đoán chừng. Có lẽ sự thể

liên quan tới việc mất biến chiếc nịt vú và bộ quần áo của người phụ nữ. Chiều hôm sau, sự việc lại lặp lại. Đi làm về, hai người gọi nhau ra bãi sim mua sau nhà và trở về với hai thân hình in rõ dấu vết của một cuộc ẩu đả dữ dội. Má Hợi, tím bầm. Mất trái Tua sưng u.

Cả hai đều nhận từ đối phương những miếng đòn đau. Cả hai đều lử lá. Nhưng ngồi vào mâm cơm phân, vừa hết bát cơm thứ nhất, Tua đã với toạch đôi đũa, đứng dậy, cả tấm thân lòng không sườn nổi từng đê xương, chống nạnh, quăng quỉ hai con mắt :

- Tôi yêu cầu chấm dứt trò thô lỗ hạ đẳng ấy. Đó là bệnh hoạn, chứ yêu đương cái gì. Trả quần áo cho người ta !

Nheo nheo hai con mắt đỏ ké thêm muốn nhục thể, Hợi từ từ đứng lên, nhếch mép :

- Chuột chù đòi có xạ hương, hả ?

Ông nói cái gì ?

Nói trắng ra, hạng ấy giới lắm cũng chỉ là các bà mẹ gái bìa ôm.

- Im đi !

- Thấy đó ngớ là chín, hả ? Mà nên nhớ loại ấy ở quanh các ga xe hỏa có hàng vốc. Bon phò plach, bọn đi điếm.

- Cấm ngay cái mồm mày lại.

- Mày sợ sự thật à ?

- Tao cấm mày làm nhục cô ta. Mày đã làm cô ấy khóc, cô ấy đòi bỏ đi.

- Hừ, đi khóc, tù van; hàng xáo kêu lộ thể gian sự thương. Còn nó đòi bỏ đi mày có biết là vì sao không ? Vì công an người ta cứ người đi truy nã.

- Cấm !

Xô ngay tới, tay trái nắm cổ áo gã trai bộm bãi, cùng với tiếng thét như vũ hòng, Tua vung nắm đấm. Nắm đấm chắc nịch, dồn tích ở mỗi ngón tay co toàn bộ khí lực; nổi căm hận, lòng tự trọng và tinh thần bảo toàn danh dự đã biến thành một năng lượng trừng phạt.

Cúi xuống, nhổ ra hai cái răng của gậy và những hạt cơm chưa nuốt hết, ngẩng lên, môi miệng Hợi mếu xệch nhoe nhoét máu.

*

Bữa cơm dọn sau một ngày nắng chang. Gió lồng lộng đem cái bóng đèn vùi lấp cả một đoạn đường dài hơn cây số. Cả đội mệt rờn rã vì công việc, vì cái nóng lửa lò, vì bỗng nhiên thấy người cứ như bã nhùn ra, không còn hơi sức. Trên cái bàn đá rộng chỉ có một nồi cơm cháy lên tận mép nồi và một đĩa cá khô nướng, con nào cũng há miệng như quái vật. Nồi cơm không có người đánh tới. Mỗi người cầm bát tới, vục vào nồi cơm, khoét một vầng, rồi gấp một con cá, đoạn ngồi xây lưng lại bàn ăn, nhìn ra ngoài.

Bốn bề trông như thiếu hụt nơi hội tụ. Cái dây phơi thưa thớt mấy chiếc áo, mấy cái quần đàn ông vắt xiên xẹo, chằng chớ, ướt sũng nước.

Miếng cơm nhai trệu trạo trong miệng. Tua lừ lừ con mắt nhìn quanh. Tua đã chẳng còn là Tua hôm qua và hạn đồng nghiệp, những kẻ dưới quyền y cũng hoàn toàn giống y, kể cả Hợi, gã con trai hư đốn. Tuổi trẻ bỗng nhiên như rời bỏ họ, một sớm mai trở dậy, tất cả đều rậm rì râu ria, già xạm hẳn đi. Ngày vui như một ánh chớp ngắn ngủi, như một cơn giông hạ nhiệt thoáng qua. Giấc mơ đã có, ý tưởng, cuộc sống đã được đánh thức, nhưng đã buột khỏi tay nắm. Tất cả đều là thật mà không sao nắm bắt được, vì đó là ánh sáng, là ngọn gió, là cái vô hình vô ảnh. Khúc đứt gãy phũ phàng làm lộ toét cái hiện trạng bị che lấp bao lâu nay, khiến con người rơi vào trạng thái chung hững hờ bẽ bàng và tủi hổ ; sự mĩa mai giàu cột với những số phận bị đóng đinh vào hẩm hiu sao mà quái ác vậy !

Bỏ bát cơm, Tua ngồi như hóa đá, đen thui một khúc xương khô gộc ghêch. Tách ra khỏi tất cả, đóng kín các cánh cửa giao tiếp, Tua hoàn toàn biệt lập. Giờ đây, Tua mới nhận ra nỗi thống khổ đối với sự mất mát một hy vọng, sự thiếu vắng niềm vui giao tiếp với cái đẹp, còn muôn lần dai dẳng, đớn đau hơn, nếu so với cơn đói khát của dạ dày, cơn mệt nhọc của cơ bắp. Giờ đây, y nhận ra sâu sắc hơn bao giờ hết, cái đời sống bọn y phải cam

chịu, một đời sống nghèo nàn, không ấn tượng, không gia đình, không tình yêu, trong chế dục, tưởng là im lìm vô cảm, nhưng hóa ra luôn ở sát làn ranh của những cơn rối loạn tâm thần.

Cuối cùng, Tua đã đứng dậy, nhìn quanh. Tua nhận ra, không trừ ai, tất cả bạn bè Tua cũng đều đang bối rối như Tua. Hóa ra cuộc sống luôn là sự thức tỉnh và chẳng có gì là mất đi, dù là một ánh chớp nhỏ. Nhưng, hình như Tua không quan tâm lắm đến điều ấy. Hai con mắt y đỏ bầm như vừa bị ăn đấm. Y vung tay và giọng y bỗng trở nên hung dữ, cộc cằn vô cùng :

- Này, nghe đây. Có đúng là lúc các cậu về nghỉ trưa đã không thấy cô ấy không ? Sao, vẫn thấy quần áo cô ấy phơi ? Thế ai trực nhật nấu ăn ? Có đúng là người của bên công an huyện đến hỏi không ? Hừ ! Hừ ! Vô lý hết sức !

Lữ dữ đi lại, y tiếp tục quát tháo, rồi đột ngột tiến đến sát người này, người nọ khiến họ phải im thít và giật lui, vì trông mặt y hung dữ thế, bất cứ ai lúc này cũng có thể bị y coi là thằng Hợi bệnh hoạn cả.

- Ai, kẻ nào nói cô ấy là con *bóp* ? Là điểm trốn cải tạo ? Là con chuyên nghề "*chôm chữa*" ?

Hất cái cằm nhọn như một mũi thương lên, y nghiêng răng kèn kẹt, rồi sáp mặt vào người này, người khác, y gầm ghi :

– Tôi cấm ! Tôi cấm không được nói xấu người ta ! Ai không nghe tôi, tôi không để yên đâu. Nhất định tôi không để yên đâu !

Rồi giữa cái im lặng ái ngại của mọi người, y lật xệch đôi chân trần trên sỏi đá, một mình đi ra giữa khoảng sân rộng. Đưa hai con mắt ra bốn bề mênh mông, bỗng như nhìn thấy cảnh tượng lạ lùng chiều nào giống gió, y giờ hai cánh tay gầy lên cao, cất tiếng gào thật lớn, thật ai oán, náo nức :

– Các người có mắt mà không có con người !
Các người mù lòa cả rồi hay sao ?

20-9-1998

(Văn nghệ số Tết Mậu Dần 1998)

SUỐI MƠ

MA VĂN KHÁNG

Trở về sau một tuần lễ đi công tác, tôi lại đã nhận ra những nét khác lạ ở cái hẻm núi sơ tán của gia đình tôi. Chiến tranh phá hoại hiện đại Mỹ dùng tới cả máy bay siêu thanh để oanh tạc thì còn vùng quê nào trên đất nước nhỏ của chúng ta được coi là thánh địa an toàn ?

Gia đình tôi cùng mấy gia đình cán bộ khác chọn nơi sơ tán là khe núi cây số 7 trên tuyến đường đi về huyện lỵ Mường Khương. Đây là hẻm sâu kẹp giữa hai quả núi đất, um tùm nứa dại, bên dưới róc rách một dòng suối nhỏ, men bờ là một vết đường mòn, lối đi của thợ sơn tràng và đầu mút của nó ở phía trong làng là một lán Mán đồ đã định cư.

Giờ đây, khi cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ đã bước sang năm thứ hai, hiểu rằng thắng lợi cuối cùng không thể là việc của ngày một ngày hai, thì cảnh ăn sổi ở thì, tạm bợ không thể có lý do tiếp tục

tồn tại. Vẫn là tranh tre nửa lá thôi, nhưng nhà cửa bây giờ phải cao ráo, sạch sẽ, vững chắc và cảnh trí xung quanh không thể không phong quang, tươi đẹp.

Tuy vậy, lần đi vắng một tuần mới trở về này, tôi vẫn có cảm giác chân mình lạc bước. Ở ngay trước mắt tôi là cảnh quan lạ lẫm khác thường của nơi hẻm núi quen thân. Ngày tôi đi, đoạn suối chảy qua trước nhà tôi chia đôi, nửa bên này tắc nghẹt bùn hoang lưu cữu, nửa bên kia lờ đờ một dòng chảy lều phều váng bọt, thì thoáng mới lộ dạng dưới rậm rì lau cỏ. Giờ đây, lau cỏ đã được phát quang. Bờ bên trái, nơi bùn hoang kết đọng đã được vét sạch và rải đều một lớp sỏi cuội trắng phau. Qua vòm lim xanh che phủ ở tít trên cao, nắng lọt xuống lỗ đổ những cái chấm vàng nháy nhót vô tư trên dòng suối thông dòng long lanh. Cảnh đẹp một cách lặng lẽ và thoáng chút mơ mộng có lẽ còn là do lui vào phía trong hẻm, qua mặt suối rộng có một cầu cầu nhỏ kẻ một nét ngang êm đềm. Ngày đi, chân tôi bước lập chập trên mấy hòn đá tảng đặt cách quãng qua chỗ lầy. Giờ đây, một mặt cầu ghép mấy thân vầu già ba nhíp nối liền ghéch đầu lên hai cái trụ kết cấu bằng đá cuội quây trong vòng phen nửa đan lóng đôi, như mời mọc, đón chào.

Sức lực lao động to lớn và cần cù nào, bàn tay ai khéo léo đã tạo nên quảng cảnh đẹp đẽ, thú vị nọ

ở nơi hẻm núi hoang vu này ? Thầm đoán được sự kinh ngạc của tôi, mẹ tôi đứng ở bên kia bờ con suối, trên tay bồng đứa cháu gái hai tuổi con tôi, đã thay tôi cất tiếng xuýt xoa, thán phục :

- Một mình bác Rư bác ấy làm đấy ! Chết, chết, sao lại có con người chịu khó thế. Đi thì chớ, về tới nhà lại sùng sục như ma úp nôi. Làm sao không biết mệt là gì. Làm đến vỡ đầu ra khối. Bước chân xuống giường là làm. Làm cả đêm, làm quên ăn quên ngủ. Bác ấy mới đưa bác gái ở dưới xuôi lên đấy.

Rồi nhìn ngược vào chiều sâu hẻm núi, mẹ tôi chỏ tay, nói tiếp :

- Kia kia, bác ấy còn đang trông mon ở vũng đất lầy trong hẻm. Thật ông giáo mà làm việc thô mộc còn hơn cả người nông phu !

Tôi nhìn theo tay mẹ tôi chỉ. Và nhận ra ông giáo Rư, bạn tôi trần trụi trọc một khối hình chắc nịch, trên mình đánh mỗi chiếc quần đùi, lấm bết lấm bết như trâu đầm, tay ôm một bó mon lớn, đang khom lưng bì bọp tiến lui. Thấy tôi, anh ngừng chân bước, nheo mắt, miệng ho hó bốn cái - răng bàn cuốc, rồi đánh tiếng oang oang :

- Khang mới đi Mường Khương về đấy à ? Mình tranh thủ dúm ít mon nuôi lợn xuống cái hẻm lầy này kéo phí đất quá. Bà xã mình mới lên. Tí nữa sang chơi nhé.

*

Vợ tôi đi học dài hạn ở Hà Nội, rồi theo trường sơ tán lên Lạng Sơn. Ở lại đây, sơ tán vào hẻm núi cây số 7 này, chỉ có tôi, mẹ tôi và đứa con gái nhỏ. Đêm tối ở miền rừng đèn đóm nhấp nhem, lại rồi rồi, nên cơm nước xong, tôi chỉ còn có việc là chờ Rư ngừng việc để sang chơi. Nhà Rư ở bên kia suối, cách túp lều sơ tán của tôi chừng ba chục thước. Anh đã có ý mời. Lại cũng là thói quen xóm giềng mỗi khi đi đâu xa về. Hơn nữa, tôi cũng muốn cảm ơn anh. Nơi sơ tán vắng vẻ, đêm hôm mưa gió, lúc tắt lửa tối đèn, tôi lại hay đi công tác xa nhà, có anh bên cạnh, mẹ tôi nhiều phen đã ơn nhờ dựa cậy. Vừa rồi gặp cơn lốc nhỏ, mái rạ tốc bay mất một mảng, anh đã kịp thời sang lợp lại hộ. Phần khác cũng là để chào vợ anh. Anh mới cưới vợ năm ngoái, năm nay chị mới lên. Nghe nói, chị là người Hà Nội.

Tôi chờ đợi. Nhưng năm lần bảy lượt ngó ra vẫn thấy Rư lăm cặm hết cây mon lại ra đắp bờ ở đám ruộng lầy. Tối chằm, thấy anh lội xuống suối kỳ cọ, liền sửa soạn, nhưng vừa quay vào nhà mặc áo dài bước ra, đã lại thấy anh lồng từ dưới suối lên, quần đùi ướt rượt, vung tay bỏ cuộc san cái tổ mối to tướng ở sau nhà, trong ánh trăng muện vừa le lói ở trên mom đồi.

Tôi đành nằm trong nhà, qua cánh cửa mở, nhìn sang phía nhà Rư, xua đuổi mệt mỏi, cố tỉnh táo để đợi chờ anh ngưng tay vậy. Tiếng máy bay

Mỹ ì âm cộn cạo phía sau núi tắt dần. Rồi im ắng tràn ra trong ánh trăng đêm hòa với cơn thức ngủ chập chờn khiến bóng Rư lúc gần lúc xa, khi trần trụi hình nét, khi nhòa mờ, chơi vơi. Lúc sau, chừng đã khuya, giữa không gian bộn bề im vắng, chỉ có tiếng suối róc rách. hổng giật mình vì nghe thấy tiếng đàn ai gảy vọng đến bên tai. Dụi mắt, ngẩn ngơ một lát, tôi nhận ra, đó là tiếng đàn măng-đô-lin cất lên từ phía trong hẻm núi.

Suối mơ bên rừng thu vắng

Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.

Tiếng đàn thoát đầu vắng vắng, sau rõ dần. Nghe thấy cả hơi nước lướt trên ngón tay chuyển, tiếng gảy đơn cùng tiếng vê giòn liên mạch và cả hiệp âm trên ba bốn giây đổ dồn. Lúc tức hứng sầm sập như trời đổ mưa, khi ồm ồm như con bướm lượn vành, tiếng đàn gợn gợn một tâm tình cô độc thêm muồn thở than và quấy quấy.

Tiếng đàn lọt vào óc tôi, quấy nhiễu tôi, khiến tôi mệt lả. Tôi đã ngủ lại lúc nào và khi mở mắt, vẫn như kẻ ngơ ngẩn, chưa ra khỏi chiêm mộng. Khung cửa ra vào lúc này mờ mờ sương sớm, khí dương một ngày đang tỏa lan hơi ấm trên mặt đất. Mặt suối bốc hơi như khói vẩn. Nghe như có tiếng chân người bước ọt ẹt trên mặt chiếc cầu bắc qua con suối, rồi ở khung cửa mờ sương nọ lọt vào một tiếng đàn bà rất lạ tai : "Cụ Khang ơi. Cụ cho tôi mượn cái *lỗi*, tôi *lấu* bơ gạo *lếp* cho nhà tôi ăn đi làm !".

- Ai đấy, hả mẹ ?

- Anh hỏi ai nào ?

- Chà lẽ là con mê ngủ à ?

- À, bác Rư gái, bác ấy sang mượn cái nồi gang để nấu cơm nếp. Người đầu mà ăn nói vừa số vừa ngọt!

Tôi dụi mắt, ngồi dậy và vội vã ra khỏi nhà. Bếp nhà anh Rư lạnh tanh. Anh Rư đã đi làm rồi.

*

Tôi chẳng được sang thăm hỏi, trò chuyện với Rư hôm ấy. Nói cho đúng, cả mấy hôm sau cũng vậy. Chẳng lúc nào tôi có được cơ hội để sang trước là thăm hỏi vợ anh, sau nữa là nói dăm ba câu chuyện thế sự hoặc phiếm đàm, theo thói quen hàng xóm thân tình với anh. Vẫn là có mặt ở nhà đấy, nhưng anh luôn tay luôn chân hết việc nọ đến việc kia, chẳng khi nào rỗi rãi.

Anh Rư xuất thân là giáo viên dân lập ở xã. Để trở thành giáo viên quốc lập, anh đành phải rời xa đất quê Nghệ An, lên dạy học ở một xã miền núi xa xôi nhất của huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Ở xã nọ, năm năm qua không có nổi năm đứa trẻ đi học. Người lớn mù chữ vẫn hoàn mù chữ. Nhưng năm năm ở đó anh trông được năm vụ xuyên khùng, thu hoạch đủ tiền tậu được một chiếc xe đạp Phượng Hoàng mới toanh. Đắt ở đây tốt nhất hàng, công phu hơn có thể trông được cả cây

thuốc quý, hái ra tiền như bạch truật, tam thất.

Tiểu vùng đất sinh lợi nọ lắm, nhưng anh Rư vẫn vui vẻ chấp hành điều động của Ty giáo dục đưa anh về giữ chân văn thư ở trường sư phạm tỉnh. Giáo viên cấp I dân lập, trình độ văn hóa xấp xỉ lớp năm bốn túc. Dạy cấp một khác gì cơm chấm cơm, biết một đây một, đã thế lại năm năm liền không một lần soạn bài, chữ nghĩa rơi rụng hết. Anh Rư tự hiểu mình, chấp nhận sự phân công, chẳng một lời than vãn.

Trường sư phạm tỉnh sơ tán ở chân núi Hoàng Liên. Từ nhà anh Rư đến đó, đường xa hơn mười cây số, lại phải đi qua thị trấn, trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Vì vậy, phải đi từ sớm bùng. Đi từ sớm bùng, lại xa, nhưng anh Rư không dùng xe đạp. Anh nói : mình đi bộ quen, lên dốc thì nhọc, xuống dốc thì mỗi chân phanh. Vả lại, đường dạo này nhiều đoạn lầy thụt, trông cái xe lấm láp, kết bùn, xót ruột quá ! Anh Rư treo chiếc Phụng Hoàng lên xà ngang của căn nhà lá anh dựng lầy ở cạnh nhà tôi

Tan tám chiều, anh Rư đi bộ từ trường sư phạm về tới nhà thì đã hơn sáu giờ. Miền rừng, trời mau tối, nên chỉ uống hộp nước, cởi cái áo và chiếc quần dài ra, là anh cầm ngay cái cuốc, con dao, chiếc thuổng, tranh thủ làm việc liền.

Anh Rư khỏe lắm. Trông vóc dạc cũng thấy. Anh thấp tẻ, từ gót tới đỉnh đầu chưa đến mét rưỡi.

Vai rộng, hông hẹp, chân anh ngắn có một mấu. Mặt tròn, to phệch, mắt một mí, mũi triều thiên huếch ngược, trông anh vừa ngây thơ vừa ngộ nghếch. Bắp chân, bắp tay anh nổi con chuột, rần rần. Tính anh hiền lành, đơn giản. Ăn thế nào cũng được. Bát cơm nguội với quả cà, dấm muối trắng là đủ. Mặc đi làm thì cũng chỉ bộ quần áo bà ba may bằng mấy vuông vải nâu dấn bùn. Còn ở nhà, trừ những ngày quá rét, lúc nào cũng chỉ một manh quần cộc nâu bạc suốt từ sớm đến tối. Anh chỉ có một nhu cầu là làm việc.

Cuộc đất, san nền, chặt cây, đánh gianh, dựng nhà, đắp bếp. Rồi phá rậm, lên luống gieo hạt cải, bắc dèo đậu đũa, dựng dân mướp hương. Rồi khai quang các vùng đất lầy thụt và mở việc trồng trọt lên sườn núi cao. Rồi khơi suối, nắn dòng, bắc cầu. Anh cán bộ nghèo mang trong mình dòng máu người lao động, cốt cách con nhà nông bản hàn, chịu thương chịu khó, nhìn chỗ nào cũng thấy việc, cũng có thể sinh lợi. Đất trồng trọt ở rừng cơ man mả hồ thỏa sức. Cao thì lúa khoai, ngô sắn. Thấp thì chuối chanh rau đậu. Chăn nuôi lại càng dễ. Gà thì thả lên rừng cho nó nhặt sâu bọ. Vịt thì thả suối nước đầy có khác gì thò tay vào túi lấy tiền. Chưa kể còn đi rừng lấy mật ong, hái măng nứa, chặt song mây, nhặt hạt mít rừng, hạ cây, xẻ gỗ.

Đều đều trôi đi trong nhẵn nại âm thầm ngày lại ngày. Không là hội hè, cũng chẳng hề u oải,

ngày nối ngày chỉ một khí sắc cần lao. Không lo áu, phiền muộn, chẳng hề thấy thế là vất vả, là khó cực, anh Rư chỉ nhăm nhăm cái đích trước mắt là động chân động tay làm ra được cái gì đó có ích có lợi. Lao động là sinh thú tiên thiên duy nhất của anh. Anh chỉ ngưng nghỉ chân tay khi ngủ. Bất đắc dĩ phải tiếp khách thì anh vừa trò chuyện vừa tranh thủ chè nắm lát, vót mõ nan, cạo lại cái rổ cái rá.

– Tôi vừa vào cái làng Mán dò ở sâu tít trong khe, anh Khang ạ. Chuối rừng, mon dại trong đó rất nhiều. Tuần tới tôi sẽ đắp thêm cái lò nấu cháo cám lợn. Rồi đi Mường Khương lấy mấy con giống về. Đất rừng này mà không nuôi lợn thì phí lắm !

– Chỗ đất trồng mon lấy thụt kia tôi tính rồi, chỉ cần xuống vài ba thếp mai, mấy cái chủ nhật là thành cái ao. Nhất canh trì, nhì canh điền, làm chơi ăn thật đấy anh ơi !

– Có nhẽ tôi sẽ đắp cái đập ngăn khúc suối này lại, anh ạ. Ừ, vừa có chỗ tắm tấp, lại đặt được mấy cái hom, nhất cư lưỡng tiện thật.

Kế hoạch này chưa xong, dự định khác lại đã nảy ra trong óc anh. Có lần anh bảo : đánh thắng thằng Mỹ xong, ạ hỏi cư về nơi ở cũ thì cư việc. Còn anh, anh ở lại đây thôi. Đây sẽ là cái ruộng cơ giàu có, là cái trang ấp trù phú ăn dồi o kiếp của anh, của vợ con, cháu chắt nội ngoại của anh.

Lao động với anh Rư là thú vui trần gian cao cả, là cơn say đắm hồn nhiên, là cách thức để thỏa mãn cái sức mạnh tiềm tàng không bao giờ dùng hết trong anh. Không ngồi nghĩ, không biết đến một miếng ngon, không ưa bàn luận thế sự, học thuyết, văn chương như những kẻ có được ít chữ nghĩa. Sách báo không có, loa đài không nghe. người cán bộ này chỉ một niềm mê mải là chuyển hóa cái sinh lực vô song của mình thành các tạo vật sinh sôi xung quanh mình. Làm ! Làm không biết đến mệt nhọc ! Làm không tiếc sức ! Làm như ganh sức đua tài ! Làm như thèm khát, như để thỏa nỗi căm hờn bấy lâu bị trói chân trói tay ! Vô chứng vô bệnh, không biết ốm đau mỗi mệt là gì, như được sự trợ giúp của thần linh, con người này biến công việc khó nhọc thành các thao tác nhẹ nhàng của thói quen. Các thao tác nhẹ nhàng qua tháng ngày tạo nên các công trình. Và đến đây thì một bước nhảy vọt kỳ diệu thế là đã xuất hiện từ công việc lao động bình thường lặng lẽ của anh. Mọi cái đẹp ở trên đời thường hiện ra dưới dạng lặng lẽ. Lặng lẽ như tự nhiên muôn thuở, căn nhà anh Rư dựng, khúc suối anh Rư uốn dòng, vườn rau, mặt ao, hàng cây anh Rư tạo lập toàn bộ sức lao động nhân nại của anh đã được kết tinh thành một khung cảnh thật tươi đẹp và hài hòa. Và tôi nhiều lúc đã phải kêu thầm lên lời thán phục và cảm ơn anh. Vượt ra khỏi mục đích thực dụng, đi tới nấc siêu

hình, con người lao động đích thực này đã tạo nên cả một không gian trữ tình đậm thắm. Trong tình mạch, cảnh vật nơi hẻm núi nhờ bàn tay anh đã đạt đến cái đẹp trầm lặng hiền triết và vô tư. Con người anh vẻ như khờ khạo, thô mộc, nhưng sản phẩm anh tạo ra lại trau chuốt, mượt mà ; ánh giúp cho cuộc sống giảm đi cái phần buồn tẻ, nhằm chấn vồn dĩ của nó. Hiền nhiên rồi, làm ra được những điều khác thường, anh Rư ất hẳn phải là con người có tài đức khác thường đáng được chúng tôi vô cùng yêu quý !

Hôm ấy, bức toàn cảnh gần như sắp hoàn thành, anh chuyển sang một công việc được coi như là điểm một nét chấm phá cuối cùng. Anh đào giếng. Anh bảo với mẹ tôi rằng : vợ anh người Hà Nội, quen dùng nước sạch, dùng nước suối cô ấy dễ bị dị ứng da. Tôi hiểu : Yêu là một duyên cơ cao thượng để con người được trở thành chính mình.

*

Anh Rư yêu quý vợ mình lắm. Tình yêu của anh không bộc lộ ở lời từng nín, ở cử chỉ âu yếm. Tình yêu của anh bộc lộ một cách cao thượng, lớn lao hơn. Anh đặt toàn bộ công việc nặng nhọc của gia đình trong thời kỳ xây dựng ở trên vai mình. Anh quyết biến cái hoàn cảnh để vợ anh được hưởng sự sung sướng, thuận lợi ngay trong lúc chiến tranh ác liệt phải sơ tán vào nơi núi rừng.

Chị Nhân, vợ anh Rư, tuổi ngoài ba mươi. Quê chị ở Thanh Hóa. Ra giúp việc ông chú ở Hà Nội từ lúc mười sáu tuổi. Ít lâu sau, ông chú mất, bà thím trở mặt, chị phải tự lập sống bằng nghề đi ở và gánh nước thuê. Anh Rư về Hà Nội họp, ở nhờ nhà ông bác bên cạnh nhà chị. Anh đã hơn bốn chục, gặp chị duyên trời, hai người lập tức gắn bó.

Chị Nhân thấp lùn, chân tay ngắn chùn chùn. Chưa con nhưng ngực xệ, bụng phưỡn. Mặt chị lại quá nhỏ, khéo chỉ bằng cái niêu kho cá bống. Thêm hai con mắt lá dăm ở xa nhau, mặt chị thêm cái vẻ dong đưa, hay lên mặt đài đệ. Gương mặt chị lộ lộ nét trần tục và khí cục toát ra kém hèn thế nào ấy. Chị là người gốc nông thôn, nhưng đua đòi to tuốt, tính tình thì cồn cờ, ăn nói thì chần chừ, không có gia bản, căn cốt. Chỉ ít ngày sau khi chị lên ở với anh Rư, mẹ tôi đã nhận xét vậy. Và tôi cũng thấy không sai. Nhất là tiếp xúc với chị, thấy chị ăn uống điệu dàng, gảnh gót, ứng xử vòng hãnh không phải lỗi, đặc biệt là hay bêu môi bêu mồm chê người, chê anh Rư. Chị chê anh Rư già, chê anh quê kệch. Miệng chị phũ phàm. Dài giọng, chị mắng anh là đồ vai u thịt bắp mỡ hồi dầu, là đồ ăn gió bỏ trâu ỉa ra than. Mẹ tôi chặc lưỡi : "Chết, sao anh để chị ấy ăn nói thế !". Thì anh cười hì hì : "Cháu chả chấp. Cô ấy non người trẻ dạ. Với lại người thành thị được nuôi chiều từ bé nên hay đòi hỏi. Lấy cháu, lên đây ở là cô ấy phải hy sinh nhiều lắm !".

Nhất nhất mọi việc anh Rư đều nhận phần dờ, phần sai về mình. Anh thường nhịn vợ hết mực, lại tưởng tượng ra mọi điều tốt đẹp để bênh vực vợ : có bạn bị chị mắng té tát là đổ cổ cây vai bừa, chém to kho mặn, đổ cả nồi cá suối anh kho quá mặn cho lợn, anh sang tôi chơi, cười hi hi, nói rằng : người đẹp họ thường khó tính. Và thú thật với tôi rằng đây là đời vợ thứ ba của anh. Hai người lấy ở làng quê, một tảo hôn, một nạ dòng, chữ nghĩa không biết, răng đen, xấu người xấu tính lắm, lại chẳng chữa để gì. So với họ, chị Nhân thật là nàng tiên, là hoàng hậu trong giấc mơ ao ước của anh !

"Rõ là xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân chưa kìa !". Mẹ tôi, ngồi trong nhà, nhìn ra bờ suối nói anh Rư đang bỏ những nhất cuộc đầu tiên trong công trình đào giếng cho vợ anh, chép miệng, rồi thêm : "Khổ thân bác ấy, sao lại có người vừa chịu khó vừa tốt nhin thế !".

Việc đào giếng thu hút toàn bộ tâm sức của anh Rư. Anh xin nghỉ cái phép năm mười hôm. Đất rừng ven suối lắm đá. Mới được ba lượt cuốc, đã thấy nước ri rỉ, phải lập tức chít mạch để đào tiếp. Xuống hơn một mét thì gặp tầng đá khô. Mừng hóm, vội thúc xà beng xuống sâu nữa. Ac cái, sau tầng đá tầng lại gặp đất sét và dưới nữa, lười cuốc chím bèn vạy mà chùn ngay lại vì chạm phải tầng đá gốc. Cuốc, đâm, nạy, bẩy, moi... càng xuống sâu càng khó nhọc. Khó nhọc vì diện tích hẹp, khó đi o

thế chứ khó nhọc nữa cũng không thể làm thối chí đuổi bắt mạch nước ngầm của anh. Anh Rư quyết đuổi bắt bằng được nguồn nước thần tiên để giúp vợ anh tắm táp cho da thịt thêm tươi nhuận, thơm tho, mát mẻ, để chị vui vẻ, sung sướng. Vui vẻ sung sướng thì chị sẽ rộng lòng với anh, sẽ thông cảm với anh, sẽ không chê anh, sẽ thương anh. Anh sinh ra trong gia đình nông dân nghèo kiết, thất học. Anh chẳng được cái mẽ bề ngoài, học hành lại tối dạ, văn chương võ nghệ, khẩu chiến đều kém cỏi, làm ông giáo cấp một cũng không xong. Nhưng anh có đôi bàn tay năng nổ và một tấm lòng chân thực. Tấm lòng ấy chỉ nuôi một mộng ước là có được tổ ấm nho nhỏ, một khung cảnh sinh hoạt thuận hòa, một đời sống no ấm dễ chịu. Anh lại biết hạnh phúc được bắt đầu từ người đàn bà. Chị Nhân vợ anh, vì vậy chẳng phải chỉ là nàng tiên, bà hoàng mà còn là khởi điểm của giấc mộng hạnh phúc cả đời người của anh.

Cái giếng càng xuống sâu càng hút hồn hút sức anh Rư. Tụt xuống đáy giếng, một mình lui hụi mò mẫm đào bới dưới đó, rồi lại bấu bờ, bám thành giếng leo lên, một mình kéo lên từng xảo đất đá. Không một lời nhờ vả... Anh như con dúi dũi đất, một thân một mình trần lực ra làm, lặng lẽ cô đơn như hạt cát của mọi sự sáng tạo. Chỉ có tối chiều chiều bế con ra thăm anh. Ngó xuống lòng giếng, mắt tôi rơi theo một chiều sâu hun

hút. Tôi gọi anh, tiếng âm vang. Anh trần trụi, lấm láp, ngửa mặt lên, ho hó mấy cái răng bàn cuộc sau cặp môi hở. tiếng đáp nghe văng vẳng : Ở dưới này rét lắm ! Tôi rùng mình sờn cá da ốc như nhìn thấy âm ti địa ngục.

Đêm đó, chợt nghe tiếng động ở nhà anh, tôi thức giấc.

– Gì thế mẹ ?

– Cô Nhân cô ấy chê bác Rư hôi hám, bẩn thỉu, cô ấy đuổi bác ấy ra, không cho ngủ chung. Rồi cô ấy than thân trách phận, rằng nghe anh dở ngon dở ngọt, ai ngờ lên đất đồng rừng khổ sở thế này. Biết thế này thì ở Hà Nội lấy thằng xích lô ba gác có phải sướng hơn không !

Mẹ tôi thao thức. Lát sau, cụ chép miệng :

– Khổ ! Đào giếng là độc lắm ! Làm quân quật như thế thì sức voi cũng quy. Hay là hiền giả quá ngu ! Hay là bác ấy ngậm bồ hòn làm ngọt !

Mất chong chong, tôi thức giấc hoàn toàn. Số phận của anh từ trong anh bước ra, giờ nó đang hiện ra trong tiếng khóc tỉ tê ai oán của chị Nhân. Chị Nhân khóc dai lắm. Khóc để bộc lộ nỗi niềm. Khóc như để gọi lòng thương xót của kẻ khác. Cho đến lúc, trong không gian đêm tối mênh mông bật lên một tiếng đàn :

Suối mơ bên rừng thu vắng

Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng

Tiếng đàn *mãng đô lin* ! Tiếng đàn dây bốn sợi mỏng mảnh gai gai gợn gợn một tâm tình cô độc thêm muốn than thở và quấy quá bấy lâu thì thoảng vắn hiện lên trong khuya khoắt, giăng dài như một ám ảnh tiền định. Tiếng đàn ấy đêm nay giống như một ám hiệu báo trước sự bất toàn của cuộc sống **những** ngày này. Nỗi lo ngại của tôi thật sự đã mang máng hình thành kể từ khi xuất hiện một nhân **vật** ở hẻm núi cây số 7 này cùng tiếng đàn *mãng đô lin* của y. Đó là một gã nhân viên của Chi cục Thuế đi chiếc xe đạp Phượng Hoàng, sơ tán cũng ở hẻm này, nhưng sâu vào phía trong thềm vài chục mét nữa. Gã chạc bốn mươi, da ngăm, tóc xoăn, vóc đặc cao lớn, mặt mũi vừa trai lơ dàng diêm, vừa hầm hập nổi thềm khát nhục thể. Một lần trời mưa, xuống xe đạp ở đầu hẻm, ngại con đường vào nhà lầy lội, anh chàng liền đẩy chiếc xe đạp trước cửa nhà anh Rư, cất tiếng : "Người đẹp Nhà rộng, cho gửi chiếc xe qua đêm được không?". Chỉ có Nhân ở nhà. Gã đưa xe vào nhà, bước lên thấy cũng chiếc xe Phượng Hoàng như của mình treo trên xà nhà, liền kêu to là nhà người đẹp giàu quá. Thế là người đẹp được th... chiếc móc chông. Chàng nhân viên thực vụ bưu sẽ giúp người đẹp tập xe đạp bằng chiếc xe của mình. Và đêm đêm anh chàng bóng gió nhả nhà giao tình với chị chàng qua tiếng đàn *mãng đô lin* gây bài *Suối mơ*.

Tiếng đàn của chàng nhân viên thuế vụ chắc hẳn chẳng lọt tai anh Rư. Nhưng anh chàng đã thực sự trở thành nhân vật tích cực tham gia vào hồi kết của vở kịch đời Rư, khi anh rơi vào trận ốm thập tử nhất sinh.

Đúng như mẹ tôi nói, đào giếng là độc lắm. Việc thổ mộc không học máu cũng học cơm. Và cảm giác nổi gai khắp người tôi hôm rồi khi nhìn xuống lòng giếng sâu thăm tôi, thấy Rư ngửa mặt ho hó những chiếc răng của to bản, kêu rằng dưới này rét lắm, đã là điều đầu tiên báo cho cái sự kiện thảm thương chiều ấy, khi anh vừa chui lên khỏi cái miệng giếng vừa hoàn thành, vừa đứng dậy đã xây xẩm mặt mày, ngã ngửa người, mắt trợn ngược, thân hình tím ngắt như đọng máu.

Anh Rư ốm nặng quá ! Ba ngày đầu anh sinh sịch bốn mươi, bốn một độ. Đến ngày thứ tư thì chuyển sang vừa nóng vừa rét. Nóng thì như cái lò than. Rét thì rét từ ruột rét ra, người co quắp, răng lập cập, đắp bao nhiêu chăn chiếu cũng không lại. Liên mười ngày, cơm cháo nuốt được miếng nào lại nôn ra miếng ấy. Người đang đầy đà vậy, qua mấy hôm chỉ còn da bọc xương. Mặt nổi gồ lên đôi lưỡng quyền và đôi môi khô nẻ co lại để hở mấy chiếc răng to bản vàng khè, từ đó phát ra tiếng rên rĩ thê thảm. Anh Rư rên rĩ trong mê man. Trong mê man, có lúc còn thấy anh khóc ngằn ngặt, rồi chép miệng như muốn kêu đời tôi sao khổ nhục thế này. Lại có

lúc bỗng dưng anh kêu la sợ hãi như trông thấy ma vương quỷ sứ dưới âm ty địa ngục. Xem ra trong người anh có cái vỏ bề ngoài khù khờ, thô mộc này, còn có điều ám ức chưa nói được. Và trong cơn ốm đau vì thể chất hư hoại này anh còn một khối uất kết không giải tỏa được. Anh Rư hàng xóm của tôi, bấy lâu nay tôi đã hiểu hết anh đâu ! Anh Rư bị sốt thương hàn, rồi biến chứng phát ban nhập lý. Nửa tháng qua, thấy anh càng ngày càng yếu, tôi và mẹ tôi giục chị Nhân đưa anh đi bệnh viện ở cây số mười. Thấy chị khát lần, tôi phải sang, cùng mấy người ở nơi anh công tác lửa lúc anh lì bì trong cơn sốt, vực anh dậy đưa ra văng. Nhưng, nhạy cảm, anh biết, anh quẫy đạp, nhất quyết phản đối. Thểu thảo anh nói như mê lú rằng anh đi thì để người ta chiếm mất nhà à. Rồi lại như buột miệng kêu : "Tôi chết ở đây thôi". Mẹ tôi la hoảng : "Thử thui cái miệng bác đi !". Chị Nhân sõng tay, mặt lăm lăm : "Đã muốn chết thì cho chết luôn đi. Ai mà chiều nản được". Anh Rư nằm đấy một tuần, bao nhiêu lợn gà, chị Nhân đem bán hết. Chị không biết chăm sóc chồng ốm. Nói cho đúng, chị bỏ mặc anh. Nấu cho anh nồi cháo, còn chưa kịp rừ đã bỏ đấy, tót đi tập xe với gà nhân viên chỉ cục thuế. Mẹ tôi phàn nàn : "Rõ là tuồng mèo mả gà đồng chưa ! Hỏi rằng khôn" có người à thì nó sao thoát khỏi kiếp đưng đường đưng chơ !". Rồi bà tiếp : "Khô ! Bác Rư bác ấy không biết ! Con nặc nô này nó đủ đởn với thằng

ông mãnh từ lúc bác ấy đào giếng kia ! Nhưng lúc này bởi chuyện ra, bác ấy uất lên thì khổ !". Thật sự lo lắng cho tính mệnh anh Rư, mẹ tôi sau mấy đêm trằn trọc, nghĩ rằng anh Rư đào giếng, chắc động phải cái mạch thổ thần gì đó, nên bảo chị Nhân sửa soạn cái lễ tạ, nhưng chị gạt đi, nói rằng như thế là mê tín. Mẹ tôi bảo : Thế thì vái tứ phương tìm thuốc cho anh ấy đi, chị cũng chỉ ậm ừ, kêu rằng cũng đang ốm đây.

Chị Nhân chẳng bệnh tật ốm đau gì sất. Chị béo như con cun cút. Chị sờn sờ mỡ màng thêm lên thì có. Má chị đỏ ran và bụng chị mỗi ngày một thêm phình phính. Buổi tối, tập xe ở ngoài đường, tiếng chị cười hi hí vang vào tận hẻm núi. Có đêm gã nọ đèo chị đi xem chiếu bóng ở tận cây số chín, quá nửa đêm mới về. Còn kéo nhau ra giếng anh Rư đào, kéo nước, dội cho nhau, kỳ cọ, vỗ về nhau, khoái chí cười khinh khích từng hồi dài.

Một tháng qua, cảnh cảnh cho số kiếp anh Rư. mẹ tôi phải lặn lội vào tận làng Mán dỡ trong hẻm sâu, tìm thầy lang cho anh. Thầy lang Mán cắt cho anh mấy thang thuốc gia truyền, lại đặt ống giác hút máu độc ở lưng, ở ngực, anh mới đỡ. Rút cơn sốt nhưng anh chỉ còn là một thân xác còng queo, nằm không động đậy trên ổ rơm, đôi môi đầy nứt nẻ, khô se, hàm răng đã hở lại càng hở. Nhà lúc này như nhà hoang. Vì chị Nhân gần như bỏ đi công khai tăng tịu với gã nhân viên thuế vụ tóc

xoăn. Gã đàn ông vốn nòi hiếu dục, lại sống độc thân ở nơi hẻm rừng ; chị chàng vốn chỉ là chiếc thân lạc loài, hay đầu châu dấy, lại đang ché chồng, vừa háo của lạ vừa thích hoa lá non nỉ. Hai cái nhu cầu tình thần và thể xác nhập vào nhau, lại gặp cảnh núi rừng quạnh vắng, tha hồ mà quân quyền lẫn lóc. Nên đã có lúc tôi rơi vào trạng thái bất nhân, muốn thét to lên để cản ngăn một tội ác và chế ngự một nỗi khiếp đảm. Vì chính tai tôi nghe thấy á vợ anh cần nhân : "Ốm mãi thế thì chết quách đi cho đỡ khổ có hơn không !".

May mắn thay, anh Rư đã qua khỏi được trận đau ốm thập tử nhất sinh nọ.

Anh Rư chưa chết. Anh Rư không chết. Thuốc thang lá lấu sàng sịt, săn sóc sơ sài vậy thôi mà anh không chết. Anh không chết vì quật ngã được anh đâu có dễ. Cơ thể anh được cấu tạo bằng chất liệu đặc biệt, nó kết tinh sức sống mãnh liệt của bốn năm đời ông cha cụ kỵ sinh tồn trong nghèo nàn, đói khát, khốn khổ cùng cực. Anh không chết vì anh còn lắm khao khát, còn nhiều mong muốn, vì anh có ý chí hơn người. Người quê anh thường vậy, họ đã định làm cái gì là phải làm cho bằng được. Đây, vừa tới qua, trong mê man, anh ứa nước mắt kêu mết quá, biết thế này thì cố làm gì cho khô. Vậy mà sang hôm sau, tỉnh tỉnh một tí là anh lại lảm thảm một mình rằng có nhẽ nên khai ruộng lúa chứ đừng nên thả mon nuôi lợn ở vũng lầy ấy.

Tuy vậy, phải nói thật rằng, sức người là có hạn. Quá dầm đuối với dự định lớn lao và lạc thú cải tạo hoàn cảnh sống, anh Rư đã tự vắt kiệt sức mình. Trật ồm nghi mà kinh. Giờ đây mặt anh chỉ còn lại hai con mắt lơ lơ động dậy là còn thần sắc. Chân tay động cựa không được. Muốn đứng dậy đi lại, nhờ y tá tiêm cho mấy ống *strricnin* vào chân để bổ gân, cũng không ăn thua. Thở mạnh cũng là quá sức. Ngực xẹp. Phổi lép. Tim đập chập chờn. óc rỗng không, ký ức hết sạch.

*

Phải hơn mười tháng sau anh Rư mới hồi sức. Hồi sức bắt đầu từ đôi chân. Anh ngồi dậy, thò chân xuống đất, nhói đau ở khớp đầu gối, ở hông, ở mỗi đốt sống và tận đỉnh đầu. Vịn tường vách, anh lò dò ra sân. Nắng sáng choang mảnh sân đất phất phơ mấy chổi cỏ. Bóng anh lều đều xiêu vẹo. Anh đưa tay che mắt. Anh quáng nắng, anh ngỡ ngàng vì như vừa bắt gặp một nguồn sinh lực siêu thường từ cao xanh rơi xuống, phóng tỏa ra xung quanh, nhập vào nội tạng mình.

Trước mắt anh, con suối mở rộng lòng, trong như nước lọc, chảy qua những viên sỏi cuội như được lau rửa, bào chuốt trắng phau, nhẵn bóng. Tươi vui biết bao là những chấm nắng nhẩy nhót trên mỗi gợn sóng nhỏ. Và khung cảnh bỗng thoáng chút dịu hiu mơ mộng vì nét cắt ngang mềm mại của cây cầu qua suối không một bóng người. Anh

muốn kêu to : "Ai làm ra cảnh tượng đẹp đẽ thế kia?".

Bước lên mấy bước nữa, anh Rư lại giật mình vì nhìn thấy bên bờ suối cái miệng giếng tròn vạnh. Trí nhớ của anh mù mịt khỏi sương. Anh ứa nước mắt sung sướng, có cảm giác trời phật đã hiện ra giúp anh. Cái giếng nước lợ, cái ao ước của đời anh, là hình tượng hóa tình yêu của anh với vợ thế là đã thành sự thật rồi !

Có tiếng rung nhẹ nhẹ trong không khí, anh Rư từ từ quay đầu lại. Trên mảnh sân anh vừa đi qua, những tấm áo quần ướt sũng vừa vắt lên sợi dây phơi hạt hồ đựng đĩa, bóng chúng in lên mặt đất những khoảng tối đen ngòm. Vợ anh vừa đi tới đầu dây phơi bên này. Chị đang kiễng chân cố sức để vắt lên đó tấm chăn chiên. Khổ ! Sợi dây vì sợ chùng ở đoạn giữa hai đầu buộc phải níu trên cành cao tít. Mà chị thì lại quá thấp và hình như ngày càng thấp đi. Vắt trượt một lần, chị thở hắt hắt. Lạch bạch chuyển chân tìm thế đứng mới, chị dún chân lấy đà, rướn thật lực thân người lên trong khi cánh tay phải hất mạnh tấm chăn cho nó bay vọt qua bên kia sợi dây. Trong động tác ấy, vạt áo chị mặc giật hất lên, hở hoác cả vùng bụng trắng hếu căng phình. Bụng chị Nhấn căng phình ! Bụng chị Nhấn tròn mọng như bụng trâu no cỏ. Bụng chị Nhấn căng nhức như cái nhọt bọ sắp vỡ. Cái thai, nghiệt căn của cuộc tình trăng gió vô luân của chị đã sang tháng thứ tám !

Quay đầu lại, hai con mắt lơ lơ của anh Rư chết sững trong giây lát rồi chợt nhếch chéo, lóa sáng. Nỗi niềm mu mớ ẩn chìm bấy lâu nay trong ánh thần quang đã đi tới sự hiển linh, cặp mắt anh chợt sập lại, anh toát mồ hôi lạnh, anh run rẩy bầy. Cuộc sống thật trở trêu và khốn khổ ! Người vô tròn, kẻ bóp méo. Nhìn nhường hết mực mà hạnh phúc vẫn xa vời là thế ; nhưng anh là con người thực sự chân chính và không một kẻ nào được phép lợi dụng, xỉ nhục anh ! Không được phép !

Lê chân, anh Rư đi đến miệng giếng do chính tay anh khơi đào, nhìn xuống. Anh thấy mặt mình hiện lên trong nước giếng như mặt con nghé đồng đồng nhu nhú bốn cái răng cửa to bè.

*

Chiều ấy, tiếng máy bay Mỹ chộn rộn mãi ở sau núi tới hoàng hôn mới tắt hẳn. Tôi về đến nhà thì đã thấy mấy người sơn tràng từ trong hẻm ra đang túm tụm trên miệng giếng nọ và mẹ tôi mặt tái xám vì sợ hãi, ôm chặt đứa cháu nội đứng thìn thít ở cạnh búi mai bên bờ suối. Cái chung cục thảm thương của một kiếp người lam lũ đã vất kiệt sức lực và chân thành vun đắp cho mộng ước khốn khổ của đời mình đã tới !

Anh Rư dầm đầu xuống giếng tự tử. Đầu anh vỡ toác, ngập trong nước. Đôi vai rộng của anh mắc kẹt ở bên bờ giếng hẹp. Loay hoay mãi, chẳng biết

làm thế nào để đưa anh lên được, cực chẳng đã, tôi phải tụt xuống đáy giếng, buộc dây vào cổ chân anh để trên kéo, dưới nâng dịu xác anh lên. Định vậy mà lóng ngóng mãi không xong. Phần vì kinh sợ, chân tay run lập cập. Phần vì lòng giếng lạnh rượi, có cảm giác nó như cái kính thiên văn khổng lồ chiếu lên thiên cực liên thông cấp vũ trụ : trời, đất, địa phủ.

Cuối cùng trời tối sập, công việc mới nhúc nhích. Nhưng xác anh Rư được dưới nâng, trên kéo tới gần miệng giếng, tôi bỗng rủn người, khụy xuống, khiến tất cả những người ở trên bờ như hụt hẫng, lạc nhịp kêu to một tiếng kinh hoàng và buông tay. Lọt xuống lòng giếng tối mở như âm phủ là tiếng đàn *mãng đò lìn* quen thuộc gảy bài *Suối mơ*. Tiếng đàn lớn vồn như một hồn ma bóng quỷ từ tiền kiếp hiện về...

29-9-1997

(*Văn nghệ* số 22, 30-5-1998)

LỜI CHÀO Ở NGUỖNG CỬA

LÊ MINH KHUÊ

Năm Châu 18 tuổi, bà dì ở một thành phố mới giải phóng phía Nam gửi cho một chiếc áo dài. Trong một buổi gặp gỡ có tính hội hè vui vẻ rất hiếm ở thập kỷ 80, lần đầu tiên Châu mặc chiếc áo dài có những bông hoa to tướng chạy từ cổ xuống vạt. Nền áo xanh sẫm, những bông hoa trắng càng xuống vạt càng nhỏ đi tạo cái dáng áo cao lên. Châu cảm thấy cái áo mặc vào ngày hôm nay có một tính chất khác thường, nó sẽ cho cô những may mắn gì đấy khó gặp vào lúc khác. Linh cảm về cái gì đó chờ đợi mình khiến đôi mắt Châu mở lớn, trống ngực đập như tiếng búa đập đá. Bước đi giữa các bàn như nữ hoàng bước giữa hai hàng lính danh dự. Biết rằng có nhiều cặp mắt dõi theo... May mắn thay khi người ta ở vào tuổi 18... Châu cố gắng thờ ơ, phong thái cố tỏ vẻ chững chạc, chẳng cần ai. Bọn thanh niên choai choai búng ngón tay chong chóc, hê lô hê la từ các

xó xính, Châu chẳng quay nhìn. Cái áo dài tuyệt đẹp giúp người ta lớn, không dễ bắt nạt. Châu chán ngắt cái bọn mặt búng ra sữa, chả có ai ra hồn. Dù vậy nếu chúng nó chẳng búng tay, chẳng hê lô, chắc chắn chiếc áo dài này sẽ cứng như làm bằng đá.

Từ cuối dãy bàn kê sát tường, một người đàn ông không trẻ không già, chống tay lên cằm cũng đang thờ ơ nhìn cánh và người. Chả hiểu sao Châu có cảm giác anh ta đang chán ngắt mọi sự. Y như mình. Có điều anh ấy có vẻ chán thật còn mình, thực ra mình có chán đâu. Mình ra về thôi. Ở tuổi này, mình còn khối thì giờ để chán. Châu tiến lại phía anh ta. Những đầu mẩu thuốc lá chất đầy cái gạt tàn trước mặt người đàn ông. Anh ta ngồi đây lâu rồi, chẳng để ý đến ai cũng chẳng bắt chuyện với ai. Châu ngồi xuống cạnh anh ta. Lúc này người đàn ông mới nhìn sang. Hai người gạt đầu chào nhau. Cùng quay đi rồi cùng bất chợt quay lại nhìn nhau. Tiếng sét nổ ra giữa khoảng cách mong manh. Người đàn ông càng lúc càng có cái nhìn chăm chú : cô gái ơi, cô ở đâu ra ?...

*

Thực ra anh ta cũng không có nhiều hấp dẫn. Người cao lòng không, tóc đã hơi hói, hay lạnh co ro giữa những đêm mùa thu mùi hoa sữa làm không khí trong veo như không hề có tạp bụi. Những buổi đêm ở chỗ Châu về, bao giờ Châu cũng

quán hai lần khăn len lên cổ anh. Vừa quán những vòng khăn, nước mắt Châu vừa trào ra với bao nhiêu trù mến. Khó lắm thôi, quàng khăn đi không lại ốm, em chịu không được đâu !

Châu ở ký túc xá một trường đại học. Ký túc xá cố gắng tạo cho sinh viên chỗ ở độc lập, nên một phòng 12 người nhưng ra thành 6 phòng nhỏ, mỗi phòng hai người. Châu may mắn ở với một chị có nhà ngoài phố. Thi thoảng mưa rét hay bài vở nhiều, chị ở lại ký túc xá. Còn Châu được làm chủ 5 cái mét vuông chung quanh là cốt ép. Những phòng bên cạnh bằng cách này hay cách kia, mỗi người đều có những giây phút riêng. Mùi xào nấu, tiếng mở rân, tiếng những chiếc giường bằng gỗ tạp cọt kẹt, tiếng khóc vì hờn giận, tiếng xoa dịu của những người đàn ông... Chẳng ai giấu ai cái gì và thật may mắn không ai nhìn thấy ai. Những người đàn ông đến với các nữ sinh viên, đều ý tứ không gặp nhau...

Anh đã có vợ. Người vợ mới cưới ở quê như trăm phần trăm các công chức tuổi anh lúc này ở thành phố. Năm chiến tranh, trước khi ra trận, những người già cố gán một cô nào đó với người lính. Cưới vội, ném vội lại cái mầm sống của mình rồi ra đi. Hết chiến tranh, còn sống trở về, tới thành phố làm việc. Lúc này mới nhìn kỹ người vợ cưới vội, trăm bề chẳng hợp nhau. Con cái có rồi mà những năm ấy cô chăm sóc ruộng vườn, cha mẹ

già... Tường cũng vậy. Bơ không được. Lại rơi vào trường hợp hân hữu, cô vợ của Tường sinh ra ở một thị trấn nhỏ. Nửa tỉnh nửa quê nên các thói đời rất rành rẽ. Chị ta có tính kích động thái quá, tức giận là sẵn sàng lao mình xuống từ gác 5. Đã mấy lần chị uống thuốc ngủ. Mấy lần dọa lao mình. Tường chẳng phải gan góc gì, cũng là tình nghĩa... nên những đêm ở lại giữa 5 cái mét vuông cốt ép của đời sinh viên, anh thường phải dối vợ là đi công tác. Chiều thứ bảy là chiều lý tưởng. Trường vắng teo. Những phòng bên cạnh đều của các cô ưa thói chơi thành thị : đi pic-nic, Tường lọc cọc cái xe đạp từ nhà xuống, đeo theo vài củ xu hào, quả tim lợn hoặc tí thịt bò. Trong khi Châu hí húi xào nấu bằng cái bếp dầu, Tường sửa lại cái chốt giường, đóng lại vài cái đinh. Vừa làm vừa hát. Ở nhà không lúc nào anh hát nổi trước khuôn mặt giận dữ và tuyệt vọng bất tận của cô vợ đòi hỏi mọi thứ đều cao. Hai người chụm đầu ăn uống, chuyện trò. Tắt đèn. Và khi đèn tắt, Châu không kim được. Cô yêu Tường, thương anh đến thốn thức và tất cả những lần trong bóng đêm của căn phòng sinh viên bằng cốt ép, nước mắt Châu đều tràn ngập như lụt. Khoảng gần nửa đêm, Tường khoác lên mình cái áo. Châu ôm cổ anh, quàng khăn cho anh. Đêm mùa hè cũng vậy, đường xa nhờ đau ốm thì tội... Những giọt nước mắt lại rơi.

Hôm đầu tiên của tháng đầu tiên, cả năm đầu

tiên yêu nhau. **Tường** hôn nhẹ lên má người yêu thăm thì :

– Thôi anh về nhé.

Hai năm sau yêu nhau, anh vẫn có động tác ấy, lời thăm thì ấy :

– Thôi anh về !

Hôm đầu tiên, Châu choáng người khi chỉ còn một mình. "Thôi anh về". Thế là anh về. Dù thế nào thì anh cũng có một gia đình và anh phải về. Những đứa con của anh còn nhỏ, anh phải kiểm tra bài vở cho chúng, anh phải về thì đúng rồi còn gì. Người vợ suốt đời mang bộ mặt sầu não tuyệt vọng của anh nhất định phải cho cái bàn là nóng vào chân cho ấm. Anh phải về ! Điều đúng quá là anh phải về. Nhưng giá như anh nghĩ rằng có một con bé yêu anh tan nát trái tim đang chẳng biết về đâu.

Cứ thế đều đặn, hai năm sau yêu nhau anh vẫn hôn nhẹ lên má cô, thì thăm : thôi anh về nhé. Những năm Châu học đại học, 5 cái mét vuông cốt ép tràn ngập yêu đương và cũng đầy những lời chào thăm thì: thôi anh về ! Châu sợ người yêu, tôn thờ từng bước chân anh đi. Những chiếc may ô của anh để dưới gối, đêm đêm Châu vẫn ôm nó vào khuôn mặt đầm nước. Đó là thời kỳ áo may ô có lúc vá từng miếng to, có hôm cô hôn hai bàn tay anh, thấy đầy mùi mỡ thực vật Nauiy, cái thứ mỡ viện

trợ rửa bao nhiêu cũng không hết mùi. Anh bảo : anh từ cơ quan phải về nhà nấu cơm rồi mới đi. Vợ anh lại ồm ! Xào khoai tây với mỡ Nauy, cho trẻ nó ăn lấy chất. Cô yêu cái mùi mỡ khố rửa sạch nơi tay anh. Cô vá những chiếc may ô. Thuốc đánh răng bột được phân phối ở trường, cô gói vào túi ni lông cho anh đi công tác. Cô dành dụm những hạt mì chính cho vào cái lọ con : đi ăn phở, anh chấm thêm cho ngọt !

Ấy vậy mà ra khỏi căn của cô, anh cứ vô tâm : - Thôi ngủ đi, anh về nhé !

Châu làm sao ngủ được khi cái cảnh anh về với gia đình cứ dấy vò giấc ngủ của cô. Một lần hiếm hoi, cô sợ sệt bảo anh : anh đừng nói là anh về, nói kiểu khác đi.

Anh ngỡ ngàng nhìn cô, cười xòa : chuyện vặt. Thói quen thôi mà...

Châu sắp tốt nghiệp đại học, anh vẫn vô tâm : thôi anh về.

*

Những năm sau chiến tranh với vô vàn thứ khan hiếm qua đi. Thập kỷ 90 bắt đầu với đèn màu ngoài phố, cửa hàng có đủ thứ để mua. Châu tốt nghiệp đại học giữa lúc khan hiếm việc làm. Thường không phải là người tình thoáng qua khi vui vẻ. Anh thực sự như là người thân thiết của Châu. Anh tìm việc làm cho Châu : ở cơ quan

thằng bạn thời đánh nhau. Châu về làm ở phòng hành chính, bằng lòng với công việc đánh máy công văn, rửa ấm chén, nghe điện thoại... Một người bạn nữa của Tường đi kiếm ăn ở tận trời Âu. Tường giữ nhà cho bạn, nửa căn hộ trên gác 5 ở khu nhà lắp ghép. Châu dọn tối với cái vali nhỏ, bếp dầu, những chiếc chai và lại những chiều thứ bảy êm đềm trong chân ấm. Ở đây khi ra về, Tường nhón chân cho nửa hộ bên trong không nghe tiếng. Châu lại quàng cổ cho anh, ôm lấy anh thổn thức : ảm rồi, anh phải cố giữ cái phổi. Tường hôn Châu, tiếng thở thì hơn cả thời ở nhà ký túc xá : – Thôi anh về nhé.

Anh về, anh về. Châu buồn. Rồi thấy hậm hực. Chả nhẽ anh không chào nổi một câu khác. Sao Châu khổ thế ? Anh ấy yêu Châu. Đã hẳn. Nhưng tương lai của Châu thì sao đây ? Rồi sẽ tới đâu ? Hai người đã bàn chuyện lo cho đứa con đầu của anh vào đại học. Châu đùa : nó thế chân em. Trong nửa căn hộ ấm khói ở tầng 5, lại những buổi chiều anh tạt qua. Thỉnh giờ đã mua tự do. Nhà hàng đã có nhiều món ăn khó, ăn lạ. Nhưng cái bếp dầu vẫn làm phận sự của nó. Cái chần trong mùa đông. Cái quạt điện mùa hè. Và anh lại thường về vào lúc 10 giờ tối. Vợ anh hay ốm, cô ấy thích thấy anh ở nhà. Thôi anh về nhé !

Châu mặc váy, hai cái chân dài trong tất đen có điểm những bông hoa lốm đốm. Thủ trưởng của

Châu hấp háy đôi mắt sau cặp kính. Khó lắm, nhưng cũng vợ con hàng tá rồi !

Tường bắt đầu sợ sệt, rúm ró. Người ta đã cho anh một chức vụ tương đối sau hàng chục năm lận đận. Anh nên cẩn thận với những chuyện tình tang vì cái đó ảnh hưởng rất lớn đến con đường trước mắt. Anh hấp tấp quay đi khi bất chợt gặp Châu ngoài đường. Anh tránh đôi mắt nhìn thẳng thách thức của Châu. Anh thường chờ trời tối mới dám lò mò lên gác 5 thì thậm hơn cả trước kia: Lão ở cuối hành lang kia là người trên bộ đấy, nhờ lão biết chuyện của mình thì phiền. Thôi anh về nhé !

Châu nhìn theo cái dáng lòng không của người yêu đi không một tiếng động. Đôi vai mỏng mảnh của anh giờ gánh hai nỗi sợ : sợ cấp trên và sợ vợ. Anh làm sao thu xếp được cho ổn ? Cô thôn thức vì thương anh.

Một hôm có người đàn ông theo cô vào hiệu sách. Làm quen rồi rủ đi uống cà phê. Người đàn ông có giọng nói ân cần trong máy điện thoại làm cô sững sờ: sao lại có cái giọng êm ái đến như vậy ? Cô thấy mình cũng phải sống. Cô lơ đãng đón Tường, lơ đãng thổi nấu và lành lạnh trong chăn. Tường hốt hoảng : có chuyện gì thế ? Anh gắng hỏi, gắng hôn cô lần nữa. Nhưng rồi vẫn vô tâm : - Thôi anh về nhé !

Châu đi uống cà phê với người đàn ông có giọng nói êm ái. Châu cũng theo đến cổng nhà anh. Hóa ra anh ta cũng chỉ được đi uống cà phê, trò chuyện qua điện thoại. Và cô vợ thì chẳng phải tay vừa. Châu hốt hoảng thấy chung quanh mình toàn kẻ chán vợ... Một vài cuộc gặp gỡ với một vài người đàn ông có vợ nữa. Một buổi trò chuyện với một gã người Ấn Độ. Một buổi nữa với một ông Philippin đen cháy. Tất cả họ thích cô vì đôi chân dài. Thế thôi. Nghĩ cho cùng chẳng ai yêu cô thành thật như Tường. Anh chẳng yêu đôi chân dài của cô. Anh yêu cô. Cái tình yêu như mê đắm, như anh em, như cha con, tất cả cô được hưởng của anh trọn vẹn. Nghĩ cho cùng cũng chẳng có ai lo lắng đến anh như cô.

Nhưng anh vẫn vô tâm : – Thôi em ngủ đi, anh về nhé.

Anh đã lên được một chức cao hơn. Và Châu đã ở tuổi 27. Gần mười năm, vẫn một câu ấy : – Thôi anh về !

Vào năm Châu 28 tuổi, anh cố gom góp tiền của hai người mua hẳn nửa căn hộ của người bạn. Và chỉ trong một năm có những cơ may bất ngờ, một loáng, anh làm được nhà cho vợ con anh, anh mua luôn nửa căn hộ kia cho Châu, sửa sang lại, đồ gỗ đồ điện mới tinh làm căn hộ sáng như có phép lạ. Giờ đây không có cái ông ở cùng căn hộ, và các nhà

cũng bỏ thói quen dòm dò nhau như trước, anh vẫn thắm thảo : đóng cửa lại đi em ! Rồi khi bước ra, anh cũng nói nhỏ không thể nghe nếu không hiểu : Thôi anh về !

Một chàng trai mới lớn bước vượt lên gọi Châu : Em bé ơi chờ một chút. Nhưng khi Châu quay lại, cậu lúng túng : em xin lỗi, nhầm người quen !

Châu cay đắng về nhà, đóng cửa lại ngồi khóc tẩm tức. Chiều hôm đó cô đón Tường nhạt nhẽo. Là người không mấy nhạy cảm nhưng hôm đó Tường thấy không ổn. Anh sẫm soi sửa mấy thứ lật vật, hát luôn miện, mắt liếc nhìn Châu. Anh lo sợ. Anh chẳng có gì, chỉ còn Châu. Cái chức vụ kia là lẽ sống của anh. Nhưng là một mặt lẽ sống. Không ai thay nổi Châu.

- Thôi anh về nhé !

- Anh ở lại đã. Thôi anh về, anh về. Đã bao lần em van xin anh đừng nói cái câu ấy, anh cứ nói : Thôi anh về. Thì ai chả biết anh về với vợ con anh. Anh có đủ. Anh có tưởng tượng nổi cái câu ấy như thế nào. Anh về. Thế còn em ở lại làm gì ? Em là cái gì của anh ? Sao anh cứ gữ rịt lấy em rồi lại chào em thôi anh về.

Tường co ro đứng ngoài cửa. Trời lạnh. Anh thấy mình chợt nhỏ đi khi chứng kiến cơn thịnh nộ của người tình. Châu nói như mê sảng, chẳng có nước mắt như trước kia. Tường chợt nhớ là thời

gian gần đây khi quãng cổ cho anh, Châu không còn thốn thức vì triu mền nữa. Cô cũng không nói cái câu : giữ cái hòng, cái phôi. Ôm lại khổ em !
Kèm theo đó là những tiếng thở dài.

Tường chợt thấy đời trống rỗng. Anh già rồi. Hai con vào đại học rồi. Bà vợ vẫn nuôi bộ mặt tuyệt vọng khi anh về tới nhà. Ngăn kéo bà chứa nhiều thuốc ngủ. Đầu tiên, anh cố gắng vứt đi, nhưng rồi thấy chả có gì xảy ra, anh cứ để đóng thuốc ngủ ở đấy. Ở cơ quan, anh có lái xe riêng. Những trường phòng sáng thứ hai ngồi nghe anh giao ban. Ông bảo vệ sợ sệt khi anh đến mà ông không có mặt... Nói tóm lại, mọi chuyện đều ổn. Chỉ còn Châu, cô không gọi điện cho anh suốt một tuần. Sự trống rỗng thiếu vắng làm anh già sọm. Anh đành đến với cô, cái căn phòng tràn ngập yêu đương trước kia giờ đây như rộng ra với anh. Hai người lao tới nhau, như hàng thế kỷ xa cách. Thì ra cô vẫn yêu anh lắm. Khi ra về, anh ý tứ : -- 'Thôi anh đi thôi'.

Một vài hôm sau anh lại quên. Thôi anh về. Có điều anh sưng lại, cười xoa và chữa : 'thôi anh đi !'

Châu bỏ hưng thấy anh lúng túng. Châu chả vui mừng khi nghe anh ý tứ : 'thôi anh đi'. Cô như người Phao khat chạy tới biển. Giờ thì thấy rồi, nhưng một mớ quá, không thể vui mừng.

- Anh chả phải giữ gìn như thế anh à, em không cần nữa. Anh cứ nói như trước cũng được

Nhưng Tường không thể chào Châu như trước. Đã thành quen rồi, bao giờ anh cũng : thôi em ngủ tiếp đi, anh đi đây ! Thôi anh đi đi. Em cũng phải lo cho đời em chứ. Lẽ nào suốt mười năm qua em đã tranh đấu, buồn khổ, hồi hộp vì chờ đợi câu chào ngày hôm nay của anh. Em còn trẻ mà. Thôi thì anh cứ về đi.

Châu khép cánh cửa không nhìn theo người đàn ông. Cô liếc qua tờ lịch : mùa xuân này mình mới có hai chín tuổi.

11-1997

(*Tiền Phong* số Tết Mậu Dần 1998)

NGƯỜI ĐI CHUYẾN TAXI CUỐI NGÀY

BẢO VŨ

Phi thông báo cho trạm điều hành biết xe của nó không có khách, đang trở về thành phố. Nó dẫn mạnh ống nói và chửi tục : "... mẹ ! Mọi thiết bị đo đếm đều khóa mã, niêm phong như két bạc, chọc chạch gì được mà cứ nheo nhéo kiểm tra liên tục !". Nhưng bọn ở trung tâm đâu có biết cánh lái xe còn khối cách kiếm thêm. Máy chú choai choai sẽ diện với các em, không thèm nhìn đồng hồ, chẳng thuộc đường xá, gần xa, chiều xuôi ngược... thành ra một khoản nói theo thuật ngữ điện toán là "phần mềm". Cái "phần mềm" ấy rất đáng kể, mà lại chỉ có trời biết.

Tuy vậy vẫn cứ là "xích-lô đời 97 " mà đã xích-lô thì đời nào cũng là cu-li xe cả thôi. Cần phải ngang tầm với độ cao chung. Bạn của Phi, có đứa đã là ông chủ, dù chúng chỉ cỡ tuổi Phi, trên dưới

hai mươi. Như thằng Luân, học dưới Phi một lớp, là giám đốc văn phòng đại diện một hãng dịch vụ tàu biển của Đài Loan. Cái thằng ngọng ấy nói tiếng Anh chỉ có mình nó hiểu, nhưng nhờ chị nó liêu minh làm vợ ông già tổng giám đốc một liên doanh mà "nên người".

Còn thằng Kinh, cùng lớp Phi, dốt như bò, được bố chạy chọt cho du học. Ở bên Canada, lảng vảng thế quái nào bị chó nhà người ta cắn cho một miếng, đi kiện, được bồi thường gần trăm ngàn đô. Bổng dưng có một tỷ ! Liền bỏ luôn về nước mở hãng rượu. Được gọi là "ngài tỷ phú Đôt - Kinh" (Kinh - Chó). Hấn khoái trá, nghĩ rằng cũng thành danh kiểu như Envit Thương, Gimmi Nguyễn, Tômi Trần...

Phi nhổ bọt qua cửa xe. Nó cho cuộn băng quen thuộc vào ổ cát-xét. Maicơn Giăcxơn. Bây giờ ít người còn chuộng chàng ca sĩ dị biệt này. Nhưng Phi vẫn thích nghe và thán phục M.G. Không phải vì cái tài gào thét và nhẩy nhót vượn vẹo của chàng mà là vì M.G có một ý chí ghê gớm, quyết thay đổi số phận ; thậm chí còn dám biến cải cả hình thể và màu da của mình..

- Một - ba - bảy ! Một - ba - bảy đâu ?

- Một - ba - bảy nghe ! Phi gắt gỏng trả lời. Lại kiểm tra, chó chết !

- Đón một khách ở trạm xăng lối rẽ về Đại Hợp.

- Rõ ! Một - ba - bảy đón khách ở trạm xăng Đại Hợp.

Phi quành xe. Tốt rồi ! Thế là thêm một ít tiền trong ngày. Nó nhếch mép cười, tự khinh bản thân khi bắt gặp mình đang hớn hờ vì vớ được một người khách chuyển vét. Làm như cái người khách cuối ngày ấy có thể đổi đời cho Phi. Một cái nghề cò cọn, không khác gì bọn trẻ bới rác !

Ở chỗ hẹn, một người đàn ông đứng tuổi, dáng vẻ phong trần, mặc bộ com-plê đen nhàu nát, đeo cái túi vải cũ đứng bên trạm xăng với một bao tải căng phồng dưới chân. Miệng ông ta ngậm điếu More, thứ thuốc lá đen thui, dài như cái que, một thời dân sành chơi thường hút.

- Bác đi xe phải không ? - Phi hỏi người khách.

- Về sân Nhà hát Lớn. Giá cả thế nào ? - Ông khách nói, không bỏ điếu thuốc lá ra khỏi miệng. Một tay chơi già, nhà quē, mới bán được lứa lợn, lên tỉnh đi bia ôm.

- Theo đồng hồ ! - Phi nói trống không.

- Tao hỏi giá một cây số ! Bao nhiêu hăng xe, bấy nhiêu giá. Mà tao thì có tật thích giá rẻ.

- Thôi được ! Lên đi ! Cẩn thận cái bao, không rách thủng lót sàn.

Người khách đứng bên cửa xe, như chờ đợi. Phi sốt ruột :

- Sao ? Lên đi chứ ! Chịu giá thấp nhất cho bố,

được chưa ? Nó nhìn bộ "vỏ" nhàu nhĩ của ông khách, giễu cợt : – Trông bố xịn thế kia mà rần rục.

– Mày chậm hiểu, con ạ ! Ở bên Tây, tài xế taxi luôn nói "Please, Sir !" hoặc "Please, Lady !" Và mở cửa cho khách, trừ khi khẩn cấp.

Phi bật cười thú vị. Nó xuống mở cửa ghế sau và cúi mình, điệu bộ rất kịch :

– Please, Sir ! Nhưng ở đây vắng vẻ, xin Sir đừng cho con một búa ! Con còn một mụ vợ già và ba đứa nhóc mới đẻ !

– Hồn láo ! Tài xế taxi phải có con mắt biết nhìn ra người chính, kẻ tà. Và phải biết chút ít võ công. Ông khách nhỏ bả kẹo cao su, cho tiếp một chiếc kẹo nữa vào miệng và đưa cho Phi một chiếc. Nó nhai kẹo, giúp ông khách khiêng cái bao lên xe và thấy thích người khách khác thường này. Ông khách sập cửa xe, cười :

– Mày lại sai lầm, con ạ ! Nếu chiếc kẹo mày đang nhai có thuốc mê ?

– Thì bố cũng đang nhai một chiếc đấy thôi ?

– Đồ ngốc ! Tao đưa cho mày cái có độc, còn tao nhai cái bình thường !

Phi cười to, cho xe chạy.

– Con thích bố đấy ! Được nạp mạng cho bố, cũng vui lòng. Thực ra thoát đầu gặp bố, con đã phác một kế hoạch "vật lông gà" !

– Mày sẽ trả giá đắt về cái nhìn người đấy !

Bên Tây có những tay trùm tư bản mã ngoài rất ngây ngô, nhà quê ; thế mà đánh loáng một cái đã nuốt chửng đối thủ kinh doanh rất ghê gớm của mình, nhanh như trận gió nuốt thô non. Nuốt xong lại vẫn ngây ngô, nhà quê.

– Đúng, bố nói hay quá ! Phi bật cười, nhìn vào gương chiếu hậu. Ông khách có khuôn mặt rám nắng rất đàn ông với bộ mặt râu quai nón tuyệt đẹp, trông như một nhà quý tộc cổ điển Ấn Độ. Nó đã gặp khuôn mặt này ở đâu rồi. Chịu, không nhớ ra ! Có thể ở một cuốn phim nào đó kể về những ông hoàng phương Đông.

– Nghe bố nói thì cứ như là bố đã ở bên Tây ?

– Ừ, đúng ! người khách lạ trả lời, không nhiệt tình như trước.

– Bố về nước lâu chưa ? Trông "bộ vô" thì có vẻ bố về lâu rồi ?

– Về quê ăn giỗ, mặc xuềnh xoàng, đỡ phiền phức. Thậm chí tao còn nhận cả một bao sắn khô để vui lòng một bà cô nghèo, tốt bụng.

– Bố khôn thật ! Bố bắt chước những nhà chinh phục ngày xưa khi đến với những bộ lạc da màu. Chắc bố về nước kinh doanh ?

Ông khách im lặng nhìn ra cửa xe.

Con đường nhỏ, vắng vòng quanh chân ngọn đồi thấp. Lúa xanh non lẫn với màu cỏ trên sườn đồi. Nắng cuối ngày vàng cháy một vùng đỉnh đồi.

Bầu trời ngay trên phía trên khu đài thiên văn óng ánh những vệt mây ngũ sắc. Máy xe kêu êm, nghe rõ tiếng chim hót trong những lùm cây cảnh vật mà ta vốn quen thuộc trở nên đẹp như ở một xứ sở kỳ thú xa lạ nào đó, chưa từng biết đến. Cho dù lần trong tiếng chim hót, có tiếng một người đàn bà đang đánh chửi con trong cái xóm nhỏ dưới chân đồi. Phi mở cửa kính hít thở một hơi thật dài và sâu. Nó mỉm cười nghĩ, nếu nói với ông khách cảm tưởng của mình về buổi chiều hôm nay, chắc ông ta bảo rằng tài xế taxi không được lãng mạn. Nhưng đúng lúc ấy, ông khách nói với nó :

- Trên đỉnh đồi Chiêm Tinh này mọc toàn một loại cỏ tóc tiên rất dày và mềm... Ngày xưa... có một đôi trai gái bị cấm đoán trong tình yêu, đã đem nhau lên đây. Họ yêu nhau hết mình suốt đêm trên cỏ, với sự chứng kiến của những vì sao. Toàn thân họ ướt đầm sương đêm như được tắm trong hạnh phúc. Rồi, khi mặt trời mọc, họ nằm chĩa súng ngắn vào tim nhau. Người con trai kêu lên : "Anh - yêu - Em !", đồng thanh với người con gái : "Em - yêu - Anh !" rồi cùng nổ súng.

Phi cười to : "Bố phịa tài thật ! Nhưng ngày xưa làm gì có súng ngắn. Với lại có ai ở bên hai người trước khi họ nổ súng mà biết câu chuyện".

"Ngày xưa" là cái thời tao còn bé. Chuyện đó có thật. Máy bà chị tao đã theo người ta lên đồi xem cái xác bị thùng ngực. Đôi ấy để lại một bức thư

tuyệt mệnh. Còn các chi tiết, đám nhà báo hồi đó nghĩ thêm.

– Kinh khủng khiếp ! Nhưng chuyện nghe được. – Phi nói và hình dung những con quạ đôi khát bay trên hai cái xác rữa nát. – Bố đã nghe bài hát "Tình đôi Chiêm Tinh..." chưa ? – Và nó hát : "... *Tình hồi... ơi là... tình ơi !... Em đi để lạnh một trời... Để tôi chết dưới cỏ đôi Chiêm Tinh...*". Ấy là bọn chúng con hát thể thôi chứ em đi đâu thì kệ xác em, tội quái gì phải chết dưới cỏ như một con giun đất. Mà hình như bố cũng là người vùng này ?

Một lát sau, ông khách trầm giọng :

– Cả một vùng này vốn là đất của ta. Lần này về quê, ta sẽ xin phép chính quyền được bỏ vốn đầu tư, xây dựng lại cơ ngơi để kinh doanh du lịch.

– Bố nói gì ? Cả vùng đất này là của bố ?

– Không tin hả ? Mà có nghe nói đến cụ Hàn Hoành - nhà tư sản *phú gia địch quốc* bao giờ chưa? Chưa à. Thế còn ông Cử Tung, tay chơi phá gia chi tử khét tiếng Bắc kỳ thời xưa ? Cũng chưa ! Phải rồi, mà mới khoảng hai mươi tuổi, chỉ thuộc tên các danh thủ bóng đá và các ca sỹ nhạc Rock Rap bây giờ. Phải cỡ cha chú mà trở lên mới biết được. Cụ cố Hàn Hoành là ông nội ta, còn công tử Cử Tung thì chính là bố đẻ của ta đấy, con ạ !

Phi há hốc miệng, không kịp tránh một ỗ gà lớn.

- Mày có nhìn thấy cái đồng đá đen đen trên sườn đồi kia không ? Đó là phế tích của một tòa nhà ba tầng toàn bằng đá xanh do ông nội ta xây cất. Xưa kia, cây cối quanh đó um tùm nên ở dưới chân đồi không nhìn thấy tòa dinh thự ấy. Ngày trước, nơi đó là biệt thự nghỉ mát của nhà ta. Có lần chính vua Bảo Đại đã cùng với một bà thư phi trẻ đẹp đến thăm ông nội ta và nghỉ đêm tại đó. Còn dưới chân đồi, giáp mạn Thúy Sơn kia là trang ấp nhà ta, cơ ngơi thứ hai của bà nội ta. Ta được sinh ra ở đây.

Cụ Hàn Hoàn là một nhà tư sản nổi tiếng cỡ Bạch Thái Bưởi, Đại Phát, Cụ Lãm... Cụ chuyên nghề khai khoáng, từng hùn vốn với các tư bản người Pháp tại các mỏ than Quảng Yên, Vàng Danh, mỏ thiếc ở Tĩnh Túc. Một bãi đãi vàng đứng tên cụ ở Bồng Miêu. Phần lớn những tài sản ấy được ghi rõ trong văn tự là sẽ thuộc về cha con ta. Vì ba bà vợ cụ Hàn Hoàn sinh được hơn mười người con, chỉ có cha ta là con trai. Cũng như trong số năm người con của hai bà vợ cha ta, chỉ có một con trai duy nhất là ta - cháu đích tôn của cụ Hàn Hoàn, được thừa hưởng hết gia tài của ông nội.

Phi trở mắt nhìn ông khách qua gương chiếu hậu. Bá tước Môngtơ Crixto⁽¹⁾ đang ngồi trong xe của nó.

⁽¹⁾ Nhân vật giàu có hoang đường trong tiểu thuyết Bá tước Môngtơ Crixto của Alếchxandrơ Dumas.

– Thế bố có còn giữ được trước bạ, giấy tờ gì về nhà đất hầm mỏ ngày xưa không ? – Phi hỏi, ra về thành thạo về chuyện bất động sản.

Ông khách thở dài :

– Còn giấy tờ quái gì nữa ! Mà có nhớ lúc này tao nói về ông Cử Tung ăn chơi khét tiếng Bắc kỳ ngày xưa ? Chính là bố ta. Ông đỗ cử nhân luật, được ông nội ta mở cho một văn phòng ở Sài Gòn. Nhưng ngay vụ làm ăn đầu tiên, ông bị lừa, phải đền một món tiền kếch xù. Rồi ông chán, bỏ nghề, lao vào ăn chơi. Tất cả sòng bạc trên cái xứ này đều có mặt cha ta với những tiếng bạc làm kinh hoàng giới đồ đen. Ông còn dẫn đầu một đoàn con bạc viễn chinh sang Ai Lao, Cao Miên, Xiêm La⁽¹⁾ gây náo loạn những xứ ấy. Nghe nói cái lần vua Bảo Đại nghỉ ở tòa dinh thự vừa rồi, cha ta đã hầu ngài vài ván bài và đã cố ý thua nhà vua một số tiền lớn đến mức rất khó hình dung, để gây ấn tượng với bà thứ phi. Rồi sau đó, nhân khi nhà vua sang Pháp công cán gì đó, cha ta đã rủ được bà thứ phi đi du hý ở Hồng Kông. Chuyến du hí ấy, cha ta tiêu hết gấp đôi khoản tiền thua bạc nhà vua.

– Rồi sao nữa ? Chuyện hay quá. Thế nào bố chả còn vài ngôi nhà ở mặt phố Cầu Đất, Cát Dài.

– Khi ông Cử Tung ném hết tài sản của cụ Hàn

⁽¹⁾ Tên gọi thời thuộc Pháp của các nước Lào, Campuchia và Thái Lan.

Hoành vào các chiếu bạc thì bắt đầu Cách mạng Tháng Tám. Ông nội ta đưa gia đình sang Tân Calêđôni. Ta lớn lên trên cái hòn đảo thuộc địa của Pháp đó. Ông nội ta rút ra bài học từ cha ta. Cụ quảng thẳng cháu đích tôn vào đời rất sớm. Ta ném đủ mọi cực nhọc. Ta đã làm nghề đào huyết, lau cửa kính, thông cống, gia sư, phụ khuôn vác... kiếm từng đồng xu nhỏ, như ông nội ngày xưa. Ta học cách làm một thầy tớ trước khi làm ông chủ. Cho đến khi ông nội mất, thì ta đã có cổ phần đáng kể ở một trong những giếng dầu lớn của Irăng hai đồn điền cà phê và một trại nuôi ngựa giống ở Úc.

Khi hấp hối, ông nội ta muốn ta phải trở về cố hương, nơi bắt đầu lập nghiệp của cụ, xây dựng lại cơ ngơi trên vùng đất cũ của gia đình, để vong linh cụ không còn hận vì những lầm lỗi của cha ta.

– Hèn nào trông bố có vẻ như mấy nhà tư bản Nhật, từ tay trắng đi lên !

Ông khách không để ý đến câu nói của Phi. Ông tý tay lên cửa kính xe, nhìn chiều đang sẫm dần, mơ màng :

-- Suốt từ cầu Mây đến chân núi Tương kia, gồm cả khu đồi Chiêm Tinh này và dọc tả ngạn sông Kinh Mac là đất cũ của nhà ta. Lần này về nước, ta dự định sẽ xin đầu tư xây dựng những làng mạc, trang ấp, đền đài miếu mạo, tu bổ các thắng cảnh trong vùng, khôi phục lại những tập quán đẹp, để những thuần phong mỹ tục với những

hội hè, đình đám, lễ tết, chợ búa... với những nghề làng, nghiệp nhà. Vùng đất này sẽ là một địa điểm du lịch, hấp dẫn của Công ty Hàn Hoàn HANHOACO. Không, ta sẽ lập một *công-xooc-xi-om* gồm nhiều công ty con. Văn phòng của ta sẽ đặt ở đúng nơi ngôi biệt thự nghỉ mát trước kia, với kiến trúc cổ điển phương Tây, xây toàn bằng đá xanh, hệt như ngày xưa.

Phi đột ngột dạn ga, cho xe tăng tốc độ và kêu lên phấn khích :

- Tuyệt quá ! Bố ! Bố cho con làm lái xe cho bố. Con sẽ học võ. Vùng này, đi về ban đêm, bố cần phải có một vệ sĩ.

- Được lắm ! Văn phòng của ta sẽ cần đến rất nhiều người. Các chuyên gia về phong tục học, địa dư, thổ nhưỡng, dân tộc học. Các nhà văn hóa, sử gia, nghệ sĩ. Các nhà nông học, kỹ sư, bác sĩ, kiến trúc sư, họa sĩ... và cả giáo viên nữa. Con sẽ là lái xe, là vệ sĩ của ta. Rồi ta sẽ huấn luyện con thành thư ký riêng của ta. Sau này, ta sẽ cho con làm giám đốc của công ty nhánh trong công-xooc-xi-om của ta.

Ông khách nháy mắt với Phi một cách thân tình trong chiếc gương chiếu hậu. Phi tưởng chừng chiếc xe của nó bay trong đám mây màu hồng đang chuyển dần sang màu tím trên đỉnh đồi kia. Nó sẽ là cánh tay đắc lực của một ông chủ từng trải, đầy

bản lĩnh. Nó sẽ là giám đốc của công ty quan trọng trong tổng công ty dịch vụ du lịch văn hóa.

- Bố ! Bây giờ còn sớm, con đưa bố ra Đồ Sơn, uống bia với cua bể. Chắc bên Tây hiểm thứ đó.

Ông khách mỉm cười : "Để lần sau. Với lại bây giờ ta chỉ còn chút tiền Việt đủ trả tiền xe cho con. Hôm nay về quê, thấy họ hàng nhiều người khổ quá, ta đã vét đến đôla cuối cùng".

- Ô, con đãi bố cơ mà. Còn tiền xe, bố cứ vô tư !

- Khá lắm, chơi đẹp đấy ! Nhưng hãy học thẳng Bờm, phải biết bằng lòng với nắm xôi nhỏ ngay trước mặt. Để lần gặp sau, chính ta sẽ đãi con.

Phi muốn phản bác lại rằng "Bờm là kẻ thiên cận, thực dụng. Nhưng nó im lặng vì nó rất thán phục ông khách trải đời và đã thành đạt kia. Phi dừng xe ở quảng trường Nhà hát lớn thành phố. Ông khách trả tiền xe theo đồng hồ và bảo : "Nhớ học thêm nhiều thứ nữa và phải biết chịu đựng, con ạ !" Ông gọi xích lô, ngồi lên xe với bao tải sắn, giơ tay chào Phi.

- Cám ơn bố ! Hẹn gặp lại bố ! Phi hét lên với theo ông khách.

Nửa năm sau.

Phi vẫn còn nhớ lời ông khách đặc biệt nhưng nó không làm được cái điều quan trọng là phải biết

chịu đựng. Vì thế nó đã bị đuổi việc ở hãng taxi. Nó mong đợi cái công ty cứu tinh mang tên cụ Hàn Hoành xuất hiện.

Chiều nay Phi lang thang trên phố, đi tìm một sự may mắn. Nó mua một tờ báo như thường ngày. Số tiền còn lại đủ một cốc bia cỏ. Nhưng, ở trang quảng cáo, hàng chữ HANHOA - CONSORTIUM in đậm nét như tiếng gọi thân ái của người quen cũ. Không cần đọc những dòng chữ phía dưới. Phi nháy vội lên chiếc xích lô đang chờ khách dưới bóng rợp một cây phượng vĩ.

Phi đọc địa chỉ trên báo cho ông xích lô, mắt vẫn không rời cái tên HANHOA - CONSORTIUM. Chiếc xe chạy trên mặt đường bóng nhựa khiến những dòng chữ nhỏ phía dưới nháy nhót, làm nó không sao đọc nổi.

Cái điều tốt đẹp mà Phi chờ đợi đã đến.

– À, anh bạn cũ ! Hay lắm, chiếc CRONNA của ta đang đợi con. Xe của ta không bóng bẩy, nhưng máy móc cực tốt, ngang với xe cảnh sát. Con đã chuẩn bị làm việc với ta rồi chứ ?

– Con có thể làm việc cho bố ngay từ lúc này. Vì con đã bị đuổi việc !

– Tại sao ?

– Gã đội trưởng đội xe nghi con bắt xén xăng dầu và thay đổi phụ tùng xe. Con không bao giờ thèm làm chuyện đó. Con đã cho hắn vỡ quai hàm

bằng một cú gót giày đúng lý thuyết. Nhân tiện con xin thưa với bố là ngay sau khi chia tay bố, con đã theo học một lớp nhu đạo và đã được xếp hạng đai đen. Con cũng đã bỏ túi thêm tiếng Anh thương mại, học cấp tốc chương trình Com-pu-tơ về quản lý doanh nghiệp. Bố có thể yên tâm về con.

– Khá lắm ! Ta rất hài lòng. Ngay ngày mai, con đi làm. Tạm thời con lái xe và làm vệ sĩ cho ta. Lương khởi điểm 500 USD. Sau này, tùy theo công việc ta sẽ tăng thêm cho con. Rồi đây khi có đủ điều kiện, ta sẽ giao cho con Công ty Vận tải trong Tổng công ty của ta.

– Bố cứ thử thách. Con có thể chưa lĩnh lương trong thời gian tập sự.

– Rất có bản lĩnh ! Nhưng cũng cần phải ăn. Vậy ta tạm trả con 300 USD mỗi tháng trong ba tháng đầu. OK ?

Phi hình dung cuộc gặp lại ông khách đã đi xe của nó như vậy.

Xe chưa dừng hẳn trước cổng văn phòng Tổng công ty HANIOA ở một phố vắng, Phi đã vội nhảy xuống. Đi được mấy bước, nó sực nhớ chưa trả tiền xích-lô và cũng không còn đủ tiền để trả. Phi tháo chiếc đồng hồ điện tử lên tấm gã nấp hộp xe, nói nhanh :

– Bác cầm tạm, lát nữa chờ cháu về nhà, cháu sẽ không để bác thiệt.

- Cậu đến đây tìm người quen à ?

- Không, cháu đến xin việc làm, theo thông báo này, - Phi giờ tờ báo.

- Hôm qua tôi đưa một ông thầy lang già đến đây. Ông ấy đọc thông báo trên cổng kia rồi về. Đây là đại diện hãng buôn dược liệu Đông y, liên doanh giữa Hàn Quốc với tỉnh Hòa Bình, nên mới có tên là HANHOA.

Phi thót người, cúi đọc kỹ cái thông báo :

"Cần một thầy thuốc Đông y giỏi, đã hành nghề từ mười lăm năm trở lên, biết giám định chất lượng dược liệu, thông thạo Hàn ngữ".

Nếu muốn vào làm ở đây, nó phải được sinh ra cách đây nửa thế kỷ trong một gia đình thầy lang người Hàn Quốc.

- Thôi được ! Cậu cứ lên xe, chuyện tính sau.

Phi lập cập lên xe như một người già yếu. Nhưng tuổi trẻ đã giúp nó qua được cơn thất vọng. Công ty Hàn Hoàn chưa thành lập. Nó vẫn có thể tiếp tục đợi.

Chiếc xích-lô dừng bên một quán bia hơi đông khách ở góc vườn hoa.

- Cái đồng hồ "cọp" của cậu đủ châu bia giải xui!

Phi bật cười, hưởng ứng ý kiến của ông xích-lô kỳ cục. Nó theo ông ta vào quán bia, ngồi dưới một

gốc cây trụi lá. Ông bỏ chiếc mũ vải vẫn đội sùm sụp che kín nửa mặt, chạm cốc với Phi. Lúc này Phi mới để ý đến người đập xích-lô. Nó trố mắt nhìn : Khuôn mặt rám nắng, rất đàn ông với bộ râu quai nón tuyệt đẹp, trông như một nhà quý tộc Ấn Độ. Không thể là ai khác được. Chính là ông khách đã đi taxi của nó ! Ông ta chùi bọt bìa trên đám râu ria quanh miệng, nháy mắt cười với Phi, nụ cười trong chiếc gương chiếu hậu ngày trước :

- Ta đùa một chút cho vui chứ không lừa dối con. Ta đã từng khốn khổ vì tự huỷ hoại mình. Bây giờ ta đổi nghề và cảm thấy sống dễ chịu hơn. Đồng hồ của con đây, đeo vào. Như đã hẹn lần trước, ta đãi con vại bia, cả cuộc xe nữa. Tạm biệt !

Phi ngây người, không biết nên buồn hay nên vui.

Khi nó tỉnh ra thì ông xích-lô đã đi rồi. Không, không thể như thế được !

Đúng ông là cháu đích tôn của cụ Hàn Hoàn - nhà tư sản *phú gia địch quốc*, là con trai ông Cử Tung phá gia chi tử, ăn chơi khét tiếng Bắc Kỳ ngày xưa !

(Văn nghệ số 10, 7-3-1998)

NIỆM KHÚC

BẢO VŨ

Gã sinh viên đưa xe máy ngã dập trán, nằm giường bên, lại kêu rống lên chửi "chúng mày". Minh ôm nhẹ lấy thân hình gầy gò của ông Quang, sợ bố giật mình.

Cha của gã sinh viên, một người đàn ông loắt choắt trong bộ com-plê, chắc cũng có một chức vụ gì đó và tự coi là rất quan trọng, đứng bên giường đưa con đang bất tỉnh nhân sự, trịnh trọng nói như trong hội nghị :

– Phú ! Nghe ba nói đây ! Con có phải là đàn ông không ? Đã là đàn ông thì phải dũng cảm, không kêu khóc ! Con còn là sinh viên, là trí thức. Là trí thức thì không được ăn nói bậy bạ !

Thằng bé lại gào lên chửi bới "chúng mày" thậm tệ và tục tĩu hơn.

Ông Quang cười, ngực rung lên. Minh thấy sung sướng. Bố vẫn cười vui được. Anh hợp với bố

về tính hài hước. Những lúc gáy cười trong gia đình, hai bố con là một cặp rất ăn ý. Nạn nhân của những trò cười thường là Quảng, anh ruột Minh.

Minh không nhìn được, ghé tai bố thì thầm : "Bố ! Bố có phải là đàn ông không ? – Và Minh nói một câu tiếng Anh, chợt nghĩ ra. – "Người đàn ông dũng mãnh không bao giờ chết..." Anh bỏ đoạn "... trong lòng mọi người". Lặn này thì ông Quang cười thành tiếng, cười đến phát ho rồi thở dốc. Minh lau nước mắt cho bố : "Con tẻ quá, làm bố cười mệt".

– Không !... Được cười với con... lần cuối cùng... bố mãn nguyện lắm...

Minh muốn òa lên khóc. "*Nhân sinh tạ cổ thù vô tử...*" – Ai rồi cũng phải chết. Cái câu rất hay ấy chỉ để an ủi chung người đời, và để đàm luận một cách thú vị khi vô sự. Còn khi chính ta hoặc người thân của ta sắp từ giã cõi đời thì lại khác. Nhưng cũng không thiếu kẻ lãnh cảm trước cái chết của chính người thân, chẳng phải vì họ là những bậc minh triết thông hiểu lẽ tự nhiên, mà là họ thấy được giải thoát khỏi những ràng buộc hoặc tai họa. Như là Mai, vợ Quảng, chị dâu của Minh. Chắc chị ta sẽ nhẹ nhõm vì đã thoát được cái nạn phải trông nom một người bệnh ung thư hàng năm nay.

Minh áp trán vào bàn tay lạnh của bố thì thảo năn nỉ, như một đứa bé xin bố một điều rất đơn giản: "Bố ơi !... Bố đừng chết, nhé ?". Ông Quang cười buồn:

- Ờ... bố... bố không chết... con cứ ngủ đi...

Bố đứng trước Minh, cao lớn rắn rỏi, dáng nghệ sĩ lãng tử, vai khoác chiếc túi vải cũ màu cò úa. Chiếc túi thời chiến xưa, gọi là "túi dết", không hiểu sao còn đến giờ. Minh biết, trong túi ấy có những đồ dùng thiết yếu của người lính và một chai uýtki dẹt, kiểu chai mà dân chần bò Mỹ thường dắt túi quần. Nhưng chỉ là vỏ, trong chứa thứ rượu quê đặt nấu, được bố khen là "spécial dolce" - đặc biệt êm dịu. Minh đã uống rượu ấy. Chỉ một chén hạt mít thôi, cuống họng bỗng nghẹn lại như có một bàn tay dịu dàng đặt lên cổ, như một nỗi buồn ngọt ngào chọt đến.

"Này đây uống đi mắt em trong vắt..."

"Này đây uống đi môi em chín gấc..."

"Này đây tình em hỏa diệm sơn..."

"Cạn đi... để lại cho em chén buồn..."

Bố lấy nắp chai rượu làm chén uống, rồi hát và tự huýt sáo đệm sau mỗi câu. Tiếng huýt sáo điệu nghệ của những tài tử xine ngày xưa. Bài hát khi Minh còn bé, điệu "tăng-gô Ac-hen-tin", hóm hỉnh mà buồn, kiểu Pháp.

Bố chia tay cho Minh, bàn tay nhỏ nhắn của người bác sĩ phẫu thuật tài hoa, từng một thời với cây viôlông làm ra mưa gió, và làm rơm rớm cả những đôi mắt lính. Bố nói "Thằng Em" dốt bố đi đâu cũng được. "Thằng Anh" đã bán linh hồn cho

quỷ rồi... Không thể giúp gì cho nó được nữa. Rồi sẽ có lúc phải nhìn thấy nó nhận cái kết thúc của kẻ gian tham trong cở tích".

Bố vẫn gọi "Thằng Anh", "Thằng Em" như khi ông còn bế một lúc cả hai anh em Quảng và Minh trên tay.

– Bố con mình sẽ vào Vũng Tàu. Trong ấy con đã thuê một ngôi nhà nhỏ ven biển. Có điều bố đừng phạt con vì tội ở đó bố có một cô con dâu chưa hề cưới.

– Bố thừa biết "Thằng Em" rồi, lại còn... !

Hai bố con cười ha hả.

– Ôi... con ơi... là con ơi !

Minh choàng tỉnh. Thằng bé sinh viên đã chết. người cha loắt choắt khóc lên ồ ồ, bám theo chiếc băng ca đưa xác con đi. Minh vừa thiếp ngủ, thấy bố khỏi bệnh, sắp cùng anh vào Vũng Tàu. Minh hốt hoảng ghé sát xuống mặt bố. Ông Quang nằm bất động, cặp môi nhợt nhạt thoáng một nụ cười. Bố chết rồi ! Giá mà có thể khóc rống lên như người cha của gã sinh viên kia.

*

– Mọi việc đã có người lo. Chú chỉ việc đứng tạ khách viếng. Đừng có gây rối ! Nhà này đã khó nhiều vì tính ngang ngang của chú rồi ! – Quảng không giấu sự khó chịu với thằng em bất trị vẫn về hùa với bố chằm chọc anh ta.

Minh im lặng đợi chiếc vòng bện rơm lên đầu. Anh nhìn đám nhân viên thân tín của ông anh đang lảng xảng đi lại, mồn cán giả tạo. Thằng cha Lắm - tổ chức, tay Hạo - kế hoạch, gã Mắm - kinh doanh và mụ Lanh - kế toán trưởng... Những kẻ đã phò Quảng lật đổ ông Sinh - Giám đốc cũ của Sở. Những bộ mặt phùng phùng hoan lạc, râu ria dữ dằn, gian manh, ti tiện... đang cố làm ra vẻ mặt đưa đám. Họ đã biết về mối quan hệ giữa hai anh em và dĩ nhiên đứng về phía Quảng, coi Minh không ra gì.

- Còn về chuyện gia tài, tôi sẽ tính với chú sau. - Quảng thăm dò, ngờ rằng sự im lặng của Minh là điều báo một phản ứng âm ỉ rất bất lợi cho anh ta.

Từ hôm về săn sóc bố, Minh đã cố tránh nhắc đến chuyện thừa kế, coi như điều đại kỵ. Và Minh bảo vấn đề đó là "vùng không phủ sóng". Nhưng bây giờ không nhịn được, anh quát lên :

- Để cho vong linh bố được yên !

Hạo vội đi đến để trợ giúp giám đốc của mình. Quảng cười nhạt :

- Chú ấy thức mấy đêm trông ông cụ, nên căng thẳng thần kinh đấy mà !

Minh chấp tay ngồi xếp bằng sau lưng ông sư đang đọc kinh. Ông sư đọc cuốn kinh chẳng phải tiếng Hán, tiếng Phạn gì mà là quốc ngữ chép tay,

nhiều lỗi chính tả. Vậy mà thằng cha Mâm nói "sẽ thỉnh một vị đại hòa thượng thật xịn đến hành lễ". Được cái, ông sư này giọng tốt, trầm vang du dương. Gắn chục bà vải áo dài nâu, thành tâm xướng tụng theo.

Bố nằm kia có nghe thấy "khúc tưởng niệm" giọng *ba-ry-tông* trang trọng được phụ họa bởi một dàn đồng ca với những nữ tu kính tìn ? Giá còn sống, hai bố con mình sẽ bình luận về bản ai ca này. Nhưng - Minh ôm mặt - kinh cầu hồn này là để dành cho bố.

Mấy bà vải ngân nga theo tiếng mõ :

"... Tâm dục vô cùng... Chúng sinh đắc tội...
Hằng hà sa số"...

Cái gì nhỉ ? ... "Hằng hà sa số" nghe quen như một thành ngữ, nhưng có nghĩa gì ? Có phải "nhiều như cát của sông Hằng Hà". Minh nghĩ vẩn vơ để quên đi cơn khóc đang dâng nghẹn cổ.

- Giời ơi ! Con quái đản ! Mày bây trò ma gì thế này ? Vứt hết ngay đi !

Minh bừng tỉnh. Mai đang vừa đánh con bé Thuần ngã dúi dụi, vừa hét lên như phát rồ.

- Đứng... Đứng ! Ông dặn cháu thế ! Cô ơi, cháu xin cô... đứng ! - Thuần hoảng hốt ôm đầu đỡ đòn, cúi mình che chiếc bàn con đặt cạnh quan tài. Trên bàn bày đĩa chuối xanh, khế, ớt, mấy miếng thịt ba chỉ luộc, rau thơm, bát mắm tép và chai

rượu quê vô Uýtki dẹt quen thuộc. Minh chợt hiểu, anh chồm đến, giữ chặt tay Mai :

– Để cho con bé được yên ! Không thì đừng trách tôi ! – Mất Minh trợn trừng làm Mai sợ hãi rú lên. Thuần òa khóc :

– Ông ơi !... Ông cứ ăn đi... ông ơi...

Quảng cùng đám nhân viên xô cả lại. Minh nắm chặt chiếc gậy tày đứng chắn trước mặt Thuần, che chở cho con bé người ở tội nghiệp. Trước kia ông Quang thường bênh vực nó mỗi khi bị vợ Quảng đánh mắng.

Một phút qua. Mọi người không biết phải làm gì, thì chính Minh nhận ra cái cảnh bi hài vô lý này. Anh chùng người, thở dài :

– Ông cụ chỉ có cái ước muốn con con như vậy trước khi mất. Đừng làm khổ thêm người chết và cả người sống nữa.

Lắm khôn khéo dàn hòa :

– Anh Minh nói đúng. Bà nội của tôi khi chết trời lại là chỉ muốn cúng bánh đúc, mắm tôm loãng. Thế là con cháu đành phải "Ô kê". Chiều như chiều vong mà lại Thôi, vô tư đi ! Rồi người nào việc nấy, trưa rồi.

*

Gã bầu đội kèn, da tái ngắt vì cái nghề thức đêm liên miên, cặp mắt hấp háy ngưỡng thiên,

miệng luôn tùm tùm như một kẻ láu lỉnh, tinh quái. Gã cảm thấy nhà đám này thuộc hạng "đại gia", nên vừa chỉnh dây cây đàn bầu điện, vừa phát một cái giá với Hạo - tổ chức. Hạo chửi : "... ! Theo giá làng ! không thì làm ly nước lọc rồi đánh bài tầu mã khấn trương. Một tỷ thợ kèn đang xếp hàng kia kia !" Gã bầu dành thua, vội dạo mấy nốt nhạc khởi động cho đội kèn của mình.

Khi là người ngoài cuộc của những đám ma, Minh vẫn nhắm nhíp phách, kèn trống, ghép vào các điệu *Fox, Pasodoble, Slow...* Bây giờ anh đứng bên quan tài của bố nghe bản "Lâm khốc" ai oán dành cho mình.

Đoàn viếng đầu tiên là những cựu sĩ quan, quân phục mới tinh, quân hàm, huân chương lóng lánh với vòng hoa lớn, đề : "Thương tiếc Trung tá Bác sĩ Hoàng Ngọc Quang". Minh thấy vẻ tự đắc trên mặt ông anh mình. Những cựu sĩ quan có cả một vị cấp tướng, đã gây ấn tượng mạnh trước các quan khách. Quang ghé tai Lâm : "Bảo camera đặc tả các cầu vai", rồi hích Minh : "Ba vái !".

Nhưng Quảng chột sưng người sau cái vái thứ nhất. Ông Sinh đứng trong đám sĩ quan với quân hàm thiếu tá. Khuôn mặt ông xanh xao hốc hác, má: tóc bạc nhiều hơn cách đây gần một năm khi bị bọn Quảng gạt ra khỏi ghế giám đốc bằng một âm mưu bày đặt công phu như trong một vở bi kịch cổ điển.

- Quảng ! Con có hiểu thế nào là chiến hữu không ? Là lấy thân mình đỡ đạn cho bạn. Là quay trở vào hàng rào dây thép gai dưới hỏa lực khủng khiếp. Tìm công bạn bị thương ra. Nếu cần phải hãm hại ai đó để thỏa mãn tâm địa độc ác, thì con hãy làm hại chính bố đây. Ông Sinh đã từng kéo bố ra khỏi chiếc lều quân y dã chiến rừng rục lửa napan, khi chính ông vừa được bố giải phẫu.

- Bố đừng xúc động mạnh như thế, hại sức khỏe. Con chỉ tham gia vào quy luật đào thải vữa thanh lọc của tự nhiên. Ông Sinh cản đường người khác thì phải nhận lấy sự trừng phạt ! Còn việc ông ta bị truy tố là có thừa chứng cứ.

- Chứng cứ ngụy tạo, vu khống ! Ông Sinh không thể là một kẻ tham lam đồi trụy. Chỉ vì ông ấy ngăn chặn những việc làm xấu xa của chúng mày. - Thằng Iagô khôn nạn ! Bố hét lên, cầm cái chén ném Quảng, nhưng anh ta bình tĩnh tránh được và cười tỏ vẻ thương hại bố :

- Được rồi ! Bố rồi việc quá nên sinh chuyện. Con sẽ thu xếp với đoàn kịch nói của tỉnh để bố vào làm ở đấy. Họ cũng đang có ý định dựng Sêchxpi-a.

Để cứu bạn, bố đã dám đương đầu với cái Cối-xay-gió-Hành-chính rắc rối mà lạnh lùng. Bố viết đơn, thư, nhờ cậy đồng đội cũ, kêu oan cho bạn. Ông Sinh không bị đưa ra tòa. Nhưng các chứng cứ bọn Quảng đưa ra vẫn khiến ông chịu kỷ luật

nặng, phải về vườn trước hạn. Quảng lên chúc giám đốc.

Ông Sinh lau cặp mắt đỏ hoe đứng lặng nghe vị thiếu tướng tóc trắng như cước đọc bài điều văn ca tụng đức độ và thành tích của người chết, trong đó có công "nuôi dạy hai con trai trở thành những cán bộ ưu tú của Nhà nước". Bà Quỳ, chị em họ gần với ông Quang ở quê ra viếng. Người đàn bà ngày xưa từng chăm sóc hai anh em Minh, quý xếp trước cỗ quan tài sơn son thếp vàng, đèn nến rực rỡ. Bà meo mào mà không dám khóc trước cái không khí trang trọng, giàu sang của đám tang. Bộ dạng bà như một "thảo dân" trước công đường. Một bà người trong họ giọng ráo hoảnh, nhắc :

– Bà bá hờ cho ông cậu mấy tiếng đi chứ !

Chỉ chờ có thế, bà Quỳ khóc vánh lên. Bà thương ông em vất vả, "giời bắt tội, vợ chết sớm, phải gà trống nuôi con". Bà kể lễ tình nghĩa chị em : "... Lặng cao cậu cho chị, vẫn còn. Vậy mà cậu bỏ bỏ chị, cậu đi vui thú ở chốn giời cao đất đầy nào, cậu ơi !" Tiếng đàn bầu réo rắt đệm theo, bà càng thương cảm khóc thảm thiết. Một lúc lâu bà mới lau nước mắt, sụt sịt, lập cập móc cái phong bì nhẵn nhúm trong túi áo, vuốt phẳng phiu, đặt lên cái đĩa trên bàn thờ rồi rạp mình thì thụp vái. Bà bạc nghèo khổ đã bán thứ gì đó ở mảnh vườn xơ xác để có số tiền ít ỏi đựng trong cái phong bì kia

Cái bà già cổ lỗ lắm lắm khiến Quảng khó chịu và làm đám người đang chờ ngoài cửa với những vòng hoa lớn, những chiếc phong bì nhú trên mép túi kia, sốt ruột. Minh nhận thấy thế, anh đến nâng bà bác dậy, nói khe : "Thôi bá ơi, bá là người nhà sao phải phúng điệu khách sáo ! Bá vào tèm trâu tiếp khách cho chúng con". Anh dìu bà bác đi. Cái tình nghĩa nguyên sơ hiếm hoi còn sót lại từ xưa đang làm phiền những người ở đây ; những con người thực dụng có tài quy dẫn mọi chuyện trên đời đều trở thành chuyện kinh doanh, sinh lợi.

Mọi việc đã được Quảng xếp đặt tỉ mỉ. Lắm - kế hoạch chít khăn tang đứng cạnh Quảng giúp anh ta nhận diện những người viếng và truyền tin. Hạo với bộ đồ âm thanh, tiếp nhận đăng ký và xướng tên các đoàn viếng. Tay bẻm mép này đóng vai dẫn chương trình, nói năng như một gã hề :

"... Và bây giờ ông Đỗ Trọng Tín, một doanh nhân nổi tiếng tỉnh ta cùng những thành viên quan trọng của Tổng Công ty Trọng Tín đến chia xẻ niềm đau thương vô hạn với tang chủ...". Lắm ghé tai Quảng : "Coi chừng ! Thành Trọng Tín này đang nằm trong ống ngắm của phòng kinh tế P45 vì vụ lừa đảo bà con ngoại thành". Quảng nói qua chiếc khăn mùi xoa che miệng : "Biết ! Bảo *camera* cắt đoạn băng này, tránh hậu họa".

Hạo giới thiệu mỗi lúc một trơn tru, cao hứng :

– Còn đây, bà Dương Mộng Điệp, người phụ nữ tài sắc mà chúng ta hằng mến mộ. Bà dẫn đầu đoàn Vệ sinh đô thị, cúi mình trước linh cữu, bày tỏ mối cảm thông sâu sắc trước mất mát lớn lao của tang chủ.

Lâm cùng đoàn con cháu nhà tang cung kính cúi mình đáp lễ đoàn Vệ sinh đô thị. Hấn nói khề với Quảng giữa hai cái vái : "Mụ Điệp cầm quyết định thâu bãi rác Hòa Nghĩa gần một quý rồi mà không hề tính chuyện đền ơn ! " Quảng nhìn tập phong bì bà Điệp mới đặt vào đĩa, vừa vái vừa thì thầm với Lâm : "Được, trị mụ sau. Việc nào ra việc ấy". Chợt Quảng gằn giọng tức giận : "Bọn Công ty 217 vẫn chưa đến !"

Minh bỏ vào nhà trong để không phải chứng kiến cuộc làm tiền bên thi hài bố. Nhưng ở gian trong, Mai và đứa con gái lớn áo xô mũ mấn lò xo đang cùng mụ Lanh kế toán trưởng ngồi bên đồng phong bì tiền. Đôi mắt người chị dâu sáng rực, tay hăm hở bóc, đếm, ghi chép với khoái cảm dã thú khi được sở hữu một con mồi lớn. Mai giạt mình, kéo vội tờ báo che đống tiền, khi Minh vào. Anh im lặng bước lên thang gác như không thấy gì.

Trên gác, trong gian buồng nhỏ của bố. Minh bắt gặp con bé Thuần úp mặt trên chồng báo chí mà ông cu vẫn đọc. Anh khề đặt tay lên vai nó. Con bé ngừng lên, thấy Minh, nó òa lên :

– Chú ơi, con làm vỡ cái đĩa, đánh đổ chai mắm, ông nhận là do ông !...

*

Chập tối, các đoàn viếng đã vãn. Quảng cùng đám tay chân lên gác ăn uống. Chỉ còn Minh đứng bên quan tài.

Một người đàn bà đứng tuổi, im lặng như một cái bóng, đến ngồi quỳ trước bàn thờ. Không có tiếng kèn trống. Đám thợ kèn cũng đang ăn cơm. Bà ta là người duy nhất đến viếng không vàng hươg, không phong bì, chỉ có một bó hoa huệ. Bộ đồ đen làm khuôn mặt kiểu Hy Lạp của bà trắng xanh dưới ánh đèn nê-ông. Bà lặng lẽ khóc, cố kìm nén để những nước nỏ không bật thành tiếng. Đôi vai mảnh và chiếc gáy trắng ngần như cuống huệ rung động.

--Bà ngược nhìn ảnh ông Quang. Đôi mắt đen với hàng mi dày mở to, đâm ướt phản chiếu ánh nến trên bàn thờ. Một vẻ đẹp cổ điển, người mẫu của những họa sĩ thời Phục hưng. Vẻ đẹp Thánh Mẫu, nhưng không lạnh lẽo như những pho tượng thờ, mà tỏa hơi ấm nhân hậu.

Minh ngồi tiếp rượu bố. Anh uống rượu kém nhưng không thể để bố một mình với chén rượu trong đêm mưa như đêm nay. Ngoài cửa sổ, những hạt mưa lấp lánh ánh điện. Có lẽ hàng ngàn năm trước, một thi sĩ Hy Lạp cũng thấy được vẻ đẹp của

những hạt mưa đêm phản chiếu ánh đèn nấn đã nghĩ ra câu chuyện thần Dớt hóa thân thành cơn mưa vàng, xuyên qua lòng đất, đến tận hầm sâu để ân ái với người yêu. Biết đâu có những hạt mưa trong đám mưa vàng ngày xưa ấy, đã phiêu du tuần hoàn hàng ngàn năm, để rồi hôm nay tình cờ trở lại đây qua khuôn cửa sổ này.

Minh nói ra ý nghĩ đó. Bố cười châm biếm : "Tội nghiệp Thăng Em, sao bỗng dưng lại "bị" như thế ?". Rồi chợt bố hỏi " "Thăng Em vẫn yêu đều đều đấy chứ ?" Minh phì cười. Bố hỏi chuyện đó như hỏi thăm một ông bạn đạp xích-lô "đạo này vẫn chạy xe đều đều đấy chứ ?"

Có lẽ bố nghĩ Minh buồn điều gì đó nên muốn làm cho anh vui.

Bố hỏi tiếp : "Thế Thăng Em thương hôn con nhà người ta ở đâu ?"

Minh đánh trống lảng : "Bố hỏi kỳ cục ! Ở đâu mà chẳng được ! Vườn hoa, hè phố, rạp hát... " Bố gặng : "Ta hỏi là hỏi người thương hôn vào chỗ nào của người yêu ?" -- "Thưa bố, câu trả lời vẫn như cũ, chỉ bớt đoạn cuối. Nghĩa là : Hôn vào đâu mà chẳng được !"

Bố mắng Minh là "đồ tục tử" rồi ghé tai thăm thì như sự pha trò bắt truyền cho đồ đệ yêu một chiêu thức võ công thượng thặng : "Hãy hôn vào gáy, vì người ta vào mắt, đồ con lừa ạ ! Như thế

người sẽ khó quên ta !" - "A ha ! Hoan hô bố, nhà sáng chế vĩ đại !". Bố con nghiêng ngả cười. Minh thấy lúc này bố chỉ là một chú bé học sinh trung học kém lỉnh.

Người đàn bà vẫn đắm đắm nhìn bức ảnh ông Quang. Cặp mắt ướt nhòe dưới hàng mi dày. Tim Minh chợt run lên. Đó chính là cặp mắt bố đã từng hôn lên đó, cả cái gáy trắng ngần, mảnh mai như cuống hoa huệ kia nữa ! Minh biết ơn đôi mắt và chiếc gáy ấy đã từng an ủi nỗi cô đơn của bố.

Mẹ chết khi hai anh em còn bé. Bố không *tục huyền*, vì những "mụ dì ghẻ" trong cổ tích làm hai anh em Minh sợ. Nhưng, bố sẽ đem hơi ấm từ đôi mắt đen dịu dàng và chiếc gáy mềm mại kia xuống mồ.

Người đàn bà đứng lên khẽ gật đầu chào Minh. Anh cúi mình đáp lễ rồi đi theo bà ta như bị thôi miên. Đến cửa, bà quay lại nói với Minh, giọng thoảng như một hơi thở : "Cậu... giống bố lắm !". Bà ngập ngừng muốn nói thêm điều gì nữa, nhưng rồi bước nhanh ra cổng. Minh nhìn theo cho đến khi bộ đồ đen lặn trong bóng đêm.

*

Quảng không giấu vẻ bồn chồn, quyết liệt như trước một cuộc ăn thua :

- Tôi muốn bàn với chú về chuyện tài sản. Việc này cần giải quyết sớm.

Mình bắt lực trước sự phi nhân một cách tự nhiên của người anh ruột. Mình định tìm đến sự khôi hài để làm tan biến cái không khí quyết đấu này. Nhưng những câu hài hước châm biếm vốn sẵn trong anh, lúc này trôi tuột đi đâu mất. Mình đành im lặng. Quảng tỏ vẻ cảnh giác như trước một đối thủ không bộc lộ khả năng. Anh ta cố kéo Minh vào chuyện :

– Chôn cất cho bố xong, tôi phải đi Ý ngay sáng ngày kia. Còn chú thì cũng phải vào với công việc trong ấy. Về chuyện tài sản, tôi tính như thế này...

Mình thở dài buồn bã :

– Thôi được rồi ! Anh sẽ nói như thế này chứ gì : Ngày trước, bán mảnh đất của nhà trong ngõ sâu, chẳng được là bao, phải thêm nhiều tiền của anh đi học ở Đức đem về để mua miếng đất này. Nhà này do anh xây khi tôi còn là sinh viên quèn, sống nhờ bố. Số tiền bán nhà đất cũ không đủ thuốc thang cho bố mấy năm nay. Vậy, từ đó ta suy ra : Thằng Minh không còn gì ngoài một nửa ngôi mộ của bố hân ! OK, ông anh thân mến ?

Quảng sững sốt. Minh đã nói gần đúng từng câu anh ta định nói. Khi Quảng muốn nói thêm rằng : "Còn số bốn phúng viếng cũng đáng kể. Chú cần một ít để ... này thắp hương cho bố ; còn lại để anh tự lo cúng giỗ, sang cát, xây mộ, trả lễ người ta ..." thì Minh nói luôn :

- Anh còn bán khoản về khoản tiền người ta viếng. Dễ thôi : Bà bá Quý từng giúp bố nuôi hai anh em. Con Thuần đã vất vả tận tình chăm sóc bố trước khi cụ mất. Anh trích đưa cho mỗi người ít tiền kha khá nói là của bố gửi lại tặng cho họ. Còn bao nhiêu anh giữ tất, lo việc cúng giỗ, mồ mà... sau này.

Ngoài sự mong muốn của Quảng. Nhưng anh ta giấu sự hân hoan của mình bằng một cái phẩy tay kẻ cả : "Thôi được, hẵng biết thế".

- Không ! Về việc bá Quý với con bé Thuần thì phải dứt khoát như vậy. Ngay bây giờ, anh viết tờ cam kết với tất cả điều khoản vừa rồi. Tôi sẽ ký.

Minh thấy sự trống rỗng và cô đơn đến ghê sợ. Anh chẳng có gì, ngoài Cha. Nhưng ngày mai người ta vùi Cha xuống huyết rồi ! Anh chỉ còn những kỷ niệm về một người Cha tài hoa, nhân từ và phóng khoáng.

Minh đến bên đám thợ kèn. Tiếng đàn bầu trong đêm như có một năng lượng cơ học, cửa mạnh vào nơi mẫn cảm nhất của tâm hồn. Minh đưa cho gã đàn bầu ít tiền : "Đàn bài gì thật buồn đi". Gã cất tiền vào túi, cười xun xoe : "Tiếc quá, giá là cụ bà mất, chúng em đánh bài "Lòng mẹ" thì thôi rồi !"

"Lòng mẹ" ! Có bài ca nào về Người Cha không nhỉ ? Đúng rồi ! "Papa" ! Bố sẽ vui lòng lắm. Minh

ngồi bệt xuống chiếu, bên gã đàn bầu, cầm micrô :

- Bây giờ, chúng ta chơi bài tưởng niệm về một người cha, bài "*Papa*". Tôi sẽ hướng dẫn. Nào, đàn theo lời ca ! Bắt đầu từ đoạn điệp khúc xé lòng mà chính người cha nằm trong quan tài kia đã dạy tôi...

Và Minh cất tiếng hát trong nước mắt, bài hát tiếng Anh :

"... Đêm đêm... Cha ngồi dính lại những chiếc áo cho chúng con... Đêm đêm... Cha thay nơ hôn lên trán khi chúng con đang ngủ..."⁽¹⁾.

Người họa sĩ, bạn tri kỷ của bố, chơi ghita khi còn bố, violon điêu luyện. Từ hội diễn văn nghệ về, họ chia tay nhau và cùng linh cảm rằng đây lần gặp cuối cùng. Trong lúc chờ nổi cầu phao một bến sông hoang tàn mà máy bay đối phương vừa oanh tạc, họ dắt nhau vào một căn nhà vắng. Trong không khí chết chóc, hai người sợ vu vơ nhưng cảm động, háo hức như một cuộc tình vụng trộm. Họ từ biệt nhau bằng cách hòa tấu hưởng một phóng tác theo bản "Hành khúc Nhĩ Kỳ" của Môda.

Trăng chiếu qua mái nhà thùng lỗ chỗ. violon rít lên những tiếng roi quất vun vút, cu loạn ngang dọc trong bóng đêm. Về sau, người

⁽¹⁾ Phỏng theo *Papa* : bài hát tiếng Anh của P.Anka.

sĩ đã vẽ lại cho bố lúc đó bằng hồi tưởng. Bức tranh tôi sẫm, chỉ vài vệt sáng thể hiện bố với cây violon trên tay, thân hình xoắn bện trong một vũ điệu dữ dội như cơn lốc, lấp lánh ánh trắng.

Họa sĩ đã hy sinh ngoài mặt trận. Còn bức tranh treo ở phòng Minh. Một gã bạn Minh cùng sinh viên Nhạc viện, nhìn tranh không nghĩ là bố. Hắn thở dài, nói một câu mà viết ra thì đầy dấu chấm than : "Tuyệt ! Trông biết ngay là Paganini ! Quái nhân nước Ý ! Hút hồn người ! Còn được gọi là Con Quỷ !"

Đám thợ kèn cũng có trình độ ăn cơm của thiên hạ. Gã đàn bầu cùng những tay thợ kèn dò dẫm từng nốt, từng nốt cho đến thuần thục, quỵn theo tiếng hát của Minh rồi bị chính tiếng nhạc của mình mê hoặc :

"... Ngày ngày... cha làm mọi việc vì chúng con... Ngày ngày... chúng con lớn lên dù không có bàn tay của mẹ... Ngày ngày... cha dạy chúng con không làm những điều xấu xa...".

Minh hát to dần, những câu hát dẫm nước mắt, rồi không còn là hát mà là những tiếng kêu ghen ngào. Tiếng đàn một dây của gã nghệ sĩ hồng mắt chơi đến hết mình, từng nốt run rẩy, nắn vuốt tinh tế như những lát cắt sắc ngọt, mảnh đến độ không nhìn thấy vết thương, mà máu ứa dầm, làm buốt đau cả những trái tim vô cảm nhất.

"... Then one day, my Papa said : "Son, I'm proud the way you go..."⁽¹⁾.

Minh và đội nhạc đám ma như mê đi, không hề nghe thấy Quảng đang hét lên những câu gì đó. Anh ta há hốc mồm, hoa tay múa chân, giận dữ điên cuồng trong bộ đồ tang, trông kỳ quặc, ma quái, nhưng lại tức cười, giống như một con rối kinh dị.

1997-1998

(Văn nghệ số 21, 23-5-1998)

⁽¹⁾ ... Rồi một ngày kia, cha nói rằng : "Con trai, cha tự hào về con đường con đã đi"

TIẾNG TRỐNG TRẬN

THÁI ĐÀO

I

Đại quan tổng đốc Hồ Tôn Hiến ngả người trong trường. Ngài dõi mắt nhìn ra. Bụi mù trăm dặm. Đại quân đã giương cờ, khua trống. Đội kỵ binh đã hàng hàng, lớp lớp cuốn trong bụi mù, lao tới. Nón sắt, giáo trần sáng loáng dưới ánh mặt trời. Đội cận vệ ưỡn ngực, gươm giáo chĩa lên trời tua tủa, khí thế bừng bừng như bức thành đồng tràn vào thế trận.

Ngài tổng đốc gật đầu mỉm cười, bằng lòng với sự dũng mãnh, tinh nhuệ của hơn năm mươi vạn quân do ngài tổng quản.

Từ khi vâng chỉ đặc sai tổng quản quân đội của các đạo phương Bắc : tiên nghi bát tiêu việc ngoài đồng nhưng... ngài đã đem hết tài kinh luân thao lược của mình để đối đầu với Từ Hải. Thế mạnh của gươm đao và thế mạnh của mưu trí, với ngài,

bao giờ cũng là cặp bài trùng, phải triển khai đến nơi, đến chốn. Dụng lực và dụng trí trong con người của ngài là tiềm năng vô tận để đưa ngài đến hàng đại quan, trọng thần.

Từ khi Từ Hải phá được năm huyện thành cõi Nam, chia đôi sơn hà, dọc ngang một cõi, quân binh triều đình triển miên thất thủ. hàng hàng, lớp lớp bỏ chạy... bỏ đất, bỏ thành. vất giáo vất gươm, tướng cật râu mà chạy, quân cõi áo cởi quần trà trộn vào dân mà trốn. Đạo quân Từ Hải trở thành đạo quân bách chiến bách thắng. Năm năm thu nửa sơn hà. Năm năm giang hồ đất Việt Đông đã dựng lên một triều đình riêng với hai hàng văn võ.

Đại quân Hồ Tôn Hiến nhúu mày. Bao giờ ngài cũng nhúu mày suy nghĩ. Ngài đang sắp những thế cờ phải đi và đi để mà thắng, không được bại.

Với kiếm lệnh nhà vua ban cho, chém trước tâu sau... ngài tùy nghi định đoạt với việc ngoài biên cương. Ngài suy nghĩ, ngài cân nhắc và ngài cười khẩy.

Trong đầu ngài bao giờ cũng vấn vương câu hỏi: Cái thế mạnh của đạo quân ấy là đâu ?

Và ngài luôn luôn tìm kiếm câu trả lời, tìm kiếm cái diệu pháp bề gãy cái thần lực làm nên sức mạnh bách chiến bách thắng của đạo quân chân đất ấy.

Ngài lại sắp thế cờ mới trong đầu ngài. Ngài

ngả người trong trường và nhìn bọn gái đẹp hầu rượu, nhìn bọn gái đẹp vuốt ve, tắm quất cho ngài.

Lệnh ngài ban ra được răm rắp tuân hành. Không sai lạc một ly, không chênh mảng một tí. Điều động quân tinh nhuệ của các đạo phương Bắc lập thành một tuyến phòng ngự vững chắc. Thao luyện binh mã để thị uy hàng ngày. Và để mặc Hàng Châu cho đạo quân bách chiến bách thắng của Từ Hải say sưa với khúc khải hoàn, với bồ đào, mỹ nữ, với tiệc tùng hoan lạc triền miên... Ngài mỉm cười. Nụ cười của ngài đại thân tống đốc vô cùng bí hiểm.

2

Mây phương Nam bạc trắng, lãng đãng trên bầu trời. Gió phương Nam mát dịu mang hơi nước từ biển khơi về mơn trớn da thịt. Đoàn quân Từ Hải khi tới Hàng Châu đã ngây ngất với cảnh trời thơ mộng, đầy đất đầy trời mời gọi... Cái da diết ở đây vẫn là đàn bà ! Hàng Châu có cả ngàn kỹ viện, thanh lâu. Ở đây đất trời hữu tình nên chỉ con người cũng rất mực đa tình !

Đàn bà con gái ở đây sao nồng nàn đến thế ! Cái liếc mắt như mời gọi. Cái cúi chào như níu kéo, cầm cự chẳng cho đi. Nó tự đắc khoa trương đòi tình trong cách ăn, cách ở, cách hưởng lạc, cách chào mời. Tiếng đàn. Tiếng nhạc. Tiếng sáo... dập dìu.

Đoàn quân Từ Hải gồm phần đông những người chân đất, suốt đời cùng khổ nơi nhà quê, nước mặn bùn chua, nơi bến sông bến chợ tha phương cầu thực... kíp nghe theo tiếng gọi đòi đời, đã mang gươm giáo đi làm cuộc chiến sinh tử. Bước đến Hàng Châu, họ đã ngẩn ngơ lòng, sững sờ trước cảnh phồn hoa, đô hội.

Hàng Châu: đất của những kẻ sành chơi. Biết bao nhiêu tôn ông, công tử đã mang hết gia tài, sản nghiệp đến Hàng Châu mà mua những trận cười thâu đêm suốt sáng. Hàng Châu, cái miếu của thế gian được tô son, được đánh bóng để chào mời, để quyến rũ. Ở đây trời cũng tình, đất cũng tình, người cũng tình; cho nên con người tha thiết với cái hữu tình đến tan thân ra cho thỏa... .

Đại tướng Bá Thiên Tường, kẻ sĩ của đất Việt Đông. Ngày xưa đã quăng bút nghiên giữa thời tao loạn, đi theo Từ Hải làm giặc. Đánh bọn tham quan, diệt nòi bóc lột... để đổi một cuộc đời mới cho bá tánh an vui, hạnh phúc trăm họ. Bước đến Hàng Châu, thanh gươm trên tay ông bỗng chùng xuống, lòng dạ bỗng nao nao.

Ông đã thấy được cuộc đời không phải mãi hoài là trận mạc. Mà tuổi ông đã lớn rồi ! Chẳng nhẽ cứ mãi hoài là thanh gươm yên ngựa. Bước đến Hàng Châu, ông mới biết da thịt đàn bà thành thị nó trắng nõn đến thế nào, cái ngực người đàn bà phồng phồng lưu nó núng na, núng nính đến thế

nào... ông mê quên hết trời đất, quên cả binh thư yếu lược...

Nào chỉ có mình ông, mà cả phần lớn bọn võ quan, văn quan, sỹ tốt của đạo quân kia cũng thế. Họ bỏ doanh trại, quân cơ sa đà phưởng thanh lâu tửu điếm, mua vui hí viện, tang tình chốn lầu xanh, đủ trò nhăng nhit của thế gian.

Với họ, đất trời bỗng thanh bình, phẳng lặng. Gió chuông tuồng như đã im ắng từ lâu. Thế gian, dường như hết nỗi đau sầu cao, thuế nặng. Cõi người dường như không còn cảnh người bóc lột người đến chầy vi tróc vảy... và bọn tham quan, những nhiều dân lành đã biến hết, khỏi mặt đất này...

Cả một đạo quân Từ Hải đã thấm mùi phú quý, đã mọc thói trăng hoa. Dường như họ đã quên thời trận mạc. Dường như họ đã bỏ mặc cái nguyện vọng buổi ra đi cho tàn vào sương khói, hư không...

Đêm nay, Vọng Lâu thành im ắng. Trái dài xa bên kia bờ bắc, những doanh trại của đại quân Hồ Tôn Hiến vẫn an bình bất động. Họ vẫn không đánh nhau. Họ vẫn chờ chực nhau trong những mưu toan thâm kín.

Đại tướng Bá Thiên Tường kê đầu trên bộ ngực mỹ miều của một ả kỹ nữ lầu xanh mà mê mệt ngủ. Ngài vừa xong một cơn hành lạc. Ngài cần phải ngủ cho lại sức. Thế mới biết, chơi bởi hoan lạc còn mất sức hơn cả đánh nhau ngoài trận tuyến.

Bỗng trong cái không gian im ắng đó nổi lên

những hồi trống trận. Tiếng trống cấp tập, cuồn lũ dữ dội. Tiếng trống ùng ùng giục giã sự kiện tiến lên, xông thẳng tới.

Tiếng trống bất ngờ, nổi lên giữa khuya khoắt này làm náo loạn cả Hàng Châu. Bọn tướng tá, sỹ tốt vụt dậy, rồi bỏ cuộc chơi, hoảng hốt bỏ chạy về doanh trại.

Đêm vẫn im ắng. Ngoài tiếng trống không một âm thanh nào khác lạ. Không khí hoài nghi tan vào trong quân hai bên.

Trống trận chỉ giục trong khi giáp trận. Trận tiền hai bên giáp mặt, gươm giáo đối nhau. Và tiếng trống nổi lên là tiếng reo hò, ngựa hí gươm khua sẽ vang dội khắp đất trời.

Thế mà ở đây im ắng như tờ, Trời không một ánh lửa. Ngựa không một tiếng hí. Gươm giáo không một tiếng chạm nhau.

Chỉ có tiếng trống. Vẫn chỉ có tiếng trống âm âm, cuồn nộ ở Vọng Lâu thành.

Thế là khắc sau, đích thân đại tướng Bá Thiên Tường đã hô quân cận vệ, trối gô thẳng đánh trống mang vào trướng phủ cho Đại vương Từ Hải thăm tra.

Đêm bỗng dày đặc sương mù và gió chướng...

Tại trung quân, Đại bản doanh của Đại vương Từ Hải, đèn đuốc sáng trưng, soi rõ vào mặt thẳng đánh trống. Hắn bị trối gô và quỳ giữa trướng phủ,

nhưng mặt hán vẫn ngẩng lên và mắt hán mở to nhìn vào những người ngồi trên ngai bệ...

Từ Hải vẫn hàm ếch, mày ngài, vai năm tấc rộng, thân mười thước cao... ngời chễm chệ trên cao nhìn xuống. Ngài đã nhận ra hán. Chính hán là một trong năm ngàn tráng sĩ đi theo ngài từ đất Việt Đông, dựng cờ khởi nghĩa, cứu hộ dân đen... Trải qua bao cuộc tử sinh trên đường chinh chiến, năm ngàn tráng sĩ của buổi ra đi gần như chết hết, chỉ còn hán sống đến ngày nay. Hán là thằng lính đánh trống trận.

Nhớ xưa kia, khi hán đến xin đầu quân, thấy hán ốm yếu, cò lả với bộ dạng thư sinh. Từ Hải đã chê và hỏi hán làm sao để đánh giặc cho được. Hán nói, hán sẽ... đánh giặc bằng những hồi trống trận. Nghe hán đánh thử, Từ Hải đã bằng lòng. Và từ đó, trên đường chinh chiến, khi xung trận tiếng trống của hán đã cuộn cuộn cất lên như núi đổ, xoáy tít như giông bão... thôi thúc chảy xiết vào máu huyết của ba quân... Thi từ đại quan đến lính tráng như được truyền thêm sức mạnh thần kỳ, lao vút tới, xông thẳng vào trận mà không một chút mảy may sợ hãi, cái chết bây giờ nhẹ tựa lông hồng.

Đạp đổ năm thành cõi Nam, chia đôi thiên hạ, hán là kẻ được thưởng công đầu, được thăng quan tiến chức. Nhưng hán không nhận. Hán chỉ xin mãi mãi được làm người lính đánh trống trận. Hồi trống nổi lên. Hán không còn là hán nữa. Hồn hán

tan trong tiếng trống thúc quân. Người hấn như bay bổng trong gươm thét, tiếng cuồng nộ. Thịt da, máu huyết của hấn như muốn bứt ra, chảy tràn vào cuộc sinh tử dài dẫu những xương rơi máu đổ. Hấn sống trong trạng thái xuất thần và truyền cho tướng sĩ ba quân cái thần khí đó...

Bây giờ, hấn bị trời gô, quỳ dưới trướng phủ. Thế nhưng, mắt hấn vẫn tóe lửa nhìn lên. Tên quan văn râu dài, định chế pháp luật của cái triều đình Hàng Châu này hét vào mặt hấn:

- Tôi làm loạn trong quân là tội... chém đầu !

Gã đánh trống trận bỗng cười hô hô:

- Ta đánh trống trận... giục tướng sĩ ba quân vào trận mà làm loạn trong quân à !

- Im ngay ! Mặt trận đâu. Quân giặc đâu ?

- Đất Hàng Châu là mặt trận. Quân giặc đang lẩn trốn trong lòng các ông. Truy lùng và tận diệt nó đi.

Bá Thiên Tường, đập bàn, gầm lớn:

- Im... Im... Im... Đồ loạn quân. Mì có thấy Hàng Châu im ắng đến dường nào không, uy danh của Từ đại vương như trời, như biển. Một cõi sơn hà phương Nam thấm nhuần cơn mưa móc. Triều đình đang chiêu an chúng ta. Thương dân tình quá điều linh vì chinh chiến, Từ đại vương đây sẽ quý phục triều đình. Bốn phương sẽ vui hưởng thái bình. Mì giục trống, trận để làm gì ? Phá hoại hòa

bình để cho đầu rơi máu chảy nữa ư ! Giặc bây giờ là mi đó, hiểu chưa ?

- Ôi ta không ngờ miệng lưỡi ông đổi thay đến thế ! Bước đến Hàng Châu là các ông hồng hết rồi. Ta giục trống là để các ông ra trận đánh nhau với thằng giặc đang chiếm cứ, ẩn núp trong lòng các ông. Người lính đánh trống trận vẫn ngựa mặt cười to.

3

Mây đen ùn ùn xuống phương Nam. Gió lạnh thổi thốc lên từng cơn. Thành Hàng Châu chìm trong mưa phùn và gió rét. Bọn vệ sĩ thám báo của đại tổng đốc Hồ Tôn Hiến đi lại đầy đường. Hàng Châu đã bỏ ngõ. Ngày mai lễ uống huyết ăn thề của hai vị tướng soái. Ngày mai lễ cử hành lễ can qua sẽ chấm dứt. Ba quân, tướng sĩ của họ Từ trở nài việc quân cơ, lơ là canh gác thả lỏng Hàng Châu. Ngọn cờ, mũi giáo xiêu nghiêng. Ngày mai, cái đạo quân bách chiến, bách thắng, từng trọc trời, khuấy nước kia sẽ giải giáp, nạp giáo quy hàng.

Đại tổng đốc Hồ Tôn Hiến nhếch mép cười. Ngài nằm dài ra cho gái đẹp tắm quất... Ngài là đại quan thì phải biết hưởng phần đại khoái lạc. Cuộc cờ như thế coi như xong. Tất cả các nước đi của đôi phương đã bị ngài chặn hết.

Đại quan cười to lên sảng khoái. Con người ai chẳng thế. Cái mỗi phú quý đã trối được tất. Cái

đạo quân bách chiến. bách thắng đó tao sẽ trối hết
từng thằng. Từ đại vương đến sĩ tốt. Hà... hà... Từ
Hải ơi là Từ Hải ! Mi chẳng qua là thằng vô biên,
vô học. Tao đã trối chặt tay chân của mi từ lâu rồi.
Tao đã sắp sẵn vàng ròng, bạc nén, mỹ nữ, đào
nường, tặng cho vợ mi, tặng cho đại tướng của mi.
Tất cả các vị đều đã có phần, đều về phe của tao.
Hàng. Hàng hết. Bây giờ lũ chúng bây nằm trong
rọ của tao rồi.

Đại quan Hồ Tôn Hiến lại cười. Cười chảy cả
nước mắt. Ngài sướng quá. Chưa bao giờ trong cuộc
dời làm quan của ngài sướng khoái như bây giờ. Bỏ
ngó Hàng Châu, tám đạo quân Từ Hải trong rượu
ngon; rút sức lực đạo quân Từ Hải trong những cuộc
truy hoan thâu đêm, suốt sáng. Đại tướng của nó
phì ra, quen ôm ấp đàn bà hơn quen thao luyện
quân sĩ. Sĩ tốt của nó quen uống rượu, cờ bạc, chim
gái, hơn quen phi ngựa, đánh gươm. Thế là chúng
ngại đánh nhau. Chúng phải chọn đường hàng thôi.

Thế rồi ngài tổng đốc ngồi dậy, ngài kiểm tra
lại toàn bộ kế hoạch ngày mai. Tiên lễ, hậu binh.
Quân mai phục khắp mọi ngả, sát thủ không nường
tay. Đợi Từ Hải đến ăn tiệc tận trung, tận nghĩa,
thì nhất tề hạ độc thủ. Các đại tướng của nó cũng
không được bỏ sót một ai. Và điều quan trọng hơn
nữa phải nhớ cho kỹ... phải bắt cho được nàng
Kiều. Nghe đồn nghề chơi của nàng này thuộc bậc
thượng thừa, nghiêng thành, nghiêng nước...

Mặt đất nhuộm đầy mùi tang tóc. Xác người ngổn ngang chất đống. Hấn bò qua bao nhiêu là xác chết. Hấn lết, hấn bò... Hấn tập trung tất cả sức tàn để cố làm được cái sở nguyện cuối cùng. Hấn lết về Vọng Lô thành, nơi cái trống trận còn nằm đó. Từ Hải chết rồi ! Đạo quân bách chiến bách thắng đã tan tành như chiếc lá mùa thu, phơi rải khắp mặt trận Hàng Châu. Tổng đốc Hồ Tôn Hiến mở tiệc ngay trên xác chết của kẻ thù. Hấn là người lính đánh trống trận, hấn phải chết trong tiếng trống. Không thể đào ngũ, phải chết theo cái chí nguyện hồng như máu trong tim...

Hấn đã lợi dụng đêm tối để bò mãi đến đây. Vọng Lô thành đây rồi. Trống trận đây rồi. Bọn tuần canh say sưa men chiến thắng chểnh mảng việc canh phòng. Hấn còn lại chút hơi tàn thoi thóp. Hấn còn lại ước mơ cuối cùng, khua vang lên hồi trống trận...

Đêm qua, tường bị chặt đầu trước khi thất thủ. Bất ngờ hấn được lòi dây, tống ra khỏi ngục tối. Nhà ngục của Hồ Tôn Hiến đã quá chật chội, không cần dung thêm một thằng lính đánh trống làm gì.

Và hấn đã rạ đi từ trong cái đêm tối trời, đau thương đó. Hấn đã kiệt sức khi nhìn cái chết của Từ Hải đứng sừng sững giữa trận tiền. Trời đất

như thuyền rung sụp đổ. Nước mắt hắt trào ra, cổ hắt khô đắng lại. Hắt bèo. Hắt lết. Xác người chết phơi ra, trải đầy trên khắp trận địa phồn hoa.

Và bây giờ, hắt có mặt ở Vọng Lâu thành.

Bóng đêm bỗng trở nên đặng đặng sát khí. Hồn hắt tan trong hồi trống trận. Tiếng trống của đại quân Từ Hải vang lên âm âm như núi đổ... cuốn rít như bão dậy, xé vào lòng đêm, xé vào cõi oan khiên, nhiễu loạn, phi luân, đầy ải. Tưởng như trong tiếng trống vỡ trào đổ, vạn oan hồn của đoàn quân nghĩa tử bỗng bật dậy tìm về hú lên cùng hồi trống trận.

Hàng vạn khuôn mặt của đạo quân Hồ Tôn Hiến xanh tái lại. Hàng vạn ánh đuốc bao quanh Vọng Lâu thành. Hàng vạn cung thủ chỉ về Vọng Lâu thành để chờ tiêu diệt tiếng trống.

– Bớ Hồ Tôn Hiến ! Khát vọng đời đời của chúng tao, không bao giờ và mãi mãi không bao giờ chúng bây tận diệt được đâu !

Tiếng gã đánh, sắc dội vào đêm tối, rền rĩ giữa không gian... Mắt gã như sáng lên... Từ những nắm mồ vô danh trên khắp những miền chinh chiến đã đi qua, gã thấy hàng hàng, lớp lớp tử sĩ đội mồ đứng lên... xếp thành đội ngũ, xông vào kẻ thù. Tiếng trống càng dữ dội hơn, như sấm dậy, xé vang cả đất trời.

(Văn nghệ Quân đội số 4 – 1998)

(Tập chí Cửa Việt tháng 1 – 1998)

GIA PHONG

CA GIAO

Tôi nhận được điện tín của chị bạn cũ báo tin phải đưa con về quê nó gấp.

Trước tin bất ngờ, tôi phân vân suy tính, tôi có nên giữ lời nguyên sống để dạ, chết mang theo, có nên tiếp tục oán hận về nỗi cực nhục của tôi ở nơi ấy, 10 năm về trước.

Tôi bây giờ đang là một phụ nữ thành đạt và có một gia đình hạnh phúc, tôi yêu và kính trọng chồng tôi. Đối với anh ấy, bây giờ không phải là điều bí mật, anh biết rõ nguồn cơn và tôi đã vứt bỏ mọi oán hận, giờ bỗng dưng khơi dậy, lại yêu cầu đưa bé Hậu về, anh ấy sẽ nghĩ sao.

Phải báo với Hiền và tùy anh ấy định liệu, tôi nhủ với mình như vậy.

Buổi chiều, sau bữa cơm tôi đưa điện tín cho Hiền.

Anh chẳng có gì bất ngờ, lắm bầm : nhanh vậy

sao. Rồi anh kê cho tôi nghe cuộc gặp gỡ mấy tháng trước, tình cờ anh gặp Tự ở bệnh viện khi đi thăm bạn, anh và Tự nói với nhau nhiều chuyện.

- Vậy sao ? Anh giấu em à. - Tôi hờn dỗi.

- Là ý Tự, anh ấy yêu cầu không cho em biết sợ em lo. - Hiền giải thích và tiếp : - Mai anh xin phép cho em và con, chuẩn bị đi sớm.

Tôi do dự, anh ôm vai tôi :

- Thôi chuyện chết sống mà tính toán chi nữa.

Tôi nắm tay anh lo lắng : còn thằng Hậu phải nói sao cho nó biết hả anh, với lại em đã thế không đặt chân về nơi ấy nữa.

- Đó là chuyện cũ, còn bây giờ tình hình đã khác, em phải đường hoàng trở lại, vừa để xóa bỏ mặc cảm của chính em, vừa giúp người ta giải tỏa nỗi ân hận. Hơn nữa không ai từ chối nguyện vọng của người sắp qua đời lại là tình thâm ruột thịt. Tự cũng tốt.

- Lúc nào anh cũng là chỗ dựa vững chắc của em. - Tôi ôm chổng, nước mắt chảy.

Anh vuốt tóc tôi, lau nước mắt pha trò.

- Em nên liệu mà kiêng ăn và thể dục, cứ đà này em dựa, chắc anh không đứng nổi.

Tôi phì cười. Bé Hậu chạy vào :

- Gì vậy ba, mẹ ?

- Thôi em đi lấy nước uống, Hậu ở đây ba nói chuyện cho nghe. - Hiền lên tiếng.

Tôi hồi hộp mang nước vào cho hai cha con, Hiền đang ôm Hậu trong lòng.

– Mai hai mẹ con đi về nội.

Hậu vỗ tay : Sướng quá, ủa, ba không đi sao, mà mai chưa phải chủ nhật mà ba. Hậu láu táu ngất lời.

– Ừ ba xin phép cho mẹ và con, đi thăm nội ở Châu Đốc chứ không phải nội Đồng Nai.

– Nội Châu Đốc là đâu, ba ?

Nghe ba nói đã, cứ hỏi lu bu. – Tôi chen vào.

– Đó là bà nội ruột, sau này lớn lên con sẽ hiểu. Còn bây giờ con cứ biết con có hai ông bà nội, hai ba, ai cũng thương con. Mai nầy con về thăm nội và ba ruột, ba con bệnh nặng cần gặp con, con phải thật ngoan, nghe lời mẹ, biết chưa !

– Dạ biết. Châu Đốc xa lắm hả mẹ, chỗ bị ngập nước mà ti vi chiếu đó hả mẹ.

– Ừ xa lắm, khuya này mình đi, con cần ngủ sớm.

Tôi đưa con về giường. Hậu ôm tay tôi nói nhỏ : “Ba Châu Đốc là ba gì hả mẹ ?”. Tôi xoa đầu nó :

– Là ba Tự. – Tôi lúng túng. – Thôi, con ngủ đi.

Tôi trở về phòng, Hiền nằm vắt tay trên trán, thấy tôi, anh dang tay ra đón, tôi sà vào vòng tay anh, rúc đầu vào ngực anh, tôi khóc, những giọt nước mắt biết ơn như cái lần tôi khóc ướt vai anh để tạ ơn anh cứu mạng mẹ con tôi.

Việc tưởng như căng thẳng đè nặng tâm tư tôi, đã được anh cất xuống nhẹ nhàng bằng tấm lòng bao dung độ lượng, tôi yêu anh vì đức tính ấy.

Tôi cảm ơn những cay đắng cuộc đời đã giúp tôi thấu hiểu giá trị hạnh phúc mà tôi có.

Mười năm trước đây, mang nỗi nhọc của cô giáo không chồng mà chữa, làm người đào nhiệm, tôi trở về thành phố, về căn nhà cũ của ba tôi để lại, đang nhờ người bạn vong niên giữ gìn. Căn nhà còn giữ nguyên nếp cũ, gọn gàng tinh tươm vì được chăm sóc cẩn thận, đặc biệt căn phòng của tôi mọi vật vẫn như hồi tôi ở nhà, tất cả đều được phủ nhựa để ngăn bụi. Tôi thật ngạc nhiên trước sự chu đáo của anh chàng thương binh ở trọ nhà tôi : Anh biết về tôi rất nhiều.

Còn Hiền, tôi biết anh lần đầu khi tôi về thăm ba tôi bệnh. Qua ba, tôi biết anh đang ở trọ nhà, rằng anh đã chăm sóc chu đáo ba lúc ở bệnh viện thế nào, rằng anh là sĩ quan từng chiến đấu ở chiến trường Tây Nam, từng bị thương và giờ đang học tiếp đại học.

Ba tôi kể về anh với lòng yêu thương pha lẫn sự ngưỡng mộ, rất hiếm khi ba bộc lộ với ai.

Tôi đâm ra kính trọng anh, biết ơn anh và xem anh như người anh lớn. Rất an tâm, tôi giao ba tôi lại, nhờ anh chăm sóc, trở về nơi tôi đã chọn khi hết phép.

Lần thứ hai, tôi về để tang ba tôi mất. Một lần nữa, tôi, đứa con gái duy nhất của ba tôi, cảm thấy vô tích sự khi trong lúc tang gia bối rối, bởi vì mọi thứ Hiền đã lo một cách chu tất.

Tôi lại là người chịu ơn, lại an tâm giao gởi việc phụng thờ hương khói ba tôi cho Hiền, kể cả tài sản duy nhất ba tôi để lại – ngôi nhà.

Sau này Hiền kết luận : có lẽ anh sinh ra là để ba em chọn làm rể, em chọn làm chồng cho nên có những tình cờ như là định mệnh gắn bó ba em – em và anh.

Tôi tin duyên phận, vì Hiền là bằng chứng duyên phận của tôi.

Hiền làm đúng nghĩa vụ ba tôi dặn lại : giữ nhà cho tôi và chỉ giao lá thư của ông khi tôi thực sự trở về như một người thua cuộc. Lá thư anh giữ hơn ba năm, còn niêm phong.

Trong thư ba tôi đoán rằng, rồi tôi sẽ trở về, tôi sẽ không đạt được hạnh phúc mà tôi đang theo đuổi bởi vì ông biết rằng ông không đủ điều kiện để là thông gia của họ nhà Tự, trở lực vì gia phong tái hiện. Xưa ba mẹ tôi đã vượt lễ giáo để sống với nhau, mẹ tôi bị dòng họ Công Tăng từ bỏ vì không chấp nhận con rể là một nghệ sĩ như ba tôi. Tôi mồ côi mẹ từ lúc năm tuổi. Ba tôi ôm nỗi ân hận suốt đời bởi vì trong một lần làm phim xa, không kịp về khi mẹ tôi sinh khó, em trai tôi chưa kịp ra đời đã

cùng mẹ tôi ra đi. Đoạn đời còn lại ba sống với tình yêu của mẹ và tính cách của một nghệ sĩ tài hoa nhưng không thành đạt. Tôi lớn lên trong mối quan hệ thân hữu và sự yêu chiều độc chiếm của ba. Tôi đã bộc lộ gien di truyền của ba mẹ khi tôi quyết định chọn nhiệm sở tình nguyện theo Tự về xóm núi xa xôi ; bỏ ba, bỏ thành phố, tôi chọn tình yêu của mình.

Ba buồn nhưng không can ngăn, ba muốn tôi được làm tất cả những gì tôi thích, ba sẵn sàng chấp nhận mọi điều dù tốt dù xấu. Ba đã nói với tôi như vậy.

Sau khi đọc thư, tôi day dứt ân hận, tuyệt vọng nên tìm cái chết. Hiền đã dự đoán nên kịp thời cứu sống tôi và cả đứa bé trong bụng.

Khi tôi về nhà, Hiền tự ý dọn ra ở trọ gần đó để tránh điều tiếng. Lại phải thường xuyên chăm sóc cho tôi trong những ngày khủng hoảng. Cho đến khi tôi sinh con, anh đã đóng vai người chồng, người cha tự nhiên như thật.

Anh giải thích không cần làm cho chuyện phức tạp, không đáng. Chỉ cần mẹ con tôi an toàn. Với lý do không nên để thằng bé mặc cảm sau này, anh đứng tên cha làm khai sinh cho nó, cha Hiền, con Hậu. Lúc đó, tôi chẳng còn thiết gì, phó mặc. Tôi chấp thuận mọi ý kiến anh đưa ra với tâm trạng của người chịu ơn.

Chúng tôi đã là bạn của nhau ba năm trời. Hiền luôn đúng mực. Khi tôi đã ổn định cuộc sống bằng vốn Anh văn sẵn có, hoàn toàn bình tĩnh. Hiền lại dọn ra ở riêng một cách tự trọng. Tôi đã quen sự chăm sóc của anh và cũng biết rằng lòng thương hại của anh đã thành tình yêu dành cho tôi, anh vừa dón hậu vừa nghiêm túc... Còn tôi dù cố tỏ ra là kẻ chịu ơn, nhưng cũng không giấu được tình cảm của mình.

Chỉ vì anh trong sáng và cao quý quá nên tôi càng mặc cảm rằng mình không xứng đáng, sợ lợi dụng lòng tốt của anh, tôi tự dần vặt mình. Cho đến khi anh thẳng thắn thú nhận anh yêu tôi và thực sự hạnh phúc khi ở cạnh mẹ con tôi. Rất dè dặt, anh đặt vấn đề, nếu tôi không yêu anh, anh nhận tôi làm em gái, anh hứa giúp tôi lựa chọn hạnh phúc riêng tư, đừng vì chuyện ơn nghĩa mà ép lòng. Tôi đã khóc thật nhiều trong vòng tay anh, mặc cảm ngăn cách của chúng tôi bị xóa bỏ, trở lực về phía gia đình anh nhanh chóng được giải quyết. Chúng tôi thực sự vun đắp tổ ấm của mình. Dựa vào nhau, động viên nhau, chúng tôi vừa làm vừa học, đạt được vị trí xã hội vững vàng.

Tôi sợ ảnh hưởng đến hạnh phúc mà tôi đang có. Ngược lại, Hiền rất tự tin thoải mái, tôi thấy an tâm.

*

* *

Tôi thức dậy khi Hiền gọi, lười biếng và mệt mỏi.

Trong khi tôi loay hoay, anh đã đánh thức và chuẩn bị cho Hậu, – anh dặn mang theo áo ấm vì đi xe đêm lạnh. Trước khi ra cửa, anh hôn tôi dặn dò :

– Anh tin em đủ nghị lực và sáng suốt giải quyết công việc dưới ấy. Đừng hẹp hòi với người sắp chết, đừng cố chấp với người chỉ sống trong lễ thói cũ. Cứ để bé Hậu nhận họ hàng, tổ tông. Đừng sợ, không có quyền lực nào chia rẽ chúng mình. – Em hiểu không. Đừng căng thẳng quá, chuyện gì rồi cũng sẽ qua...

Bỗng dưng tôi muốn có anh đi cùng, tôi sợ mình không đủ sức, không đủ tỉnh táo để tạo tình huống tốt. Tôi vốn dĩ vụng về trong cư xử.

– Hay là chúng ta cùng đi, không có anh, em sợ. – Tôi níu tay anh khẩn khoản, tôi quen được anh nâng đỡ vỗ về. Anh phì cười, đừng trẻ con, anh con công chuyện, chưa thu xếp được. Cứ đi, anh nghĩ mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp. Khi cần gọi điện cho anh. Nếu tiện, anh sẽ đến với em và con, được chưa. Tôi cười như mếu.

Trên xe Hậu ngủ ngon lành, còn tôi cứ thao thức giữa bốn bề chuyện cũ, lúc ồn ào, qua phà, lúc dần sộc vì đường hự.

Tôi cũng kịp nhớ lại hình ảnh thảm hại của tôi ngày xưa. Tôi đã từ bỏ tính cao ngạo để trở thành

nhân nhục cam chịu, van xin họ thương cho tình yêu của chúng tôi. Tôi dám hy sinh cả danh dự khi cùng với Tự toan tính đến nước cờ cuối cùng để đặt gia đình Tự trước sự đã rồi, hy vọng vào niềm mong mỏi có cháu thừa tự của gia đình để được sống bên nhau. Năm năm tôi và Tự kiên trì. Nhưng mọi nỗ lực không vượt qua được khuôn phép mà bà Cả – mẹ của Tự đã đặt ra và đã quyết : Dẫu là cần cháu, nhưng phải là cháu dòng dõi, thứ con thâm lén của loại gái dâm bỏ nhà theo trai, của dòng máu lang bạt kỳ hồ, chỉ làm điểm nhục gia phong.

Nhớ những ngày của một thời tuổi trẻ, nhỏ hình ảnh của Tự học giỏi, đàn hay, hát tình khúc Trịnh Công Sơn trong cuộc giao lưu văn nghệ sinh viên, như là chúng tôi phát hiện ra nhau phải vốn dĩ là của nhau nên sau đó, không thể dời ra trường. Khi Tự tốt nghiệp, tôi cũng đăng ký về nông thôn dạy ngoại ngữ, đó là lý do chính đáng trên danh nghĩa để tôi chọn và giữ tình yêu của mình, theo Tự về quê.

Khi biết chúng tôi yêu nhau, ba tôi chấm điểm Tự 10 trên 10 ở tất cả các mặt. Nhưng ông luôn không an tâm về gia thế của Tự, khi biết nguồn gốc cái tên Thừa Tự mà anh mang lại là kết quả của công cuộc cầu tự qua chín người chị em gái, mẹ anh sinh anh khi đã 45 tuổi. Cậu Út duy nhất của dòng tộc trưởng. Có lẽ sự từng trải và nỗi đau sâu kín của ba và mẹ trước đây được ba kể cho tôi nghe

như là những dự báo cảnh tỉnh. Nhưng tôi nào có hay. Tôi đang yêu mà. Chúng tôi tâm tâm niệm niệm là tình yêu sẽ vượt qua mọi trở lực. Chúng tôi nguyện với nhau như vậy.

Vậy đó, dù tình yêu của Tự có mãnh liệt đến đâu cũng không dám vượt qua khuôn phép gia đình.

*

Xe ngừng ở ngã ba, tôi loay hoay tìm hướng, từ trong quán nước có cậu bé chạy ra.

– Phải xe đến đây tìm nhà cô Diệu không, mẹ cháu bảo ra đón, sợ đi không nhớ nhà. Cháu là Duy nè. Di Thủy phải không ?

Tôi ngạc nhiên hỏi sao cháu biết, nó cười xòa bàn tay ghi số xe của tôi. Nó thành thạo chỉ đường, Quả thật, không dễ dàng tìm lại căn nhà quen thuộc trước đây tôi đã sống. Tất cả đã thành phố lâu, đường đất gồ ghề bây giờ trải nhựa rộng thoáng, biểu hiện dễ thấy ở những nơi đô thị hóa nhanh chóng. Hàng quán, bảng quảng cáo san sát làm cho nó đã có vẻ khu du lịch đắt khách.

Diệu mừng tíu tít khi chúng tôi xuất hiện.

Trong sân nhà đông người nhộn nhịp. Diệu dẫn tôi và Hậu đứng chờ, nhanh nhẩu tiến vào nhà. Nhiều ánh mắt tò mò nhìn về phía mẹ con tôi, Hậu nắm tay tôi sợ sệt.

– Mẹ ơi, bộ nội với ba ở đây hả mẹ ?

Tôi kéo Hậu vào lòng, dặn dò :

– Ừ đây là nhà nội, ba con bình nặng, chút nữa mình vào thăm, con trai phải mạnh dạn, ba dặn ở nhà làm sao con nhớ chưa ?

– Dạ con nhớ rồi.

Xem ra nó dễ thích nghi hơn tôi.

Diệu đi ra với bà cụ tóc bạc trắng, tôi ngỡ ngỡ, rồi nhận ra là chị Hai, chị già quá so với thời gian. Vẫn nhanh nhẹn chị sải bước vượt qua Diệu tiến tới chúng tôi.

– Cô Thủy về đó hả, cả thằng nhỏ, đi vào nhà, má mong lắm vì cậu Út chắc còn nuôi mẹ con cô nên mấy hôm nay cứ lúc mê lúc tỉnh.

Chị cúi xuống ẵm bé Hậu, nó ngỡ ngàng nhưng vẫn ngoan ngoãn không phản kháng.

– Chà, cháu tui nặng quá.

– Chị cho cháu đi, nó giỏi lắm.

Tôi lên tiếng khi thấy chị ẵm Hậu có vẻ nặng nề.

Hậu được thả xuống, thân mật nắm tay chị Hai và tay tôi đi vào nhà. Tiếng chuông mõ từ gian nhà chính vọng ra.

– Cậu Út yếu quá, má biểu cho cậu nghe kinh. – Chị Hai giải thích.

Thấy chị tự nhiên như là thân thiết, tim tôi thất lại. Cũng ở sân nhà này tôi đã bị chị xua đuổi như người ăn xin, day nghiêng : Cái ngữ của cô sao bước được vào nhà của dòng họ này.

Bây giờ tôi đang được mời vào ngôi nhà của họ.
Tôi nên thương hay nên hận ?

Trong gian chính điện, các bàn thờ khói hương trầm mịt, ánh sáng nhờ nhờ, tôi rờn rợn bước theo chị Hai. Phía sau, Diệu vỗ vỗ vai tôi trấn an.

Lùi vào bên trong cánh trái, đèn điện sáng choang, trên chiếc sập gụ gỗ mun Tự đang nằm. Trục điện, ở chiếc trường kỷ bà Cả ngồi canh chừng, hướng ánh nhìn về phía cửa, mắt bà sáng lên khi chúng tôi vào. – Bà già lắm.

– Thưa má, mẹ con cô Thủy đã về. – Chị Hai lên tiếng. – Thưa nội đi con, – chị dúm tay Hậu về phía bà Cả.

– Thưa bà nội con mới về. – Nó bình tĩnh đến trước bà vòng tay cúi đầu.

– Lại đây với bà. – Buông chuỗi hột, bà ôm Hậu vào lòng, mắt hấp háy.

– Cô Thủy ! – Chị Hai gọi nhỏ và ra hiệu cho tôi chờ bà. Tôi bước tới :

Thưa bà.

Hương ánh mắt về phía tôi, bà lên tiếng giọng nhẹ nhàng :

– Cô Thủy đã về, phước đức quá, cô không để bụng, tôi mừng.

Bà đứng lên chậm chạp nắm lấy tay Hậu đi về phía Tự... Lưng bà còng xuống.

– Con đừng sợ, ba con đang chờ gặp mẹ con con. – Bà ra hiệu cho tôi tới gần. Tỉnh táo và tỉnh đạt, bà đặt tay tôi và Hậu vào hai tay của Tự. Bà vuốt tóc Tự.

– Tự ơi, tỉnh dậy đi con, con chờ bao năm nay, giờ mẹ con nó đã về, tỉnh lại đi con.

Tự nằm, hai hốc mắt sâu thẳm nhắm nghiền, khuôn mặt vàng bệch, hơi thở đã nhẹ lẩm, chiếc mền đắp ngang người, nhô cao lên ở phần bụng.

Cơ bệnh đã tàn phá hoàn toàn khuôn mặt thanh tú và thể trạng lực sĩ của Tự ngày nào. Tôi thương cảm, nước mắt rơi.

– Ba ơi, con nè, ba ơi, thức dậy. – Hậu nắm tay của Tự lay nhẹ theo tiếng kêu, nước mắt nó đầm đìa trên mặt.

Tôi hoàn toàn bất ngờ trước hành động của Hậu. Ai dạy nó, cái gì xui khiến hay đó chính là tình huyết thống thiêng liêng ? Bà Cả khóc ngất trong vòng tay chị Hai, mọi người đều khóc. Tôi òa khóc, áp sát tai anh cùng với Hậu lay gọi với ý nghĩ: nếu có sự linh thiêng thì nhất định mẹ con tôi sẽ gọi được anh ấy tỉnh lại.

Tôi cảm nhận bàn tay của Tự ấm dần trong bàn tay tôi.

– Anh ấy tỉnh lại kìa. – Tiếng Diệu mừng rỡ.

Tự thở mấy hơi nặng nhọc rồi từ từ mở mắt.

Chị Hai kịp thời nhanh nhẹn dứt cho Tự mấy

muông sâm để sẵn ở đầu giường. Tự chớp mắt nhìn quanh ngơ ngác. Bà Cả lên tiếng :

– Má đây, má nhờ cô Diệu nhắn mẹ con Thủy về cho con, con vui lên.

Tôi và Hậu khóc vui, anh nắm tay tôi bằng sức lực còn lại, thều thào :

– Tha lỗi cho anh.

– Em không giận anh đâu. – Tôi nói trong nước mắt.

Tự xiết chặt tay tôi, mạnh dạn ra hiệu giúp anh:

– Cho anh nựng con mình.

Tôi hiểu ý kéo Hậu lại gần nâng bàn tay anh sờ khắp mặt bé Hậu, nó khóc gọi ba ơi, ba ơi.

Rồi tôi đưa tay anh áp vào mặt mình, anh như mạnh hơn lên, tự lực nâng được cánh tay, các ngón tay anh nhẹ nhẹ xoa khắp mặt tôi. Ôi, thói quen của những ngày yêu thương cũ, anh vẫn nhớ và tôi đang nhớ lại. – Anh vui lắm, anh biết em hạnh phúc, con mình được chăm sóc, anh yên tâm. Có khi đó là điều tốt. sống với anh, em sẽ không được như thế. – Giọng anh âm vang mạnh và rõ ràng hơn.

– Má và chị Hai đừng buồn. Phần phước của con là vậy. Ráng lo giùm mẹ con con Thủy, đừng câu nệ trai gái mà tội nghiệp chúng. – Anh trần trời.

– Con nghỉ mệt đi, má biết rồi, má ân hận lắm. – Bà Cả lên tiếng.

– Má để con nói cho hết. Phần thằng Hậu, nếu được, Thủy cho nó nhận họ hàng, khi cúng giỗ có điều kiện thì về cho khỏi lạc tổ tông, nên dành cho nó một phần hương hỏa mà không cần đổi họ. Cho anh gửi lời cảm ơn Hiền, anh ấy rất tốt. Còn Hậu nhờ ba nhờ nội nghe con. – Anh sờ soạn khuôn mặt đầm nước mắt của nó.

Anh ngừng lời, thở mệt nhọc.

Tự nhiên, tôi thấy điều gì mơ hồ không thể giải thích, tôi linh cảm rằng anh ấy sẽ ra đi ngay lúc này, khi các ngón tay anh dần dần buông lỏng trong tay tôi và chút hơi giá lạnh bỗng dưng len vào chạy dài theo sống lưng làm tôi rùng mình. Tôi hốt hoảng, lớn tiếng và lay mạnh đôi vai anh.

– Anh ơi, anh ơi, nghe em nói...

Mọi người xúm lại, mắt anh khép từ từ, môi động đậy rồi lịm dần, hơi thở yếu hẳn... Mọi người gọi đều vô hiệu. Bác sĩ tới, các thủ tục cần thiết để xác định ranh giới giữa sự sống và cái chết được khẳng định. Anh có vẻ thanh thản, để lại cho mọi người lo toan phiền muộn của cõi đời. Giải thích thế nào về thời khắc qua. Tôi như rơi vào khoảng không.

*

Bốn ngày bận rộn với chuyện tang lễ đi qua,

mỗi tối, tôi điện về kể lể với Hiền để nghe anh vỗ về dặn bảo.

Đêm nào tôi cũng ôm Hậu để nhớ chuyện cũ, nhớ như hồi niệm, không còn cảm thấy gay gắt, buồn giận.

Bây giờ, tôi cảm thấy thương cảm thân phận của Phụng. Cô ấy đã và đang vất sức thanh xuân của mình để làm thiên chức của người phụ nữ theo mẫu mà bà Cả đòi hỏi ở người con dâu. Ngày xưa, một trong những lý do tôi bị chối bỏ vì tôi gầy gò, không đủ sức sinh con nối dõi, nhưng khi tôi và Tự khẳng định khả năng ấy thì lại phạm vào tội không đoan chính. Đám cưới của Tự tổ chức mấy ngày sau khi tôi bỏ đi, họ sợ tôi vác cái thai đội áo đến phá đám cưới. Điều đã xui tôi làm vậy, nhưng tôi đã chạy trốn. Tôi đã tỉnh ra, biết mình còn danh dự.

Để an tâm, tôi đã kịp tranh thủ đưa Phụng đi khám thai, xác định đứa bé sắp chào đời là con trai. Có lẽ khi nghe kết quả khám nghiệm, tôi là người mừng nhiều hơn Phụng. Mừng cho Tự, mừng cho bà Cả có người nối dõi, mừng cho Phụng hoàn thành được nhiệm vụ đối với nhà chồng. Nhưng sâu kín trong lòng, tôi như cất được gánh nặng, khi Hậu không phải là cháu trai thừa tự duy nhất. Hiền sẽ an tâm hơn. Và tôi sẽ không cạnh tranh với trách nhiệm vô hình : đang giữ gìn người nối dõi duy nhất của dòng tộc.

Buổi tối khi đưa Hậu đến chào từ già, tôi đã kịp

cho bà hay tin mừng về đứa cháu trai đang mong
mỏi.

Bà cảm nhang nhìn sững ảnh của Tự, nói chậm
rãi rành rọt :

– Tự à, vậy là mẹ con mình đã làm xong trách
nhiệm với họ tộc. con an tâm và tha thứ cho má.
Nếu con là má, con cũng không thể làm khác hơn.
May mà mẹ con thằng Hậu về kịp để con gặp mặt...

Lần thứ hai, tôi thấy bà khóc.

Tôi dìu bà trở lại ghế, ân cần nắm lấy tay bà :

– Bà an tâm, hãy giữ sức khỏe và lo cho vợ con
anh Tự, mọi người cần bà. Phần con, khi tới đây,
con đã quên chuyện cũ. Thú thực, con không nghĩ
là sẽ có ngày này. Khi nhận điện tín, con không
biết mình phải làm gì để bước qua lời nguyện của
mình, nhưng chồng con đã khuyên con nên về đây.
Phần bé Hậu, nó vẫn là cháu của bà, con sẽ nhắc
nhở nó về điều này. Chúng con đủ sức lo lắng
tương lai của cháu, bà không phải chia phần hương
hỏa cho nó.

– Nhưng Tự đã trời trần, không nên làm trái ý
nó. – Bà ngắt lời tôi. – Con không nhận, nhưng ta
cứ chia để phần, khi nó lớn, tự ý nó định đoạt.

– Thôi thì tùy bà. Con không dám cãi.

Khi ra về, bà cứ ôm Hậu, dặn dò nhớ viết thư
và về thăm nội, thằng bé cứ dạ và hứa như người
lớn :

- Nghi hè, con nói với ba mẹ cho con về với nội, nội chờ con nghe.

Tôi ứa nước mắt vì sự quuyến luyến ruột thịt thiêng liêng mà tôi hoàn toàn không thể hiểu. Bà đưa chúng tôi tận cửa, nắm tay tôi bà nói nhỏ : "Con có thể gọi má được không ?"

- Má lo giữ sức khỏe, con sẽ cố gắng thu xếp cho Hậu về thăm. - Tôi thật sự thấy thương sự hiu quạnh và tuổi già của bà, tôi ôm lấy bà an ủi.

*

Trên đường về, tôi miên man suy nghĩ, tự thâm tâm tôi lại thấy có cái gì hay ho của nếp xưa dấu cũ mà mẹ của Tự là hiền thân. Bà đã một đời toàn tâm toàn ý, chèo chống để giữ gìn nề nếp gia phong, thực hiện nghĩa vụ gánh vác giang sơn nhà chống một cách tự nguyện thiêng liêng. Theo thời gian, tuổi đời đã dè nặng đôi vai, bà đã già lắm... Tôi mong cho bà vẫn khỏe, vẫn minh mẫn sống thọ hơn tuổi 85 của bà để tiếp tục chống đỡ ngôi nhà. Trong đó, mọi cái đều có khuôn có phép, và bây giờ tôi mong ước nó được tồn tại, được lưu giữ như là chứng nhân của một nét văn hóa dân tộc đã có thời thăng hoa rực rỡ.

Trại sáng tác văn học An Giang, 3-1998

(Văn nghệ số 18, 2-5-1998)

BIẾN KHÚC

BUI VĂN TRỌNG CƯỜNG

“Bòn nơi khố rách, dãi nơi quần hồng.” – Ngày đó, mẹ tôi hay lắm bấm đủ để tôi nghe thấy thế, mỗi khi, thường quăng nửa đêm, bố tôi lại rước về nhà vài ba đào, kếp mà ông tâm đắc trong gánh cải lương đang lưu diễn ở tỉnh nhà.

Với cây ghi ta phím lõm và cây đàn nguyệt không biết có mặt ở nhà tôi từ đời nào, hai tay đàn so dây, rồi song tấu các bản quen thuộc như *Khúc ca hoa chúc*, *Khóc hoàng thiên*, *Lưu thủy*, *Kim tiền*... Sau tuần đàn gây men, đến tuần rượu, và từ rượu sang hát, lúc nào, chả ai hay. Thành lệ, ngồi mép phản, tôi dần mặt, nghe. Song, vẫn không quên việc của mình là, thỉnh thoảng, lại tiếp kẹo, bánh, thuốc, nước cho mấy cô, chú.

Ấm ức, thế đấy, nhưng nằm gian trong, mẹ tôi chẳng bỏ sót câu nào. Bà biết, mỗi bận tiếp khách dầu sớ sai vậy, cũng xén đứt đi của bà tiền lãi hai ba tới phơi mặt bán cháo gà ở chợ hên kia xưa

rap Chấn Hưng. Bà nhin chồng. Đã một nhē. Nhưng bà còn tự chiều mình nữa. Chiều và nhin, ấy là không rên rảm đương khi bán bách. Và chẳng, mẹ tôi cũng thấy tiếng đàn, hát như thảo cỏi họ mình điều gì ?

Thường thì, bố tôi bó gối, nghe, ánh mắt trôi dạt phương nào. Đôi khi, ông cao hứng :

– Cô Hồng Loan, chuyển giúp anh cây nguyệt. – Ông nói với một cô đào, mà hôm đầu, thoát nhin, tôi đã thấy cô có vẻ gì đó khó tả.

Chỉ bám vài cung, lại trao đàn cho người khác, mắt bố tôi hơi sững lại trước gương mặt cô ấy, rồi lảng đi đâu đó. Như thế che giấu điều gì ? Tôi nào biết !

Có đêm lạnh quá, tôi vào trong buồng, nằm với mẹ. Nghe tiếng thở dài bị kìm nén, tôi sờ lên mặt mẹ. Bàn tay tôi ướt nóng. Mẹ tôi khóc thầm. Là nhĩ? Chẳng hiểu ra làm sao nữa. Nghe hát mà khóc, thì nghe làm gì cho khổ. Sáng sau, lựa lúc chỉ có hai bố con ngồi ăn cháo ế đêm qua hôm lại, tôi kể với bố việc ấy. Ông khē cán môi. Lát sau, đội cái mũ nồi xám lên đầu, dắt xe đi làm, bố tôi báo :

– Còn khóc được là còn sướng đấy. Chỉ sợ mai này, ruột gan trở như gỗ đá, chất không ra nước mắt, mới khổ !

Đến thế, thì tôi chịu rồi. Chuyện người lớn, khi thành người lớn, tôi mới hiểu chẳng ?

Năm đó, tôi mười một, mười hai tuổi. Nếu học chiều thì sáng học bài, nấu cơm. Còn các buổi tối phải ra “đỡ mẹ một tay, để mẹ bán chổng hết hàng.” – Mẹ tôi đỡ dành. Việc của tôi chủ yếu là lau rửa bát, đĩa và để ý cho cháy nhỏ lửa nồi cháo trên bếp. Tĩnh lặng, đêm vắng lặng. Có thể nghe môn một những chiếc lá bàng già bạc phước bị gió kéo sà sà trên vỉa hè lát gạch bị năm tháng, nắng mưa và bước chân người bào lồm. Mùa hè còn đỡ, vì có lu tre nô đùa trước cửa rạp hát, tranh nhau vỗ châu châu, dế mèn, lắm khi cả cà cuống ở đâu sà về, chồ đầu vào bóng đèn sáng chói, chứ mùa đông, quanh quẽ hơn nhiều. Ở lễ ngā ba, cách rạp không xa, ngồi vêu mong khách là một xe nước mía nóng, vài hàng ngô nướng, bánh đa khoai... Thu lu bên nồi cháo lăn tăn sôi, tôi đoán chừng: “Chắc giờ mới giữa màn hai”. Vì, nếu sắp sang màn ba rồi, thì thế nào cũng có người ra ăn cháo.

– Ngồi trông hàng mà tai mắt hong hóng tận đầu. Chụm cùi, sắp thêm bát lên chông, rồi vào xem, cho tôi được nhờ. – Mẹ tôi giục, về mặt nứ giữ nét cười. – Đúng là “Rau nào, sấu nấy”.

Quen thói, chẳng mấy đêm, tôi không vào xem “thảo khoán.” Tùy đêm, thưa hay đông khách; và cũng tùy vở, cũ hay mới; nhưng thường là diễn được quãng hai phần ba thời gian, người soát vé kéo rộng cửa, để ai muốn vào xem thì vào. Sau một

hồi chui lủi dưới những hàng ghế hạng bát đóng liền tù tì như những bậc thang gỗ, tôi và lũ trẻ cùng phớt lờ lối dẫn lên phía trên, rồi đang hoang như người có vé, ngồi vắt chân chữ ngũ trên những ghế bỏ trống, hoặc ghế xếp bám dọc theo lối đi hẹp chia phòng khán giả thành hai bên số chẵn, lẻ. Hào hấu trông lên sân khấu, nơi ánh đèn ngồi ngời rọi sáng phòng màn, tôi – lúc thì như đang đi đứng giữa cảnh non xanh, nước biếc; khi lại như ngồi trong lầu son, gác tía: cũng có khi, tôi như thấy mình đứng bên một tháp canh, nơi có thể bắn những mũi tên đến tận cánh rừng xa ngất.

Theo tôi nhớ, thời đó, vở diễn chẳng nhiều nhận gì. Quanh quẩn, chỉ ngần ấy vở : hết *Kiều Nguyệt Nga*, *Chu Du thổ huyết*, *Lã Bố hí Điêu Thuyền*,... lại đến *Mạnh Lệ Quân thoát hài*, *Dưới mái tây yên*... Giờ, thiên hạ ít ai đoái hoài đến rạp hát, mà nhắc lại ngày ấy, chẳng hiếm người xem hát về tháng, hẳn khối vị lắc đầu khó hiểu.

Nhưng, quả thực, sát nhà tôi, bà Phượng bán hàng khô ở chợ tỉnh, có dâu, rế rồi mà vẫn mê mẩn những trò hát xướng. Mua vé tháng, trừ vở mới dựng, bà thường chỉ vào xem một, hai màn; hoặc một, hai cảnh bà thích, rồi ra về. Hàng phố khéo loạn lên là bà già hơi mông, tự xưng đồ đốn, “tân” ấy tuổi đầu mà phải lòng kép Kim Ân non choẹt nhưng tài ca mười sáu câu vọng cổ trần đời, và mỗi khi đồ xuống cung xế, đàn bà, con gái rún hết chân

tay. Đêm nào anh ta không thủ vai, bà xem cho đủ lệ. Tuồng như, chỉ nhằm hít thở bầu khí được ánh đèn và hơi người sưởi ấp để về ngủ cho đầy giấc. Đã không sự lạ : đàn bà mê kép, đàn ông say đào. Ông Quý hói, chủ đại lý thuốc lá Cẩm Thủy, cũng mê xem hát y cái cách bà Phượng. Nghe đồn, ông lần thân vì một đào tơ chỉ tám tuổi con gái út ông. Chính tôi tưởng tận, đêm ấy, ông tung cả năm tiền lên sàn diễn, thưởng cho đào nọ, khi cô dẫn đầu các cung nữ múa hát chúc thọ nhà vua trong vở *Bàng quý phi*, mà vẫn liếc tình với ông. Những tay kéo phong màn, khuôn vác đạo cụ, nấp sau hai cánh gà, liền túa ra, vợ những đồng tiền trịch thượng.

Đấy là chuyện người. Còn tôi, xem lắm, cũng đâm nghiện. Vẫn chỉ là những cảnh ấy, người ấy, tiếng đàn, giọng hát ấy thôi, mà lần nào xem, tôi cũng đều cảm thấy có điều gì mới, hay, khác, lạ. Liệu có phải là trong tôi luôn có một cái gì đó diễn ra đồng điệu với những vở cải lương kia ? Hay là, trong tôi luôn thiếu hụt một cái gì đó mà sân khấu cải lương khả dĩ bù đắp được ?

*

Trong số các đào kép của đoàn Họa mi trắng năm nào, tôi đặc biệt để tâm tới Hồng Loan - cô đào đã đến nhà tôi chơi dăm bảy bận. Xấp xỉ tuổi mẹ tôi, nhưng cô còn thon thả và nôm có vẻ thanh nhàn. Lặng lẽ quyến luyến cô từ một khoảng cách chẳng bao giờ có thể rút ngắn được. Đêm nào tôi

cũng muốn thấy cô múa, hát, khóc, cười, sống những cuộc đời khác – đã qua, hay không có thật mà giống thật – trên sân khấu rõ ràng. Chẳng phải vì cô quá đẹp. Chỉ vì nơi cô có một điều gì đó đã ám ảnh tôi suốt thời thơ ấu nhọc nhằn. Điều gì đó ấy tỏa lan từ vầng trán, sống mũi, hàng mi,... cho đến cả từng ngón tay, hơi thở của cô. Có lẽ, điều gì đó ấy toát ra, nhuộm quện từ toàn bộ thể chất và linh hồn của một người đàn bà gần gũi và cách biệt tôi xiết bao ! Mỗi khi xem cô diễn, tôi như bị hút hết hồn vía, ngay cả hôm cô đóng vai Trung Vô Diệm, mặt bôi đen kịt trong vở *Trung Vô Diệm phá hội kỳ bà*. Ngồi trong rạp, tôi như không nhìn thấy ai, ngoài Nàng. Chỉ mỗi mình Nàng với mỗi mình tôi thôi.

Lúc đã luống tuổi, hay hoài vọng những gì xưa cũ, tôi nghiệm ra mỗi tình đầu tội nghiệp của mình, chẳng sao đâm đuổi được bằng những xáo động mà đào Hồng Loan vô tình đã xới xáo lên trong tâm hồn đại đột của tôi. Đến tận lúc này, tôi vẫn như thấy ngay trước mắt cảnh cuối cùng vở *Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài*. Đôi uyên ương trai tài, gái sắc kia, trên cơi trần không lấy được nhau, đã nguyện thể tái ngộ ở dưới suối vàng. Cảnh này hiển hiện thành hai con bướm trắng rập rờn bay ra từ ngôi mộ lớn đang tách làm đôi. Hồng Loan sắm vai bướm trắng Chúc Anh Đài, bay lên, liệng xuống với đôi cánh mỏng, trong. Khoảng khắc ấy, trái tim

non nốt của tôi thoi thóp đập như chú chim sẻ lạc bị thương. Xót xa đến đôi : giá được chết như thế với Nàng, tôi cũng chẳng đoái tiếc điều gì !

Tuy nhiên, kỳ cục sao, lúc xem Hồng Loan diễn, tôi đau xót, nghĩ rồ dại vậy; nhưng khi tan hát, cô ra ăn cháo, thì trong tôi, chẳng còn vương lại tình cảm nào như ban nãy nữa. Lúc này, cô thuận là một khách hàng thích ăn cháo rõ nóng, rắc nhiều ớt bột, hạt tiêu. Tôi thì hoàn hồn. Và chỉ là thằng bé rửa bát, giúp mẹ bán hàng. Vừa làm, tôi vừa kín đáo nhìn cô ăn. Vẫn vầng trán phẳng lặng, bầu má thoải đều kia, mà sao trên sân khấu, cô gọi ở đâu về vẻ đẹp vô thường, mong manh, dễ tan biến mất ? Mãi thế về sau, tôi không sao hòa nhập làm một được người đàn bà húp cháo súp soap, đôi khi, phải lấy khăn tay lau nước mũi kia với các nàng công chúa, hoàng hậu do cô ấy đóng. Những cảnh tượng tương phản ấy diễn đi, diễn lại mãi, mà cảm giác của tôi không hề suy xuyến. Tôi đã thử không xem nữa, xem sao ? Nhưng, chỉ được một, hai tối, tôi không chịu nổi. Mặt mũi bản thân. Nhạt mồm, nhạt miệng. Không cầm lòng được. Tôi lại vào xem. Song, tôi cũng thấy lạ cho mình: những hôm cô Hồng Loan ốm, không diễn được, hoặc về nhà thăm con, tôi lại chẳng thiết xem hát nữa. Tôi nhớ cô. Và, thương cô. Có một nỗi gì tương tự nỗi lo mẹ đau yếu, nỗi nhớ mẹ vắng nhà. Mà cũng không hẳn vậy. Tôi nhớ, đâu như, có lần có từ

quê xuống, tôi mừng như mẹ về chợ. Dầu bề ngoài, tôi vẫn như không. Dầu tôi chẳng được đồng quà, tấm bánh nào.

Cho tới một hôm, mẹ con tôi sửa soạn dọn hàng về thì, cô Hồng Loan từ trong rạp đi ra, ghé ngồi cạnh bếp lửa đã tàn.

– Em chẳng muốn ăn uống gì đâu. Em đến chào chị với cháu, rồi phải về thu dọn mọi thứ, mai đi sớm. Chẳng biết có ngày gặp lại nhau không ? – Hụt hơi, cô nói, mắt rân rân ướt.

– Sự thể ra sao, cho tôi hay đã nào ? – Động lòng, mẹ tôi gạn hỏi.

Ngồi ngay đó, tôi nghe được hết. Thành thích ngực đập. Mắt sầm tối như từ trong rạp sáng trưng bước nhanh ra phố, đêm cuối tháng, xấu trời. “Ngày mai ! Ngày ngày mai, Nàng đi rồi sao, “công chúa của tôi”, “hoàng hậu của tôi ?” Lẽ nào mọi sự lại diễn ra chóng vánh, đơn giản vậy ?” Tâm trí tôi lùng độn.

Đoàn chuyển đi, mà kín như bưng, mọi người cha hay biết gì. – Mẹ tôi chấp lại chuyện.

– Chỉ mỗi em phải ra đi thôi. Sáng nay, ông bầu Khải gọi em đến, bảo: “Cô thu xếp, mai lên Phú Thọ, giúp đoàn Hương lúa mới ít ngày. Cho cô đi, tôi cũng tiếc lắm chứ ! Nhưng người ta giúp mình mãi rồi, chẳng lẽ làm ngơ, khi họ gặp khó khăn và đích thân trưởng đoàn đến tận đây đề nghị”.

Im lặng hồi lâu.

– Thực lòng, tôi chả biết nói gì hơn là mong cô gặp nhiều may mắn. – Mẹ tôi chúc, dường như trong giọng nói ngùi ngùi, bịn rịn, cũng ẩn chứa một niềm hân hoan khó hiểu.

Có tình cờ không, khi đứng lên, cô Hồng Loan nói nhỏ với tôi:

– Cháu nhớ chào bố, hộ cô nhé ! – Môi cô run run. Gò má cô xúm xít bao nốt tàn nhang nâu tái, chẳng biết do cảm động quá, hay làn da cô vốn dĩ thế sau nhiều năm phiêu dạt và làm mồi ngon cho son phấn ?

*

Nổi gót đoàn Ánh hồng trước đó chỉ trụ lại tỉnh này đâu có vài ba tháng, Họa mi trắng về đây đã ngót năm. Tôi chưa quên, chiều ấy, tan học về, ngang qua chợ, lũ học trò chúng tôi nghe từ xa vọng đến tiếng trống lừng thùng xen lẫn tiếng thanh la loèng xoèng. “A ! Có gánh hát nào mới về, chúng mày đi !” – Hò reo, cầm đầu, chúng tôi đua nhau, chạy. Trước mặt, một đoàn gồm bốn, năm xích lô dẫn dệu dọc phố chính. Xe đầu xếp mấy áp phích bột màu rực rỡ; tám thì vẽ một đấng quân vương tướng mạo phi phàm, quỳ gối, chấp tay trước một mỹ nương đẹp tựa tiên sa ; tám thì vẽ hai kẻ tử thù đối mặt, vung đao, múa kiếm. Xe tiếp theo chở một người cao lớn, đóng vai võ tướng

mặt đen, tay tì đốc kiếm, đứng hiên ngang. Các ông hoàng, bà chúa ngồi đánh trống, khua chiêng trên mấy xe còn lại.

Cũng là đi kiếm cơm thiên hạ, nhưng Họa mi trắng đã vun góp cho tỉnh lẻ này chuỗi ngày ít nhiều sinh sắc. Đêm đêm, vầng sáng trước cửa rạp tràn lan cả quãng phố dài, tối bùng vì lăm tán bàng, ít cửa hiệu, và cũng vì dân tỉnh quen ngủ sớm. Có gánh hát về rạp, thì tôi lại có chỗ chơi. Nhưng điều thiết yếu hơn là, mẹ tôi lại rứt rề nuôi hy vọng “hàng họ sẽ nhúc nhắc để có đồng ra, đồng vào”.

Mặc dầu “lạy giới quanh năm, suốt tháng, tôi nào rạp cũng đông khách”, nhưng mẹ tôi vẫn có mối ác cảm đối với những người hành nghề biểu diễn. Tiện dịp, bà hay chì chiết, những là “đồ xướng ca vô loài” với “quân giang hồ tứ chiếng”. Cứ làm như chẳng biết bố tôi, trước từng chơi đàn cho rạp Văn Lang ở Hà thành thời tạm bị chiếm, không bằng Già Tâm, chi ruột mẹ tôi, từng kể: “Mẹ mày thời còn gái, mê đàn hát hết chỗ nói. Cũng vì mê thế, nên lấy bố mày bằng được, bắt chấp cả nhà, cả họ phá đám”. Có gì đâu, mẹ tôi vẫn định kiến: “Xem thì chẳng sao, nhưng đàn ông theo nghề đó, chỉ tổ hư người, phí đời, chả nên công trạng gì. Rút cuộc, chỉ mua vui thiên hạ.” Thâm tâm, mẹ tôi cho rằng, kéo được bố tôi ra khỏi rạp hát là thắng lợi to. Song, lấy ông ít lâu, bà mới âm thầm thăm sự

bất lực của mình. Buông đàn, làm công chức, bố tôi gần như biến thành người khác. Ông lì xì, u uất, bần gất. Chả còn đâu nét mặt, tiếng cười tươi buổi một thời trai. Của đáng tội, người như mẹ tôi, khó bề cảm thông với cảnh kếp đàn, đào hát đầu mảy, cuối mắt với nhau. Đã thế, thì đừng. Nhưng bà cứ ! “Tuồng rút mất ngòi thì tiết nọc. Ai dè...” – Bà vẫn hồ nghi. Nhưng bố tôi nào có gì đáng gọi là chuyện, ngoài điều hình như ông có cảm mến cô Hồng Loan hơn các cô đào khác trong đoàn chút xíu. Hẳn vì thế, ông không dám mời, và cô cũng ngại đến nhà tôi nhiều, “để khỏi sinh lăm sự khôn lường”, – bố tôi như cố ý nói ra những câu vô tình, bằng quơ đại loại vậy, ai hiểu sao cũng được. Mẹ tôi phần lo làm ăn, phần muốn yên cửa, yên nhà, nên lặng thinh, nghe ngóng. Vậy mà, khi tiếp xúc với cô Hồng Loan, thái độ của bà ít nhiều mềm dịu lại. Bà nói với một khách quen : “Cái nhà cô này, xem ra cũng dễ ưa, tính nết hiền lành, ăn nói nhỏ nhẹ. Chỉ tội lúc nào nom cũng buồn rười rượi. Đời tư chắc có gì uẩn khúc...”

Về sau, khi đã là chỗ tin cậy, cô Hồng Loan chẳng giấu mẹ tôi điều gì, kể cả chuyện túng bán, có lúc phải bán đến cả tư trang. Mẹ tôi với cô chắc chả nhớ đâu, chứ tôi, thì sao quên được...

Sáng hôm ấy, cô cầm một gói nhỏ đến nhà gặp mẹ tôi. Ngần ngừ, rồi cô ngượng nghịu : “Chị ơi, em may cái áo này, màu nền nã lắm. Em mới ướm thôi,

nhưng hơi kích và không nói thêm được nữa. Chị mặc thử, nếu vừa, em chỉ xin chị một nửa...". "Ấy chết, sao lại thế?" "Chị giúp em thôi. Em cần tiền quá. Mai có người ngược, em muốn dồn thành món, gửi cho cháu luôn thể..."

Thấy người lớn nói chuyện mua bán và thử áo với nhau, tôi ra cửa, chơi bi ăn bi với thằng bé cạnh nhà. Thua nhẵn, tôi xô vào buồng, đem ống bơ bi ở gầm giường ra. Một cảnh tượng chẳng thể nào hình dung nổi, diễn ra ngay trước mắt: cô Hồng Loan gần như ở trần, bầu ngực nhúng nhính dưới cái áo con chân mấy lượt vải trắng tinh, trông tựa hai chiếc nón búp bê, đang xỏ tay vào cái áo cánh lụa mỡ gà mà cô kêu chặt, để mẹ tới nhìn. Đến năm đi học vỡ lòng mà vẫn thêm sờ ti mẹ, thì khỏi nói làm gì. Nhưng, kể từ ngày đọc thông, viết thạo cho tới lúc đó, tôi dám thề độc rằng, chưa bao giờ tôi nom thấy cái gì đẹp u mê mà hời làm vậy. Còn sau này, đời sỏi sạn, không hời nữa, vẫn vậy thôi, mà lắm khi, tôi thấy nó chứa đựng cả sự nhục nhã, ế chế. "Vào đây làm gì?" – Mẹ tôi mắng đuổi, dù đã thấy tôi cầm bơ bi hốt hoảng chạy ra đường.

Cứ thế, mỗi lúc một chuyện, tôi chấp nối các sự việc lại để có một hình dung tầm tàm về cô.

*

Thích xem hát từ bé, lúc nào Hồng Loan cũng

ao ước trở thành đào hát. “Chỉ có thế, mình mới được làm công chúa, hoàng hậu.” – Có lần cô kể với mẹ tôi như vậy về ý tưởng ngộ nghĩnh của mình thuở nhỏ. Năm cô mười lăm, mười sáu tuổi, có gánh cải lương từ Yên Bái xuôi về, dừng chân ở Phú Thọ, diễn vài tuần. Ban ngày, cô lân la tới chỗ diễn viên ăn nghỉ, bạo dạn bày tỏ ước muốn của mình. Một kép trai lơ, thấy cô hay mắt, buông lời chọc ghẹo : “Cô nương ơi, đến như kép nhất chúng anh cũng ẽ sừng lên đây này. Chỉ thiếu mỹ nhân rửa bát, quét nhà, dám theo không thì theo”. “Thế cũng được”. – Cô nghĩ. Đùa. Mà hóa thật. Một người về đứng dẫn, dẫn cô đến gặp ông bầu. Ông này nhìn cô như người ta chọn cây cảnh, rồi bảo : “Được. Trước mắt, từ mai, cháu đi chợ, nấu ăn cho các cô, chú trong đoàn giúp bác nhé!” “Trước mắt ? Thế còn lâu dài?” – Cô mừng lẫn lo. Dầu thế nào, với cô, đó cũng là bước ngoặt trong đời. Hôm đoàn cất gánh sang tỉnh khác, cô liền đi theo.

Những ngày sau, cô làm bếp, nhưng “đoảng quá!”. – Vài người ăn uống cảnh vẻ kêu ca. Tuy nhiên, chính họ lại phát hiện ra cô có giọng, nhập tâm nhanh và hát rất chỉnh các làn điệu khó, dù chưa được ai dạy dỗ. Chẳng bao lâu, cô được nhắc lên học nghề. Sau mấy năm chập chững, cô thông dong vào vai chính, trước con mắt ganh tỵ của các đào khác trong đoàn. Các ông bầu cải lương đất Bắc biết tiếng một đào thương trẻ, đẹp mới lên

ngôi, ra sức chèo kéo cô về mình. Đến lúc đó, cô vẫn chưa lập gia đình. Bởi, đã cam kết miệng với ông bầu là, sau khi thành nghề, trong vòng năm năm, không lấy chồng, sinh con, không sang đoàn khác. “Em đến là vất vả mà vẫn không xua hết cánh đàn ông trong đoàn, ngoài đời sẵn đón”. – Cô nói với mẹ tôi. “Đợi hết giao kèo, lấy quách một người cho yên phận. Đã đi nhiều nơi, đã biết lắm người, chả khi nào em tính về quê lấy chồng. Ấy vậy mà...”

Khi đoàn của cô lên Phú Thọ diễn, có một chủ hiệu buôn bán, sửa chữa đồng hồ ở đó mê xem hát. Và mê cô. Yêu chẳng yêu. Ghét chẳng ghét. Cô giữ khoảng cách thân thiện giữa mình với người ái mộ. “Cuộc sống của mình nay đây, mai đó. Sao có thể gần bó với người quanh đời chân chân một chỗ được!” – Cô băn khoăn. Song, mỗi lúc thăm so sánh ông chủ trẻ trai, lịch lãm kia với mấy tay kép buong tuồng, cô lại thấy người đồng hương với cô, quả là tầm tầm đáng giá.

Trong trí nhớ chưa phai của lớp người đứng tuổi, Phú Thọ hồi đó đầy rẫy nhà vách nửa, mái gồ. Và cảnh cháy nhà, chẳng mấy năm là không xảy ra. Chiều hè năm ấy, hỏa hoạn bất chợt bùng lên ở cuối một con phố nhỏ. Đương ăn, thấy khói đen cuộn cuộn bốc lên ở phía nhà mình, Hồng Loan buong bát đĩa, chạy một mạch về, nhìn ngọn lửa nuốt chửng nhưng gì bố mẹ cô tích góp hàng

chục năm trời. Cả nhà đành phải trông cậy vào cô. Chẳng ngờ, nàng Kiều cô nhập vai tài tình trên sân khấu lại khít với vai Hồng Loan trong đời thực. Và người chủ hiệu đồng hồ có mặt đúng lúc. Và cô bằng lòng lấy anh. Để anh đứng ra cất lại cho gia đình cô ngôi nhà khác, nhỏ thôi, ở ngay trên nền đất cháy còn ẩm tro tàn. Anh ta chỉ một yêu cầu : lấy anh, cô phải từ bỏ ngay nghề nghiệp của mình. Cô chấp thuận. Cốt sao cả nhà qua cơn bĩ cực. Ông bầu gánh hát, lúc đầu chưa chịu buông cô, lấy lý do đã tốn bao công sức truyền nghề. Sau, thấy gia cảnh cô quá chừng quần bách thì cũng xuôi ý, nhất là khi nghe chồng chưa cưới của cô hứa sẽ bù đắp phần thua thiệt của ông một cách xứng đáng.

Qua tuần trăng mật miễn cưỡng, cô bắt đầu luyện tiếng âm thanh, ánh đèn sân khấu cũng như một không gian bán dạ nơi phòng khán giả, khi im phắc, lúc hể hả tiếng cười, hoặc tiếng sụt sịt của những người mau nước mắt. Nhưng cô còn biết làm gì hơn, khi cái thai đúng theo kế ước ngày một lớn lên. Mấy tháng đầu, đoàn diễn cầm chừng, tuần đôi ba tối, cô vẫn đi xem, cố nhiên, có chồng đi kèm. Nhưng khi đoàn sang tỉnh khác, cô như chẳng còn chỗ bấu víu. Chồng cô, một công dân điều độ trong muôn sự, cố nín lặng bên cô vợ trẻ, đẹp, được người đời ngưỡng vọng. Dẫu thế, anh cũng chóng nhận ra, anh với cô, vợ chồng đấy, nhưng là hai kẻ “đồng

sàng, dị mộng”. Sắp đến tháng sinh, mượn cơ hay ra huyết, cô nằng nặc xuôi Hà Nội với em gái để chữa chạy, nhân đó, lặn lội đến đoàn đang ở Kiến An. Ông bầu mới, nhạt nhẽo :

– Chúng tôi chưa soạn được vở nào có hoàng hậu sắp ở cử để cần đến cái bụng chứa vượt mặt, thừa cô. – E ác khẩu, ông ta dịu lời. – Cô tạm về đi. Khi nào mẹ tròn, con vuông, nếu gặp lại nhau, ta bàn tính tiếp.

Cô về nhà. Ớm vì chán. Chán vì ồm. Chồng cô xem cô như chỉ vừa mới ra đầu phố ăn quà về. Anh tỏ ra chả có gì đáng phải bận lòng, kể cả việc cô khóc, thú mọi điều.

– Em không lỗi lầm gì hết. Tất cả tại tôi. Tôi cậy tiền mua chim quý, nhốt lồng son. Giờ, em muốn sao cũng được.

Tuy nhiên, anh ta yêu cầu : hai người bỏ nhau thì, con gái là của cô, con trai thuộc gia đình anh, vì đó là cháu sớm đích tôn của dòng họ. Cô “vâng”. Và ông trời quá tình mắt khờ cho cô đưa con gái xinh y mẹ vậy. Gần hai năm sau, để con cho mẹ và em gái chăm sóc, cô lên Bắc Giang tìm đoàn. Phần vì cô đương là “gái một con...”, phần vì bấy lâu chưa lòng được đào thương nào ăn khách, ông bầu nọ nhận cô liền. Ngay tối đó, cô vào vai Tần Hương Liên trong vở diễn cùng tên. Trước công đường, nức lên, nằng khóc. Người xem, và cả

người đóng vai ấy, sao biết được trên gương mặt
đẫm ướt kia, bao lệ vất do diễn xuất, bao lệ ứa cho
đời kiếp mình ?

*

Hôm cô Hồng Loan ra đi, tôi dậy rất sớm, xách
cặp, chạy một mạch ra bến ô tô. Vừa lúc xe nổ máy.
Thoáng thấy cô ngồi ghế cuối, tôi nói với lên :

– Cô Hồng Loan ơi... Cô còn về đây chơi với mẹ
cháu chứ ?

Tôi chỉ kịp thấy cô gật gật đầu. Xe từ từ ra
khỏi bến. Chúi đầu chạy theo, “huych”, tối tăm
mặt mũi, tôi đâm sầm vào một ông, tầm thước
ngang bố tôi, đứng ở mép góc đường quặt, tay cầm
mũ nôi vẩy vẩy chiếc xe ca đang chạy nhanh dần.
Hình như, giữa bụi mờ phát lên, một cánh tay đưa
ra ngoài thành xe, vẩy vẩy lại. Hình như cái mũ
nôi xam xam kia, bố tôi vẫn đội đi làm. Hình như,
hình như thôi...

Xe mất hút. Tôi đâu biết, chẳng bao giờ nữa, cô
Hồng Loan còn có một ngày trở lại xứ này. Nhưng,
hằng đêm, chính cô cũng không biết, cô vẫn quay
về, cái rạp hát bỏ hoang, một mình bước lên sân
khấu, diễn cho riêng tôi xem các vai tôi yêu quý,
xót thương...

Mấy chục năm ròng, khi chợt nhớ tuổi thơ cùng
tình yêu đó của mình, tôi vẫn mong, dấu chẳng dễ
làm gì nữa, một sự ngẫu nhiên cho tôi được gặp lại

cô đào Hồng Loan. Cơ hội trời cho không tự đến.
Mật mừng cái sự ngẫu nhiên...

*

Hôm kia, tôi có lên thăm cậu ruột tôi bị ốm nặng ở Phú Thọ. Các em – con cậu tôi, bảo : “Tối nay, anh đi xem cải lương với chúng em cho vui.” Trong vở diễn, có vai nữ trẻ khiến tôi giật mình nhớ cô đào Hồng Loan thuở ấy, người ngay tỉnh này. “Nữ diễn viên kia có khi là con, cháu của cô cũng nên ?” – Tôi đoán. Lúc giải lao, tôi tìm gặp cô ta để hỏi. Họ chả liên quan gì đến nhau. Chưa thôi, sáng hôm sau, tôi dò dẫm, hỏi han. Mãi rồi cũng tìm được nhà cô Hồng Loan ở phố bờ sông. Người nhà cô cho tôi biết : cô bỏ nghề ngay từ độ phải một mình khăn gói lên Phú Thọ và biết mười mười việc người ta mua bán mình chẳng khác một nữ nô được yêu chiều. Gác ngoài tai mọi lời cầu cạnh, cô ở vậy nuôi con...

Lên đó, họ dẫn tôi vào gian buồng nhỏ, kê dọc cái giường đơn, ngoài dăng tấm màn gió đỏ sùng màu tiết đọng. Một cụ bà từ tóc đến lông mày, lông mi trắng tinh sương, nhưng phấn son đậm rực hết đào cải lương bước lên sân diễn, đánh mắt nghiêng ngả chào tôi. Đoạn, cụ rún chân, lượn tay, đảo người, hát : “Nay chúng em tung bừng liên hoan chúc mừng Chúa công...” theo điệu Khúc ca hoa chúc. Mắt rảo hoành, hết bài múa, cụ quỳ xuống,

giọng còn đầy chất dài từ, nói : "Nay Thánh thượng cho gọi thần thiếp đến, có việc chi không ạ ?" "Dù cố công lay dậy quá khứ ở cụ, cũng vô ích." – Tôi nghĩ. Thời gian – kẻ đồng hành ma mãnh đã ăn bớt, đã ăn xén dần dần, đến nỗi chẳng còn mấy may "một cái gì đó" ở đảo Hồng Loan thời tôi biết cô. "Hoàng hậu của tôi", "công chúa của tôi" đã biến thành người khác. Và chính tôi, từ lâu, cũng đã biến thành người khác.

"Hạnh phúc thay cho những ai có thể khóc được, vì như thế, họ đã được an ủi."⁽¹⁾

(Văn nghệ số 25, 20-6-1998)

⁽¹⁾ Một câu trong *Kinh thánh*

NGỰ Y

NGÔ VĂN PHÚ

Gã được chọn vào làm ngự y, sau lần cứu được hoàng tử Hạo. Số là bữa ấy, Hạo theo Thượng hoàng Trần Minh Tông đi chơi ở hành cung Trấn Quốc, mãi xem hoa, xem cây, Hạo chạy tung tăng đuổi theo một con bướm vàng. Khi bướm đậu, Hạo nhào người đưa tay chớp, bướm vùng bay. Hạo cũng lẫn tòm xuống nước, kịp đến lúc tri hô lên, thì mọi người xung quanh tìm không thấy Hoàng tử đâu.

Quan Vệ úy thuộc dòng Cẩm y, vội thúc hết quân sĩ, cởi áo vệ binh, nhảy òa xuống nước, hàng trăm con người lặn ngụp. Lại loa gọi tất cả thuyền chài đến bữa lưới cũng không thấy tăm tích.

Mãi sau mới có một người lính cẩm y, từ một lỗ cống đơm cá, hai tay ôm lấy hoàng tử áp vào ngực, lên bờ, chạy đến đặt Hạo trước mặt Thượng hoàng.

Minh Tông thốt lên :

- Gọi Trâu Canh ngay.

Trâu Canh là một thầy thuốc giỏi ở thái y viện. Canh là con Trâu Tôn. Tôn trước theo quân Nguyên từ quê bên Trung Hoa chữa thuốc cho tướng lĩnh dưới trướng Trần Nam Vương Thoát Hoan, sau y bị bắt và được tha. Trâu Tôn ở lại kinh đô, làm nghề thuốc, rất có tiếng. Rất nhiều vương hầu bệnh nặng, bệnh nhẹ đều đến chữa. Có người suốt cả buổi già không rời nổi Tôn, hắt hơi, xỏ mũi cũng phải nhờ Tôn trị chữa cho. Trâu Tôn chữa được nhiều bệnh, đặc biệt Tôn lại biết cả khoa châm cứu, nên các con bệnh lại không dứt ra được. Nghề chữa bệnh giỏi đã giúp Trâu Tôn giàu có, lại có cả gia nô, điền sản do các vương hầu nhượng lại cho.

Tôn truyền lại nghề cho con. Trâu Canh láu lĩnh, lanh lẹ, nên các ngón gia truyền, y lý đều tiếp nhận từ cha, rất nhanh và giỏi.

Khi Trâu Canh đến, hoàng tử được lau khô ủ nóng trong mấy lần chăn gấm. Canh đến ôm lấy hoàng tử hút hết màng nước trong mũi. Thượng hoàng Trần Minh Tông chờ bên và hỏi :

- Có cứu được không ?

- Tấu Thượng hoàng, thần sẽ hết sức, may ra cứu được. Nhưng...

- Nhưng làm sao ?

- Hoàng tử thật sự đã chết rồi, phải dùng kim châm đồng thời mấy chục huyệt trọng, để tim đập lại, mạch phục hồi, e sau này liệt dương.

Minh Tông thở dài rồi bảo :

- Thôi được, việc gấp rồi, hãy cứ cứu lấy con ta đã !

Trâu Canh vâng lệnh, dùng kim châm, quả nhiên hoàng tử Hạo nhúc nhích được tay, hồi tỉnh. Cả kinh thành Thăng Long tôn Trâu Canh như là thần y.

Sau buổi ấy, Trâu Canh được ban thưởng rất hậu, được vời vào Thái y viện, về sau chữa bệnh trong hoàng cung rất hiệu quả, được phong đến chức Quan phục hầu, Tuyên huy viện đại sứ kiêm thái y sứ.

Vua Hiến Tông mất, kinh đô mấy bữa nay luôn có chuyện bàn về ai là người kế nghiệp. Có người nói, phe tôn phò Cung Túc Vương Dục Thắng. Người nói, phe của hoàng tử Hạo sẽ được nhiều lợi lộc vì Thượng hoàng Minh Tông vốn rất yêu Hạo.

Trâu Canh hồi hộp hơn ai hết. Nếu Trần Hạo lên ngôi thì chẳng là cậu bé Trâu Canh đã cứu hồi chết đuối ư ?

Ngày nào y cũng cho người lảng vảng ở chỗ các vương hầu, kết liên với các gia thần, gia nô, mời họ ra uống rượu để dò tin tức.

Ngày 21 tháng 8 mùa thu năm Tân Tỵ, chiếu chỉ từ cung Thượng hoàng ban ra, hoàng tử Hạo lên ngôi hoàng đế, niên hiệu được đổi là Thiệu Phong. Trâu Canh mừng lắm, lấy cố là xưng tụng

công đức của hoàng đế mới, mở tiệc ba ngày, mời đủ các vương hầu, cận thần mới của hoàng đế và thượng hoàng đến dự. Các ông này, người nào mà chẳng ốm o bệnh tật, chẳng phải tìm đến Trâu Canh một hai lần. Từ ngày nổi tiếng thần y. Canh nghiêm nhiên là thầy thuốc của các nhà quyền thế, quý tộc. Canh rất lộc lỏi. Những vị thần nắm giữ trọng trách, Canh cứ cung tận tụy, có lúc tự mình xem nước tiểu, xem phân của người bệnh, tự tay sắc thuốc... Do đó, mấy vị quan đại triều ca ngời Trâu Canh không ngớt. Ngay Hoàng thượng Trần Minh Tông, dù luôn luôn ban thưởng cho Trâu Canh nhưng trong bụng cũng không ưng cái tướng lông mày thưa, tí hí mất lươn, môi đầu như mỏ quạ, tướng của kẻ tham lam, thâm hiểm, song vẫn phải dùng Canh. Canh đặc biệt chăm nom riêng cho hoàng tử Hạo từ lúc chết đuối hụt cho đến khi lên ngôi hoàng đế.

Khi đã giàu có tột bậc, Trâu Canh thường ngông ngược không coi ai ra gì, thường ra vào cung cấm buồng tổng, uống rượu ngay cả khi ngồi chờ lệnh vua, lệnh thái hậu. Thượng hoàng lại càng ghét, muốn trừ bỏ, nhưng chưa có dịp nào cả.

Có lúc Trâu Canh còn nhân chuyện bàn về y lý, coi nhà Trần chẳng ra sao. Một bạn cố vị khách lạ, mặc áo nhà chùa, xưng là người quen cũ của Trâu Canh, đẩy cửa vào chơi. Giao du lâu, Trâu Canh cũng chỉ còn nhớ mang máng. Kẻ kia, không xưng

tên thật, không biết là nhà chùa thật hay là chùa giả. Y tăng bốc Trâu Canh như thể là người trời sai xuống để giúp đỡ các người tài giỏi, duy trì đất nước phồn vinh, dân chúng được hưởng thái bình. Trâu Canh lại càng tâm đắc. Canh nói :

- Nhà Trần trước đây đều là các bậc anh hùng hảo hán, như các đại vương thời Nguyên Phong (tức thời Trần Thái Tông), sức lực nghìn người khôn địch, mưu kế có thể đẩy lùi quân Nguyên Mông hàng trăm vạn, còn bây giờ thì...

Khách ngỡ ngàng hỏi :

- Bây giờ thì sao ?

- Bây giờ tuy cân đai, bối tử đầy mình, nhưng gấm lụa là sáng rực, nhưng bên trong thì gân chùng, bắp nhão, ngồi một lúc đã thấy đau lưng mỏi mết, mắt hoa...

- Bệnh đó là bệnh gì ?

- Đó là cái bệnh giàu sang vậy !

- Bệnh giàu sang chữa khó lắm không ?

- Khó mà không khó ! Khó là không chữa nổi ! Vì người đẹp kể bên, tiền ứ trong kho, muốn sơn hào hải vị có gì được nấy. Nếu cứ điều độ mà hưởng, không hám sắc, không mãi vui thì sao mà mắc bệnh được. Đằng này vợ chính, thê thiếp hàng chục người đẹp vây bọc xung quanh, đất nước thanh bình, cuộc vui đầy tháng, trận rượu suốt đêm, một bữa tiệc tước bá một nhà nghèo có thể

sống cả năm, một bữa tiệc tước hầu có thể trả lương một **vê quân** trong một tháng. Không uống thì tiếc, không **hưởng** hương sắc của người đàn bà không chịu **nổi**, bệnh nặng ngay khi khỏe, càng ham hố càng gần kề sự suy nhược, cứu thế nào được !

- Sao thần y vẫn chữa được rất nhiều người quyền quý đó thôi !

- Các vị này háo sắc nên **đều yếu** thận, thận yếu thì tim yếu. Cứ cho dùng các bài thuốc về tâm thận là ổn thôi mà. Còn các đám già thì chỉ thích loại thuốc tráng dương, kích dục ! Ha...ha...ha...

Khách nghe, thấy Trâu Canh quả được chiều chuộng, liền nói :

- **Vậy** là quan ngự y là vương hầu trên cả vương hầu.

Canh nói :

- Hiện nay, ta còn là **àn nhân** của nhà vua. Mà ta đã bám với Thượng hoàng, khi châm cứu cho hoàng tử Hạo rằng cách cứu **sống** này sau sẽ bị liệt dương.

Rồi Canh cười :

- Vua còn cần **đến** ta nhiều lắm. Rồi người xem...

Khách ngắm kỹ Trâu Canh một lúc, uống tàn bữa rượu rồi cáo lui, không để lại tung tích gì.

Truy hồi đám đầy tớ, Trâu Canh chỉ được nói lại rằng già bảo :

- Ta tuy theo cửa Phật, nhưng thích xem tướng lạ. Ngự y đang vượng tướng, nhưng thiên đình có quang u ám, cần đề phòng tai biến.

Trâu Canh cười âm lên và nói :

- Cái thang được bữa rượu no lại còn nói bậy. Nó không biết ta còn làm thầy nó về cái môn tướng số ấy hay sao ?

Du Tông Trần Hạo đã vào tuổi mười lăm. Vua vẫn chưa có con nối. Lại ám ảnh việc mình chết đuối bữa trước, được Trâu Canh châm cứu có thể bị liệt dương, nên vẫn thường băn khoăn lo lắng. Một bận, vua gọi Canh đến hỏi :

- Có phải ngày trước cứu quan gia, người có nói ta sau này gần đàn bà không làm gì được, phải không ?

Trâu Canh thưa :

- Tàu hoàng thượng, đó là điều có dạy trong sách, thần đâu dám bịa ra. Nhưng, việc chữa chạy đều có thể có thuốc.

- Bài thuốc như thế nào ? Vua hỏi.

- Bệnh do hư tổn thần kinh và tuần hoàn, được thức tỉnh lại, mười phần được bảy như hoàng thượng hiện nay, chính là do có đầy đủ thuốc men, sơn hào hải vị, biệt dược mà có. Đó là phúc lớn của

thiên hạ. Nhưng hậu quả cũ vẫn không thể tránh được. Mà thuốc thì oái oăm lắm. Thần nói ra chỉ sợ thánh thượng nổi giận, cho là việc vô luân.

Nhà vua đi đi lại lại trong phòng rồi nói :

- Dù ta được ngồi trên ngai vàng mà không có con trai cũng là mang một đại tội với tổ tiên. Sách chẳng nói : "Bất hiếu hữu tam, vô tự vi đại" đấy ư ? Người cứ nói, chỉ ta và người biết thôi !

- Tâu, muốn thỏa mãn thì hoàng thượng phải cho giết một đứa bé trai, lấy mật của nó, thần sẽ trộn với bột đá kích dương, để bệ hạ uống, đó là thuốc. Còn người để có con, thì bệ hạ phải thông dâm với một người thân mới hiệu quả.

Dụ Tông cau mày nói :

- Sao lại rắc rối thế. Đàn bà ai chẳng thế, mà cứ phải chị ruột hay em ruột mới được ?

Trâu Canh mặt lạnh, trơ ra nói :

- Dạ, tâu, đây là sách nói chú thần đâu dám nói những điều động trời lở đất ấy !

Nhà vua thở dài rồi bảo :

- Thôi được, để ta nghĩ thêm xem đã...

Bẵng đi mấy tháng sau. Trâu Canh chờ đợi, vẫn không thấy hỏi han gì. Cho đến cuối xuân đầu hạ, Trâu Canh mới nhận được một bức thư kín của nhà vua :

"Ta đã nghĩ lại, thôi đành phải dùng bài thuốc

bất nhân của nhà ngươi vậy. Nhưng không nên giết trẻ con, ngươi nên cho người tìm xem ở kinh thành, nếu có đứa trẻ hào chết đột tử, lặng lẽ đến bảo là cứu, rồi bí mật đem đi mổ lấy mật hòa với thuốc đem về cho ta. Thư này xem xong, ngươi phải đốt ngay lập tức !"

Trâu Canh vâng lệnh vua làm. Chỉ nửa tháng sau đã dâng được thuốc. Vua được thuốc, gọi một công chúa đến cho uống rượu say rồi ngủ luôn ở nội điện, mờ sáng cho thái giám khiêng trả về cung. Ít lâu sau, quả nhiên công chúa Thiên Ninh có thai.

Thượng hoàng Minh Tông thấy con gái không có chồng bị mang thai thì truyền đến hỏi. Công chúa cứ thực mà khai. Thượng hoàng nhớ đến chuyện chết đuối của nhà vua hồi còn nhỏ, đáng ruột không biết làm thế nào ? Chỉ thốt lên :

- Thằng Trâu Canh là con rắn độc trong hoàng cung, là thằng quỷ chứ đâu là người.

Rồi cũng lờ đi, không đả động gì đến chuyện của vua và công chúa nữa.

Trâu Canh càng dương dương, tự đắc. Chuyện vua thông dâm với chị ruột để đẻ con, loang ra khắp kinh thành, xì xầm to nhỏ hăng nửa năm sau mới yên. Vua thưởng cho Trâu Canh rất hậu, lại cho tự tiện ra vào hậu cung hầu hạ thuốc thang các cung phi, hoàng hậu, có hôm thức qua đêm trong đó.

Canh đem lòng yêu một cung nữ vốn cùng mình thuốc thang cho hoàng hậu. Một bận, thái giám bắt được hai người đang trần truồng ở chiếc kỷ kê cho Trâu canh hầu thuốc, liền điệu cả hai, trói giải đến mách với Thượng hoàng Minh Tông.

Thượng hoàng vốn ghét sẵn Trâu Canh nói :

- Hạ ngục, giao cho Hình bộ xét rồi chém đầu !

Tin Trâu Canh bị hạ ngục đến tai các đại thần vương hầu... ai cũng giật mình. Gã lão hỗn thật, nhưng nếu giết hẳn đi thì bệnh tật của mình rồi đây ai chăm nom chữa chạy cho, do đó, các tước vương, tước hầu, đều tìm gặp nhau để bàn kế cứu Trâu Canh. Họ chọn ra những người mà Thượng hoàng và nhà vua nể nhất, dâng sớ lên kể công lớn, xin tha tội cho thần y. Họ lại viện dẫn ra những cách đối xử của thánh hiền, để vương thuở trước để thượng hoàng và nhà vua mở lượng hải hà...

Trâu Canh cũng ngầm dâng thư lên Đức vua, nghĩ công mình đã cứu vua, đã cúc cung làm mọi thứ cho vua mà tha tội chết cho. Dụ Tông nhu nhược tìm đến Thượng hoàng mong người bớt giận giảm tội cho Trâu Canh. Trâu Canh lại dút lót bên Viện Hình Sát cố tình dùng dằng việc dựng hình án và xét xử kéo dài thời gian, để Thượng hoàng Minh Tông nguôi giận.

Nhờ các đại thần không xong, Canh lại nhờ đến các bà công chúa vào hàng chị em xa gần của

Thượng hoàng, cứ vài ba ngày lại có một người xin được châu hầu để xin giảm tội cho Trâu Canh. Cuối cùng thì sau ba tháng xem xét, Thượng hoàng Minh Tông tha cho Canh và đuổi người cung nữ về làng.

*

* *

Minh Tông ốm. Trâu Canh lại được gọi vào hầu mạch. Nhìn thấy mặt Canh, Thượng hoàng đã ghét. Minh Tông tự lượng mình không qua khỏi, lại là người không ưa những kẻ ngoắt ngoéo, những trò phép lừa đời. Lúc bấy giờ, Thượng hoàng quyền uy còn rất lớn, nhiều đại thần bàn nhau làm đàn chay, lấy người thế mạng. Vua cho gọi hữu tướng quốc là Trần Phủ, con thứ ba của mình đến hỏi :

- Ta nghe nói làm đàn chay lại cùng người để thế mạng cho ta. Vậy ai định thế mạng đây ? Việc này quan gia (vua) và ông đã biết chưa ?

Trần Phủ tâu việc, thưa rằng hoàng đế và quần thần chỉ do lòng thành mà muốn vậy. Trước khi Phủ vào gặp Thượng hoàng. Vua ngồi túc trực cho gọi Phủ đến dặn : Nếu Thượng hoàng hỏi ai là người chết thay, thì cứ nói là Phạm Ứng Mộng xướng nghị, xin được thế mạng cho Thượng hoàng.

Minh Tông tuy ốm nặng song vẫn tỉnh táo. Ông hỏi hữu tướng quốc :

- Con đọc sách nhiều, có thấy các vị hoàng đế

và thiên hạ đã ai thế mạng mà cứu được người không ?

Trần Phủ cúi mặt không dám thưa. Thượng hoàng lại hỏi :

- Phạm Ứng Mộng cũng có cha già đang ốm phải không ?

Hữu tướng quốc giật mình thú nhận :

- Tâu Thượng hoàng, đúng thế ạ !

- Hãy bảo Ứng Mộng cứ lấy thân mình chết thay cho cha hần. Còn đàn chay thì bỏ đi, không được làm ! Thân linh ta tôn kính tự trong lòng ta là đủ rồi !

Mọi người lui ra. Tướng quốc đành mời người đến xem mạch. Khi nhìn thấy mặt Trâu Canh. Minh Tông quay mặt vào phía trong tường.

Hữu tướng quốc thưa hai ba lần. Ngài mới chịu để Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Trường, ba thầy thuốc giỏi nhất của Thái y viện hầu mạch.

Trâu Canh xem mạch xong, sau hai ông kia, tướng quốc hỏi :

- Mạch của Thượng hoàng ra sao, ông cứ tâu thật !

Trâu Canh làm ra bộ e sợ, khẽ nói :

- Bẩm, mạch của Ngài phiền muộn !

Thượng hoàng nhìn Trâu Canh cười, rồi bảo :

- Ông Trâu Canh ngồi lại đây, nghe ta đọc thơ nhé

*"Chấn mạch hữu luận phiền muộn đa !
Trâu Công lương tể yếu điều hòa.
Nhược ngôn phiền muộn vô hữu yết.
Chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn gia"⁽¹⁾*

Trâu Canh biết thượng hoàng vẫn chẳng ưa gì mình, chẳng qua là nể vợ con, quần thần để cho dằng thuốc thôi, liền lạy mà lui ra.

Canh và hai thầy thuốc ra rồi, Thượng hoàng nói với hữu tướng quốc :

- Trâu Canh dẫu thuốc giỏi nhưng tâm địa kém. Phải dùng thì dùng thôi. Các người nên nhớ lấy !

Mấy hôm sau, Thượng hoàng mất ở cung Bảo Nguyên.

1998

⁽¹⁾ Nghĩa là : Xem mạch nói chỉ phiền muộn nhĩ ?
Ông Trâu thuốc tốt bốc ngay cho !
Ví như' luôn miệng kêu phiền muộn
E chúc thêm vào những mối lo.

HOA SEN TRẮNG

NGUYỄN PHAN HÁCH

Ký túc xá sinh viên chúng tôi ở trong một khu phố ngột ngạt không cây cối, tường xi măng lở loét. Chiều hè oi bức, người như cá nằm trên cạn. Thật sợ mất vía ngôi nhà tầng ký túc giường tầng nhưng nhúc người cởi trần. Có một buổi chiều như thế, tôi nghe tiếng rao : "Ai mua hoa sen trắng". Tiếng rao trong trẻo như gợn gió nhẹ len vào gian phòng nức nội. Ngó ra thấy một cô gái xinh xắn, thanh mảnh, đòn gánh vút cong một gánh hoa sen. Tôi quyết định nhìn phần xôi sáng lấy tiền mua một bông. Sen chớm nở, cánh trắng muốt, nhị vàng lấp ló thơm ngát.

Về phòng, tìm chiếc lọ gốm cắm hoa, tôi cứ liên tưởng vẩn vơ. Hình bóng cô gái vẩn vương gợi nhớ những bông sen trắng, hay là ngược lại, bông sen trắng gợi bóng hình cô.

Bông hoa đem một chút hương đồng quê về với

căn phòng bọn bề quần áo sách vở. Những chàng sinh viên mơ mộng chợt hiểu ra điều đó.

Hai hôm sau, cô gái lại đến. Lần này phòng "phân công" người khác mua.

- Mỗi chiều cô đến đây một lần nhé. - Tôi bảo.

Cô mỉm cười :

- Thường thì người ta mua cả bó 10 bông. Lặn lội đến tận phố hẻm này, chỉ bán được một bông, chả bõ.

Tôi thật sự thất vọng, khi mấy chiều liên không thấy tiếng rao . "Ai mua hoa sen trắng" nữa ! Nắng hè như càng oi bức ngọt ngào hơn. Tôi cầm sách xuống phố, tìm mọi góc vắng, cố nhét chữ nghĩa vào đầu. Nhưng chữ nghĩa cũng ngọt ngào, lộn xộn, không chịu vào cho. Tôi và nó đánh vật cùng nhau một phò. Bỗng tiếng rao . "Ai mau hoa sen trắng" trong vắt như giọt từ trên cao xuống. Giật mình cảm nhận mùi sen thơm ngát đầu đây.

Tôi móc đồng bạc cuối cùng trong túi ra mua. Nhưng không dám hẹn cô ngày mai trở lại. Làm gì còn tiền. Đúng lúc tôi biết thân biết phận, chẳng mong đợi nữa thì cô lại đến đều đặn. Có hôm, từ sáng sớm, những bông sen vừa hái dưới đầm lên còn đọng sương. Sao cô bảo : lặn lội đến phố hẻm này, chả bõ... Tôi nhìn ánh mắt cô, đọc được cái gì đó trong treo, hồn nhiên, vui thích mỗi khi đưa hoa cho chúng tôi.



Mùa hạ có bao nhiêu ngày nhĩ. Và mùa sen đến bao giờ thì tàn. Bẵng đi mấy tuần, không thấy tiếng rao : "Ai mua hoa sen trắng", giật mình nhìn lên, thấy trời đã sang thu tự lúc nào. Nắng vàng óng, mây xanh ngắt. Sang thu thì làm gì còn hoa sen. Thảo nào không thấy bóng cô gái. Tôi buồn buồn cái gì không rõ rệt. Sương thu làm cho tôi buồn hay sao. Đúng là tại sương thu thật, mù mịt đầy trời...

Một buổi sớm, tôi đi dạo lang thang trong nắng thu, thì lại gặp cô gái. Cô đi bán lá sen. Những bó sen ép chặt đầy quang.

- Hết mùa sen rồi hả cô ?

- Ừ, hết mùa sen rồi. Chỉ còn lá.

Mùa thu, mùa cốm mới. Những hạt cốm xanh biếc gói trong mảnh lá sen xanh ngắt, buộc sợi rơm vàng. Lá sen thơm, cốm thơm, sợi rơm cũng thơm.

Những cô hàng cốm tranh nhau mua lá sen của cô. Lá sen tươi như còn ẩm hơi sương. Còn thừa một chiếc lá, cô lấy che dầu. Nắng thu vàng chói làm má cô đỏ rực nẻ căng.

Tôi xin chiếc lá. Bẻ những mẩu cuống nhỏ. Cuống gãy, tơ sen lướt thướt như tơ trời.

- Nhà cô có đầm thả sen. - Tôi hỏi.

- Vâng.
- Đầm rộng và trong không ?
- Đầm sen nào mà chả trong.
- Bao giờ cho tôi về chơi, bơi đầm sen nhé !
- Mời anh.
- Sợ thầy mẹ em không ưng.

Những mảnh tơ sen dài lướt thướt quấn quít ngón tay tôi. Tôi và cô gái đã quen nhau. Rồi cô nói chuyện về chiếc đầm sen trước cửa nhà mà cha cô hồi trẻ đã đào để thả sen nuôi cá. Hoa sen góp phần nuôi sống cả nhà. Mùa hạ bán hoa. Mùa thu bán lá. Cuối thu bán gương sen. Mùa đông bán hạt sen già để làm mứt tết.

Có cho tôi ăn những chiếc gương sen, trong những lần gặp sau. Hạt sen non ngọt thơm, tan trên đầu lưỡi. Nhưng tôi vẫn chưa có dịp về chơi đầm sen. Cô bảo : - Anh biết chèo thuyền nan không ? Mùa hè, thuyền ngấp trong lá và hoa. Đầu thu, thuyền trôi trên những cánh hoa sen rụng bồng bềnh trắng mặt đầm. Tôi nghĩ, bao giờ học xong, cầm bằng tốt nghiệp trong tay, tôi từ trường đi thẳng tới đầm sen.

Tôi mong mong đợi đợi mơ hồ.

Thời gian dần trôi. Có một hôm tôi lại giật mình. Bởi mùa hạ mới lại đến rồi. Hóa ra tôi đã sống qua suốt một mùa lạnh. Mùa lạnh đã lâu lắm tôi không gặp có gì. Nhưng mùa hạ đến tức là hoa

sen đã nở. Tôi nhìn lịch, càng bàng hoàng khi nhận ra, vào cỡ này, hoa sen đang rộ. Tại sao không thấy cô gái đến. Chiếc lọ gốm năm ngoái vẫn nằm chổng trơ dưới chân giường, chẳng ai ngó ngang. Tôi cũng không khêu chuyện hoa sen năm ngoái làm gì, sợ cả bọn trách móc. Chúng mà nhớ ra là chúng trách cô gái thật đấy.

Chiếc lọ gốm không có hoa sen đến mùa hạ thứ hai thì bị một cậu nào đó đá vỡ. Vỡ ném ngoài bãi rác. Tôi cũng chả ngồi đếm mùa hạ mùa thu làm gì nữa, vì cô gái đã biệt tăm.

Tôi đã thi tốt nghiệp, và ra trường. Do trình độ Anh văn khá, được tuyển vào làm cho một Hãng đầu tư của Nhật, lương cao. Bây giờ, mỗi ngày tôi có thể mua cả bó sen trắng đẹp nhất để cắm, nhưng không hiểu sao, chẳng thiết. Một hôm tôi có nỗi buồn. Do sai sót tý chút trong kỹ thuật, tôi bị ông chủ mắng chửi, dọa đuổi việc, và giờ thẳng tay tát một cái vêu má. Khi cơn thịnh nộ của ông ta lui, tôi mới hoàn hồn.

Ra khỏi văn phòng, tôi đi lơ vơ trên đường phố, thăm thía nỗi nhục nhã. Biết lấy gì để xua nỗi buồn. Phương pháp cổ điển : rượu và gái ! Tôi vào một quán karaôkê sang trọng. Tôi đâu có giọng hát. Nhưng mà cái giống karaôkê loa vọng lên réo rất, nghe cũng xuôi tai. Vô tình bật đúng bài "Hoa sen trắng", tôi gân cổ hát :

*Em gái nhỏ ngày xưa
Xuống đầm hoa sen tắm
Trắng muồn trong nước xanh
Giữa rừng hoa sen trắng*

*Em cũng thành bông sen
Trắng ngọc ngà tinh khiết
Cùng mở nhị ngát hương
Giữa trời xanh nước biếc.*

*Thu đèn hoa sen tàn
Nhị vàng rơi lá tả
Đời em cô gái nhỏ
Có mùa thu không em.*

Trong ánh đèn mờ mịt như sương thu, một cô tiếp viên vào rót cho ly rượu Mác ten, nâng tận môi. Ngật ngưỡng tôi vừa nhấp rượu vừa hát, giọng khàn khàn vệt đục. Vừa hát vừa vuốt ve bờ vai để trấn mát rượu của cô gái. Cô cúi sát hôn vào cái má bị tát sưng vếu của tôi. Không thích các cô tiếp viên hôn, tôi né tránh. Nhưng mát sát mát, làm tôi giật mình ngỡ ngợ. Với tay bật đèn sáng, tôi chết sững, cô gái cũng chết sững. Đó chính là cô gái bán hoa sen trắng ngày xưa.

- Có lẽ nào...

- Vâng, có lẽ nào...

Cô gái cúi gằm mặt rất lâu. Nhưng hình như cô

đã uống vài ly. Còn tôi thì đã bông bênh. Các món ăn tiếp tục bày ra. Toàn thứ quý giá đắt tiền. Cua bể, chim quay, nấm nhồi thịt. Cô gái với tay tắt công tắc đèn. Căn phòng lại chìm trong khói thuốc lá mù mịt.

*Em gái nhỏ ngày xưa
Xuống đầm hoa sen tắm*

Tôi tiếp tục cất giọng khàn khàn. Bàn tay trần ngập cảm giác êm ái do làn da thiếu nữ căng tròn đem lại. Cô gái ôm lấy tôi, run nhè nhẹ. Tôi cũng ôm lấy cô.

Chúng tôi vừa hát, vừa ăn, vừa uống, vừa hôn nhau. Đôi môi son phấn của cô thơm thơm. Nhưng có lúc tôi bất chợt nếm thấy vị mặn chát. Cái gì vậy? Món ăn nào để lại hương vị ấy trên môi cô mà lạ thế.

Cô gái chùi nước mắt. Và rồi lại nhoen cười. Nụ cười dù cố gắng mấy cũng không giống nụ cười cô gái bán sen ngày xưa.

Bồi bàn bưng vào món ăn cuối cùng, trình trọng giới thiệu : "Xin mời anh nếm "*Kim Chi Ngọc Diệp*". Cô gấp cho tôi những cọng dài dài trắng trắng như ngó cần, vị chua ngọt. Chán mọi thứ béo ngậy, món này ăn nghe được.

Lúc thanh toán, nhìn hóa đơn món "*Kim chi Ngọc điệp*" đắt cắt cổ. Chẳng biết nó là cái gì.

Buổi karaôkê kết thúc, tôi vội vã chia tay cô

gái, sau khi để lại số điện thoại. Ngay tối ấy nghe giọng cô ở đầu dây. Mọi xao động bàng hoàng đã đi qua, chúng tôi bình tĩnh trò chuyện cùng nhau.

- Sao em bỏ đầm sen, bỏ những bông sen trinh trắng đi làm tiếp viên ?

- Sao anh dám vào quán karaôkê uống rượu ôm gái ?

- Những bông sen trắng của tôi bây giờ đâu.

- Làm gì còn sen trắng nữa.

- Đầm sen đâu ?

- Cũng chẳng còn đầm sen nữa.

- Thế là thế nào ?

- Anh có nhớ hương vị của món kim chi ngọc điệp ?

- Sao không ...

- Chua, ngọt phải không anh ?

- Ừ, chua... ngọt...

- Có đắng không ?

- Không.

- Với em thì nó đắng lắm đấy.

Máy điện thoại bị gác giữa chừng. Tôi với cô gái nghĩ cho cùng, người đứng nước lã ! Nhưng ơ hay, sao đầu óc tôi cứ vương vấn hình cô. Hình bóng bông sen trắng muốt đầm sương ngày xưa không chịu nhường cho hình bóng người nữ tiếp viên son phấn bây giờ... Cho đến một hôm, tôi chủ

động gọi điện hẹn tới công viên. Hai người ngồi bên ghế đá giữa vạt hoa cúc vàng đầy bướm bay.

Cô gái thút thít khóc. Tôi chùi nước mắt cho em, nghe em kể chuyện. Hóa ra những ngày tôi hoài công mong đợi tiếng rao : "Ai mau hoa sen trắng" lại chính là những ngày đầy biến động của đời cô. Quen thuộc các nhà hàng khách sạn do đem hoa đến bán, cô được người ta gợi ý bán cho họ nguyên liệu để làm món "Kim chi ngọc điệp". Giá cao lắm. Đắt bằng mấy chục lần so với hoa sen. Kim chi ngọc điệp, đó chính là các ngó sen. Cô đã lặn hụp dưới đầm vật trụi hết lứa mầm sen này đến lứa ngó sen khác.

Có làm hăm hở. Tiễn đến ngay một lúc, rất nhiều mà chớ phải chờ cây sen hứng từng ngụm nắng giọt sương để trở lá đâm hoa. Các nhà hàng hối thúc cô. Món "Kim chi ngọc điệp" lạ miệng được khách thừa rượu thịt ưa chuộng. Mầm sen ngó sen cũng chả kịp mọc với cô nữa, chứ đừng nói đến hoa sen. Hoài hời cho tôi đợi tiếng rao "Ai mua hoa sen trắng". Ngó sen, mầm sen bị triệt hạ đến mức cho đến một ngày kia đầm sen của cô đã chết hẳn, chỉ còn lại chiếc đầm đầy bùn và xác rế sen.

Nhưng dù đầm sen đã chết, cô cũng chẳng cần. Bởi vì trong những tháng năm lui tới các nhà hàng khách sạn bán ngó sen, mầm sen, cô đã lọt vào mắt một "bà chủ". Bà nhìn thấy hương sắc như bông hoa sen trắng của cô. Tiễn, vàng, đô la, áo quần

nhung lụa, phấn son, tiếng nhạc, ánh đèn màu và điệu nhảy vanxơ êm ái của các chàng trai giàu có hào hoa phong nhã đã quyến rũ cô. Cô từ bỏ chiếc đầm sen đã chết nơi quê nhà, từ giã người cha già suốt ngày ngồi tựa cửa sưởi nắng để ra thành phố.

Và chính vì thế mà tôi đã gặp cô trong quán karaôkê trong cái ngày bị ông chủ tát vêu mặt...

Chia tay cô gái, lòng tôi bình lặng, đứng đưng. Giữa thành phố xa lạ này, tôi quen một cô gái xinh đẹp. Chẳng cần phải tốn tiền vào quán, chỉ cần nhấc máy điện thoại là có thể gặp nhau. Bờ vai trần của cô mát rượi như trăng rằm. Và trong lòng cô chắc vẫn dành một góc trong trẻo cho tôi.

Tôi được lợi quá rồi. Còn hờn trách cái nỗi gì ?

Vậy mà sao lòng cứ rọi buồn nuối tiếc. Mỗi mùa hạ đến, nhìn thấy hoa sen trắng lại sưng sờ.

Đại Yên 1-1998

MỤC LỤC

Trang

1. Hà Nội lúc không giờ	- Bảo Ninh	5
2. Thủy tiên	- Dương Duy Ngữ	45
3. Mưa ẩm tháng giêng	- Nguyễn Quang Thiều	60
4. Lời hứa của thời gian	- Nguyễn Quang Thiều	75
5. Phiên chợ tết	- Hoàng Đình Quang	91
6. Quanh một bàn tiệc	- Đỗ Chu	102
7. Bạn viết cũ	- Nguyễn Khải	118
8. Nẻo về	- Phạm Đình Trọng	130
9. Những tình khúc mờ côi	- Lê Đạt	150
10. Thương cả cho đời bạc	- Nguyễn Huy Thiệp	161
11. Một chiều giông gió	- Ma Văn Kháng	182
12. Suối mơ	- Ma Văn Kháng	204
13. Lời chào ở ngưỡng cửa	- Lê Minh Khuê	228
14. Người di chuyển tắc xi cuối ngày	- Bảo Vũ	240
15. Niệm khúc	- Bảo Vũ	256
16. Tiếng trống trận	- Thái Đào	276

17. Gia phong	- Cự Giác	288
18. Biến khúc	- Bùi Văn Trọng Cường	306
19. Ngự y	- Ngô Văn Phú	325
20. Hoa sen trắng	- Nguyễn Phan Hách	338

TRUYỆN NGẮN HAY 1998
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGÔ VĂN PHÚ

Biên tập : NGUYỄN PHAN HÁCH

Vẽ bìa : ĐINH XUÂN DŨNG

Sửa bản in : NGỌC LUẬT

In 1000 cuốn, khổ 13x19cm

tại xưởng in Nhạc viện Hà Nội

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 2/668/CXB

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 1998

TRUYỀN NGÂN HAY 1998

NGUYỄN HUY THIẾT

Thương cá cho đời bạc

MA VĂN KHÁNG

*Một chiều giếng gỗ
Sụt m*

NGUYỄN QUANG THIẾU

*Mưa âm thầm giếng
Lời hứa của thời gian*

LÊ MINH KHUÊ

Lời chào ở ngưỡng cửa

LÊ ĐẠT

*Những cánh khác
mở chi*

CA GIAO

Gia pho

BÀO VŨ

*Người đi chuyến
lưu xi cuối ngày
Niệm kh*

NGÔ VĂN PHÚ

Nguy

THÁI BẢO

Tiếng trống tr

NGUYỄN PHAN HẠ

Hoa sơn tr

BẢO NINH

*Hà Nội
lưu không g*

ĐỖ CHU

Quanh một bàn t

BÙI VĂN

*TRÔNG CƯỜNG
Bữa kh*

HOÀNG ĐÌNH QUANG

Phấn cho Tết

PHẠM BÌNH TRỌNG

Nỗi r

NGUYỄN KHAI

Bạn một v

DƯƠNG DUY NGŨ

Thầy c